



N WILLIAM SAROYAN

người Cò Trái Tim Trên Miền Cao Nguyên

 NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ

**Người Có Trái Tim Trên Miền Cao Nguyên
Và Những Truyện Ngắn Khác**

Tác giả: **William Saroyan**

Dịch giả: **Huy Tường**

Nguyên tác: **The man with the heart in the highland**

Nhà xuất bản: **Nxb Văn Nghệ TP.HCM**

Số trang: **284**

Hình thức bìa: **Mềm**

Kích thước: **13,5x20,5 cm**

Ngày xuất bản: **08 - 2007**

Trọng lượng: **240 gram**

Giá bìa: **35.000 VNĐ**

Giá bán: **35.000 VNĐ**

Đánh máy: **tumbleweed**

Nguồn: **tumbleweed – vnthuquan**

haian14_5@convert *prc

Giới thiệu

William Saroyan (1908 – 1981) ra đời và lớn lên ở Fresno, California, Hoa Kỳ, trong một gia đình nhập cư từ Armenia. Ông vào đời với nghề bưu tá rồi dọ dẫm viết văn. Truyện ngắn đầu tay *Chàng Trẻ Tuổi Gan Dạ Trên Chiếc Đu Bay* (The Daring Young Man on the Flying Trapeze) được đăng ngay trên tạp chí chuyên về truyện ngắn Story vào năm 1934. Và ông là người mà, chỉ sau một đêm, thức dậy và thấy mình quá nổi tiếng! Truyện được giới phê bình văn học nồng nhiệt ca ngợi, và điều đó thúc đẩy ông liên tục viết, viết mạnh và xuất bản. Tập truyện ngắn *Người Có Trái Tim Trên Miền Cao Nguyên* mà các bạn đang cầm trên tay, có truyện ngắn đầu tiên tuyệt vời ấy.

W. Saroyan viết nhanh với một bút lực vững mạnh và thuần nhất, đã xuất bản trên 1500 truyện ngắn, 12 vở kịch, 10 tiểu thuyết và 3 tự truyện. Phần lớn các tác phẩm được xuất bản khi ông đã ngoài tứ tuần.

Ngoài những truyện ngắn nổi tiếng, ông còn có những tác phẩm lừng lẫy như *Tên Tôi là Aram* (My name is Aram, 1940), tiểu thuyết *Hài Kịch Nhân Gian* (The Human Comedy, 1943), và hai vở kịch gây nhiều chú ý nhất là *Trái Tim Tôi Trên Miền Cao Nguyên* (My heart is in highlands) được chuyển thể theo truyện ngắn chính trong tập này, truyện mà theo ông thì "Nếu phải làm cái gì như một Thánh kinh của đời sống thế kỷ 20 – quy tụ những tuyệt phẩm của tất cả các nhà văn thế giới hiện đại – thì truyện ngắn này hẳn xứng đáng có một chỗ trong tuyển tập đó", và *Thời Của Đời Bạn* (The time of your life) được trao giải thưởng Pulitzer danh giá, nhưng ông đã thắng thưởng từ chối vì khinh miệt những giá trị thẩm định nghệ thuật của "bọn người giàu có".

Truyện ngắn của Saroyan được viết một cách dễ dàng, viết từ bất cứ sự việc tầm thường trong đời sống, mới đọc lên sẽ thoáng nở nụ cười nhưng liền sau đó sẽ cảm thấy xót xa và cay cay trong mắt, ấy

chính vì tính chất trào lộng mà bi thiết từ cái nhìn của người dẫn chuyện.

Là một tác giả phương Tây, nhưng ông luôn có cái nhìn về cuộc đời như một nhà hiền triết phương Đông, thâm cảm về lẽ hư phù của cuộc sống, và cho rằng mỗi chúng ta chẳng qua chỉ là những khách bộ hành tình cờ đi ngang qua trái đất quanh hiu này, và thế đấy, "chúng ta đến, chúng ta nô đùa qua lại, và chúng ta bị quên lãng!"

Các nhân vật trong truyện của W. Saroyan, nếu không là nhân vật xưng Tôi (thường là một chàng trẻ tuổi hay là một nhà văn) thì nhiều nhất vẫn là những trẻ con. Trẻ con xuất hiện khắp nơi và chúng cho phép ông được nhìn ngắm thế giới này theo một kiểu khác biệt, như quy tắc sáng tác mà ông tự đặt ra cho mình "Hãy quên hết mọi tác giả trên đời và viết theo cách mà bạn yêu thích nhất – Thế nên, bạn sẽ không phải ngạc nhiên khi gặp những tình huống kỳ lạ, những phản ứng khác thường ở các nhân vật. Tất cả chỉ để bộc lộ một cảm giác bất an, bơ vơ và hoang mang của con người trong một thế giới xa lạ, dị biệt hoặc nằm ngoài khả năng phán đoán và học hiểu của họ.

Cái tâm trạng đó thường gặp nhất có lẽ ở những người di dân, những con người luôn khắc khoải, luôn thương nhớ về một quê nhà xa xăm, đầy tín cẩn và xúc cảm, khác hẳn với những lạnh lùng mà họ đang sống, đang gắng hoà nhập. Tâm trạng này rồi sẽ và đã trở thành quen thuộc với những tác giả xuất hiện từ cộng đồng thiểu số trên đất Mỹ trong những thập niên kế tiếp. Nhưng điều đó không hề có nghĩa rằng tác phẩm của ông luôn đeo nặng một bầu khí bi quan, mà hoàn toàn ngược lại.

Có lẽ, chính vì nhìn cuộc sống qua con mắt của trẻ con mà tác phẩm của W. Saroyan tràn ngập niềm hân thưởng cuộc sống, bất chấp và vượt qua mọi trắc trở hay khổ đau của cuộc đời. Ở đó, nhẹ nhàng và bàng bạc những mách bảo, những minh triết về một cuộc sống sao cho trọn vẹn, say mê, hứng khởi miệt mài, cho dù bạn đang là ai: một phận người đói lạnh, một gã lang thang thất nghiệp, một nhà văn..

Năm ngày trước khi lìa đời vì nạn chứng ung thư, ông còn trò chuyện với các phóng viên Associated Press rằng "Ở đời, ai rồi cũng phải chết, nhưng tôi vẫn luôn tin rằng sẽ có một ngoại lệ cho riêng mình, William Saroyan".

Xin mời bạn đọc đi vào thế giới của Người Có Trái Tim Trên Miền Cao Nguyên qua bản Việt ngữ ít nhiều thi tính và tự thở tìm xem ở riêng mình một "ngoại lệ nào cho William Saroyan".

Chương 1

Người có trái tim trên miền cao nguyên

Khởi viết vào khoảng tháng tám năm 1935, sau chuyến đi Châu Âu lần đầu tiên, tôi cho đây là một trong những truyện ngắn hay nhất của văn chương Hoa Kỳ. Truyện phóng khoáng, nhẹ nhàng, linh hoạt, độc lập, mới mẻ, dị thường mà chân thật, ngộ nghĩnh mà lịch duyệt. Nếu phải làm cái gì như một Thánh kinh của đời sống thế kỷ hai mươi – quy tụ những tuyệt phẩm của tất cả các nhà văn thế giới hiện đại – thì truyện này hẳn xứng đáng có một chỗ trong tuyển tập đó. Đặc biệt, tôi tiến dẫn truyện này cho những nhà văn chưa xuất bản hoặc đã xuất bản quá nhiều, vì tôi tin, nó sẽ cho nhà văn chưa hề xuất bản thấy rằng phải bắt đầu ra sao, và nhà văn xuất bản quá nhiều rằng chính loại văn giản dị nhất sẽ là những gì tuyệt hảo và chân chính nhất. Ba mươi ba năm sau khi truyện được viết ra, tôi thấy lẽ ra tôi không nên viết nó, mặc dầu nếu có một người nào đó viết thì tôi hài lòng hơn. Truyện viết, nó sẽ tồn tại và sống đời riêng biệt.

Năm 1914, khi ấy tôi chưa đầy sáu tuổi, có một ông già đi dọc xuống đại lộ San Benito, thổi một khúc độc tấu bằng kèn và dừng lại trước cửa nhà chúng tôi. Tôi chạy ngay ra ngoài sân, đứng chờ bên bờ giếng, đợi xem ông thổi lại lần nữa, nhưng không. Tôi nói, Cháu thích nghe bác thổi một bản nữa quá, và ông già nói, Nay cậu bé, cậu có thể rót một ly nước cho một ông già mà trái tim không ở đây, nhưng ở tận miền cao nguyên, được chứ?

Tôi nói, Cao nguyên nào?

Ông già nói, Cao nguyên Scotch, rõ chưa?

Tôi nói, Thế trái tim bác đang làm gì nơi miền cao nguyên Scotch?

Ông già nói, Trái tim ta đang đau khổ ở đó. Cháu rót cho ta một ly nước lạnh được không?

Tôi hỏi, Chứ má của bác ở đâu?

Ông già nói, Bà cụ của ta ở Tulsa, Oklahoma, nhưng trái tim bà thì không ở đó.

Tôi hỏi, Thế tim bà cụ ở đâu?

Ông già nói, Ở miền cao nguyên Scotch luôn. Này cậu bé, ta khát quá.

Tôi nói, Làm sao mà các người trong gia đình bác lại cứ để trái tim nơi miền cao nguyên hoài vậy?

Ông già nói, Chúng tôi vậy đấy. Hôm nay ở đây rồi mai lại biến.

Tôi thắc mắc hỏi, Hôm nay ở đây rồi mai lại biến. Bác nói vậy là sao?

Ông già nói, Rày đây mai đó. Sống giây phút này rồi chết giây phút sau.

Tôi hỏi tiếp, Thế má-của-má bác ở đâu?

Ông già nói, Ở trên Vermont, một tỉnh nhỏ gọi là White River, nhưng trái tim của cụ thì không ở nơi đó.

Tôi nói, Thế trái tim già nua khô héo của cụ cũng ở nơi miền cao nguyên chứ?

Ông già nói, Ngay nơi miền cao nguyên. Này con, ta chết khát mất.

Bố tôi bước ra ngoài hiên và gằm lên như một con sư tử vừa bừng thức dậy khỏi những giấc mơ dữ dội.

Johnny, ông rống lên, Tránh xa cái lão già dịch đó. Múc cho lão một vại nước trước khi lão sụp chết. Tư cách của mày để đâu rồi hả?

Tôi nói, Thế đôi khi người ta không thể thử khám phá ra một cái gì nơi một kẻ tứ chiếng giang hồ sao, bố?

Bố tôi nói, Lấy ngay cho ông cụ chút nước. Mẹ kiếp, đừng có đứng ngay đơ ra như thằng phỗng. Lấy nước cho ông ta uống kẻo ông ta té xỉu xuống bây giờ.

Tôi nói, Bố lấy đi. Bố chả làm gì cả.

Không làm gì à? Bố tôi nói. Sao, mẹ kiếp mày thằng Johnny, mày thừa biết là tao đang soạn một bài thơ trong óc chứ?

Tôi nói, Sao bố lại nghĩ là con phải biết chứ? Bố chỉ đứng ì trên hiên nhà, tay áo xắn lên. Sao bố lại cho là con đã biết?

Bố tôi nói, À, thì mày phải biết, thế thôi.

Chào bác, ông già nói với bố tôi. Thằng con bác vừa cho tôi biết khí hậu ở đây mới trong lành thơm thảo làm sao!

(Chúa ơi, tôi kêu hoảng lên trong đầu. Tôi chẳng hề nói gì với ông già về thời tiết cả. Chứ ông nghe cái chuyện đó ở đâu ra vậy cả?)

Chào bác, bố tôi nói. Mời bác vào nghỉ một lát. Chúng tôi rất hân hạnh được mời bác cùng dùng chút cơm trưa.

Ông già nói, Thưa ngài, tôi sắp chết đói. Tôi xin vào ngay.

Tôi hỏi ông già, Bác có chơi được bản "Chỉ uống mừng ta bằng đôi mắt em" được không? Cháu thích nghe bác thổi bài đó. Cháu khoái bài đó quá chừng. Có thể nói là cháu mê bài đó nhất thế gian.

Ông già nói, Này con, khi nào con bằng tuổi ta, con sẽ biết rằng bài ca cha phải là cái gì quan trọng lắm đâu, chính cơm gạo mới là nhất hạng.

Tôi nói, Dù sao cháu cũng thích nghe bác thổi bài đó lắm.

Ông già bước lên hiên nhà bắt tay bố tôi.

Ông già nói, Tôi tên là Jasper MacGregor. Tôi là diễn viên.

Bố tôi nói, Rất sung sướng được quen biết bác. Johnny, lấy cho ông MacGregor một vại nước.

Tôi đi vòng đến giếng, múc một ít nước lạnh vào cái vại và đem đến cho ông già. Ông tu một hơi dài hết sạch. Bắt đầu tươi tỉnh để thong thả nhìn quanh phong cảnh, nhìn trời, nhìn đại lộ San Benito dưới ráng chiều sắp tắt.

Ông nói, Tính ra là tôi xa nhà có đến năm ngàn dặm. Bác có nghĩ rằng chúng ta nên ăn một chút bánh mì và pho mát để tôi có thể cầm cự tạm sống được không?

Bố tôi nói, Johnny, chạy ngay ra tiệm lấy một ổ bánh mì Pháp và một cân phở mát.

Tôi nói, Bố đưa tiền đây.

Bố tôi nói, bảo ông Kosak cho mình nợ đi vậy. Bố chẳng còn một xu dính túi.

Tôi nói, Ông ta không cho mình nợ đâu. Ông Kosak chán cho mình nợ lắm rồi. Ông ta phiền mình lắm. Ông ấy bảo mình không chịu làm việc và cũng chẳng bao giờ chịu trả nợ. Nhà mình còn nợ ông ấy bốn mươi xu.

Bố tôi nói, Đi ngay xuống tiệm và nói sao cho ra lẽ với ông ấy. Mà biết đó là việc của mà mà.

Tôi nói, Ông Kosak chẳng chịu nghe lý lẽ gì đâu. Ông nói ông chẳng cần biết quái gì cả, ông chỉ muốn bốn mươi xu thôi.

Bố tôi nói, Xuống tiệm đi và làm sao để ông ấy đưa cho mà một ổ bánh mì và một cân phở mát. Mà làm được chuyện đó mà, Johnny.

Ông già nói theo, Đi xuống tiệm và bảo ông Kosak đưa cho mà ổ bánh cùng phở mát, đi con.

Bố tôi nói, Đi đi Johnny. Mà chưa từng bao giờ rời khỏi tiệm mà không có được thực phẩm, để coi, chỉ mười phút nữa là mà sẽ trở về đây với đầy đủ thức ăn cho một ông vua.

Tôi nói, con không biết đâu. Ông Kosak bảo mình muốn chơi trò đuổi bắt với ông ấy. Ông ta muốn biết bố đang làm những thứ việc gì.

Bố tôi nói, Ờ, cứ đến bảo với ông ấy, bố chẳng giấu làm gì, bố là nhà thơ. Bảo với ông Kosak là bố tôi làm thơ tối ngày.

Tôi nói, Thì cũng tạm được, nhưng con không tin là ông ta sẽ cảm kích gì lắm đâu. Ông ấy nói bố không bao giờ chịu đi tìm việc như những người thất nghiệp khác. Ông ấy nói bố lười và không tốt.

Bố tôi nói, Cứ đi xuống tiệm và bảo với lão ấy là lão điên rồi Johnny ạ. Mà đi xuống tiệm và nói thẳng với thẳng chẳng rằng bố mà là một trong những thi sĩ vô danh vĩ đại nhất hiện tại thế.

Tôi nói, Có thể ông ấy sẽ không thèm để ý, nhưng con sẽ đi. Con sẽ cố hết sức. Mình chẳng còn gì trong nhà cả sao, bố?

Bố tôi nói, Chỉ có bắp rang. Mình ăn toàn bắp rang đã bốn bữa liên tiếp rồi Johnny ạ. Mà phải mua bánh mì và pho mát nếu như mà muốn bố làm xong bài thơ tầm cỡ này.

Tôi nói, con sẽ cố hết sức.

Ông MacGregor nói, Đừng có lâu quá, nghe con. Ta xa nhà đến năm ngàn dặm.

Tôi nói, Cháu sẽ chạy một mạch.

Bố tôi nói, Nếu dọc đường mà có kiếm được chút tiền còm nào, nhớ là chia đôi đấy nhé con.

Tôi nói, Được thôi.

Lấy hết sức, chạy một hơi đến tiệm ông Kosak, nhưng tôi chẳng kiếm được tí tiền nào dọc đường, không lấy một xu.

ì vào tiệm và ông Kosak mở tròn mắt ra ngó.

Tôi nói, Ông Kosak ời, nếu như ông ở Trung Hoa và chẳng có lấy một người thân thuộc, tiền nong cũng nhẵn lảng, hẳn ông sẽ mong một người đạo Thiên Chúa nào đó cho ông một cân gạo, phải không nào?

Ông Kosak nói, Ài chà chà, nói thiệt đi con, chứ mà muốn gì nào?

Tôi nói, Cháu chỉ muốn nói chuyện một chút thôi mà. Ông hẳn mong một người giống Arya giúp đỡ chút đỉnh qua cơn thất ngặt, phải không ông Kosak?

Ông Kosak nói, Mà có bao nhiêu tiền?

Tôi nói, Không phải là vấn đề tiền nong ông Kosak ạ. Cháu đang nói chuyện ở Trung Hoa và cần sự giúp đỡ của người da trắng.

Ông Kosak nói, Tao cóc biết quái gì hết.

Tôi nói, Ở Trung Hoa làm sao mà ông nghĩ vậy được?

Ông Kosak nói, Tao đã nói là tao không biết. Tao làm cái quái gì ở Trung Hoa cơ chứ?

Tôi nói,Ồ, giả sử như ông đi du lịch bên đó, và chẳng may bị đói, thân cô thế cô nơi đất khách. Hẳn là ông không mong một người lương thiện nào đó đuổi ông đi mà không tặng kèm theo cho ông một cân gạo, phải không nào?

Ông Kosak nói, Tao không mong vậy, nhưng mình có ở Trung Hoa đâu Johnny, cả bố mày cũng vậy. Tao không bán chịu thực phẩm cho mày nữa đâu vì tao thừa biết mày sẽ không có tiền để trả.

Tôi nói, Ông Kosak ạ, ông hiểu lầm cháu mất. Cháu có nói gì về thực phẩm đâu. Cháu chỉ nói về những người ngoại đạo chung quanh ông ở Trung Hoa và ông thì đói sắp đi đoong.

Ông Kosak nói, Đây không phải là Trung Hoa. Ở cái xứ này thì phải ra khỏi nhà mà kiếm ăn, ai cũng làm việc.

Tôi nói, Ông Kosak, giả sử như ông cần một ổ bánh Pháp và một cân phó mát để ông còn sống được trên đời, ông có ngần ng. ai phải xin một nhà truyền giáo những thứ đó không?

Ông Kosak nói, Ngần ngại lắm chứ. Tao hẳn sẽ ngượng tím mặt đi mất, đâu có dám.

Tôi nói, Mặc dù ông biết là ông sẽ trả lại cho họ hai ổ bánh Pháp và hai cân phó mát, đúng không?

Ông Kosak nói, Đúng, mặc dù vậy.

Tôi nói, Đừng như vậy ông Kosak ạ. Đó là nói theo kiểu tiêu cực và ông cũng biết vậy. Thế là ông chỉ còn có cái chết, ông sẽ qua đời ở Trung Hoa xa hút đó mất, ông Kosak ơi.

Ông Kosak nói, Có chết tao cũng cóc cần, mày và bố mày phải trả tiền bánh và phó mát. Sao bố mày không đi kiếm lấy một việc làm?

Tôi nói, Ông Kosak, thế ông có được mạnh khỏe không?

Ông Kosak nói, Mạnh, Johnny ạ. Thế mày thì sao?

Tôi nói, Nhất rồi, ông Kosak ạ. Còn mấy đứa nhỏ ra sao rồi?

Mạnh khỏe cả. Ông Kosak nói, Thăng bé Stepan bắt đầu chập chững đi rồi đấy.

Tôi nói, Ghê quá nhỉ, còn Angela thì sao?

Angela đang bắt đầu tập hát. Ông Kosak nói, Còn bà của mày sao rồi?

Bà cháu thấy khoẻ lắm. Tôi nói, Bà cũng bắt đầu hát. Bà cho rằng thà làm một tài tử nhạc kịch còn hơn là làm một hoàng hậu. Thế bác gái Marta, vợ yêu của bác, cũng mạnh giỏi cả chứ?

Ồ, mạnh lắm. Ông Kosak nói.

Tôi nói, Cháu không sao nói cho hết niềm vui sướng của mình khi được biết trong nhà bác ai nấy đều mạnh khoẻ cả. Cháu tin, một ngày kia Stepan sẽ trở thành một nhân vật có tầm cỡ.

Ông Kosak nói, Tao cũng mong như vậy. Tao sẽ cho nó học một mạch đến hết ban trung học và lo cho nó hết thầy mọi dịp may màao không có được. Tao không muốn nó mở tiệm tạp hoá chút nào.

Tôi nói, Cháu tin nơi Stepan lắm.

Ông Kosak nói, Mày muốn những gì hờ Johnny? Thế mày có bao nhiêu tiền?

Tôi nói, Ông Kosak ạ, ông thừa biết là cháu đến đây đâu có để mua gì đâu. Ông quá rõ là cháu thích thith nói vài chuyện triết lý êm ả với ông. Ông cho cháu một ổ bánh Pháp và một cân phó mát.

Ông Kosak nói, Mày phải trả tiền mặt đó Johnny ạ.

Tôi nói, thế còn Esther, cô con gái xinh đẹp của ông có mạnh không?

Ông Kosak nói, Esther mạnh lắm Johnny ạ, nhưng mày phải trả bằng hiện kim thôi. Mày và bố mày là những công dân ẹ nhất nước.

Tôi nói, Esther mạnh là cháu mãn nguyện rồi. Nhà nghệ sĩ Jasper MacGregor đang ở chơi nhà cháu, ông ta là một diễn viên vĩ đại.

Ông Kosak nói, tao chưa từng nghe danh tánh ông ấy.

Và một chai bia cho ông MacGregor, tôi nói.

Ông Kosak nói, Tao không thể cho mày thêm một chai bia nữa đâu.

Tôi nói, Chắc chắn là ông cho được.

Ông nói, không thể. Tao chỉ cho mày lấy một ổ bánh mì cũ và một cân phó mát, chỉ vậy thôi. Thế khi bố mày làm việc thì ông ấy làm những gì?

Tôi nói, bố cháu làm thợ, ông Kosak ạ. Đó là công việc duy nhất của bố cháu. Bố cháu là một trong những nhà thợ vĩ đại nhất thế giới.

Ông Kosak nói, Thế khi nào lão ấy kiếm ra tiền?

Tôi nói, bố cháu chả bao giờ kiếm được tiền. Chúng ta không thể cùng lúc vừa có cái này vừa có cái kia được.

Ông Kosak nói, Tao chẳng ưa thích gì cái việc đó, Johnny ạ, sao bố mày không làm việc như những người khác?

Tôi nói, Bố cháu làm việc chăm hơn bất cứ ai. Bố cháu làm việc gấp đôi người thường.

Ông Kosak nói, Thế là mày nợ tao thêm mười lăm xu nữa đấy, Johnny nhé. Lần này tao cho mày lấy ít đồ, nhưng đủ rồi đấy nhé con, đừng hòng.

Tôi nói với lại, Bảo với Esther là cháu quý nó lắm.

Được rồi, ông Kosak nói.

Tôi nói, Cháu về ông Kosak ơ.

Ông Kosak nói, Ờ thôi về đi Johnny.

Tôi chạy về nhà với ổ bánh mì Pháp và cân phó mát.

Bố tôi và ông MacGregor đứng tràn ra ngoài đường đợi xem tôi có trở về với thức ăn hay không. Họ chạy nửa dãy phố về phía tôi, và khi thấy đã có thức ăn, họ an nhàn quay về, bà tôi cũng đang đợi. Bà chạy vào nhà và dọn bàn ra.

Bố tôi nói, Tao biết mày sẽ được việc mà.

Tôi cũng tin vậy, ông MacGregor phụ họa.

Tôi nói, Ông ấy nói mình phải trả năm mươi xu. Ông sẽ không bán chịu nữa đâu.

Bố tôi nói, Đó là một ý kiến. Thế mày nói những gì vậy Johnny?

Tôi nói, Trước hết về một cái đói sắp chết ở tận xứ Trung Hoa, sau đó con hỏi thăm cả gia đình.

Bố tôi hỏi, Thế mọi người mạnh cả chứ?

Tôi nói, Mạnh cả.

Vậy là tất cả chúng tôi quây quần trong nhà, ăn ngon lành ổ bánh và cân phó mát, mỗi người uống hai hay ba lít nước, và sau khi không còn gì cả, ông MacGregor lại nhìn quanh nhà bếp xem có còn gì ăn được không.

Ông hỏi, Cái hộp sắt xanh trên kia. Có gì trong đó vậy Johnny.

Tôi nói, Bì.

Ông hỏi tiếp, Cái chậu kia nữa. Có gì lót lòng được không?

Tôi nói. Dế.

Ông nói. Còn cái chum lớn bên góc đó. Có cái gì ngon lành trong đó không?

Tôi nói, Cháu nuôi một con rắn.

Ông MacGregor nói, Được quá! Cho t một miếng rắn luộc đi, thế là xịn rồi còn gì.

Tôi nói, Ồi! Làm sao mà bác ăn rắn đó được.

Ông MacGregor nói, Johnny, tại sao lại không chứ? Tại sao không mới được? Ta nghe nói dân Bornéo và các xứ khác xức tuốt tuốt cả rắn lẫn cào cào. Chứ cháu không có đây đến cả chục con cào cào mập ú đầy sao, Johnny?

Tôi nói, Có mỗi bốn con thôi mà.

Ông MacGregor nói, Được rồi, đem ra đây coi Johnny. Khi nào no nê khoẻ khoắn, ta sẽ chơi thật tuyệt để tặng cho cháu bản "Chỉ uống mừng ta bằng đôi mắt em". Ta đói khiếp lắm, cháu Johnny ạ.

Tôi nói, Cháu cũng vậy, nhưng bác không được giết con rắn đó đâu nhé.

Bố tôi ngồi nơi bàn, tay ôm đầu mơ mộng. Bà tôi lật bết đi ngang, nghênh ngang hát một điệu nhạc quen, có lúc rống tưng lên bằng một thứ tiếng Ý lơ lơ, Ồi ta buồn ta đi lang thang bởi vì ai...

Bố tôi nói, Chơi chút nhạc được chứ? thằng nhỏ chắc chịu lắm.

Tôi nói, Cháu thích lắm ông MacGregor ạ.

Ông MacGregor nói, Được thôi mà, Johnny.

Rồi ông đứng lên và bắt đầu thổi kèn, ông thổi to hơn bất cứ một nhạc công nào, khiến cho những người chung quanh xa hàng dặm cũng nghe được và cảm thấy hứng khởi một cách lạ thường. Có tất cả mười tám người hàng xóm tụ tập trước nhà chúng tôi, và vỗ tay hoan hô dậy một góc trời khi MacGregor thổi xong một khúc độc tấu.

Bố tôi dẫn ông MacGregor ra trước hiên, và nói, Xin chào bà con, tôi muốn bà con được tận mắt trông thấy Jasper MacGregor, một diễn viên kịch Shakespeare vĩ đại nhất thời nay.

Mấy người láng giềng chân chất và lương thiện chẳng nói gì cả, chỉ ông MacGregor nói, Tôi nhớ như in lần đầu tiên xuất hiện ở Luân Đôn vào năm 1867, vậy mà như thể mới hôm qua đây, đúng là bóng câu qua cửa sổ. Và ông tiếp tục ba hoa về nghiệp dĩ của mình, thao thao bất tuyệt.

Bác thợ mộc Rufe Apley rụt rè nói, Thổi thêm cho vài bản nữa được không, ông MacGregor?

Ông MacGregor nói, Nhà chú còn quả trứng nào không?

Rufe nói, Có chứ. Có cả một chục cơ.

Ông MacGregor nói, Thế chú về lấy một quả thôi, có gì bất tiện không nhỉ? Khi chú trở lại, ta sẽ thổi một bản làm tim chú muốn nhảy lên vì hân hoan lẫn buồn đau.

Rufe hăng hái nói, Tôi đi lấy ngay.

Ông MacGregor hỏi Tom Baker xem nhà anh ta còn chút xúc xích nào không, Tom nói còn, và ông MacGregor hỏi Tom có thấy tiện về nhà lấy một chút xúc xích đem qua đây không, và khi anh ta trở lại tasẽ thổi một bài ca mà chắc chắn sẽ khiến thay đổi cả lịch sử đời anh, Tom ạ. Và Tom về nhà lấy xúc xích. Ông MacGregor tiếp tục hỏi từng người trong bọn họ, xem nhà ai còn những gì ăn ngon không, mọi người đều nói có, và cùng về nhà lấy những gì nho nhỏ mà ngon miệng, để chỉ đợi nghe bản nhạc mà theo như ông MacGregor nói là sẽ tuyệt vời hết ý.

Và khi tất cả những bạn láng giềng tốt bụng trở lại nhà chúng tôi với những gì nho nhỏ mà ngon miệng đó, ông MacGregor bắt đầu nâng kèn lên môi, trau chuốt thổi bài "Trái tim tôi ở tận miền cao,

nào có ở đây" đã khiến cho những người láng giềng hiền hoà đa cảm đó khóc, khóc lặng lẽ trên đường về nhà.

Ông MacGregor đem tất cả các đồ ăn ngon vào nhà bếp, và chúng tôi lại ăn uống vui vẻ, phê phởn: một quả trứng, một xúc xích, một tá hành, hai loại phó mát, bơ, bánh, cà chua, dưa hấu, trà và nhiều món ngon khác.

Chúng tôi chè chén no nê, bụng căng phình, và ông MacGregor nói với cha tôi, Thưa ngài kính mến, nếu ngài không cảm thấy phiền, bỉ nhân xin được tá túc lại nhà ngài trong vài hôm tới đây.

Cha tôi cung kính nói, Thưa ngài, xin ngài cứ tự nhiên lưu lại tề xá, nhà là nhà chung của chúng ta mà.

Và ông MacGregor ở lại nhà chúng tôi mười bảy ngày đêm tất cả.

Vào buổi chiều thứ mười tám, một người từ Viện Dưỡng Lão đến nhà chúng tôi, và nói, Tôi muốn tìm cụ Jasper MacGregor, một diễn viên.

Bố tôi hỏi, Ông muốn gì nào?

Người thanh niên nói, Tôi là người của Viện Dưỡng Lão, và muốn đưa ông MacGregor trở lại viện, trong hai tuần nữa chúng tôi sẽ tổ chức cuộc trình diễn thường niên, và chúng tôi cần một diễn viên.

Thế là ông MacGregor ngồi bật dậy và đi mất với người thanh niên kia.

Chiều hôm sau, đói trở lại.

Và bố tôi nói, Johnny, xuống tiệm ông Kosak kiểm soát chút gì ăn coi. Bố biết mày thừa sức xoay sở. Lấy bất cứ gì cũng được.

Tôi nói, Ông Kosak muốn năm mươi lăm xu. Ông ấy chẳng cho không nữa đâu.

Bố tôi nói, Đi đi Johnny. Mày biết mày có tài làm cho nhà quý phái ấy cho mình chút gì lót bụng mà.

Thế là, tôi lục tục đến tiệm ông Kosak và bàn tiếp các vấn đề Trung Hoa còn bỏ dở, và tôi vất vả lắm mới rời tiệm với một hộp kê và nửa lon si rô, dù sao thì tôi cũng đã hoàn thành nhiệm vụ.

Bố tôi nói, Johnny ơi, đồ ăn kiểu này sẽ nguy hiểm cho bà cụ lắm.

Nhưng sáng hôm sau chúng tôi nghe bà tôi ca hát, giọng đẹp như một con kim tước.

Và bố tôi lau bầu trong miệng, Làm thế quái nào mà viết cho được bài thơ vĩ đại về kê cơ chứ?

Chương 2

Chiếc xe đạp mất cắp

Phần lớn những truyện ngắn của tôi đều tiềm ẩn nơi chúng một cái gì có tính cách năng động của lúc viết, cũng như một cái gì nơi thế giới và thời gian được gọi nhớ lại. Truyện này là một trong nhiều truyện được viết vào những năm 30, về một dòng sông trong một thành phố nhỏ nước Mỹ, mà tôi được thị mục, vào những thập niên đầu của thế kỷ này: Fresno, California. Đối với một thằng bé đang độ tuổi lớn thì bất cứ cái gì trên thế gian này cũng có nghĩa thường tình như không vậy, truyện này cho biết một chiếc xe đạp có nghĩa là gì. Khoảng hai mươi năm sau, một phim rất hay từ Ý, có tựa là Kẻ Trộm Xe Đạp

Cái phim sản xuất năm 1919 này sao mà đầy khí sắc liêu lĩnh hết chỗ chê, lại có cái vẻ thời thượng nữa chứ, nên khi Ike George rời rạp hát, nó bùng bùng như nhân vật chính và nhập vai thật xuất thần trong tác phẩm điện ảnh đầy sinh lực, hãnh tiến và vô ngại, cứ thế, nó hăng hái bước về phía trước cuộc đời mình mới vô tư lự làm sao.

Như thế không phải chính nó, nhân vật làm như vậy là chẳng quấy quả chút nào, nó điềm nhiên dẫn chiếc xe đạp mới toanh ra khỏi giá để xetrc rạp hát ngay giữa bàng quan thiên hạ, nó tà tà đạp xe đi, tỉnh queo.

Johnny Faragoh, người bán xe đạp cho hãng Nhật Kebo, đang đứng trước cửa nhà đường L.

Khi thấy thằng nhỏ đạp xe qua, Johnny để ý ngay chiếc xe mới cáu cạch.

Hắn gọi, Ê nhỏ.

Thằng nhỏ rẽ đường và ghé vào. Nó biết Johnny, nếu hắn ta gọi mình, mình phải dừng lại. Tuy nhiên, đây cũng là một hân hạnh lớn

cho thằng nhỏ: nó vẫn luôn luôn khâm phục Johnny, chính hẳn ta cũng rất giống một nhân vật xi nê.

Johnny nói, Xe ngon đấy, chứ chú mày lấy ở đâu vậy?

Thằng nhỏ nói, Ông York cho nhân ngày sinh nhật của em.

Mày muốn nói cái thằng cha lãnh bán tờ The Herald ngoài phố ấy à?

Dạ.

Thằng nhỏ xuống xe và để thằng lớn cầm ghi đông. Johnny nhấc hẳn chiếc xe lên ,nhảy phóc gọn lỏn lên chiếc xe, và một cách dễ dàng, đạp loanh quanh một vòng.

Thằng chả cho mày chiếc xịn đấy nhỏ. À, mà mày tên gì nhỉ?

Ike.

Gì Ike?

Thằng nhỏ nói, Ike George.

Mày có họ gì với Cookie George không?

Anh em họ với em.

Anh hay em?

Anh.

Johnny nói, Cookie là thằng bạn tốt của tao đấy.

Ike nói, Anh ấy lúc nào cũng gặp chuyện rắc rối.

Johnny nói, Mày ăn cắp xe ở đâu vậy? Nói tao nghe được mà.

Ike nói, Đâu có ăn cắp, ông York cho em nhân ngày sinh nhật.

Johnny nói, Cookie là bạn tao, chắc ai khác cho mày, chứ cái thằng cha York kiết xác đó có đời nào lại hào phóng ngang xương như vậy, trừ khi mày cứu mạng thằng chả.

Thằng nhỏ nói, Ông ấy cho em chiếc xe này.

Johnny nói, Hãy bảo với họ là Cookie cho mày. Sẽ có người đến hỏi thằng cha York và mày gặp rắc rối to đấy con ạ.

Thằng nhỏ nói, Nhưng mà Cookie đâu có tiền.

Johnny nói, Có khi nó cũng có chứ, tối nay tao sẽ gặp nó.

Johnny nói tiếp, Tao sẽ nói cho mày biết chuyện này. Thôi, về đi nhóc.

Thằng nhỏ leo lên xe và đạp về nhà.

Khi bố thằng nhỏ thấy chiếc xe, ông hỏi, Haig, mày chĩa ở đâu vậy con?

Thằng nhỏ đáp, Cookie cho con.

Mày muốn nói cái thằng anh họ Gourken của mày ấy à?

Thằng nhỏ đáp, Dạ phải.

Bố thằng nhỏ nói, Gourken đâu có tiền. Xe mày mượn phải không?

Thằng nhỏ nói, Không, của con đấy chứ.

Ông bố nói, Vào ăn cơm đi.

Thằng nhỏ vào ăn cơm. Nó ăn không đến năm phút. Khi nó ra khỏi nhà, bố nó đang đạp xe quàng quàng trong sân.

Ông bố nói, Haig, lấy ở đâu đem trả lại ở đó. Mày đâu phải dân trộm cắp.

Thằng nhỏ cãi, Cookie cho con mà.

Hôm sau nó đạp xe đi học, nguyên con như vậy. nó chẳng buồn lật đai xe hoặc lấy búa vỡ đập cái số xe đi, như lẽ ra phải làm như thế. Số xe là 137620R. Tan học, nó đạp xe ra toà soạn The Herald và bảo với mọi người là anh họ Cookie cho nó quà sinh nhật một chiếc xe đạp.

Thằng bạn Nick Roma hỏi nó, Sinh nhật mày hôm nào?

Thằng nhỏ đáp, 7 tháng 9.

Nick nói, bây giờ tháng Năm, mày gặp rắc rối mất thôi.

Nó đạp xe ra góc đường Mariposa Eye, và bán báo suốt buổi trưa. Đến chiều, Cookie đến góc đường và hỏi, Chiếc xe đó đấy hả?

Thằng nhỏ đáp, Dạ.

Tao cho mày một chiếc tốt đấy chứ nhỉ?

Dạ, cảm ơn.

Đến tháng mười thì nó hầu như quên mất là đã có chiếc xe đạp bằng cách nào. Vào tháng mười một, khi nó đang đạp nước rút thì dây sên đứt. nó phải mua nữa mới, mất toi một đô hai mươi lăm xu. à một đô để thay bằng một cái mua lại, công làm phải năm mươi xu nữa. Hao quá.

Sau đó chiếc xe đã như là hoàn toàn của nó.

Một hôm, đâu khoảng một năm sau ngày nó lấy chiếc xe ở cái giá để xe trước Hí Viện Tự Do, nó cũng để xe ở giá, và vào xem hát.

Khi nó trở ra, chiếc xe đã biến mất. Nó hậm hực cuốc bộ về nhà, và khi thấy bố, nó nói, Tụi nó thối mất chiếc xe của con rồi.

Bố nó nói, Cũng được, vào ăn cơm đi.

Thằng nhỏ nói, Con không đói, con mà bắt được thằng chó chết đó sẽ nện cho nó một trận ra gì.

Bố thằng nhỏ nói, Vào ăn cơm đi.

Thằng nhỏ nói, Con không muốn ăn.

Nó đứng trước mặt bố, giận sôi lên, rồi bỗng nhiên quay đầu bỏ chạy. Nó phóng một mạch lên phố và lùng sục mọi ngõ ngách để tìm xe. Một giờ sau nó lội bộ về nhà, ăn cơm và đi ngủ.

Năm đó, nó mười một tuổi.

Một buổi chiều tháng tám, đang ném bóng chuyền với Nick Roma lên tường toà nhà điện thoại. Nick đóng vai tên sát nhân, bỗng một chiếc xe be rẽ vào và đụng phải trái bóng, trái bóng bị cuốn phăng xuống dốc. Thằng nhỏ đuổi theo. Bóng rơi từng từng xuống những bậc thang rồi ngoặt vào con hẻm đầy ngợp những thùng bọng rác rến các thứ. Nó tìm thấy trái bóng mắc kẹt trong hóc và nó cũng thấy một chiếc sườn xe đạp tróc sơn. Nó lật ngược sườn xe để xem số hiệu. số đã bị đập dập, nhưng nó cũng đọc được số 13 và chữ R.

Nó đứng trong hẻm tối, ôm chiếc sườn xe cũ. Bạn Nick Roma chạy đến hỏi, Bóng đâu?

Thằng nhỏ đáp, Mất rồi. Tao tìm được xe. Tụi nó gỡ hết cả ra rồi.

Nick hỏi, Cái sườn còn tốt không?

Thằng nhỏ đáp, Còn tốt, thế nhưng một cái sườn mà lại thiếu tất cả những thứ khác thì được cái quái gì chứ?

Nick nói, Nó cũng đáng giá gì lắm chứ.

Thằng nhỏ nói, Tao muốn thộp cổ thằng kẻ cắp.

Paul Armen đi dọc đường dốc, chợt trông thấy hai đứa đang cầm cái sườn xe. Nó đến quan sát cái sườn xe với chúng.

Nó nói, Mày muốn đổi nó lấy cái gì không Ike?

Thằng nhỏ đáp, Tao cóc biết.

Nó cắn giận và đau lòng xiết kể.

Nó nói với Paul, Xe của tao, rồi tụi nó ăn cắp mất, tụi tao đang chơi đánh bóng và tìm thấy sườn xe. Tụi khốn nó gỡ trụ hết và ném sườn ở đây.

Nick hỏi, Bóng đâu rồi?

Ike đáp, Kệ mẹ bóng.

Paul Amer nói, Bán cho tao một đô đi.

Ike đáp, cũng được.

Một tuần sau nó thấy chiếc xe nữa, sơn và lắp các bộ phận mới, nó dùng dùng nổi giận, và nó bậm miệng tự nhủ, ước gì tao tóm cổ được mày, quân chó đẻ gian manh.

Chương 3

Con chim ruồi sống qua mùa đông

Tôi vẫn còn trẻ và khinh suất, hoặc không có thói quen trù liệu sử dụng chí lí thời gian của mình, một nhà văn thường viết vội vã, hoặc bất cứ lúc nào mà không thể viết, như trong việc viết truyện này chẳng hạn. Henry em tôi, kém tôi ba tuổi, một hôm trong cuộc đi dạo chiều chúa nhật ở San Francisco, kể cho tôi nghe chuyện này. Vừa khi về đến nhà, tôi ngồi vào bàn và viết ra ngay, vì tôi chắc rằng, nếu không làm vậy, thì tr có thể chẳng bao giờ có được, và như thế không là đáng tiếc lắm sao?

Đôi khi ngay cả bản năng cũng bị cá tính chế phục – tôi muốn nói nơi các sinh vật khác với loài người. Nơi con người ta cho rằng bản năng bị chế ngự, nhưng không biết bản năng có luôn luôn thực sự được chế ngự hay không, việc này tôi xin được dành cho những ai khác. Dù sao đi nữa bản năng chủ yếu của hầu hết – hoặc tất cả - các sinh vật là sống. Mỗi hình thức sống có một kỹ thuật phòng thủ tự nhiên, chống lại các kiểu thức khác, cũng như phòng kháng lại môi trường. Chim ruồi sống như thế nào là một điều mà tôi chưa từng khám phá ra – bằng quan sát thực sự hoặc bằng đọc được. Chúng chết đi, chắc vậy. và chúng được sinh ra bằng cách này hay cách khác, dẫu tôi chưa từng thấy trứng chim ruồi, hoặc một con chim ruồi con đi nữa.

Ngay cả một con chim ruồi lớn cũng nhỏ nhắn đến nỗi cái trứng của nó chắc hẳn phải hay lắm, có lẽ là một trong những sinh vật ngộ nghĩnh nhất thế gian. Còn nếu như chim ruồi ra đời bằng cách nào chứ không phải từ trứng, thì tôi cũng xin bạn đọc lượng thứ cho. Điều độc nhất tôi biết về Agaa Agasig Agassig Agazig (cái nhà vạn vật học người Mỹ vĩ đại ấy) là có lần ông nghiên cứu trứng rùa và, ngộ hâu để đạt được kiến thức mà ông đang cần, đã lặn lội lục lạo tìm cho được các trứng tươi. Việc đó đã đem lại một cuộc phiêu lưu thích thú ở Boston cho một gã thanh niên viết về vấn đề đó, sáu bảy

năm gì đó trước khi tôi đọc được, thuở tôi mới mười bốn tuổi. Tôi mười bốn tuổi vào năm 1922, với điều đó các bạn thấy rằng tuổi tác thật chẳng ăn nhằm gì khi mà ta mê thích về bất cứ loại trứng nào. Tôi thêm được như những nhà điều học, và tôi mong mỗi một ngày nào đó sẽ khám phá ra tất cả những gì thuộc về chim ruồi.

Tôi nghe nói rằng chim ruồi du hành những chặng đường dài, thật khó có thể tin được khi nhìn thấy một sức lực yếu ớt và mỏng manh đến thế. Vậy thì cái gì chở tải nó? Tinh thần ư? Nhưng những điều tôi biết rõ nhất về chim ruồi chính là do những gì tôi quan sát được về chúng: chúng ta chỉ thấy được chim ruồi khi mặt trời thật sự xuất hiện, khi có hoa nở, và khắp nơi đều có hương hoa. Hiếm có khi đi suốt một ngày đẹp trời mà lại không thấy bóng con chim ruồi lơ lững như một phép lạ nhỏ bé trong nắng ấm hoặc trên một đoá hoa lớn hay một chùm bông nhỏ. Hoặc quay tròn như một cơn điên vui hay bắn thẳng lên như một mũi tên không về một nơi nào cả và cũng chẳng bởi một nguồn cơn nào, có thể vì một lý do là nó cần sống. Vậy thì, làm thế nào mà những sinh vật như vậy – quá xinh đẹp, quá dịu dàng và một chút điên dại thơ mộng – có thể có thì giờ để làm cái công việc tầm thường như sinh con đẻ cái, các thứ? Hoặc phải theo luyện cho được cái bản năng tự tồn tại kia chứ? Thế nhưng dù gì đi nữa, cũng cầu trời sao cho một ngày đẹp sẽ đến, và lung linh chim ruồi bay đầy khắp...

Tuy nhiên, đến như tôi cũng phải nói rằng, hình như ngay cả bản năng đôi khi cũng chẳng hiệu quả gì ở một giống loài nào đó. Hoặc cho nhiều giống, hoặc bất cứ nó là chủng loại nào. Dù sao, khi dòng giống của một loại sinh vật đều phải cư trú đến một chn nào đó, để sinh tồn, để qua cơn giá rét hoặc có thể, để...bất cứ điều gì khác, đôi khi hình như một con trong bọn chúng không chịu bay theo bầy đàn. Căn cứ làm sao mà nó không chịu bay theo thì tôi không sao hiểu nổi. có thể nó hơi lập dị, hoặc có thể có những lý do riêng tư thầm kín nào khác được đề cao – mê đắm đặc biệt chứ không phải là không tưởng một con khác đồng loại – có lẽ toi mạng, hoặc ở một nơi nào khác. Hoặc giả là quá ngu độn hay lì lợm gì đó. Ái dà dà, ai mà biết cho được chứ?

Một lần nọ, có một con chim ruồi vào mùa đông đã không thể bay khỏi khu chúng tôi ở Fresno, California.

Tôi xin kể hầu các bạn chuyện đó.

Lão Dikran ở bên kia đường, lão hầu như mù. Lão đã quá tám mươi và bà vợ cũng sắp xỉ đầu đó. Họ có một gian nhà nho nhỏ, bên ngoài tầm thường luộm thuộm bao nhiêu thì bên trong gọn ghẽ bấy nhiêu – ngoại trừ cái vườn của lão Dikran, thật là một cái vườn đệ nhất thế gian. Cây nhỏ, bụi rậm, cây lớn – tất cả đều tươi tốt, mặt đất đen ẩm dịu dàng mà kẻ chăm bón chính là lão Dikran. Tất cả loài vật trên trời yêu nhất cái chỗ này trong thôn ổ nghèo nàn của chúng tôi, và lão Dikran thì yêu chúng quá thể.

Một chủ nhật lạnh cóng, giữa mùa đông, khi tôi từ lớp học chủ nhật về nhà, tôi thấy lão Dikran đứng giữa đường đang cố nhận xem mình đang cầm giữ cái gì trong tay. Thay vì đi vào nhà đứng bên ngọn lửa như tôi đã định vậy, tôi dừng lại bên hiên ngoài và quan sát ông lão. Lão hết ngược nhìn cây rồi lại cúi nhìn vào tay mình. Lão đứng như thế ít nhất cũng đến hai phút, rồi cuối cùng bước dần đến bên tôi. Lão chìa tay ra và nói bằng tiếng Armenia, Cái gì trong ta thế này, cháu?

Tôi nhìn

Một con chim ruồi, tôi nói nửa bằng tiếng Anh nửa bằng tiếng Armenia. Tôi nói "chim ruồi" bằng tiếng Anh vì không biết tiếng Armenia gọi bằng gì.

Lão Dikran hét lên trong cổ, là cái gì thế?

Tôi nói, Con chim nhỏ, cụ biết chứ? Loại chim cứ mùa hè thì bay đến và lơ lửng trên trời rồi lao vút mất. Loại chim có cánh đập nhanh đến nỗi ta không trông thấy cánh nó đâu cả. Nó đang ở trong tay cụ. Nó sắp chết mất.

Lão nói, Đi với ta, ta chẳng thấy đường, mù già thì lại ở nhà thờ. Ta còn thấy được tim nó đập. Nó đang nguy đấy à? Nhìn một lần nữa xem.

Tôi nhìn lần nữa. Nhìn cảnh đó buồn nát ruột. Con vật bé nhỏ tuyệt diệu của mùa hè này trong bàn tay to lớn thô kệch của ông già nhà quê. Nó nằm trong cái lạnh của mùa đông, hoàn toàn bất lực và

cảm động, không lơ lửng trong bóng nắng hè, không là con vật sống động nhất trên trần đời, mà là một sinh linh vô vọng và thảm thiết không sao chịu nổi.

Tôi nói, Nó sắp chết mất.

Ông lão đưa tay lên miệng phà hơi ấm vào con vật nhỏ bé mà lão không sao thấy được. Lão nói bằng tiếng Armenia, Ráng sống đi con, chẳng bao lâu nữa là đến hè rồi. Hãy sống, lạnh lợi và dễ thương.

Chúng tôi vào bếp nơi căn nhà nhỏ của lão và trong khi phà hơi ấm vào con chim, lão bảo tôi làm những gì.

Để một thìa mật lên bếp ga, xong rồi đổ vào tay ta, nhưng phải chắc chắn là đừng nóng quá đấy nhé.

Tôi làm xong việc đó.

Sau một lát con chim ruồi tỏ ra dấu hiệu sống lại. Cái ấm áp của căn phòng, hơi mật nóng và chà, ý chí và tình thương của ông lão nữa chứ.

Chả mấy lúc ông lão cảm thấy được sự thay đổi trong tay mình, một lát sau con chim ruồi bắt đầu ăn từng giọt mật.

Ông lão nói, Nó thế nào rồi cũng sống lại. cứ ở đó mà xem.

Sự thay đổi thật là ngoài sức tưởng tượng. Ông lão dịu dàng mở bàn tay, và tôi chờ đợi một con chim bắt lực kia bay vọt lên khỏi tay lão, lơ lửng giữa không gian, nó làm cho tôi vừa sợ vừa cảm động đến muốn chết – và đúng là những gì đã xảy ra như vậy. Đời sống mới của chú chim thật tuyệt diệu. Nó bay vòng quanh trong căn bếp nhỏ, sà bên ô cửa, chao nghiêng ngọn lửa, lơ lửng, nó hứng hóng như thể trong trời đang là mùa hè không bằng và cả đời nó như chưa bao giờ cảm thấy hạnh phúc hơn.

Ông lão ngồi xuống chiếc ghế đơn sơ, mắt mù nhưng đầy chú ý. Lão chăm chú lắng nghe và cố nhìn, nhưng dĩ nhiên lão không sao thấy được. Lão vẫn hỏi về con chim, nó như thế nào, nó có tỏ ra yếu lại không, tinh thần nó làm sao, và nó có vẽ gì nôn nao không, và tôi tường thuật chi tiết các pha nhào lộn của con chim cho lão nghe.

Khi con chim tỏ vẻ bồn chồn và muốn thoát ra, ông lão nói, Mở cửa sổ cho nó bay đi.

Tôi hỏi, Liệu nó có sống được không?

Lão nói, giờ thì nó sống rồi và muốn bay đi. Mở cửa sổ ra.

Tôi mở cửa sổ, con chim ruồi bay quanh quẩn, như cảm biết cái giá lạnh bên ngoài, nhấp nhứ và lơ lửng bên trong cửa sổ nhảy nhót lồi này lồi kia và thoát cái biển mắt tăm.

Lão nói, Đóng cửa sổ lại.

Chúng tôi nói chuyện một vài phút rồi tôi xin phép cáo lui.

Ông lão hô là con chim ruồi sống qua mùa đông đó, nhưng tôi thì không chắc lắm. Khi mùa hè đến tôi lại thấy chim ruồi nhưng tôi không phân biệt được con nào với con nào.

Một hôm vào mùa hè, tôi hỏi ông lão.

Nó còn sống không?

Con chim nhỏ ấy à?

Tôi nói, Vâng, con chim mà mình cho nó ăn mật đó. Cụ nhớ chứ? Con chim nhỏ sắp chết vào mùa đông. Nó có sống nổi không?

Ông lão nói, Thử nhìn quanh chú mày xem. Chú mày có thấy con chim đó không?

Tôi nói, Cháu thấy chim ruồi.

Ông lão nói, Mỗi con chim trong đám chúng đều là con chim của chúng ta. Mỗi con trong đám chúng, bất cứ là con nào trong đám chúng. Lão nói mau và hết sức dịu dàng thân ái.

Chương 4

Vườn rau cần

Tôi đã nói một vài điều về việc viết truyện ngắn này trong "Tuyên ngôn của một nhà văn", rồi độc giả sẽ thấy trong tập truyện này, nhưng có lẽ tôi cũng nên nói thêm vài lời. Trong đời người ta, ai lại chả có lúc làm bậy, hoặc việc mình cho là bậy, hoặc xã hội lên án là bậy, và chắc chắn là bất cứ một thằng nhỏ nào ở bất cứ nơi đâu mà lại không từng ăn cắp vặt một cái gì đó. Thằng bé trong truyện này ăn cắp một cái búa của một cửa tiệm. bây giờ, đó không phải là cái đáng giá để ăn cắp. Dĩ nhiên nó không phải là tiền. nhưng nó cũng là một cái gì vậy chứ. Và truyện ít ra cũng nói được một tí về những gì thực sự xảy ra khi nó ăn cắp cái búa, kho nó bị tóm cổ, và những gì sauuận điệu là, có cái thiện như mọi sự mọi nơi, nếu thực sự có.

Một ngày tháng tám, Al Condraj đi lang thang qua tiệm Woolwoth, trong túi chẳng còn lấy một xu để tiêu thì nó thấy một cái búa nhỏ, không phải là đồ chơi, nhưng là một cái búa thật mà nó vẫn hằng mong mỏi có. Nó tin rằng đó đúng là cái nó cần để đập vỡ nỗi buồn tẻ và có thể dùng để làm một cái gì đó. Nó đã nhặt được một ít đinh loại thượng hạng của nhà máy đồ hộp Foly, nơi những người thợ làm việc và họ đã vô ý đánh rơi, ít ra cũng đáng giá mười lăm xu. Nó sung sướng nhặt nhanh từng cái một, bởi vì đối với nó, một cái đinh như vậy không phải là một cái gì đáng để phí phạm. Số đinh, có lẽ phải đến nửa cân, cỡ chừng hai trăm cái chứ đâu phải ít, đựng trong cái bao giấy hộp táo cắt đồ cũ ở nhà.

Giờ đây với cái búa đáng giá mười lăm xu này, nó tin chắc rằng với mớ đinh đó, có thể làm cái gì bằng gỗ hộp, mặc dù chưa biết sẽ là cái gì. Có thể là một cái bàn hoặc một cái bàn nhỏ gì đó cũng nên.

Có sao đi nữa thì nó vẫn lấy cái búa và nhét vào túi áo khoác, nhưng ngay khi ấy, một người nắm chặt lấy tay nó, chẳng nói chẳng

rằng một lời, đẩy nó ra sau tiệm, vào một căn phòng nhỏ. Một người khác, già hơn ngồi sau bàn giấy trong văn phòng, ngổn ngang những giấy tờ các thứ. Tên bắt nó, trẻ hơn, giận lắm và trán vã đầy mồ hôi.

Anh ta nói, Hừ, lại một thằng cóc nhái nữa.

Người ngồi sau bàn giấy đứng dậy và nhìn Al Condraj từ đầu đến chân.

Nó chớp cái gì vậy?

Một cái búa, người thanh niên giận dữ nhìn Al, Anh ta nói. Đưa nó lại đây.

Thằng bé lấy cái búa ra khỏi túi và đưa nó cho người thanh niên, anh ta nói, Tao nện cái búa này lên đầu mày, đáng ra tao phải làm như vậy đấy.

Anh ta quay về phía người già, ông chủ tiệm, và nói, Ông muốn tôi phải xử nó ra sao đây?

Người già nói, Để nó đó cho tôi.

Người thanh niên bước ra khỏi căn phòng, và người già ngồi xuống, tiếp tục làm việc như chưa hề có gì xảy ra. Al Condraj đứng như thế trong mười lăm phút người già mới ngẩng lên nhìn nó lần nữa.

Ông hỏi, sao hả?

Al không biết nói gì cả. Ông kia không nhìn nó, ông nhìn ra phía cửa sổ.

Cuối cùng Al nói, Cháu không muốn ăn cắp. Chả là vì cháu cần nó chút đỉnh và cháu lại không có tiền.

Ông kia nói, Chỉ vì không có tiền, đâu có nghĩa là mày có quyền ăn cắp. Nào, có phải vậy không?

Dạ, phải ạ.

Ờ, phải làm gì với mày đây? Giao cho cảnh sát nhá?

Al không nói gì cả, nhưng chắc chắn nó không muốn mình bị giao cho cảnh sát tí nào. Nó ghét người này, nhưng đồng thời nó cũng hiểu rằng, là một ai khác chắc còn bắt nạt hơn ông già này nhiều.

Nếu để mày đi, mày có hứa là không bao giờ còn ăn cắp ở tiệm này nữa không?

Dạ, cháu xin hứa.

Ông kia nói, Được rồi, đi ra lối này và nhớ đừng lai vãng đến tiệm này cho đến khi nào mày có chút tiền rủng rỉnh.

Ông mở cửa phòng lớn dẫn ra đường, và Al Condraj vội vã ra phòng rồi chạy biến ra giữa đám đông.

Việc đầu tiên nó làm khi được tự do là, cười, nhưng nó biết rằng nó đã bị sỉ nhục ghê gớm và nó thấy xấu hổ. Nó đâu có cái thói chôm chĩa, cầm nhầm đồ đạc chẳng phải của mình. Nó hận cái gã thộp cổ nó và cũng không ưa gì cái bản mặt ông chủ tiệm đã hành hạ nó đứng như trời trồng. Ôi! Nó cay đắng xiết bao với cái giọng của người thanh niên khi nói rằng anh ta muốn nện cái búa lên đầu nó.

Lẽ ra anh ta cần có can đảm nhìn thẳng vào mặt nó mà nói, Mày chứ còn ai nữa?

Dĩ nhiên nó đã ăn cắp cái búa và đã bị tóm tại trận, nhưng nó cảm thấy người ta không nên làm nhục nó quá vậy.

Sau khi đi bộ qua ba dãy phố, nó quyết định không về nhà ngay, nó quay lại và bắt đầu xuống phố. Nó hầu như tin rằng nó cố ý trở lại và nói một cái gì đó với người thanh niên đã túm áo nó. Rồi nó lại không chắc rằng nó không có ý định trở lại để ăn cắp cái búa lần nữa, và lần này sẽ không để cho bị bắt. Dù sao, người ta đã làm cho nó cảm thấy mình như một tên trộm, thì ít ra nó cũng phải ăn trộm cho được cái búa chớ. Giận thật!

Nói thì nói vậy chứ khi vừa bước chân đến bên ngoài cửa tiệm, nó mất bình tĩnh ra mặt. Nó đứng lóng ngóng ngoài đường, nhìn vào, ít ra cũng đến mười phút.

Rồi thì, đã bị giày vò, lại bối rối và bây giờ lại tự hổ thẹn chua chát, trước nhất vì đã ăn cắp một cái gì, rồi bị bắt quả tang, rồi bị làm nhục, rồi vì không đủ can đảm để trở lại ăn cắp cho bằng được, nó lại bắt đầu tản bộ về nhà, tâm thần bán loạn đến nỗi nó chẳng thèm chào thẳng bạn Pete Wawchek khi hai đứa đối mặt ngoài tiệm Graf.

Về tới nhà, nó quá xấu hổ đến không dám vào xem xét mớ đồ cũ của nó, nên nó uống nước thật lâu ở vòi nước ngoài sân sau. Vòi nước được mẹ nó dùng để tưới rau cỏ các loại, nào bắp cây, tiêu, cà chua, dưa chuột, hành tỏi, bạc hà, bí và cần.

Mẹ nó gọi cả công nghiệp này là vườn rau cần, và mỗi đêm hè bà thường mang ghế ra đặt quanh cái bàn mà bà đã nhờ Ondro, bác hàng xóm khéo tay, làm giúp cho với giá mười lăm xu, và bà ngồi ở bàn để tận hưởng cái dịu mát của khu vườn cùng hít thở cái mùi ngan ngát của cây lá do chính tay bà trông nom chăm chút.

Đôi khi bà còn trộn sa lách và phết một lớp pho mát trắng mỏng lên thứ bánh dẹt của nhà quê, rồi bà cùng Al ăn cơm chiều ngay trong vườn rau cần. Cơm nước xong, bà lại gắn vòi vào máy nước và tưới cây. Khu vườn trở nên mát mẻ hơn lúc nào hết và, thật là thơm tâm hồn, thật là tươi tắn xanh tốt. Nhiều loại cây khác nhau khiến khu vườn như đầy sinh khí của cây cỏ, của không khí và của hơi nước.

Sau khi uống một hơi nước dài, nó ngồi xuống nơi ngay chỗ rau cần mọc. Nó nhổ lên một nắm và nhai lai rai. Rồi bình tĩnh vào nhà và kể cho mẹ nó nghe chuyện đã xảy ra. Nó còn kể cho mẹ nó nghe cả việc nó định làm sau khi được thả, trở lại ăn cắp cái búa cho bằng được lần nữa.

Mẹ nó nói bằng thứ tiếng Anh tồi, tao không muốn mày ăn cắp. Này, mười xu đây. Mày hãy trở lại với họ, đưa họ tiền và mua cái búa đó về.

Al Condraj nói, Không, con không lấy tiền của mẹ vì một cái mà thật ra con cũng chưa cần lắm. Chả là con nghĩ con nên có một cái búa để có thể làm một cái gì nếu con thấy thích. Con có một ít đinh, một ít gỗ hộp, mà lại thiếu cái búa, thế thôi.

Mẹ nó nói, Đi mua búa ấy đi.

Al nói, Không.

Mẹ nó nói, Cũng được, cầm đi.

Bà luôn luôn nói vậy khi bà không biết nói gì khác.

Al ra ngoài ngồi trên bậc thềm. Cái việc bị nhục bây giờ mới thực sự làm tổn thương nó. Nó bỏ đi thần thơ dọc theo đường xe lửa, đến tiệm Foley, xem Johnny Gales đóng đinh hộp trong mười phút, nhưng Johnny bận quá không buồn để ý hay chuyện trò với nó, mặc dù một hôm ở lớp chủ nhật, hai hoặc ba năm trước đây, Johnny đã chào nó và nói "Mạnh giỏi không nhỏ?" Johnny làm việc nhanh nhẹn với một cái rìu be bé dễ thương và mọi người ở Fresno cho rằng hắn là một tay đóng hộp vô địch trong tỉnh. Hắn là một cái gì gần như là một cái máy nhất mà bất cứ nhà đóng hộp nào từng thấy. Chính Foley cũng rất hãnh diện về Johnny Gale

Cuối cùng, Al Condraj lại cũng lảng đãng đi về nhà vì nó không muốn bị quấy rầy. Nó không muốn một người đang cặm cụi làm việc nhận thấy rằng mình đang bị nhòm ngó và không chừng lại cầu nhàu "Ê bố, xéo chỗ khác chơi giùm con". Nó không muốn Johnny Gale giờ cái giọng kiêu cha nội như vậy. Nó không muốn rước thêm mối nhục nào nữa.

Trên đường về, nó tìm cách moi ra tiền nhưng chỉ thấy toàn những miếng kính vỡ, những chiếc đinh hoen gỉ ngán ngấm, toàn cái thứ chỉ chờ chút sơ hở là có thể cửa đứt chân trần ta ngay.

Về đến nhà mẹ nó đã trộn xà lách ra bàn, nó ngồi xuống ăn, nhưng khi nuốt đồ ăn vào miệng, nó không sao nuốt cho trôi. Xong, nó đứng dậy đi vào buồng, lấy cái hộp táo trong góc ra và sục sạo mớ đồ cũ. Tất cả đều còn đó, y chang ngày trước.

Nó lêu bêu trở lại thành phố, tần ngần trước cửa tiệm đã đóng, vẫn cảm hận người thanh niên đã bắt nó, rồi đi lai rai đến trường đua và xem hình quảng cáo hai phim chiếu ngày hôm đó.

Rồi nó lại tiếp tục thả bộ đến thư viện, xem qua loa mấy cuốn sách, nhưng nó chẳng thích được cuốn nào, nên lại lắt phất quanh thành phố thêm chút nữa, rồi vào khoảng tám giờ rưỡi tối, nó về nhà. Ngủ.

Mẹ nó ngủ sớm hơn vì ngày mai bà phải dậy lúc năm giờ để đi làm cho hãng Inderrieden, đóng hộp trái vả. Có hôm thì làm cả hai buổi, có hôm chỉ nửa ngày, nhưng dù bất cứ việc gì chẳng nữa thì

tiền bà kiếm được trong mùa hè cũng tần tiện cho hai mẹ con suốt cả năm.

Đêm đó nó không ngủ được nhiều vì không sao dứt khoát được với những gì đã xảy ra, nó lan man nghĩ ra năm bảy cách để giải quyết vấn đề cho ổn. Thậm chí, nó còn tin là cần thiết phải giết người thanh niên đã bắt nó. Nó cũng tin là cần phải ăn cắp có hệ thống và kết quả suốt cả đời. Đêm đó nóng và nó không sao chợp mắt cho được.

Nửa khuya, mẹ nó thức dậy và đi chân đất xuống bếp để uống nước. Lúc trở lên bà nói khẽ với nó, Câm đi.

Vào năm giờ sáng khi bà thức giấc thì Al đã đi khỏi, nhưng việc đó đã xảy ra nhiều lần trước đây. Nó là một thằng táy máy, và cứ như một thói quen, mùa hè là nó chạy rong suốt ngày. Nó làm bậy và phải rước lấy hậu quả. Vừa rồi nó định ăn cắp rồi bị bắt quả tang, và nó bức dọc. Bà mẹ dọn đồ ăn sáng, gói thêm phần trưa rồi vội vã ra đi, hy vọng bữa đó sẽ làm việc trọn ngày.

Hôm đó được làm trọn ngày thật, lại thêm giờ phụ trội nữa, cho dù chẳng còn đồ ăn đem theo, dẫu sao bà vẫn nhất định làm vì số tiền phụ trội đó. Hầu như tất cả những thợ gói khác cũng đều ở lại, và cả bà láng giềng Leeza Ahboot, đang làm việc cạnh bà, nói, Tụi mình làm cho đến khi hết cả việc, rồi về nhà dọn cơm tối ra ăn trong vườn rau cần nhà chị, mát tuyệt. Hôm nay trời nóng quá mà không kiếm thêm năm hay sáu mươi xu thì vô lý hết sức.

Khi hai người đàn bà về đến khu vườn thì đã gần chín giờ, nhưng trời vẫn còn mờ mờ sáng và bà thấy con trai của bà đang hí hục đóng những tấm ván hộp vào với nhau để làm một cái gì đó với một cái búa. Trông giống giống một cái ghế. Nó đã tưới vườn và dọn dẹp sạch sẽ cả sân nữa, khu vườn thêm vẻ xinh xắn, còn thằng con của bà thì đầy vẻ nghiêm trọng và bận bịu. Bà và bà Leeza vào làm cơm chiều ngay, họ hái ớt, xẻ cà chua, dưa chuột và nhiều rau cần để trộn xà lách.

Đoạn bà Leeza về nhà lấy thêm bánh mì đã nướng hôm qua, thêm một ít pho mát trắng. Và vài phút sau họ dùng cơm chiều với nhau, chuyện trò rôm rả về cái ngày thành công vừa rồi của họ.

Cơm xong, họ nấu cà phê Thổ Nhĩ Kỳ trên một ngọn lửa đốt ngoài sân. Họ nhấm nháp cà phê, hút thuốc và kể cho nhau nghe những câu chuyện cùng trao đổi vài kinh nghiệm của họ ở quê nhà và ở Fresno đây, đoạn họ nhìn vào tận đáy tách để xem coi có điều gì may mắn không, và có: sức khỏe, việc làm, cơm tối ngoài trời vào mùa hè và đủ tiền tiêu suốt năm.

Al Condraj loay hoay làm việc và nghe lỏm một vài chuyện họ bàn thảo, đoạn bà Leeza về nhà để ngủ, xong mẹ nó quay sang hỏi, Mày lấy cái búa đó ở đâu vậy, Al?

Con lấy ở tiệm.

Mày lấy bằng cách nào? Bộ ăn cắp nữa hả?

Al Condraj đóng xong ghế, ngồi lên. Không, nó nói, Con không ăn cắp.

Thế mày lấy bằng cách nào?

Al nói, Con làm việc ở tiệm để đổi lấy nó.

Cái tiệm mà hôm qua mày lấy cắp ấy à?

Vâng.

Ai cho mày việc làm?

Ông chủ.

Mày làm những gì?

Con khiêng các món hàng đến các quầy.

Bà mẹ nói, Ờ thế thì hay đấy. Thế mày phải làm bao lâu để đổi lấy cái búa nhỏ này?

Al nói, con làm cả ngày. Con mới làm được một giờ thì ông Clemmer cho con cái búa, nhưng con cứ tiếp tục làm việc. Cái anh bắt con hôm qua chỉ cho con việc phải làm, và tụi con làm chung. Tụi con không nói chuyện, nhưng tối đến anh ta đưa con đến văn phòng ông Clemmer và bảo với ông là con đã làm việc chăm chỉ suốt ngày và phải được trả ít nhất là một đồng.

Bà mẹ nói, Hay! Hay đấy.

Thế là ông Clemmer đặt một đồng bạc lên bàn cho con, đoạn cái anh bắt con hôm qua bảo với ông chủ là tiệm cần một thằng bé như

con mỗi ngày, một đồng một ngày, và ông Clemmer nói con có thể nhận việc đó.

Bà mẹ nói, hay quá, vậy là mày có thể kiếm được tiền cho chính mình.

Al Condraj lại nói, Con để đồng bạc lại trên bàn ông Clemmer, và con bảo với cả hai người là con không muốn làm việc đó.

Bà mẹ nói, Sao mày lại nói vậy? Một đồng mỗi ngày cho một thằng bé mười tuổi là khá quá đấy chứ. Sao may khờ quá vậy con?

Thằng bé nói, Vì con ghé cả hai người họ. Không bao giờ con đi làm cho những người như vậy. Con chỉ nhìn họ rồi nhặt cái búa lên và, đi ra. Con về nhà và đóng cái ghế này.

Mẹ nó nói, Được rồi, Câm đi.

Mẹ nó vào nhà đi ngủ, nhưng Al Condraj nấn ná ngồi lại trên cái ghế mà nó vừa mới đóng xong, thưởng thức hương thơm vườn rau cần và không còn thấy nhục nhã nữa.

Nhưng không gì ngăn nó căm ghét hai người kia được, cho dù nó vẫn biết rằng họ không có cách gì hành động khác hơn.

Chương 5

Những trái cam

Một truyện viết về tâm trạng của những đứa trẻ không được sung sướng ngay từ khi mới lọt lòng, sinh ra trong những gia đình lu bù, nghèo nàn, như uất, đời khổ, thất vọng, cô đơn, quanh quẩn và thiệt thòi trăm bề giữa cuộc đời phù phiếm.

Họ bảo nó, đứng ở góc đường và cầm hai quả cam, rồi khi có một chiếc xe hơi chạy ngang, hãy cười và đưa cam lên vẫy họ. chú Jake của nó nói, nếu họ mua một quả thì năm xu, ba quả thì mười xu, ba mươi lăm xu một chục. chú nói, cười tươi lên. Cháu cười được mà Luke. Thỉnh thoảng mình cũng phải cười chứ phải không nào?

Nó cố gắng để cười nhưng chú Jake nhăn mặt khủng khiếp, nên nó biết mình cười tồi lắm. nó ước rằng nó cũng được cười lớn như những người nào khác, chỉ có cái là họ không phải bàng hoàng và bối rối như nó.

Chú Jake nói, Cả đời tao chưa bao giờ thấy một đứa bé nào kiên khổ như vậy bao giờ. Chú nói, Luke ạ.

Chú ngồi xổm xuống, nghiêng đầu ngang với đầu nó, để chú có thể nhìn vào mắt nó, vừa hướng dẫn vừa nói chuyện với nó.

Chú nói, Luke ạ, nếu cháu không chịu cười, họ sẽ không mua cam đâu. Thiên hạ thích thấy một thằng nhỏ vừa cười vừa bán cam. Điều đó làm cho họ cảm thấy sung sướng.

Nó lắng nghe chú nó nói, nhìn vào mắt chú, và nó hiểu lời chú. Tuy nhiên điều nó cảm thấy là, Jake cũng bối rối quá lắm, nó thấy chú ấy đứng dậy cùng một tiếng rên nhỏ, y như bố nó cũng thường rên rĩ vậy.

Chú Jake nói, này Luke, đôi khi cháu cũng cười được chứ phải không?

Vợ Jake nói, không riêng gì nó, nếu anh chẳng phải là một tên hèn, thì anh hẳn đã đi bán cam lấy. Anh cũng thuộc về một giuộc với cái thằng anh chết bầm của anh dưới đất ấy.

Chính điều đó mới làm nó khó cười hơn, Cái kiểu mà người đàn bà này luôn ăn nói là như vậy, không phải chỉ nơi những lời lẽ, mà cả cái bần tiện nơi giọng nói của cô ta nữa, luôn luôn giằng xé chỉ chiết chú Jake. Làm sao mà cô ta lại mong chú ấy cười cho được hoặc cảm thấy yên lòng khi mà cô ta lúc nào cũng chê bai nó tồi, cả họ hàng nhà nó đều tồi bại?

Jake là em của bố nó, và Jake trông giống bố nó như tạc. Dĩ nhiên cô ta luôn luôn nói rằng bố mày chết đi mà lại hay đấy, vì thằng chả chẳng biết bán biếc gì ráo, cô ta cứ nằng nặc bảo Jake, rằng đây là Huệ Kỳ, anh phải năng đi lại gặp gỡ này nọ và làm cho mọi người thích mình. Và Jake chỉ biết nói, làm cho họ ưa thích anh ư? Làm sao anh khiến họ cho được chứ? Và cô ta luôn nổi giận với chú, và cô nói như tát vào mặt chú, ối cái đồ dở hơi thôi tha. Nếu tôi không phải mang thai, là tôi đã đi làm ở Rosenberg và nuôi anh như nuôi con vậy.

Jake có cái vẻ tuyệt vọng hết như bố nó, lúc nào cũng tự giận mình và muốn người khác được sung sướng, Jake cứ bảo nó cố mà tập cười cháu ạ.

Jake nói, được rồi được rồi khổ quá nói mãi, cứ giết quách tôi đi, làm tôi hoá điên lên mất. Thật vậy, thà chết còn hơn. Đến mười hộp cam mà trong nhà không có lấy một xu và chẳng có gì để ăn cả. Thà chết còn hơn. Chú nói, tôi đứng ngoài đường cầm cam ư? Không chừng tôi phải đẩy xe chở hàng đi khắp đường phố? Thà chết còn sướng hơn.

Rồi Jake nhăn mặt, trông nào lòng quá, như thể chưa có ai trên đời buồn khổ đến vậy, ngay cả nó cũng thế, và nó ước gì có thể bặm miệng nín khóc vì trông Jake buồn thảm quá. Thêm vào đó, vợ Jake bưng bưng cơn giận hơn bao giờ hết và bắt đầu tru tréo kèm theo cái lối khóc lóc uất hận đáng cay, và ta hẳn phải cảm thấy mọi sự khủng khiếp đến dường nào bởi cô ta không khóc vì buồn, cô khóc giận dữ, khiến Jake nhớ lại các giấy nợ và những buổi khó

khăn cô cùng trải qua với chàng và về đứa bé trong bụng cô sẽ sinh ra, cô nói, chà, lại rước thêm một thằng đàn nữa về trên cõi đời này thì liệu có ích gì cơ chứ?

Một hộp cam trên sàn nhà, cô nhặt lên hai quả với khóc với nói, tháng mười một mà trong lò cũng không có tí lửa, chết cóng cả lũ. Nhà lẽ ra phải đầy mùi thịt. Cô hét tướng lên, này ăn đi. Tọng cam vào họng các người đi. Ăn cho chết luôn. Rồi cô khóc lóc, bù lu bù loa, khóc đầm đìa.

Jake buồn quá không nói được. Chú ngồi bệt xuống và bắt đầu run rẩy, nhìn như điên như dại. Thế mà họ lại bắt nó cười. Vợ Jake vẫn cứ đi ra đi vào, tay cầm cam, khóc lóc và kể lể về đứa con trong bụng cô.

Một lát. Cô nín bật.

Cô nói, thôi bây giờ đem nó ra góc đường coi thử có kiếm được chút gì không.

Jake gằn như điếc, có vẻ vậy. Chú chẳng buồn ngẩng đầu lên, chỉ tỏ khiến cô vợ tức lộn máu, cô hét tướng lên.

Đem ra góc phố. Bảo nó cười với người ta. Rồi cũng phải ăn iếc gì chứ.

Sống có ích gì khi mà tất cả đều thối nát và chả ai biết làm gì cả? đến trường học toán, đọc thơ, vẽ những quả bí, tất cả những thứ đó làm quái gì chứ? Ngồi trong căn buồng lạnh lẽo cho đến giờ đi ngủ để nghe Jake và vợ liên tu chửi bới nhau, và vừa đi ngủ vừa khóc rồi tỉnh thức nhìn bầu trời ảm đạm, cảm thấy cái khí lạnh ngấm vào xương tuỷ và run lẩy bẩy, ôm cái bụng lép kẹp đi bộ đến trường và ăn cam thay bánh, để làm cái quái gì mới được chứ trời?

Jake bất thần nhảy bổ dậy và hét tướng lên với vợ. Chú nói rằng chú sẽ giết cô ấy và tự đâm vào tim mình, thế là cô vợ được trón khóc toáng lên, xé áo tòng ngồng rách đến hông. Được rồi, chết hết cả lũ còn hơn, giết tôi đi, giết tôi đi cho rồi! Nhưng Jake lại choàng tay ôm lấy vợ và dặt nàng vào buồng trong. Nó còn nghe được cô ta vừa khóc vừa hôn Jake và bảo rằng chú ấy chỉ là một đứa trẻ, một đứa con nít to xác và chú ấy cần cô ấy như cần mẹ hiền vậy.

Nó đã đứng mãi ở góc phố, và tất cả xảy ra quá nhanh, đến nỗi nó không để ý là đã mệt phờ ra như thế nào, nhưng mà mệt và đói làm sao, nên nó ngồi phệt xuống đất. Sống làm quái gì khi mà chỉ có một mình trên cõi đời, không cha không mẹ và không ai để thương yêu vỗ về mình cả? nó muốn khóc vỡ ra nhưng để làm quái gì khi mà khóc cũng chả nhằm nhò gì cả?

Một lát sau, Jake từ trong buồng bước ra và cố mỉm cười.

Chú nói, Luke ạ, cháu phải cầm hai quả cam to và vẫy người ta khi họ lái xe ngang qua, và cười. Xoẹt một cái là bán được ngay một hộp, yên chí đi Luke ạ.

Nó nói, cháu sẽ cười. Một quả năm xu, ba quả mười xu, một chục ba mươi lăm xu. Mại vô! Mại vô!

Jake nói, Đúng vậy, đúng vậy đó.

Jake nhắc hộp cam ra khỏi sàn nhà và bắt đầu đi về phía cửa sau.

Ngoài đường cũng quá buồn, Jake bê hộp cam, còn nó thì đi cạnh Jake, lắng nghe Jake bảo nó phải cười tươi như thế nào. Bầu trời thì thăm đậm, và cây thì trụi lá tro cành, con đường thì trống chéch đến tức cười, còn mùi cam thì thanh sạch và thơm tho, những trái cam nhìn mê luôn. Những trái cam trông tươi tắn, xinh đẹp bao nhiêu thì trông họ buồn cười và ảo não bấy nhiêu.

Đây là góc đường Ventura, xe cộ nối đuôi nhau chạy qua, Jake đặt hộp cam bên vệ đường.

Chú nói, một mình thằng bé thôi là trông hay nhất. Chú về nhà trước nhé, Luke.

Jake lại ngồi xổm xuống nhìn vào mắt nó. Luke, cháu không sợ gì chứ? Chú sẽ trở lại trước khi trời tối. Cũng đến hai tiếng đồng hồ nữa trời mới tối. Hãy phấn khích lên mà cười với người ta.

Nó nói, Cháu sẽ cười.

Rồi Jake nhảy bổ dậy, như thể nếu không nhảy bổ lên như thế thì chàng ta sẽ không bao giờ có thể đứng lên được, và chàng ta đi vội xuống đường, rào bước, thấy mà chán ngán, một quả năm xu, ba quả mười xu, một chục ba mươi lăm xu, một quả...

Nó nhặt hai quả to nhất, cầm trong tay phải, giơ tay lên khỏi đầu. Không ổn, có vẻ buồn. Cầm hai quả cam to trong tay, giơ lên khỏi đầu và sẵn sàng cười với thiên hạ lái xe ngang qua để làm quái gì?

Hình như lâu lắm mới có một chiếc xe từ con đường tỉnh chạy lên, ngay cạnh nó, và khi xe đến gần hơn nó thấy một người đàn ông ngồi lái, ở băng sau thì có một bà và hai nhóc tí. Nó cười tươi lắm khi họ đến thật gần, nhưng trông chả có vẻ gì là họ sẽ ngừng lại, nên nó đưa lên vẫy và tiến gần ra đường hơn. Nó nhìn họ và cười thêm chút. Nó không thể cười tươi hơn nữa, vì như vậy là làm cho đôi má của nó mệt quá. Người ta chẳng dừng cũng chẳng thèm cười lại. Con bé gái trên xe nhăn mặt với nó như thể con bé cho là nó có cái nhìn hạ tiện lắm. Đứng ở góc phố, cố bán cam cho những người nhăn mặt giấu mình chỉ vì mình cười, và muốn họ ưa thích mình để làm quái gì cơ chứ?

Làm đau bắp thịt mình chỉ vì có người giàu kẻ nghèo, người giàu thì lo ăn và ham cười cợt, còn người nghèo thì không có ăn và luôn chửi bới, gấu ó nhau và dọa giết nhau để làm cái quái quỷ gì?

Nó hạ tay xuống, thôi cười, và nhìn sang ống nước cứu hoả. Bên kia ống nước cứu hoả là đường mương và bên kia đường mương là con đường Ventura.

Hai bên vệ đường có nhà cửa, trong nhà có những người những ngợm, và cuối đường là miền quê với những vườn nho, vườn rau các thứ và suối khe, những cánh đồng và núi đồi thơ mộng. Bên kia núi non là phố phường rộn rã. Thử hỏi, sống trên đời này để làm quái gì ngay khi chỉ nhìn ống nước chữa lửa mà chẳng thể cầm được nước mắt?

Một chiếc xe hơi khác chạy ngược lên, nó lại giơ tay và bắt đầu cười, nhưng khi xe chạy ngang nó lại nhận ra là các người ngồi trên xe chẳng ai buồn nhìn đến nó. Năm xu một quả. Họ có thể ăn cam được mà. Sau khi ăn bánh và thịt họ có thể dùng cam nữa chứ. Lột vỏ gửi cái mùi thơm và ăn. Họ có thể dừng xe lại và mua ba quả với mười xu. Rồi lại một chiếc khác nữa chạy qua trong khi nó cười cười vầy vầy, nhưng người ta chỉ hững hờ nhìn nó, vậy thôi. Phải chi họ cũng cười cười lại một chút thì đỡ tủi biết mấy, đảng này..Nhiều

xe tiếp tục lướt qua và dường như là, nó nên ngồi xuống, thôi cười và khóc vì khủng khiếp quá đi mất. Họ chẳng muốn mua cam và lại không ham nhìn nó cười theo cái lối mà chú Jake bảo là họ sẽ khoái.

Trời nhá nhem tối và có tận thế đi nữa nó cũng chẳng thiết. Nó mơ hồ tin rằng nó sẽ còn đứng đó, giơ tay lên và cười cho đến khi tận thế.

Nó thầm đoán rằng, nó sinh ra chỉ để làm vậy, chỉ để đứng ở góc phố, giơ cam lên vẫy và cười với thiên hạ cùng những giọt nước mắt to tướng và nóng hổi lăn trên gò má cho đến ngày tận thế. Tất cả đều đen tối, trống rỗng, và nó thì cứ đứng đó cười cho đến khi gò má đau buốt, và khóc lặng lẽ vì chẳng ai cười lại với nó, và cả thế giới có muốn chìm vào bóng tối và tiêu tán thành tro bụi, và Jake có thể chết, và cô vợ chú cũng thế, tất cả nhà cửa đường phố người ngợm sông ngòi cánh đồng bầu trời có thể tiêu ma đến tận cùng, và có thể chẳng còn ai trong cõi người ta này, hay một con đường hoang vắng, một cửa sổ tối đen một cánh cửa vừa khép kín vì họ không muốn mua không muốn cười với nó, và cả thế giới đều có trôi biến về tận cùng, nó cũng cóc cần. Cóc cần tí nào, phải không?

Chương 6

Người nông dân

Cha tôi là một kiều dân, ông còn là một mục sư trưởng giáo hội và là một thi sĩ, nhưng cũng là gốc gác một nông dân. Nhưng truyện này không để nói về ông. Truyện kể về một trong những người nông dân di cư vào khúc quanh của thế kỷ, từ những miền cao nguyên Armenia đến những thung lũng ở California. Tôi nghĩ rằng, có lẽ tôi nên viết về những người và những sự việc nào đó thật nhanh, ngay lập tức, vì nếu không, tôi sẽ quên bẵng mất, và tôi cho rằng bổn phận của mình là không được như thế. Hầu như tất cả mọi sự của một lúc nào đó, những diễn biến đều bị quên lãng và phai nhòa đi mất, nhưng một nhà văn phải cố gọi lại ít ra là một khía cạnh tượng trưng của sự việc. Các con cái và cháu chắt của người kiều dân kia đã hành trình một cách vĩ đại, chậm chạp, gian khó đầy tổn kém và hầu như luôn luôn đau khổ từ cựa đến tận thế giới, để rồi hầu như Người còn biết đến cụ già tiên phong ấy nữa – chà, cái ông cụ mới vui tính làm sao, và con cháu thì muốn các bậc cha ông phải luôn khiến người ta khâm phục chứ không phải để pha trò.

Có một người tên là Sarkis từ làng Gultik tận cái xứ sở xa xôi Armenia, đến Hoa Kỳ năm 1908 khi anh ta chưa đầy ba mươi. Anh là một nông dân với mái tóc dày rậm và bộ ria đen rộng. Anh nặng khoảng chín chục ký nhưng không đến nỗi phục phịch gì mấy, và đặc biệt anh luôn có cái vẻ u buồn đến khác lạ. Ở Gultik, anh là những gì của bình thường (đến tầm thường) – và với anh, cũng chẳng có ai quan trọng chi cả - nhưng anh giao tiếp rất khéo và có lắm bạn hữu: nào là dân Armenia, Kurd, Thổ, Ả Rập, nào là Do Thái, Hy Lạp, Bulgaria, và các bản dân của nhiều bộ lạc và các quê xứ tí tì nào khác. Anh nói tiếng Armenia và ít nhiều tiếng Thổ, Kurd và cả Ả Rập với những người Tiểu Á này, đến khi rời bỏ nơi đây, Gultik đã để lại khá nhiều bạn bè.

Anh đến New York vào tháng năm, năm 1908.

Thật là một nơi chỉ tổ làm cho người ta bối rối và chả có một ai để bầu bạn chuyện vặt cả. Ở New York những năm tháng ấy rất ít người nói được hơn ba thứ tiếng Armenia, Kurd, Thổ hay Ả Rập. Thật là cô đơn hết cỡ thợ mộc.

Anh bèn đến Lynn, thuộc Massachusetts, xin việc trong một hãng giày và bắt đầu học chút tiếng Anh.

Việc thì nặng nhọc lắm, nhất là đối với những người to con. Không phải là việc bằng đôi chân, bằng đôi vai hay thân thể cường tráng của mình, nó là thứ việc khiến người ta phát điên lên được, làm rì mọ bằng những ngón tay và vài ba cơ bắp của cánh tay, và hẳn nhiên cả với mắt nữa.

Anh làm ở hãng giày một năm và càng lúc càng cô đơn. Cũng có vài gia đình người Armenia ở Lynn, nhưng anh không thích họ. Họ không giống những người ở Gultik.

Một đêm, anh say khướt và một vị mục sư người Armenia gặp anh ngất ngưỡng qua các đường phố. Họ dìu nhau về nhà ông mục sư.

Ông mục sư người Armenia hỏi, Này con, con buồn gì quá vậy?

Người nông dân rên rỉ, Ôi, Cha ời, con cô quạnh quá thể!

Ông mục sư nói, Chúa là Cha của con.

Anh nông dân nói, Điều đó hay lắm, nhưng Cha ạ, con cô đơn. Không có ai để con trò chuyện gửi gắm. Ở Gultik con quen thân tất cả mọi người, cả Đạo lẫn đời. Ô, Cha ời, ở Gultik đời nó đẹp để biết chừng nào!

Ông mục sư nói, Con phải lấy vợ thôi.

Anh nông dân đáp, Đúng quá! Đúng quá!...Này Cha, Cha tìm cho con một người đàn bà đẹp, biết nấu nướng linh tinh, biết nói tiếng Armenia hay ít ra một tiếng gì khác, chẳng hạn như Kurd, Thổ hay Ả Rập gì gì đó, thì con sẽ xin rước nàng ngay.

Mục sư đưa anh nông dân về nhà và giúp anh ngủ ngon. Một tuần sau anh nông dân nhận được lá thư của vị mục sư, anh đọc đi đọc lại nhiều lần. Trong thư, mục sư nói rằng ông đã tìm được cho

anh một cô gái ngoan, và bảo anh đến gặp ông ngay, anh nông dân đọc lá thư đến những năm mươi lần, chẳng lá thư cũng không dài gì mấy.

Rồi anh đóng bộ áo quần vía nhất vào và đến nhà ông mục sư.

Anh nói, Cha à, nàng biết nấu ăn chứ? Đó là điều con muốn biết. Nàng nấu các món đặc sản quê mình được không? Bụng dạ con đã tẩu hỏa nhập ma vì các thực phẩm lạ hoắc lạ hươ của cái xứ sở này rồi, Cha ạ. Cô gái đó biết nấu ăn, phải không? Nàng biết hát nữa chứ đang óc trong nhà Cha không, thưa Cha?

Mục sư đáp, Không, con ạ. Nàng không có ở đây, chúng ta sẽ đi đến nhà nàng. Và họ bắt đầu đi bộ khoảng một dặm đến nhà cô gái.

Công bình mà nói thì nàng cũng có phần xấu gái.

Anh nông dân đứng trong nhà, lòng tan ná quá đỗi vì lắm điều bất hạnh đến trong đời anh: mất xứ Gultik, mất luôn cả bao nhiêu là bạn bè, rồi cái công việc khốn kiếp ở hãng giày, nỗi cô đơn giày vò, niềm khao khát thức ăn hợp với khẩu vị của chốn quê nhà, cần một người ngoan và xinh xinh chút đỉnh để hát cho anh nghe, rồi thì, người đàn bà này, một người Armenia đích thực, chắc hẳn là một người đàn bà thuộc loại đức hạnh bậc nhất có lẽ là một đầu bếp tuyệt hảo nữa, lại thành thạo với kim chỉ, nhưng dù sao đi nữa – không, anh không muốn nàng, nàng làm cho anh cô đơn hơn bao giờ hết.

Anh lấy trong túi ra một điều thuốc và vừa bật diêm vừa kêu lên, Cha ơi, miễn thứ cho con, con phải hút một chút mới được.

Mục sư nói, Đây, để mũ đây. Chúng mình vào trong nhà ngồi đi. Ta quên chưa cho con biết tên nàng. Nàng tên là Elizar Iskanderian.

Anh nông dân để mũ xuống và hít một hơi thuốc thật dài.

Anh nói, Vậy đấy, Tên nàng là vậy đấy, con cứ tin lời Cha. Rất hân hạnh, anh nói với cô gái.

Mục sư nói, Rồi con sẽ gặp cha mẹ nàng. Họ là những người tuyệt lắm.

Anh nông dân nói, Con cũng biết thế Cha ạ, họ hẳn là những người tế nhị, như chính cái buồng này chứng tỏ điều đó. Con không

do dự lấy một giây mà nhận ra ngay rằng họ là những con người thương hảo hạng.

Anh hít một hơi, nhìn người đàn bà lần nữa, và nói, Thật là thương hảo hạng! Xin lỗi Cha.

Cha mẹ cô gái đến gặp người nông dân và hỏi tên anh.

Anh nói Sarkis Khatchadourian, từ Gultik qua. Lìa khỏi lòng quê nhà ăm cúng. Mười lăm tháng ở Mỹ. Lạc lõng giữa hoang vu. Một tên nô lệ. Khốn đốn và cô độc. Xin lỗi Cha chứ cái thế gian này nhục nhả biết bao.

Cô gái nấu cà phê Thổ: uống đỡ tẻ. Nàng hát: nghe không nổi.

Anh nông dân ngồi trên ghế u buồn mơ mộng về chốn quê nhà.

Anh móc đồng hồ vàng ra xem.

Anh nói, Xin quý đồng hương miễn thứ cho, tôi đã thích thú quá. Giờ thì tôi phải đi. Cầu Chúa phù hộ quý vị. Xin chào.

Vị mục sư rời nhà cùng với anh.

Sao? Mục sư nói, Con thấy thế nào?

Anh nông dân nói, Cha ạ, con không thể nào nói để Cha biết là con cơ khổ làm sao. Nàng là người đàn bà ngoan, nàng pha cà phê ngon tuyệt, còn giọng nàng có thể sánh với tiếng hót chim hoạ mi, nhưng thưa Cha, nàng có một cái gì đó, một chút gì đó khiến con buồn khôn tả. Không, con không muốn ở chung với nàng dưới một mái nhà, con xin Cha.

Mục sư nói, Con sẽ tập yêu nàng.

Anh nông dân nói, Cha ạ, con không muốn tập. Xin lỗi Cha, con khổ quá!

Mục sư nói, Đó chỉ là vấn đề thời gian. Một tuần hai tuần, một tháng hai tháng, một năm hai năm, một đứa con rồi thêm một đứa nữa, rồi thì, gì nữa? Con có gia đình, có con cái, năm tháng sẽ êm đềm trôi qua.

Anh nông dân nói, Xin Cha tha lỗi cho con, con mang ơn Cha nhiều lắm. Cái chuyện con con ấy mà. Nhưng, Không. Không một tuần, không hai. Xin kiếu Cha.

Thôi chào con, mục sư nói.

Một người Armenia khác từ California đến Lynn, và một buổi chiều Sarkis gặp người này trong một tiệm cà phê, uống chút đặc sản với y và người kia nói về California cho Sarkis nghe.

Người kia nói, Nó là một xứ Armenia khác nữa. Có ánh mặt trời, nho, đồng cỏ, cây ô liu, cây vả, suối, bò...

Anh nông dân mừng rỡ kêu lên, Bò à, bạn đồng hương ơi, phải bạn vừa nói đến bò không?

Người kia nói, Cả trăm con.

Anh nông dân thôn thức, Trời ơi, Bò!

Anh hỏi, Thế còn việc làm? Việc làm cái kiểu nó ra làm sao?

Người kia nói, Việc nông trại.

Anh nông dân nói, Trời ơi! Và dưới ánh sáng mặt trời, anh mơ mộng. Anh kêu lên, Bạn đồng hương thân mến ơi, vậy có nhiều đồng bào ta ở đó không? Đó mới là vấn đề chứ.

Người kia nói, Nhiều, nhiều vô kể.

Anh nông dân nói, Trời ơi, thế thì tôi sẽ đi Cali.

Và anh đi thật.

Anh đến California vào tháng tám, đúng lúc mùa hái nho. Việc này đỡ khổ hơn là làm ở hăng giày, nhưng cũng có những điểm khó chịu khác. Phụ phen đa số là người Mỹ hay người Nhật. Dân tình lạ lẫm. Anh muốn bắt chuyện nhưng chẳng ai hiểu anh muốn gì, nên đành phải cúi mũi làm việc và câm như hến.

Công việc là phải cắt một chùm nho dưới gốc, xong đặt lên cái khay gỗ dưới ánh nắng, và khô đi, thành nho khô. Sau khi nho đã khô một bên, hai người phu đi dọc xuống một đường, nhấc khay lên đổ nho qua khay khác, để mặt trời sấy khô luôn bên kia.

Làm việc này chung với một người Mỹ, một đồng sự mà mình không thể nói chuyện được. thật là oái oăm, chẳng thú vị chút nào.

Cứ lật khay qua lại hàng giờ với Mỹ, chán bỏ xừ.

Anh làm việc suốt mùa hè, còn mùa đông thì cày đất và tỉa lá, mỗi chủ nhật thì ra phố, đến một quán ở đường Mariposa uống rượu đặc

sản và cà phê, chơi giỡn vài trò giải trí cò con, và chuyện văn tòng tuềnh với nhóm đồng hương. Những người gặp ở đây đều là dân mới.

Một chủ nhật nọ, một người đến quán cà phê này trong khi anh nông dân đã ngồi sẵn ở đó, người này tên là Arshag Dombalian có quen với Sarkis khi còn ở quê nhà. Thuở ấy họ thường qua lại với nhau. Sarkis quá sung sướng khi gặp lại được người anh em Gultik này ở California.

Họ bắt tay nhau trịnh trọng và cảm động đến muốn khóc. Arshag Dombalian nói, Anh Sarkis này, anh mạnh giỏi chứ?

Sarkis đáp buồn bã, Tôi mạnh, mạnh lắm. Thế còn anh?

Arshag nói, À, tôi cũng khá, bạn ạ. Người bạn xứ Gultik ời, chứ bạn có thích Hoa Kỳ không?

Sarkis nói, Hoa Kỳ ấy à? Tôi phải trả lời bạn ra sao đây? Đến, đi và lật khay với những người quen kẻ lạ. Chỉ vậy thôi. Đi, đến, đi, đến, quen lạ, lạ quen và lật khay. Họ là ai, làm sao chúng ta biết được hỏi bạn? Chúng ta chưa từng thấy họ trước đây. Họ thuộc về quê xứ nào tầm tắp? Họ nói năng thứ tiếng gì gay cấn quá. Ai mà biết?

Một năm, sau khi đến California, Sarkis Khatchadourian lấy vợ. Nàng thuộc về những người ít danh giá hơn cô gái ở Lynn, nhưng nàng tròn trịa, bầu bĩnh hơn, ngăm ngăm đen dễ thương hơn. Năm sau cô gái này sinh cho anh một thằng con. Anh làm việc chăm chỉ và để dành được hơn ba trăm đô la, anh mua trả tiền mặt một vườn nho mười mẫu. Giờ đây anh là một trại chủ. Anh có ngựa, một con bò, một ngôi nhà, một người vợ đảm, một đứa con kháu.

ông mục sư nói, một thành hai, hai thành ba, ba thành bốn: ngày, tháng, năm và trẻ con. Tất cả đều tốt đẹp lắm, anh hẳn không nói là không tốt đẹp, nhưng anh chẳng biết nó ra làm sao. Anh đâm ra phát tài. Anh kiếm tiền, mua thêm đất, cày cấy, trồng trọt, tĩa tốt, vun tưới, và gặt hái. Cái vườn nho mười mẫu của anh nó lớn dần lên cho đến khi thành ba mươi, rồi bốn mươi, rồi năm mươi.

Rồi anh dựng một ngôi nhà khang trang hơn, có điện, có máy hát, một chiếc xe, và anh đưa vợ con đi phố ăn kem, uống sô đa,

anh cũng đưa họ đi xem xi nê. Năm tháng trôi qua. Thằng con cả tốt nghiệp trung học và anh nông dân vào ngồi trong giảng đường nhìn thằng con lãnh văn bằng, vui đầm lẹ. Tất cả đều tốt đẹp. Anh biết mọi thứ rồi sẽ rục rở. Thằng cả lấy một con bé người Armenia nhưng sinh ra ở California, chúng nó tậu một vườn nho nhỏ. Đám cưới có âm nhạc, hát và nhảy theo kiểu Armenia, Thổ và Kurd chính hiệu. Thằng kế không những tốt nghiệp trung học mà nó còn đi Berkeley và tốt nghiệp đại học. Thật là rạng rỡ.

Tất cả đều tuyệt diệu. Sự thay đổi ở anh được thấy trong đời sống và trên thế gian, ngay trước nhãn tiền. Điện thoại. Xe hơi. Máy cày. Máy hút bụi. Máy giặt. Tủ lạnh. Máy truyền thanh. Con trai con gái nói tiếng Anh, viết và học nhiều thứ. Thật là một thời buổi lớn một thời đại vàng son.

Thế nhưng chẳng biết làm sao, nó vẫn buồn quá. Anh không sao hiểu được. Ở Gultik cũng tươi đẹp lắm, ở đó người ta biết rõ kẻ đang nói với mình là ai. Ả Rập. Ả Rập: Kurd, Kurd: Thổ, Thổ; người ta biết tổng tông ton, cả mặt, mắt, mũi, kể cả cái mùi hăng hắc nồng nôi của đồng áng. Đó là quê nhà. Người ta nói chuyện và cảm xúc tường tận với người và việc mình đang bàn đến. Nhưng ở Hoa Kỳ thì thế nào? Anh chẳng bao giờ quên trạng thái kỳ dị mà khó tả ấy ra sao.

Đôi khi có những nhân vật Armenia quan trọng, những người làm chính trị hay kinh doanh chuyên nghiệp đến thăm anh. Cùng nhấm nháp cà phê, họ nói, Này bạn đồng hương, anh có thích Hoa Kỳ không? Và anh luôn nhìn vào mắt họ, những người cùng quê xứ thân yêu của anh, và nói, Tôi biết gì nào? Đi, đến và lật khay với những người quen quen lạ lạ, nó làm sao ấy!

Chương 7

Người gác thang máy vô địch thế giới

Những người làm các công việc đều đều và buồn tẻ, như những người trong truyện này, không thể nào mà không thấy kỳ cục cho được. Một số người làm việc gác thang máy mà tôi được biết hầu như điên loạn hoàn toàn, dù điên một cách tàng tàng, vất vả không đáng kể.

Ngày nay hầu như tất cả những thang máy đều được tự động hoá, nhưng vẫn còn lại những người bồi gác thang máy để các nhà nghiên cứu xã hội và nhân chủng học chú tâm đến họ, khi chiếc thang má lên hay xuống, đàn ông hay đàn bà, đứng đợi sẵn đó, đoạn mở cửa một cách trì hoãn vô cảm. Cũng có một cái gì đó không may xảy ra cho cơ thể họ. Thế nên họ, ngày một trở nên lảm nhảm nói.

Đâu vào khoảng năm 1917, có một người bồi thang máy, chỉ có một tay, ở nhà hàng mới toanh tại cao ốc Ý Đại Lợi, thật là một gã tàng tàng chính hiệu Anglo Saxon, thấp kém, khốn cùng, và có tật rửa thầm hay lau bầu trong miệng với những ai lỡ bước vào thanh máy y gác, cái thang máy không có cửa đề phòng bên trong, cho nên ít ra cả chục lần lên xuống thang máy, tôi đều nghe y câu kính với một ai đó. "Cứ việc thò đầu ra đi, chẳng mấy chốc sẽ thành đồ ăn cho chó nó gặm".

Chúa ơi, làm sao mà hắn vừa có thể đặt chân xuống đất vừa mở cửa cho khách ra, rồi tiếp tục thăng thiên lên tầng thượng, mọi chi tiết nhỏ nhoi phải đúng giờ giấc một cách toàn hảo. hoàn thành tất cả mà vẫn phải tỏ ra nhũn nhặn, khiêm tốn, tử tế, nhịn nhục, hào phóng và vui tính, phải để tay xuống cách nào sau khi cánh cửa được xoay vào trong, rồi lại nghiêng đầu chào một cách nào đó, vừa để thừa nhận sự quan trọng của người khách, một nha sĩ hay một luật sư, Doc Morrow hay Will Colinet, vừa để cho thấy mình làm việc một cách đẹp đẽ, khéo léo đâu vào đó, duyên dáng và thanh thoát.

Thật là một thứ bệnh kinh phong đáng sợ.

Ai cũng thán phục cái cách hấn điều khiển thang máy. Hầu như tất cả các nhân vật có đôi chút quan trọng trong thành phố đều đã có ít nhất một lần bước vào thang máy của hấn và để ý đến cái kiểu hấn cho thang máy chạm đất, giảm tốc độ một cách nhẹ nhàng, ngưng lại thật êm ái, thang máy đu đưa lên xuống sao cho thật thanh thản, nhất là vào mùa hè, khi khí trời quá oi bức và yên tĩnh, trong khi người ta có thể đang mơ mộng lan man các thứ. Những nhân vật vĩ đại như ông toà Clearly phục tài hấn sát đất.

Một hôm ông toà Clearly bảo hấn, này Elmer, thật ra tôi sẽ chẳng ngạc nhiên chút nào nếu như người ta bảo anh là người bồi thang máy giỏi nhất tỉnh.

Elmer chẳng bao giờ để ý là mình đang làm công việc tuyệt đến thế nào, hấn chỉ biết làm và mặc kệ nó như vậy. Hấn không hề bận tâm đến công việc chi mấy, hấn chỉ mơ mộng suốt ngày rồi thì về nhà. Nhưng khi ông toà Clearly nói ra những điều ấy, Elmer đâm ra nghĩ ngợi lao lung.

Hấn nghĩ, Chúa ơi, mình tốt nghiệp trung học đâu phải là thứ bỏ.

Làm tất cả những bài tập hóc búa và môn nào cũng được điểm cao đâu có phải là vô bổ. Có thể là hấn không biết đấy thôi, nhưng chưa chừng trên phương diện một người bồi thang máy, hấn là một cái gì hết sức mới mẻ cũng nên. Hấn lãnh lương bằng cả Alvin Hill, một người đã ngoài năm mươi, lúc nào cũng tỏ ra mệt mỏi, hay cau có, nhưng tính ra hấn là một người bồi thang máy giỏi hơn cả lão Hill rất nhiều, ít nhất theo tỉ lệ hai/một. Thế mà hấn chỉ lãnh có mười lăm đô một tuần. Thôi thế cũng tạm đủ đi. Tiền thuê nhà trọ, tiền ăn, quần áo, báo chí, nợ nần linh tinh các thứ, trừ trường hợp ốm đau như Mary, đưa con độc nhất của hấn phải vào nhà thương và chết khi mới mười sáu tháng tuổi. Và Chúa ơi, lại còn ma chay này nợ nữa chứ, và hiện phải thanh toán tiền đất ở nghĩa trang hết mười lăm xu mỗi tuần. Và cứ đều đặn như thế, hấn ta phải chùng đủ cho đến khi quy tiên chầu Chúa mới thôi, ít ra cũng đến năm mươi năm nữa. Hấn hai mươi chín tuổi, ông cụ thân sinh thất lạc ở tuổi mười bảy, ông nội chín mươi hai, còn hai bà thì trên một trăm.

Thật không hiểu làm sao và bằng cách nào mà mấy ông già lại được mạnh khỏe như vậy. Họ chẳng bao giờ hiểu nổi bọn nhóc trong căn nhà ở Billings với ông già của chúng luôn đi đứng xiêu vẹo, nghiêng ngả vì nhậu nhẹt và truy lạc. Họ hàng thì nhiều tiền cửa và cũng lắm lời khuyên lơn. Cứ năm sáu năm một lần, họ lái xe đến căn nhà cũ nát đó để đếm lại túi nhóc.

Họ thường hỏi một câu cũ mèm, Ủa, chớ lũ con nít này là con anh hết hả, Tom? Hay là con ai nữa vậy?

Ông già hần gằn giọng đáp, Con tôi đấy à? Dem những chiếc xe kền cang to tổ bố cùng những lời biếm nhẽ thói rình của quý vị cút đi chỗ khác cho rảnh mắt. Mười một đứa con trai và sáu đứa con gái đâu phải là một gia đình.

Và quả vậy thật, thêm một bé gái nữa, hai năm trước khi ông toi mạng. Chính Elmer còn nhớ người anh cả của hần, khoảng bốn mươi tuổi có năm con, nhưng không chịu dọn đi khỏi căn nhà ở Billings, vì anh ta chết nhát. Ba mẹ hần cố xua anh ta đi, nhưng Sam không chịu. Anh khóc như trẻ nít không bằng, và lũ con anh cười nhạo anh một mẻ nên thân.

Nhưng đó là việc hồi trước chiến tranh.

Khi Sam qua Pháp đầu quân, họ chẳng thấy gì là buồn cười cả. Và sáu tháng sau, anh trở về với một vết sẹo trên trán, và họ đã kinh hãi thực sự. nhưng chuyện lại téo ngoe như thế này, một đêm Sam đánh nhau với bọn Đức ở một nơi hình-như-là-đất-địch. Anh va đầu vào sán nhà, đứng dậy, lao vào tên bồi rượu, tên này ba chớp ba nháng quay lại nện một cây nạng vào đầu anh và Sam được chứng nhận là bị trọng thương. Ở bệnh viện, họ khám nghiệm thế nào chẳng biết mà lại cho anh xuất ngũ. Anh không biết kẻ thù là ai, anh là nó của nước nào, hoặc tên của tổng thống là gì. Bọn con anh đau lòng lắm khi chúng thấy cái sẹo tổ chẳng vết ngang trước trán anh.

Nên chi, khi nghe ông toà Clearly khen tặng như thế, Elmer đâm ra nghĩ ngợi quá lắm về tổ tiên, về dòng họ và huyết thống của hần. Quả họ đều là những nhân vật đáng chú ý, có một cái gì đang chảy rần rộ trong huyết thống gia đình băng băng qua xương da cốt nhục hần, và nghĩ ngay đến việc hần sẽ thách đấu với tất cả những người

gác thang máy trong tỉnh, tất cả tham dự một cuộc tranh giải. Năm mươi xu vào cửa, và kẻ thắng được hưởng trọn số tiền, trừ mười phần trăm làm từ thiện. Dĩ nhiên là lão Alvin Hill không ưa gì cái ý kiến đó, và sẽ tự hỏi tại sao phải ném tiền phí sức của lão đi chứ.

Elmer nói, Ờ, nếu ông chịu để bị thách mà không nhận lời, thì đó là chuyện của ông.

Họ nói chuyện trong khi điều khiển thang máy, hét vào tai nhau những lúc không có khách lên xuống. Việc đó xảy ra thường, nhất là vào mùa hè, nhưng việc điều khiển thang máy vẫn phải giữ đúng chương trình. Có hay không có khách, các thang máy vẫn cứ phải lên xuống, lên sáu xuống sáu, tuần tự như nhiên.

Lão Hill nói, Chưa có ai lại nghe chuyện thang máy chạy đua bao giờ. Các có hết biết, tao chắc mày điên nặng mất rồi. Mày tưởng mày là gì gì đó chắc? Phi công hay là thứ gì nữa?

Hừm, khi cái thang máy sắp vượt qua tầng ba, trông tôi thật tuyệt hảo mà cỡ ông không bao giờ mong có được, kể cả những thằng con của ông.

Bất cứ là thằng nào, Elmer gằn lại câu nói đó.

Lúc đó vào khoảng tháng chín, trời khá nóng. Mọi người trong thành phố đều đang ngủ, hoặc là nằm dài ra, hoặc ngồi lơ đãng trên ghế, cạnh bàn. Suốt cả giờ, bởi thang máy không có lấy một người khách. Elmer đã đưa một bà già lạ hoắc lên, và dẫn bà đến văn phòng luật sư của Will Colonet, đến giờ bà vẫn chưa ra, nên hẳn cho là cả vạn người hình như đang mê mết ngủ cho hết buổi trưa. Và lão Hill đã đưa một người Armenia nhỏ con có cái răng đau đến phòng nha khoa của Doc Morrow, căn phòng không lớn hơn một cái tủ, đầy những đồ điện và có thể làm cho người ta đau đến chết được.

Hai toa thang máy chạy qua nhau, một cái xuống một cái lên. Hai cánh cửa mở, một ở tầng trệt, một ở tầng thượng. Không ai có lấy một người khách, cũng chẳng có chuông gọi, nên chỉ việc cho thang máy của mình chạy, một người xuống để xem có ai tỉnh thức không, người kia đi có vẻ chỉ để chơi thôi.

Lão Alvin Hill không thích thái độ của Elmer. Trời cũng nóng quá. Cả đời lão, chưa bao giờ lão cảm thấy non nớt và bị điểm nhục như vậy, sá gì những chuyện lấp dấp đó, trong khi lão chỉ muốn mơ màng đến đôi chân thon thả xinh xắn và tròn trĩnh nơi cô thư ký riêng của Will Colonel. Lão ước mong có thể đem cô đến một nơi nào cách biệt, chung quanh rộng rãi và xoay trở tự do. Việc đó điên rồ quá, và lão thấy giận Elmer lắm vì hắn đã sỉ vả lão.

Lão nói, Mày đừng nói động đến con ông, không thôi ông sẽ cho dừng thang máy và đâm toác mõm mày bây giờ.

Elmer thậm ghét một người không tốt nghiệp trung học mà lại ăn nói với hắn bằng cái giọng đó, nên hắn trả miếng ngay, cha nội đâm vỡ mõm tôi ư, thì tôi sẽ nện cho cha vỡ đầu bên tai trái.

Cả hai đều thấy có thể nổi sùng bất cứ lúc nào, lão Alvin thì chỉ mỗi một ước muốn là cuỗm cô thư ký riêng của Will Colonel về một vùng quê gió mát trăng thanh, còn Elmer lăm lăm chức bồi thang máy vô địch thang máy thế giới.

Lão Alvin dừng thang máy ở tầng hai, còn Elmer dừng nơi tầng ba. Lão Alvin thách Elmer có giỏi thì xuống một tầng nữa để đấu sức với lão. Lão tát tai hai tát, cái hình ảnh tưởng tượng và bi thảm của Elmer, phần lớn chỉ để mơ mộng về đôi chân nàng thư ký của Will Colonel, cảm thấy hết sức sung sức và trẻ trung để phóng lên tận San Quention yêu đương cuồng nhiệt đôi chút. Trái lại, Elmer thì muốn biết tại sao mình, một người đã tốt nghiệp trung học, mà lại phải xuống một tầng để ăn thua với lão Alvin. Hắn hỏi một cách lễ phép là tại sao lão Alvin lại không bò lên tầng trên này để hắn búa một phát vỡ toác đầu bên tai trái.

Bể đầu ư? Lão Alvin nói, Cái đầu mày chứ đầu ai.

Elmer nói, Đầu ai thì chỉ có ông và tôi biết thôi.

Lão Alvin nói, Á à, ra mày lại nghĩ vậy. Xuống đây rồi biết con ạ.

Elmer nhớ lại tất cả những cực nhọc mà hắn phải gánh chịu để được điểm khá ở trường trung học, nào là chép một cách khổ sở những câu trả lời ghi trên cổ tay áo, những miếng giấy nhỏ chỉ chút công thức, và hắn nóng bừng lên khi nghĩ rằng một tên dốt nát như lão Alvin mà lại bảo hắn phải xuốngng để bị hạ, nên hắn chạy

ào xuống cầu thang, thay vì bằng thang máy. Lão Alvin đứng vững ở đó, sẵn sàng cho hấn đo ván. Elmer đâm bừa vào lão Alvin nhưng lại va phải bức tường còn lão Alvin thì đá Elmer và văng mất chiếc giày.

Rồi thì chuông reo, và lão Alvin nhào về phía thang của lão, vì lão là một người có trách nhiệm, xem những ai cần đến mình, nhưng Elmer đứng chắn ngang trước cửa, giơ nắm đấm ra như võ sĩ John L. Sullivan hoặc một ai cừ gấp đôi như thế, và lão Alvin nói, Thế nào cũng bị đuổi việc. Con mẹ mày, tránh đường không thôi bị tổng cổ hết cả lũ bây giờ.

Lão Alvin cảm thấy áy náy cho cái ý nghĩ ham muốn cô thư ký của Will Colonet, bởi vì chuyện có vẻ nguy hiểm quá, và nếu ông chủ John Fowler mà bấm chuông thì chắc như đinh đóng cột là họ sẽ bị sa thải, ông chủ chỉ biết có một việc là đuổi hoặc mướn, cũng như chúa ghét kẻ nào làm việc thiếu nghiêm túc.

Elmer nhận thấy, nếu để cho lão Alvin vào thang của lão là quá như tử tế, vì hấn biết tổng là lão sợ mất việc đến chết khiếp, và điều này khiến cho Elmer sượng điên lên được, còn hơn cả trúng số độc đắc nữa, hấn nhiên hấn không bao giờ ngừng nghĩ cái gì sẽ xảy ra trong trường hợp bị đuổi thực sự chỉ vì không cho lão Alvin vào điều khiển thang máy.

Nếu như hấn cảm thấy muốn hấn sẽ bảo lão Alvin hãy đi tự tử quách đi. Chuông reo cả chục lần trong khi Elmer vẫn đứng giơ hai nắm đấm ra như một nhà vô địch thế giới về các bộ môn.

Hấn còn cảm thấy sung sướng hơn cái lúc được ăn trọng hai quả dưa hấu vào một buổi chiều chúa nhật trong khi vợ hấn đang ở nhà thương với một đứa con vừa tắt thở.

Lão Alvin nhăm về phía cầu thang, muốn lên tầng ba và xuống bằng cầu thang của Elmer, nhưng Elmer nắm lấy chân của lão. Alvin thất thế té ngược ra sau và đè lên Elmer, Elmer ngã bất tỉnh vì đầu va vào Alvin, lão cũng ngất đi nốt. rồi thì, ác thay, người ở trong cao ốc thì muốn ra, còn người ở ngoài thì nôn nóng vào, và các chuông reo inh ỏi lên như một ngày Giáng Sinh vậy. Elmer và lão Alvin thì vẫn nằm mê man bất tỉnh nhân sự mà miệng cứ như đang cười.

Chính tay ông chủ John Fowler tạt xô nước vào Elmer và lão Alvin, giúp họ tỉnh lại, và ông hỏi họ, Này, chứ cái trò đó dẫn gì vậy?

Elmer muốn nhắc tới cái trình độ học vấn trung học của mình, nhưng không sao mở miệng cho được, còn lão Alvin cũng biết là không thể hé môi về chuyện mơ màng cô thư ký của Will Colonet, thế nên cả hai đều tiu nghỉu.

Sau cùng Elmer nói, Thưa ông Fowler, hẳn là ông biết tôi đã tốt nghiệp bằng thành chung.

Ông Flower nói, Cái đó đã sao? Tôi biết làm gì.

Giờ thì Elmer cảm thấy chán ngán gấp mười lần, khác xa với lúc hắn đưa nắm đấm ra hăm hè lão Alvin, hắn ghen cả hòng.

Elmer nói, Tôi cho rằng tổ chức một cuộc tranh tài giữa những người bồi thang máy cũng là một ý kiến hay.

Ông Fowler hỏi, để làm cái quái gì mới được chứ?

Bởi vì tôi cho rằng mình là người bồi thang máy giỏi nhất tỉnh.

Elmer nói và cảm thấy khốn khổ vì đã thốt ra những lời không phải lúc như thế, hắn luôn luôn ăn nói rất lễ độ và khiêm tốn chứ đâu có tệ như vậy.

Ông Fowler nói, Cậu là người bồi thang máy giỏi nhất tỉnh ư? Cậu điên rồi, cậu mới là tên tệ nhất, tệ hơn bất cứ ai. Cậu đi đánh nhau với lão Alvin nghĩa là làm sao?

Elmer cảm thấy chỉ muốn làm một trong hai việc: khóc, hoặc là nện cho ông Flower bể đầu bên tai trái. Và hắn bắt đầu khóc. Bây giờ thì hắn có thể nói với khắp mọi nơi là sự việc mới tệ hại làm sao, hắn không muốn trở về nhà và cho cô vợ Annie hay rằng mình đã bị mất việc, vì có thể nàng sẽ giết hắn hoặc chì chiết hành hạ theo cái kiểu đàn bà hạ tiện cũng đủ khiến hắn đâm đầu tự tử.

Ông Fowler có vẻ chán ngán ra mặt, và ông châm một điếu xì gà. Lão Alvin ngồi trong văn phòng mơ mộng, và nhờ trời, dù cho cục sừng có to tướng trên đầu, lão cũng vẫn có thể tư tưởng đến đôi chân tròn trĩnh của cô thư ký ông Will Colonet.

Chỉ vậy thôi.

Thế rồi ông Fowler nói rằng, ông sẽ cho hai người một cơ hội khác, ngày mai họ sẽ được đi làm trở lại. Tình thế có vẻ khủng khiếp trong ba tháng. Elmer không biết đâu mà rờ. rồi những ngày đông lạnh đến, và cảm thấy kinh khủng khi suốt ngày hấn phải mời chào khách bước lên hay bước xuống. Mỗi ngày cho lên xuống thang máy mấy mươi lần, nhưng không còn nhẹ nhàng điêu nghệ như vẫn thường điều khiển thời còn sung sức và đầy cảm hứng, hấn nghĩ ngợi nhiều và tự biết rằng cái trình độ trung học cũng không đến nỗi vô ích cho lắm.

Hấn nhận ra mình đẩy cánh cửa không được thuận thực và dễ dàng như xưa chi mấy, và khi có người mở lời bình phẩm về thời tiết, hấn cũng không buồn trả lời. Chỉ cần nửa năm trước đây thôi, hấn sẽ thao thao bất tuyệt những nhận xét sống động và thú vị, đặc chí.

Vả lại cô vợ Annie lại có thai, tất cả đều rồi beng. Và phải trả tiền đất hàng tuần nữa chứ, chẳng bao giờ còn thừa được dăm ba xu rủng rỉnh, và cái học vấn thành chung sao mất thì giờ đến thế, còn tệ hơn cả lúc hấn đi một mạch đến San Francisco suốt hai trăm dặm, gắng ở hết một tháng trong thành phố lớn và gần chết vì sưng phổi, đau yếu trong giấc mơ về quê nhà vời vợi.

Hấn chỉ đưa thang máy lên tầng sáu rồi lại xuống đất, lên và xuống, xuống và lên, đều đặn và nhàm chán, chẳng còn mơ tưởng đến danh hiệu vô địch, lúc nào cũng cảm thấy kinh khiếp, chẳng buồn trả lời những bình phẩm về thời tiết.

Rồi bỗng nhiên, như một ngọn gió lạ thổi vào, khi hấn từ tầng năm xuống cùng với một phụ nữ thơm phức mùi nước hoa, và hấn nhận ra rằng đã đến tháng sáu, mùa hè sắp đến, cảm giác dễ chịu quá chừng. Chúa ơi, hấn hạ thang máy xuống tầng trệt khéo léo làm sao, và nó đu đưa dịu dàng hết cỡ, hoàn hảo y như những ngày tháng trước, năm ngoái. Và cái người phụ nữ này sao mà thơm tho đến thế. Chúa ơi, chả có gì trên đời này có thể ngăn hấn sử dụng cái học vấn trung học của mình.

Khoảng giữa tháng tám hấn phục hồi phong độ xưa kia của mình, lên xuống một cách hoàn hảo, đẩy cửa chu đáo điêu nghệ, tay chân

đúng cách , cúi đầu chào và trả lời đủ thứ chuyện mưa gió trên trời dưới đất, cho toa thang máy đu đưa nhẹ nhàng, thành phố xinh xắn, thời tiết ấm áp, và hẳn thì gần như một nhà vô địch thế giới về tất cả.

Chương 8

Cái chết của trẻ con

Vào đầu những năm ba mươi, tờ nhật báo Hainenik Daily mở thêm trang cuối tuần, và được hưởng ứng mạnh mẽ, tôi tham dự bằng cách viết và gửi nhiều truyện và cả kịch ngắn nữa, gửi đăng và không lãnh nhuận bút. Giờ nghĩ lại, tôi thấy đó là một điều quan trọng, bởi đối với một nhà văn mới khởi sự cầm bút thì sự xuất hiện các tác phẩm đầu tay của anh ta sẽ gây nên một niềm phấn khích sáng tạo rất lớn – anh cứ viết và có một chỗ tiếp nhận anh. Nhà văn có thể viết thoải mái, theo cảm hứng và tùy thích, chẳng cứ phải canh cánh bên lòng rằng ông chủ bút sẽ nhú mày nói rằng truyện không hợp với chủ trương của bản báo, như nhiều vị và nhiều báo khác vẫn ra đòn như vậy. Tôi thực sự cảm thấy may mắn khi có được trang cuối tuần đó để gửi tới, tôi cũng mang ơn ông chủ nhiệm Reuben Darbinian vô cùng, ông đã mở rộng vòng tay đón chào những tài năng trẻ. Ông là một trong những vị chủ báo vĩ đại nhất.

Trường Emerson có ma. Trường gồm hai toà kiến trúc liền nhau, lợp bằng đá xám, với những bức tường cao trần trụi và các cửa sổ nhỏ tối om, nối liền nhau qua chiếc cầu gỗ, về đêm trường trông có vẻ ảm đạm và buồn thảm. Ngay cả trong ánh sáng ban ngày nó cũng nhóm một vẻ gì rất đối hoang liêu, và hầu như tất cả các học trò đều thầm mong cho trường bị hoả hoạn hay bị hư huỷ quách cho rồi. Trường cũng mới được xây, và có một bác thợ mộc người Assyria ở xóm chúng tôi bảo là bác đã góp công sức trong việc xây dựng ít nhiều. nhưng chúng tôi nghĩ là nó đã xưa lắm rồi, xưa như đã đến hồi tàn rữa mục nát. Mỗi tối chạng vạng, bọn dơi đen bay vù vù ra từ những ô hốc, kẽ hở, và chập chờn chao liệng khắp sân. Quả thật là chúng tôi chưa từng thấy một con vật nào xấu xí hơn, một loài gặm nhấm biết bay, không biết hút, trần trụi không lông, và không có được một chút vẻ đẹp nào của loài lông vũ.

Toà nhà phía tây dành cho các lớp trung chuyên, còn toà nhà phía đông gồm các lớp bốn, năm và sáu. Cả hai toà nhà đều có ma. Người ta thường kể là, cứ đêm mà phải đi ngang qua hai toà nhà này, thế nào cũng được nghe các ông thầy đã quá cố về la mắng các học trò những thế hệ trước. Hẳn ta lại nghe được cô giáo già Timanus căn dặn, Nào, cả lớp nghe đây. Nghe kỹ đây. Hai lần tám là mười sáu, phải không nào? Đúng rồi, thế thì hai lần mười sáu là bao nhiêu? Rồi ta sẽ nghe những tiếng cười khúc khích, nghịch ngợm, những hồn ma của các con trai và con gái trước kia chạy lao xao trong lớp.

Frank Sousa nói là chính tai nó nghe hết mọi việc. chúng tôi tin ngay và đêm đến tránh xa ngôi trường.

Một chiều đông trên đường bán báo về, tôi đến ngôi trường tối tăm đó, và khi sức nhớ là trường có ma, tôi bắt đầu thấy sợ và run như cây sậy. Tôi đã định đi bằng lối tắt qua hai toà nhà rồi băng qua sân trường để đến đường Santa Clara, nhưng khi nghĩ lại cái chết người của ngôi trường về đêm, tôi quyết định đi vòng qua trường. Từ bên kia đường tôi nhìn lên cửa sổ phòng học của tôi, phòng lớp bốn, và khi vừa ngước nhìn lên t tôi nghe nhiều tiếng động rợn người, và đèn phòng bật sáng choang, tôi khiếp quá.

Rồi tôi thấy tôi đang chạy thực mạng.

Cả năm sau, tôi cố nghĩ đó là người dọn quét phòng ban đêm. Nhưng còn về tiếng động thì không sao giải thích nổi.

Chẳng bao giờ một người lại có thể gây nên tiếng ồn ào được như thế. Nếu vậy, có lẽ là do tôi tưởng tượng quá đáng. Dù sao không ai lại không co là trường không có ma ám, còn về buổi sáng thì chắc chắn là đã có bọn chúng tôi ám.

Chúng ta có đủ chiều kích của những thực thể, chúng ta có sức nặng của hình thể, của cử động, thế nhưng có một cái không thực nơi tất cả chúng ta, những bé trai, bé gái, các thầy cô giáo già hay trẻ, các chương trình, việc ngồi với sách vở và những con số mùi của trường lớp, của bụi phấn, hỏi và trả lời tất cả những câu hỏi kiểu trẻ con. Có những cái lạ lùng về việc chúng ta ngủ và thức, và sống

lại ngày này qua ngày khác, những giây phút huyền hoặc và hiếm hoi trong đời.

Chúng ta bao gồm các loại thể.

Có Rosa Tapia, cô bé người Mỹ duyên dáng hơn bất cứ đứa nào trong trường, nhưng không có tài học, không hiểu văn phạm, kém về số học. Nó có đó mà như không có đó. nó đi nó đứng như thể là nó không có thực ở trên dương thế, hoặc nếu như có, thì chỉ vì một lần nào đó thay vì một phép lạ. Nó ăn nói nhỏ nhẹ, quý phái, lời thốt ra như âm điệu của bài hát. Khi Hoa Kỳ tham chiến, hai người em trai của cô Gamma rời đại học Berkeley để nhập ngũ, cô giáo đến lớp chúng tôi bằng đôi mắt đỏ ngầu và khuôn mặt thờ thẫn. Cô thật đáng phục khi dạy chúng tôi môn địa lý rồi tuyên bố rằng vì biến cố quan trọng này, cả buổi còn lại chúng tôi được nghỉ, đọc thuộc lòng, và ca hát. Cô hỏi, Có ai tình nguyện đứng trước cả lớp và hát một bài ái quốc. Không có ai đề nghị ai hát cả.

Rồi thì Rosa Tapia đứng ra chỗ lối đi cạnh bàn nó và nói, Thưa cô Gamma, cô có muốn em hát bài "Juanita" không?

Cả lớp sững sờ, nhưng sững sờ nhất có lẽ là cô giáo Gamma của chúng tôi. Khuôn mặt buồn của cô nhú lại vì ngạc nhiên, và cô nói, Dĩ nhiên là cô muốn, Rosa ạ. Em hãy lên đứng trước lớp.

Con bé người Mỹ bước lên trước lớp mà chẳng hề lúng túng, nó nói "Juanita" và bắt đầu hát bằng tiếng mẹ đẻ của nó.

Con bé không hát chỉ bằng phổi và môi, mà bằng cả cái hình dáng của nó, cái hình dáng mờ mờ mà chỉ có chúng tôi là cảm biết được, bởi chúng tôi là những kẻ đang sống với nó giữa cái thực tại của ngủ và thức, và tất cả chúng tôi luôn cảm giác rằng con bé là không có thức, không phải chỉ còn là đứa con gái nữa. Và chúng tôi hiểu rằng, con bé có biết cũng không sao, và có lẽ càng không nên biết gì về văn phạm, về số học và về tất cả những cái chẳng đâu vào đâu đang được dạy dỗ chúng tôi.

Và có cả Carson Wampler nữa, một thằng mặt luôn cau có, con của một trong những người tầm thường ở miền Nam, đã đến miền Tây bằng xe ngựa, không tiền, đói, và khốn cùng dưới một căn lều nào đó ở miền Nam, cạnh đường xe lửa Santa Fe. Ngay cả mùa

đông, Carson cũng không có giày để đi học. vào mùa hè thì phần đông chúng tôi đều đi chân đất, trừ vài đứa con nhà i giày cho ra vẻ sang cả. Nhiều đứa chế giễu Carson và sỉ mạ nó thậm tệ, để rồi cuối cùng xa lánh và ghét bỏ nó, nhìn nó với vẻ khinh miệt. Nó trở nên luôn luôn cô đơn, im lặng, cau có và không có giày.

Từ lâu, nhìn khuôn mặt hốc hác của nó, tôi vẫn nuôi ý định đến gần nó, làm thân và nói chuyện, tỏ cho nó biết là tôi mến nó, nhưng có một cái gì đó quá cao cả trong niềm cô quạnh và vẻ khinh khỉnh của nó mà ta không dám chạm vào, và tôi ngại không sao bắt chuyện được với nó. Chân nó to bè, da dày và nứt nẻ, những khi trời lạnh quá nó đứng run rẩy dưới mái sân trường, và cả trần gian này hình như cũng thế, lạnh lẽo và bơ vơ quá chừng.

Bỗng nhiên nó thôi học, và tôi vô cùng thắc mắc không biết nó về đâu, chân đã có giày hay chưa. Những lúc đó nó hiện về với khuôn mặt mơ hồ mà thỉnh thoảng tôi bắt gặp trong mơ, và khi nhớ đến nó thì hình như nó chưa thực sự sống, chưa thực sự hiện hữu, và đúng ra tôi chỉ biết nó qua cái bí mật nơi lòng thương cảm của mình đối với con người và nhân thế. Nhưng tôi chẳng sao quên được cái vẻ khinh thị trên khuôn mặt hốc hác, cô quả và lầy bầy của nó.

Bao năm sau tôi hầu đã đã hoàn toàn quên nó, và nếu như có tưởng tượng, nó hiện ra với khuôn mặt một người lớn, thì, tôi lại gặp nó. Tôi đi với một người bà con trên chiếc Ford, qua vườn nho vùng Malaga. Lúc đó trời đã vào đông, các cây nho rụng hết lá và phong cảnh mong manh trơ trụi nhưng cái khí sắc lại đầy vẻ u trầm của tử biệt dằng dặc, điều đó tô điểm thêm cho cái vẻ đẹp của tiết trong đông, và Carson hiện ra, cao lớn ra nhưng vẫn khuôn mặt hốc hác, đứng bên một cây nho gần đường, tay đang cầm một cái cuốc. Gặp lại nó tôi mừng quá, thấy nó vẫn luôn luôn là một thực tại chứ không phải là một ảo ảnh do tôi tạo ra, và thấy nó vẫn còn sống, tôi mừng quá đến nỗi buột miệng gọi tên và hân hoan chào nó.

Chúng tôi thấy nhau trong lúc xe chạy, và sau khi tôi gọi tên nó, Carson nhăn mặt và búng mũi chế nhạo tôi . Nó làm vậy khiến tôi buồn quá. Tôi thấy tội nghiệp các điều bộ buồn bã đó của nó, và tôi tự giận mình. Tôi cảm thấy mình đã tự huỷ hoại một cái gì cao thượng vì đã muốn chạm vào, muốn cùng tôi được chia sẻ. Dĩ

nhiên, mọi sự rắc rối phần lớn là do chiếc xe. Chúng tôi có quá ít thời gian để bày tỏ tình bạn, và chắc hẳn Carson bối rối, và hoài nghi tất cả, nên đã phản ứng một cách nhậm lẹ, có nhiều tính tự vệ. Và ta chỉ nên tiếc rằng, tại sao giữa bọn con trai với nhau mà lại không có những cung cách giản dị và thẳng thắn hơn mà phải búng mũi một cách khi dễ để bày tỏ thiện chí và niềm cảm thông. Tôi vẫn tin rằng ngay sau đó, nó sẽ cảm thấy xấu hổ vì cách hành xử hồ đồ và vội vã của mình, và nếu có thì giờ thì chắc là nó sẽ tự vấn mà sửa đổi đôi chút.

Và tôi chẳng còn gặp lại nó nữa.

Còn có Alice Shwab, cô bé Đức lai Do Thái, to xương, má ửng hồng, con gái của bác thợ sữa đồng hồ. Nó là một đứa chỉnh tề và ăn nói, cư xử rất mực, và mỗi buổi sáng nó đến lớp với một quả táo, một quả cam hay vài đóa hồng cho cô giáo. Có lần nó đem vào lớp một quả bí to đùng, bóng loáng. Quả bí to cỡ bằng cái đầu của nó, và sáng rự một mặt trắng nhỏ. Nó hái ở vườn của bố nó và cô Gamma phải bỏ ra mười phút để gọt ca, bí là một loại rau ngon và ông Shwab là cha của Alice đã đem rau ráng đó vào cho lớp học. thú thật, nơi quả bí có một cái gì khiến tôi không sao hiểu nổi, một cái gì sẽ phải xảy ra sau đó.

Suốt giờ vẽ, chúng tôi cố vẽ quả bí, nhưng chả đứa nào vẽ nổi. Cái làm cho thú vị nhất là màu quả bí, và chúng tôi không tài nào pha cho được cái màu của nó. Quả bí nhìn thật ngon lành nên đứa nào cũng nghĩ rằng nó phải có vị ngọt, nhưng cô Gamma nhú mày và nói rằng bí này không phải để ăn mà là để chiêm ngưỡng.

Quả bí nằm mãi trên bàn cô giáo cho đến khi bắt đầu thối rữa, và rồi một ngày kia nó biến mất, nó tiêu tán như thể chẳng có chút liên hệ nào với những gì hữu hình với trần thế.

Alice không phải là một đứa con gái đẹp, con gái lên chín chẳng có mấy đứa xuất sắc, trừ phi đối với cha mẹ chúng, nó còn xấu tệ nữa là khác. Các đường nét chưa được cân đối, và chính nó có vẻ như một cô bé quá ngoan. Không phải kể hết những điều này, nơi nó bao giờ cũng có vẻ nghiêm trọng, cho dù tất cả những gì nó làm

đều có vẻ ta đây và đầy giả dối, nó có tác phong tình cảm hơn bất cứ đứa nào khác trong trường.

Mái tóc nâu sậm của nó thắt bím, buông thõng trên vai, khuôn mặt sáng sủa sạch sẽ, mắt long lanh với vẻ thông minh và nhanh nhẹn, đi đứng kiêu cách, cử động hóm hỉnh, ăn nói nhanh nhẩu, sắc bén và quyết liệt. Ở nơi nó không có tí gì là tiêu cực, nó là đứa sống động nhất lớp chúng tôi. Hiếm khi thấy nó trả lời sai, mà thằng nếu có sai lầm chút đỉnh thì mọi người, kể cả cô Gamma đều cảm thấy rằng không, có lẽ là sách sai chứ Alice thì không sai được. Nó hoàn hảo đến khó chịu như vậy đó, và nếu như phải bỏ phiếu, thì hẳn mọi người đều phải nhất trí cao bầu chọn nó là một trong bốn đứa hứa hẹn thành công trong tương lai. Nó là cực cưng của cô giáo, và hẳn nhiên chẳng đứa nào thích nó, đứa nào cũng khó chịu cái kiểu cách hợm người của nó.

Một buổi sáng, với đôi môi run run, cô Gamma nói, Các em làm ơn đứng lên và cúi đầu. Alice đã chết rồi!

Thế là tất cả chúng tôi đều thương tiếc Alice và xúc động, cảm thấy đau khổ và phân vân không hiểu tại sao một con bé mà tất cả mọi người đều kỳ vọng vào nó, lại không còn nữa.

Và thêm một đứa khác đến lặng lẽ như một chiếc bóng, và nó trở thành anh em bầu bạn với tôi, mà tình thương tôi dành cho nó còn có phần hơn cho anh Krikor của tôi nữa, và nó đi vào đời tôi, cuộc đời xưa nay vất vưởng trong cái thế giới tối tăm của cha ông chúng tôi, một cuộc đời đã in dấu khuôn mặt và thằng người của tôi và anh Krikor vào đó. Thằng bé này cũng đến từ những đau thương và thống khổ của cái quê nhà mệt mỏi của chúng tôi. Một kẻ mồ côi, chưa từng biết cười, từ thành phố Van cổ kính và thân yêu, thành phố của riêng chúng tôi, thành phố quê quán của con tim tôi, và tôi biết rằng cơn sợ hãi ái ngại đã làm cho nó im lặng. Tôi sẽ chẳng bao giờ biết được sự thật về đời nó (và cũng chính là đời tôi), tôi không bao giờ cảm được như nó về cái sâu thẳm mệnh mang phủ chụp lên chốn quê cũ của chúng tôi, và khi nó chết ấy là lúc tôi sống, tôi chỉ sống một phần, một phần nào đó thực sự của đời mình khi quay về với nó cùng với cái chết và kỷ niệm, rồi tôi vẫn tồn tại, nhưng tồn tại với nỗi chết luôn sống động trong mình.

Một sáng mùa đông, cửa lớp bỗng mở và ông hiệu trưởng Dickey dẫn vào lớp chúng tôi một thằng nhỏ thó, ăn mặc hơi lạ, tỏ vẻ sợ sệt, và tôi nhận ra ngay nó là người Armenia, vẻ rụt rè của nó có một cái gì làm tôi run lên vì sung sướng, vì tôi cảm biết ngay đó là một người đồng hương của mình, ở nó hiện lên tất cả những biếncổ, những ba đào của một vùng đất, và nó bất chấp mọi thứ để có thể sống còn, nhìn nó là để thấy mọi sự đều được an toàn, những giáo đường, những tiếng cười và những bài hát của chúng tôi. Qua nó, tôi nhận ra dân tộc mình, đất nước mình toàn vẹn và bất diệt. Tôi muốn đứng lên và che chở cho nó trước lớp học xa lạ, tôi nhìn nó mê mết và muốn nó ngẩng lên để thấy và biết rằng, ở nơi đây,giữa chốn xa lạ này đây, nó không hề cô quạnh, nó còn có một người anh em, là tôi đây.

Tôi đến làm thân với nó trong giờ ra chơi ngoài sân trường, chúng tôi nói chuyện với nhau bằng tiếng của quê nhà và trở thành bạn thiết ngay, nó kể cho tôi nghe những biến cố nơi quê hương, những ngày thất tán bom rơi đạn lạc, và vô số hình ảnh sống động của một thời chinh chiến.

Sau cùng, nó nói, Tao không sao kể cho mày nghe hết được, nhưng tất cả đã nát tan cả rồi và đến giờ tao cũng không tin là mình còn sống.

Nó theo học một hai năm gì đó, rồi bỗng nhiên một hôm mẹ tôi gọi tôi đến bên bà và nói, Con có biết thằng nhỏ Gourken từ cùng quê mình đến đây không? Nó chết rồi. Và bà chỉ cho tôi xem một tấm ảnh của nó trên tờ Asbarez, rồi bà đọc bài tường thuật về cuộc đời nó.

Ôi biết nói làm sao! Chính lúc đó và ngay trong căn nhà này, tôi cảm thấy hết một phần đời mình quay về với người bạn thiết ấy cùng biết bao kỷ niệm nơi chốn quê nhà xa lắc. Và cũng chính lúc đó, tôi hầu như đang kề sát bên người anh em và cảm thấy cái chết đang mỗi lúc một sống động trong xương da não tuỷ mình.

Chương 9

Cười

Truyện này do người anh em họ của tôi, Kirk Minasian kể lại về chính anh, nhân ngày sinh nhật thứ năm mươi của anh mà tôi được vinh hạnh đến dự với gia đình tại San Francisco năm 1965, anh và tôi là chỗ thân quen từ thuở hàn vi đầu đời. Những chuyện tưởng như tầm thường, xảy ra hàng ngày, ở mỗi đời riêng, chẳng phải là không đáng viết, nhưng không tài nào viết hết được. Những gì xảy ra trong thiên hạ vẫn luôn luôn quyến rũ tôi, nhưng gần đây tôi càng lưu ý đến những gì xảy ra với trẻ con, những ngôn ngữ gần như ám hiệu ấy của chúng. Dĩ nhiên công việc của một nhà văn là khám phá cho ra cái ám hiệu đó, hẳn là chẳng dễ dàng gì. Chẳng hạn "Wow, like now" có thể mang nhiều ẩn nghĩa khác nhau, tùy theo cơ địa và thời tính lúc đó của nó.

"Cô muốn em cười à?"

Nó thấy cô đơn và yếu đuối trong lớp học trống trơn, tụi bạn nó đi về hết rồi, Dan Seed, James Missipo, Dick Corcoran, tất cả bọn chúng đi bộ dọc theo đường xe lửa Nam Thái Bình Dương, nô giỡn nghịch ngợm thoải thích, và cái ý nghĩ điên khùng của cô Wissig này làm nó phát ốm.

"Phải".

Đôi môi nghiêm nghị chột máy động, run run, hai mắt nó trĩu xuống, sa sầm đa cảm.

"Nhưng...nhưng em không muốn cười".

Nghĩ thật là lạ, toàn thể thế giới cùng những sự vật vận hành theo cái cung cách biến động của nó sao sao ấy.

"Cười đi".

Sự căng thẳng gia tăng, những cử động lúng túng của thân hình và đôi tay của cô, cái lạnh lùng cô cố tạo ra và cái yếu đuối trong máu cậu bé.

"Nhưng tại sao vậy?"

Tại sao? Tất cả cứng nhắc, tất cả vô duyên và xấu xí, cái tâm trạng bị bắt kíp, một cái gì đó bị giăng bầy, vô nghĩa lý.

"Tôi phạt em vì em cười trong lớp. Bây giờ em bị phạt phải cười một tiếng đồng hồ, tự cười một mình. Nhanh lên, em đã làm mất bốn phút rồi đấy".

Thật là chán ngấy. Chẳng có gì buồn cười cả, bị giữ lại sau giờ học, bị bắt phải cười. Phạt kiến gì mà quái chiêu. Nó phải cười với cái gì bây giờ đây? Người ta không phải cứ muốn cười là cười được. Phải có cớ gì vui nhộn hay hay, hoặc nhuốm vẻ biếm hài một chút chứ. Điều này ngộ ghê, bởi vì cái điệu bộ của cô giáo, cái cách cô nhìn nhĩa nó, vẻ khôn ngoan, thật là dễ sợ. Cô muốn gì ở nó cơ chứ? Và này, cái mùi nhà trường, mùi dầu trên sàn nhà, bụi phấn, cái mùi của ý nghĩ đó, tụi trẻ về hết. Cô đơn buồn tẻ.

"Em xin lỗi cô, em đã lỡ cười".

Bông hoa gập xuống, hỏ thẹn. Nó thấy ái ngại thật, không phải cho nó mà cho cô. Cô là một cô giáo trẻ, một cô giáo dạy thế cho cô Shrob, nơi cô thoáng một nét buồn, cái buồn xa vời pha chút khó hiểu, cái buồn đến với cô mỗi buổi sáng và nó đã cười cho cái buồn đó, điều cô nói và cách diễn ý nó khôi hài chi lạ, cái cách cô nhìn chăm chăm vào mọi người, phác từng cử chỉ này nọ. quả thật nó chẳng thấy buồn cười chút nào, nhưng bỗng nhiên nó lại cười, cười rộ lên, và cô quắc mắt nhìn về phía nó, nó cũng nhìn thẳng vào mắt cô, thoáng một nỗi cảm thông trong chốc lát, rồi bực tức và căm giận hiện ra trong ánh mắt cô. "Em phải ở lại sau giờ học". Nó đã không muốn cười, chuyện lỡ xảy ra, và nó hối hận lắm, cả hỏ thẹn nữa, cô phải biết cho điều đó, nó đã trình bày với cô như thế. Mềng đéc ời!

"Em làm mất thì giờ quá. Bắt đầu cười đi".

cô quay lưng lại và xoá những chữ trên bảng: Phi châu, Cairo, Kim tự tháp, Quái thần, Sông Nile, và những con số 1865, 1914. Cho dù cô có quay lưng, sự căng thẳng vẫn còn đó trong lớp học, căng thẳng được phóng đại thêm lên vì sự trống trải, quá rõ rồi còn gì, trong lòng nó và cả cô giáo đều có một sự buồn bã tương giao tương khắc. Tại sao vậy chứ? Nó muốn được thân thiện. Sáng nay khi cô vào lớp, nó đã muốn bày tỏ chút lòng thân ái, ngay lập tức

nhìn cái vẻ ngơ ngác hay hay, nét xa vời mỏng mảnh của cô, vậy có làm sao nó lại cười? Mọi thứ xảy ra đều tréo cẳng ngỗng hết thảy vậy sao? Tại sao chính nó lại là người làm cho cô buồn giận, khi mà thực ra nó muốn kết thân với cô người đầu?

"Em không muốn cười".

giọng nó nói vừa có vẻ thách thức vừa nhuốm đầy nước mắt, nó khóc vì hổ thẹn. Cái quyền gì đến khiến nó phải tự phá hủy một điều ngay thật chính trong lòng nó được? Nó không hề có ý xấu, tại sao cô lại không hiểu? Và nó bắt đầu cảm thấy phiền giận biết chừng nào về sự trì độn, sự chậm lụt, và cả cái ý thích ương bướng của cô. Nó nghĩ thầm, mình nhất định không cười, cô có muốn thì cứ gọi ông giám thị Cassvell, mình cứ không cười. Đó chẳng qua là một sơ suất nhỏ, dù sao mình cũng đã khóc, muốn làm một cái gì khác, tốt hơn là cười. Mình chịu đòn là thường, ái da, đau thật đấy, nhưng không khổ khổ khó chịu như thế này, những roi vọt hằn trên lưng, đau thật nhưng đầy khí thế.

Ờ, thì người ta cứ đánh nó đi, nó cần quái gì chứ? Nhức nhối vài ngày là cùng chứ bắt nó cúi gằm mặt xuống như thế này thì kỳ quá, nó cứ không cười.

Nó thấy cô ngồi nơi bàn nhìn nó đăm đăm, trông cô mệt mỏi và xúc động vì đã hét to, nó thấy ngao ngán và tội nghiệp cho cô quá, và nó cũng tự sỉ mình sao lại cắc cớ gây ra phiền nhiễu cho một cô giáo đáng thương mà thực lòng nó rất quý mến, đâu phải một cô giáo già xấu hắc ám gì cho cam, đằng này là một cô gái nhỏ nhắn, xinh xẻo và nó đã bắt mắt ngay từ đầu?

"Làm ơn, cười giùm cho".

Và mới hạ mình làm sao, không còn ra lệnh, mà là nài nỉ nó, xin nó cười giúp cho khi mà nó chẳng muốn cười tí nào. Thật ra thì người ta phải làm gì mới đúng, cố ý chứ không phải ngẫu nhiên như là làm bậy? Và ý cô muốn gì chứ, nghe nó cười thì có thụ vị gì? một thế giới mông muội làm sao, những tình cảm lạ lùng, những u mê mà mỗi người giấu kín tự đáy lòng, muốn cái này thì lại được trao cái khác, hoặc ngược lại, tréo ngoe hết mọi thứ. À vậy thì cười. Bây giờ nó sẽ cười, vì cô hơn là vì nó. Nó cười, dù việc đó khiến nó ngán

ngắm quá trời. Nó muốn biết sự thật, sự thật ra sao. Cô không bắt ép nó cười, cô khấn khoản nó, xin nó cười. Nó không biết thực hư ra sao, nhưng nó tò mò. Nó nghĩ, mình nhớ đến một chuyện phiêu giểu nào đó, và nó bắt đầu hồi tưởng. Nhưng lạ quá, tất cả đều như trôi tuột, dừng đọng lơ lửng. Đây cái tướng đi uốn éo của con bé Annie Gran, chào ôi, chẳng thấy tếu chút nào. Henry Mayo đem Hiavatha ra giễu, làm trò hề lú lạo giọng đọc nhảm câu, cũng chẳng buồn cười. Tất cả những trò đó vẫn thường làm nó cười sặc lên tía tai đỏ mặt, đến nghẹn thở, nhưng giờ đây sao nó chết cứng và nhạt nhẽo dễ ghét. Qua nước biển lớn, lớn biển nước qua, gã khổng lồ đi, đi khổng...mẹ kiếp, cười không nổi, dù là gượng gạo, ha ha, ha như máy anh tài tử lúc cương. Khó quá, chẳng dễ chút nào.

Tuy thế nó vẫn bắt đầu cười vì cảm thấy hổ thẹn và ngán ngẫm. Nó ngại không nhìn vào mắt cô nữa, mắt nó dán lên chiếc đồng hồ và cười. Quả là lạ lùng khi bắt một thằng bé cười cả tiếng đồng hồ, cười khời khời, cười không màu, cười vô cớ bất nhân. Nhưng nó đã quyết, nó nhất định cười, có thể không tới một tiếng đồng hồ, nhưng nó sẽ gắng, dù sao.

Điều tức cười nhất chính là cái giọng cười của nó, sượng sần vì giả dối, và nó cảm thấy n cười thật, nên nó cười rũ ra, cười cho sự giả trá khoác lác của mình. Nó cười và không còn hổ thẹn vì tiếng cười này không gian dối, đó là sự thật, cái lớp học trống rỗng tràn ngập tiếng cười của nó, các thứ như có vẽ đâu vào đó, đều tuyệt diệu, và hai phút trôi qua.

Được thế, nó liền nghĩ đến những cái đáng tức cười khác trong mọi nơi mọi chốn, này những người đi nghiêm chỉnh ngoài đường phố cố làm ra vẻ quan trọng, biết tổng tông tong đi rồi, đừng hòng bị được nó, cung cách hợm hĩnh và giả tạo thì thâm diệu bộ, khiến nó phì cười, chẳng khác nào cái ông mục sư ở nhà thờ trưởng lão, cái lối cầu nguyện thờ ơ trên người của ông. Chúa ơi, nếu đó là ý Ngài, và chẳng có đức tin nào cả. Những người quan trọng với ô tô lớn, nào Cadillac, nào Packard phóng xuôi ngược khắp xứ, như thể họ có nơi nào để phải đến vậy, tất cả những sự lếu lạo đó khiến nó bụm miệng không nổi. Nó cười cho những gã trai mới lớn động cựa chạy náo lên ve vãn những gái tơ, những xe cộ ngược xuôi tiêu tốn

vô ích, ngổ hết sức và cũng buồn cười thấy mẹ. Nó lăn ra cười, cười hệt hơi, cười đỏ mặt, cười báng bổ, cười sần đấng...và bỗng nhiên nó nhìn thấy cô Wissig: Ôi chào! Mắt cô đầm lệ. Lạy trời, nó đâu có cười cô, nó đang cười lũ ngu đó, những kẻ ngày đêm miệt mài lao theo các trò ngu xuẩn, láo toét. Thật là tởm lợm. Nó luôn luôn muốn làm điều hay lẽ phải, nhưng kết quả bao giờ cũng ngược lại. Nó muốn biết tại sao, và cô cảm thấy thế nào trong lòng mình, nó cười cho cô và vì cô chứ không cho ý thích của nó. Và rồi cô vẫn ngồi đấy, run rẩy, đôi mắt ướt tuôn trào, môi má buồn phiền, nhưng nó vẫn cười vì giận dữ, vì xót và và tuyệt vọng dâng lên trong lòng. Nó tiếp tục cười, cười cho những chuyện đáng cảm động, những chuyện khiến cô tâm hồn lương thiện phải khóc, những con chó hoang ngoài đường, những chú ngựa lão đảo vì roi vọt và mệt lử đường dài, những con người khép nép rụt rè bị đè nén ngấm ngấm bởi béo bở tàn bạo của xôi thịt, của hào nhoáng rẻ rúng. Ồi những chú chim chết rũ bên đường, những ngộ nhận bởi bởi, những ung nhọt bắn thối, những âm hiểm trong lòng nhân thế...Và nó tức điên lên, cơn oán hận đã biến đổi tiếng cười của nó, lệ trào như chưa bao giờ thấm thiết đến vậy.

Hai con người xô đẩy nhau trong lạc lõng của lớp học trống trơn, cùng trần trụi trong nỗi cô đơn và hoang mang, như chị em, cả hai đều mơ ước thanh khiết và dịu dàng về đời sống, đều muốn chia sẻ sự thật của nhau, thế nhưng, không hiểu sao, cả hai đều lại xa lạ, cách biệt và lạc loài vời vợi.

Nó nghe cô giáo nén tiếng khóc, thế là mọi sự đảo ngược, nó gục đầu lên cánh tay, ngực phập phồng bởi hồi, nó thực sự oà khóc như một đứa bé, và cảm thấy không thiết sống nữa, nó thêm chết.

Không rõ đã khóc vui bao lâu, nhưng bỗng nhiên nó thấy mình không còn khóc hay cười nữa. Căn phòng yên lặng quá. Nó xấu hổ không dám ngẩng đầu lên nhìn cô giáo. Thật quái ác.

"Ben".

Ồi cái giọng sao mà điềm tĩnh, dịu ngọt và nghiêm mật quá. Còn mặt mũi nào mà nhìn cô nữa?

"Ben à".

Nó ngược lên. Đôi mắt cô đã ráo lệ, khuôn mặt c hình như linh động và xinh đẹp hơn bao giờ hết.

"Làm ơn lau nước mắt đi. Em có khăn tay không?"

"Dạ có".

Lau nước mắt và hỉ mũi. Cái thế giới mới bệnh hoạn làm sao. Mọi sự mới ảm đạm quá chừng.

"Em được mấy tuổi rồi Ben?"

"Dạ mười"

"Em định làm gì? Cô muốn nói..."

"Em không biết"

"Thế còn ba em?"

"Ba em làm thợ may"

"Em thích ở đây không?"

"Dạ chắc thích"

"Em có anh chị gì không?"

"Ba anh, hai chị"

"Có bao giờ em nghĩ tới việc đi đâu không? Những thành phố khác chẳng hạn?"

Thật là ngạc nhiên, nói chuyện với nó như nói chuyện với một người lớn vậy, thâm nhập những bí ẩn riêng tư.

"Dạ có"

"Đi đâu?"

"Em không biết. Có lẽ là New York, không chừng lại về quê".

"Về quê?"

"Milan, thành phố quê ba em".

"Á à"

Nó muốn gần gũi thăm hỏi cô, cô ở đâu, sẽ về đâu, nó muốn chững chạc như người lớn, nhưng nó sợ. Cô vào lấy áo choàng, mũ và ví ra, rồi cô mặc vào.

"Mai cô sẽ không đến dạy thể nữa. Cô Shrob đã khoẻ lại rồi. Còn cô ,sẽ đi xa".

Nó thấy buồn thất ruột, nhưng không nghĩ được điều gì để nói. Cô buộc dây áo choàng và đội mũ lên đầu, cười mát dịu. Mẹ kiếp, cái thế gian này nó mới lạ lòng làm sao, đầu tiên thì cô bắt nó cười, rồi cô làm nó khóc ngất, và giờ là vậy đây. Và nó cảm thấy một niềm cô biệt đang phủ chụp lấy cô. Cô sẽ về đâu, và nó sẽ mãi mãi không còn gặp lại cô nữa sao?

"Em về được rồi đây, Ben ạ".

Và kìa, nó ngược nhìn cô như muốn níu lại, nó khao khát ngồi mãi đó và nhìn cô. Nhưng dù gì chẳng nữa thì nó cũng phải đứng dậy, lấy mũ áo để ra về. Nó bước lên thềm cửa và cảm thấy muốn phát ốm vì quạnh quẽ. Nó ngoái lại nhìn cô lần cuối.

"Thưa cô Wissig em về".

"Ờ em về, Ben".

Nó cúi người xuống và phóng chạy như bay qua sân trường, và cô giáo dạy thể rất trẻ ấy vẫn đứng sững trong sân, nhìn hút theo nó. Nó không biết phải nghĩ gì, nhưng cảm thấy buồn chín ruột, nó sợ không dám quay lại xem cô có nhìn theo mình không. Nó nghĩ, nếu đi gấp, chắc sẽ bắt kịp bọn thằng Dan Seed, thằng Dick Corcoran và mấy đứa khác cũng nên, lại không chừng còn kịp giờ xem chuyển xe lửa chờ hàng rời thành phố. Nhưng dù sao, chẳng ai biết được cái gì đã xảy ra, cái tấn tuồng đã khiến nó hết khóc rồi lại cười, như thế nào.

Nó chạy một mạch đến đường xe lửa Nam Thái bình Dương, tất cả tụi nhóc đã biến mất, xe lửa cũng không còn, và nó ngồi xuống dưới rặng cây khuynh diệp. Chưa bao giờ nó thấy cái thế gian này lại hỗn độn đến như vậy.

Ngồi xuống, và bắt đầu khóc trở lại. Khóc ngập lòng thơ dại.

Chương 10

Rồi sẽ ra sao

Chết là vấn đề lớn, là ám ảnh hàng đầu của tất cả công việc viết lách, mặc dù không thể tách rời khỏi chính cái tương phản của nó. Sanh Ly và Tửệt liên lí nhau không ngừng giữa dòng đời, đến nỗi không một đứa trẻ con nào lại không biết rằng sự chết lúc nào cũng đang rình rập và có thể xảy ra cho bất cứ ai, bất cứ lúc nào, không sao lý giải hết được, và mỗi lần là một kinh ngạc hay xúc động khủng khiếp. Truyện này nói về điệu nhảy của Sống và Chết.

Khi George Gershwin chết, tôi nghĩ rằng mình phải chiếu điện quang tuyến vào đầu thôi, nhưng bác sĩ bảo là việc đó chưa cần kíp lắm.

Ông nói, Đó là một cái gì mà chúng ta khó thể biết đến, chỉ hiểu rằng có hai loại phát sinh, thông thường và nguy kịch. Chẳng rõ tại sao lại có cả hai. Đó chính là điều phải khám phá cho ra.

Tôi nói, Tôi? Ông muốn nói gì, là tôi ư?

Ông nói, Tôi muốn nói là ông chẩn đoán cũng đúng như mọi người, không chừng còn hay hơn.

Tôi nói, Cám ơn, thế nhưng những cơn đau thỉnh thoảng trong đầu tôi thì sao?

Ông nói, Ờ, những cơn đau thỉnh thoảng trong đầu ông ấy à? Chẳng có gì phải quan ngại cả, nó như một phần của tự nhiên hay ít ra không tránh được của sự sống, ông hiểu chứ?

Tôi nói, Cái đó khác. Nói vậy thì ai ai cũng bị cả rồi. Còn đây, chẳng bởi vì tôi là nhà văn?

Ông nói, Không phải vì ông là nhà văn, mà vì ông sắp chết, thôi quên nó đi, vì ai rồi cũng sẽ tiêu vong.

Tôi nói, Trời đất, có thiệt không đấy?

Ông nói, Thật mà, ông còn biết rõ hơn tôi cơ, không có ai trong chúng ta, bất cứ lúc nào, lại cách cái chết hơn một phút. Ông biết rõ điều đó mà. Thiếu oxy và hydro, như một người đang chết đuối, có thể đưa chúng ta đi biệt trong nháy mắt. Mất tương quan, mất quân bình hay vị trí, như khi bị ngã, có thể đưa chúng ta thăng thiên trong vài giây. Va chạm, như khi một người bị đưa nhanh tới một đối

tượng làm bằng một chất thể cứng hơn mình, và dùng một cái, ta biến đi như một ánh chớp. Đó là những cách đi trong rủi ro và dữ dội, nhưng thường thì không ai trong chúng ta ở cách cái chết hơn một phút.

Thế là tôi quyết định lờ đi, quên quách những cơn đau âm ỉ trong đầu.

Dầu vậy, đó là cái tin buồn nhất tôi được nghe trong nhiều năm nay, vì một đêm nọ ở New York, tôi đã gặp hấn, nói chuyện với hấn, và nghe hấn chơi dương cầm suốt hai tiếng đồng hồ. Hấn chỉ là một đứa trẻ và chẳng ai muốn bất cứ một người nào như vậy mà lại chết đi vào cái tuổi ba mươi lăm, ba mươi sáu. Cũng không ai muốn cho bất cứ kẻ nào biết nghe âm nhạc mà lại qua đời trong khi người đó vẫn còn là một đứa trẻ. Tôi, có lần nói chuyện với thiên tài Sibelius về những ước muốn như vậy đấy. Sibelius lúc ấy đã gần bảy mươi.

Tôi ở thành phố nhà khi nghe tin đó. Một người anh em họ cho tôi biết. Hấn lái chiếc xe Chevrolet đến nhà bà tôi và chúng tôi chạy một mạch đến Kingsburg. Khi chúng tôi ra xa lộ gần Malaga thì hấn bật radio. Một giàn nhạc bay lượn nhún nhảy, và không dừng người anh em tôi nhớ lại.

Hấn nói, Gershwin chết rồi.

Hấn chỉ việc nói như vậy, và tôi cảm thấy ngay đó là sự thật. Một sự thật chấn nghẹn ngang cổ đến không thể không tin được. Nhớ lại Gershwin khi còn ở New York, tôi không sao hiểu được là anh ta đã qua đời. Nhưng trời ơi, đó lại là sự thật. Và vậy đó, hấn chết. Tôi nhìn những cây nho tươi dưới ánh nắng đẹp, những lá cỏ xinh xắn, những con đường tĩnh lặng.

Người anh em họ hỏi, Anh quen biết hấn chứ?

Tôi đáp, Tôi có gặp hấn một đêm ở New York trong một buổi tiệc khá đông thực khách, cũng chuyện văn các thứ.

Chúng tôi ra vườn nho ở Kingsburg, nhìn những chùm quả lủng liếng trên cao, rồi trở về nhà bà tôi ăn cơm: lá nho gói bọc quanh thịt cừu và cơm, bánh kiểu quê và phó mát, dưa hấu lạnh. Xong, chúng tôi trở lại công viên, nhìn tứ tán mà lòng bồn chồn bất an tự hỏi, rồi sẽ ra sao. Ra sao, Khó tin và rục rĩ làm sao. Lạ lùng, ảm đạm và

lung linh đẹp để biết chừng nào: Có những tĩnh vật được vẽ bởi những vĩ nhân khi họ muốn biết chúng ra sao: tĩnh vật, hình thể của những tĩnh vật lê đào, nho, cá trên đĩa, ổ bánh, chai rượu, các sự thực dưới ánh sáng. Các vật sống động mà tất cả những ai đã yêu thì tuyệt đẹp và huyền nhiệm vô cùng.

Hai giờ sáng hôm đó tôi đáp tàu về San Francisco và vẫn tiếp tục giữ cái nhìn lên mọi vật: bóng tối của phong cảnh và bầu trời của chờ sáng, một buổi sáng yếu ớt đến, mặt trời mọc soi rọi cái thế giới do chúng ta bày đặt ra, có cả xấu lẫn đẹp khoác lên mặt đất, những đường xe lửa, những toà nhà kỹ nghệ cao ngất nghệu bên những ổ chuột khốn nạn thảm lạng của nghèo khó. Suốt đêm, tôi thả mình trôi nổi trên vùng nghĩ tưởng xa xăm đó.

Tôi cố nói hết để bạn cảm biết nó ra sao, bởi những cơn đau trong đầu của tôi chẳng phải vì tôi là nhà văn, nó truy bức và hoành hành bạn và tôi cũng như bao người còn sống, những kẻ chưa lao qua cỏi trời Đâu Xuất kia vì chiến tranh, vì tai nạn hay bệnh tật các thứ, đều như nhau cả. Tôi nói sẽ không cạn hết những đáy tầng chập chùng của sinh tử, nhưng bạn hãy cho một ý niệm khi ném thấy cái vị chết vừa vương vướng trên đầu lưỡi mình.

Khi chúng ra vừa sinh ra đời, đó là một bắt đầu, nhưng ở đây cái bắt đầu không là như vậy, cái bắt đầu tôi đang nghĩ và muốn nói tới đây là khi chính bạn nhìn và lần đầu tiên thấy.

Cái bắt đầu tôi muốn nhấn mạnh là, khi bạn ra khỏi giấc mơ của vũ trụ và cảm thấy cái vinh quang mãnh liệt, cái cô đơn của hiện hữu, của hiện hữu từ hư vô, của sự tương quan với, và là một thành phần của nguồn tinh lực vĩ đại, là một thực thể, toàn diện và bất tử, bình thường hay trầm trọng.

Cái bắt đầu là khi bạn nhận thức ra sự dị biệt giữa cái người ta giả vờ là, và cái người ta là: chẳng là gì ngoài những trần khách của thế giới, những kẻ vay mượn thời gian, đến và đi. không phải sở hữu chủ của bất cứ gì, ngoài cái đặc quyền bản thể cư trú và chịu đựng thời gian. Con người là những sinh linh màu nhiệm, lại không bao giờ xa cái chết hơn một phút, không bao giờ rời bỏ vinh quang, và khi họ còn sống là còn trẻ con, bởi đời sống luôn ở giai đoạn ấu

thơ. Những người vào giây phút cuối cùng để đi đến cái chết ở những tuổi như bảy mươi, tám hay chín mươi, đều tập tễnh như trẻ nít hài nhi. Họ đi như đã đến, một cách bất lực.

Cứ cho là họ đã từng vĩ đại trước mắt đồng loại họ, hoặc bé mọn và vô d hoặc dưới mắt Thượng Đế họ đã cao thượng, thánh thiện và chân thành, như con người, khi họ đi vào khoảnh khắc cuối cùng đó, như những con người đã đến đây, đã bước cái khoảnh khắc đầu tiên. Những khoảnh khắc đó, khoảnh khắc đến nơi và khoảnh khắc rời bỏ, là những khoảnh khắc huyền bí và màu nhiệm, bình thường và, nếu chúng ta thích nói cách khác, nguy kịch, mặt đến cũng không nhẹ nhàng hơn so với đi. Cả hai đều đồng thời vừa nhẹ nhàng vừa nguy kịch.

Chúng luôn luôn cùng nhau, ngoại trừ đối với thủy thổ, với ánh triều dương, vừa những mảnh thời gian vinh hiển, đạt được mục tiêu trong mỗi cá biệt. Nhẹ nhàng và nguy kịch là một trong những gì rất sống động, ngoại trừ những khoảnh khắc mà sự lưu chuyển của thời gian bị chặn lại bởi sự thức tỉnh vô cùng của con tim, bởi sự nâng cao tột đỉnh của tâm linh, sự bành trướng nhất thời của chân lý, tìm chân lý, và tìm thấy.

Đây chỉ là một gợi ý, gợi ý rằng một ít của nó ra sao. Các phân tử thì quá nhiều và biến thiên đến nỗi không ai có thể nói được tất cả nó ra sao. Ngay đối với chính mình, không một ai, không một hài nhi nào, vĩ đại hay nhỏ nhoi, hoặc dưới mắt Thượng Đế là cao thượng hay chân thành, có thể biết được tất cả ra sao, hoặc ngay là tất cả có thể ra sao. Nó đôi khi là hiện tại, như bài ca trữ tình, hoặc ngút ngàn miên viễn, không ai ngờ biết được.

Chiều hôm đó ở thành phố nhà, người anh em họ và tôi lái xe khắp các ngõ phố cuối tuần, rồi bỗng chúng tôi thấy một người khác phái, xinh tươi và dễ thương như một chùm nho. Người anh em họ rống tướng lên vì hâm mộ. Hắn lái vòng lên vòng xuống một con đường, canh chừng cô gái, la hoảng lên vì thú vị và ngưỡng vọng, vồ lên đầu một cách đau khổ vì chỗ "không thốt được nên lời", rên rỉ một cách thắm thía bằng tiếng quê nhà, và gọi "Chúa ơi" rất đáng vẻ bằng tiếng Anh.

Cô gái không quá mười sáu hay mười bảy, hoặc trên dưới gì đó chút đỉnh, nhưng trẻ trung và sung mãn như tất cả những chồi lộc phơi phới trên mặt đất, cũng khả ái và cân đối như tất cả những gì đến với đời sống này: ngày đến đêm, hoa đến quả, biển đến bãi, dưỡng khí đến trái tim. Và với người anh em họ, tôi bị ray rứt bởi nỗi buồn phiền do sự thích thú và ái mộ một thể chất xinh đẹp đến mức thiêng liêng, dù thể chất đó là của con gái, của một tên say, một tên xuẩn động, hay bất cứ của một kẻ nào nhỏ nhoi hoặc vĩ đại. Người anh em họ và tôi thấy cái đẹp bất tử, và khi cái đẹp đó biến vào một căn lều lụp xụp, bên cạnh đường xe lửa vắng lặng, người anh em họ tôi lại càng rên rỉ hơn, anh hơi hải nhìn quanh rồi lại la lên một cách điên cuồng. Ta đi uống bia thôi!

Chúng tôi lái xe vào một quán trên đại lộ Ventura và uống một hơi hai chai, rồi về thẳng nhà hân. Ở đó tụ tập đâu khoảng hai chục người, cùng một gốc gác xứ sở với nhau, xúm quanh nói chuyện. Những người già đầy lòng tư hương và nhớ đến các trang lúa đã khuất, gọi lại những ngày đầu mới đặt chân lên cái xứ cờ hoa này, lạ lẫm và tốt đẹp biết bao.

Những ngày khó nhọc ấy, có lúc một người trong chúng tôi, hiện vẫn còn sống, tưởng như đang bước những bước cuối cùng của đời mình, trong khi những người khác cầu nguyện và chửi thề, và cuối cùng kẻ hấp hối kia đã gượng dậy với chúng tôi. Rồi hai hay ba tuần gì đó, người ấy hồng hào trở lại, một cá nhân chen chúc giữa tập thể, hàn huyên này nọ, góp với nhau từng nụ cười, và chúng tôi vẫn ở bên nhau, đầm ấm qua các mùa, nhìn thế giới chớp chớp ánh sáng. Chúng tôi nói về những người đã chết như thể họ vẫn còn ở đó, sống động cùng năm tháng phiêu mù lướt qua, như thể Dikran vẫn còn nghịch ngợm giữa chúng tôi, thông minh, láu lỉnh và nhiều chuyện vui, giọng cười sáng choang, ôm lấy mấy đứa nhỏ nựng nịu, cho quà. Chúng tôi nói về Hovagim và cái xe Buick cà tàng cổ lỗ sĩ của ông, cả cơn giận lôi đình kinh thiên động địa khi một ai đó đối xử không tốt hoặc nói láo khoét gì đó, một hôm ông bùng bùng với người hàng xóm khi y dối trá với ông, ông bèn nhắc chiếc Ford như một khối sắt, lật nghiêng xuống rồi hét vang, Nào! Láo toét nữa đi! Và tất cả chúng tôi phá ra cười.

Khuya đêm đó, người anh em họ và tôi lại lái xe lên tỉnh và sà vào một tửu quán.

Người anh em họ hỏi, Anh có nhớ những người mà họ nhắc đến đó không?

Tôi đáp, Nhớ lai rai vài người, nhưng nhớ nhất vẫn là Hovagim. Có lần ông chở anh em tôi ra vườn nho của ông bằng chiếc Buick thổ tả, ông đưa chúng tôi đi săn và cho nghe các đĩa hát Armenia bằng chiếc máy hát cũ xì, khọt khẹt buồn rầu rứt, và ông ứa nước mắt. Ông thường cho chúng tôi nho, đào và dưa hấu. Tôi nhớ ông nhiều hơn Dikran, tôi chỉ nghe mẹ tôi kể về cậu ấy, và tôi thích cậu. Cậu có vẻ là một người nghiêm nghị, mặc dù luôn khôi hài.

Chúng tôi đến quán Basque đường Tulare. Ở đó có một máy hát tự động, chúng tôi uống Scotch, nghe các tình khúc, các bản Tango Tây Ban Nha suốt hai tiếng đồng hồ. Đó là một quán thật đẹp, thật ngon mà tôi từng uống, và tôi chạnh nghĩ đến cái đêm ở New York khi mới gặp Gershwin, và hẳn cho tôi biết đã cảm thấy thế nào trong phút linh cầu sáng tác một nhạc phẩm.

Khi uống, tôi biết hẳn cảm thấy thế nào, nhưng không biểu lộ được. Một cảm nhận khó tả, rằng hẳn đã đi qua cái khoảnh khắc cuối cùng, nhưng vẫn còn lang thang lui tới giữa chúng ta, nghe và nhìn trong bóng tối và ngoài ánh sáng, đi quá tầm rồi trở lại với chúng ta. Biết và cảm nhận như vậy đấy. Nhưng nhờ ơn trời, bất cứ ai trong chúng ta cũng phải chết trước khi chúng ta đã đến hoặc đi, cả trước khi bắt đầu, trước khi đạt đến một khoảnh khắc đáng nhớ. Chúng ta hoặc là đất, hoặc đá, hoặc hư không.

Trên chuyến tàu về nhà, tôi là một người Armenia buồn bã. Không vì Brahms đã chết, hoặc Bach, hoặc bất cứ ai khác, Renoir hoặc Goya, Dostoyevsky hoặc Dickens, Robert Burns, Byron hoặc Daniel Boone hoặc Tolstoy hoặc Andrew Jackson, hoặc Mark Twain hoặc bất cứ một người nào mà ta yêu mến. Chính bởi vì nó là như vậy, nguy kịch và nhẹ nhàng, xin nhờ lượng trời vô hạn.

Chương 11

Mt nước vĩ đại nhất thế giới

Khi trận chiến không thể tránh khỏi đã xảy ra thật khủng khiếp vào mùa hạ năm 1939, tất cả những âm vang của đau buồn, của bi ai và khổ nhục. rồi tai hoạ dồn dập đến với tôi từ khắp mọi phía, mọi nơi, khiến tôi phải cố viết để nói lên một cái gì, may ra có thể có chút lợi ích cho một ai đó, ở một nơi nào khác. Vở kịch thứ nhì của tôi, *The Time Of Your Life*, được thai nghén trong thời kỳ đó, từ cái cảm thức bi hoài về sự lâm luy tất hữu đang chờ đợi nhân loại.

Ông bố nhìn đăm đăm thằng con mười bốn tuổi, vừa bối rối vừa yêu thương, và cố hết sức để cảm thông nó.

Ông nói, Này, Joe.

Thằng con đang đứng trước tấm gương nhỏ treo trên tường phòng ăn, nhìn chăm chăm vào con mắt sừng bằm của mình. Nó đứng dậy khỏi bàn mà không ăn lấy một chút nào. Mẹ nó cũng đặt thìa súp xuống, ngھn người ra phía trước, say mê và thích thú về cả hai cha con chúng nó.

Thằng con soi vào tấm gương nhỏ rồi quay lại nhìn vào mắt bố và mẹ nó.

Nó nói, Cái gì vậy? Con không muốn ăn, vậy thôi.

Ông bố đặt tay lên miệng vuốt vuốt ria mép và nghĩ coi ông nên nói cái gì. ông năm mươi tuổi và nó là thằng con út. Thằng út trong số năm đứa. Mấy đứa kia tứ tán cả rồi, đứa nào cũng đều xa lạ với ông, nhưng ngay từ lúc nó sinh ra, ông đã nghĩ rằng thằng này mới thật là con của mình. Ông còn nhớ đứa bé nằm trong cái thùng, nó cười với ông, cười êm lặng, và năm này qua năm khác, càng lớn lên nó càng giống ông, chẳng khác nào như khi ông còn là một cậu bé ở quê nhà. Giờ thì thằng nhỏ đã cao to bằng ông, phốp pháp, cũng với cái đầu và khuôn mặt đó, cũng tóc vàng hoe dày rậm.

Bà mẹ là một người Mỹ, một cô gái mà Nick Frantisek đã gặp ở Pennsylvania ba mươi năm trước, khi ông đang làm phu hằm mỏ ở đó và chỉ bập bẹ vừa đủ vài ba tiếng Anh giả cầy. Bà vẫn là cô gái mà ông hằng yêu thương. Ông chưa hết cảm kích về việc bà là người Mỹ, một cô Mỹ xinh xắn. Những thằng con hoặc giống bà, hoặc giống cả hai, mỗi người một nửa. Chúng đều là những đứa con ngoan, riêng thằng út này coi bộ giống ông hơn cả. Mẹ thằng nhỏ cũng hài lòng về điều đó không kém gì ông bố.

Từ những buổi đầu bà vợ ông đã học kha khá về về tiếng Tiệp để làm vui lòng chồng, và bài cười thân ái làm sao, như một người ngoại quốc ở nước Mỹ, một Tiệp kiều vậy, một công nhân to lớn và chất phác trong một thế giới hỗn tạp, cuồng điên và lộng lẫy. Những người khác, những kẻ lạ, đã khiến gã ngoại kiều trong ông thích thú, họ đã gây cho ông nhiều phần kích bởi những khác thường nho nhỏ, ngay cả nơi mấy thằng nhóc nhà ông, ông yêu biết bao cái đặc Mỹ của tâm hồn chúng, khả ái lẫn cởi mở hồn nhiên cùng cái tinh thần bộ tộc của mẹ chúng trong mỗi đứa. Ông cố dạy cho chúng học sơ qua một ít tiếng Tiệp, chúng học nhưng chúng luôn luôn coi đó là một cái gì buồn cười ghê lắm, chính ông đôi khi cũng cảm thấy như thế. Chúng cười rộ lên khi ông hỏi chúng bằng cái giọng trầm trầm về tên của chúng, cha ông tổ tiên chúng là ai, và phải đợi chúng trả lời khó nhọc bằng cái giọng và âm điệu ngoại quốc ngượng ngịu buồn cười, chúng còn bịa thêm ra vài âm sắc chim chuột gì nữa, cả nhà bỏ lăn ra cười. Tuy nhiên Joe mới là đứa thực sự muốn học tiếng của quê cha, nó nói khá và có vẻ thích nữa, nhất là lúc chỉ có hai bố con với nhau.

Ông bố đã gọi tên thằng con, như một người Tiệp này nói với một người Tiệp khác, vẫn đứng nhìn vào gương, thằng con trả lời bằng tiếng Anh.

Cái gì vậy? Con đã nói là con không muốn ăn, vậy thôi.

Ông bố đưa tay lên miệng vuốt vuốt ria mép, cố nghĩ xem ông nên nói bằng tiếng Anh hay bằng tiếng Tiệp. Joe, ông nói một thứ tiếng Anh nghe như tiếng Tiệp, ăn cơm đi con.

Thằng nhỏ gân cổ lên, Con không đói mà.

Joe, mẹ thằng nhỏ gọi.

Bà muốn nói nhiều lắm nhưng lại thôi, và chỉ gọi tên thằng nhỏ. Bà muốn bảo nó, Joe này,đàng hoàng lại chút coi, mày điên rồi con ạ.

Ông bố Nick nhìn mẹ thằng nhỏ bằng cái nhìn ra hiệu cho bà đừng nói gì thêm nữa. Bà mỉm cười đáp lại cái nhìn đó và bắt đầu húp thìa súp. Từ cái nhìn đó, bà có thể nghe ông nói, Được rồi, Bess, để anh nói cho thằng Joe rõ.

Thằng nhỏ quay khỏi tấm gương và nhìn bố nó một lát, muốn nói cái gì, lại đổi ý, đi về phía đi vắng bên cửa sổ, ngồi xuống nhìn sàn nhà. Bỗng nhiên nó nói bằng tiếng Tiệp.

Con sẽ giết tụi nó.

Joe, ông bố hét thằng con.

Bà mẹ đứng dậy khỏi bàn và lên gác. Bà biết đây là lúc mà Nick muốn bà tránh hẳn ra.

Hừ, thằng nhỏ nói bằng tiếng Anh, chúng nó đừng hòng mà qua mặt con.

Ông bố nói bằng tiếng Tiệp, Té ra mày vẫn đang nghĩ đến chuyện đó. Tao tưởng mày nghĩ đến chuyện khác chứ.

Thằng nhỏ đáp bằng tiếng Tiệp, Đó chỉ là phần nào thôi.

Điều này làm ông bố khoái chí. Ông nhớ lại những trận choảng nhau như điên như khùng với bố ông ở quê nhà xa lắc, và cái lối bố con cãi nhau nữa chứ, bố bảo bố hay, con cho con phải, rồi thì đám đá túi bụi cả lên rất nhộn, kết thúc là lúc cả đám nam phụ lão ấu bu quanh, nhảy vào, la hét và can ngăn hai bố con ra.

Nick hỏi thằng nhỏ, Đầu đuôi ra sao?

Joe nói, Con không thích.

Nó ngừng nói và trở nên căng thẳng với cơn giận điên tiết vì cảm hận mà nó đã cố nén suốt cả buổi chiều. Ông bố ngồi im để tìm hiểu xem chuyện gì đã xảy ra, như Joe đã nói với ông. Nhân viên các cửa hàng đang biểu tình và canh chừng các hàng hiệu. Joe chẳng biết ắt giáp gì chuyện đó. Họ đi đi lại lại trước tiệm Emporium, đã kích và hô hào thiên hạ đừng vào. Joe từ sở làm, nó giữ một chân

tuỳ phái, đi qua những người đình công và vào tiệm. Nó đem về vài thứ mà ông chủ sai đi mua, và rời tiệm. Không dừng, có bốn người đuổi theo, hất gói hàng văng ra khỏi tay nó, rồi xúm nhau nện nó một trận toí bời. Joe quá ngạc nhiên đến nỗi không kịp phản ứng gì cả, mãi cho đến khi có hai người cảnh sát ngăn bọn kia lại. Joe bị xô đẩy và đánh đập mà chả phản ứng được gì cả.

Từ đó, nó chỉ muốn trở lại để đánh cả bọn. Mắt trái nó sưng lên và thâm sì.

Nick nói, Có gì đâu, họ là công nhân tranh đấu vì quyền lợi. Họ làm thôi. Quên chuyện ấy đi Joe.

Thằng nhỏ như tỉnh khỏi cơn mê sảng hận và nhìn bố nó chòng chọc.

Nó nói, Con sẽ lòng bọn đó.

Nick nói, Tao bảo rằng không.

Thằng nhỏ im một lúc. Nó đang nghĩ đến bọn Đức và bốn gã kia.

Nó nói, Hừ, cứ nhìn bọn Đức mà xem. Chúng tưởng chúng là gì cơ chứ, mà cứ cố xâm nhập cái xứ sở nhỏ bé của chúng ta?

Ông bố hài lòng nhưng cũng căm giận nước Đức như thằng con.

Thằng nhỏ nói, Chúng sẽ vào ngay bây giờ và chiếm cả nước.

Nick nói với thằng con bằng tiếng Tiệp, Chúng cũng phải gặp khó khăn ghê lắm chứ. Chúng không đánh nổi người Tiệp khi họ chỉ tay không, chứ đừng nói là khi họ có súng trong tay.

Thằng nhỏ nói, Chúng không dùng súng đâu. Chúng chỉ hù và chiếm đóng.

Ông bố đứng dậy khỏi ghế, lồng ngực đầy nhiệt huyết của thời trai trẻ, căm hận cái thế giới bất công và cái lối xử sự khốn kiếp của nó.

Ông nói, Này Joe, người Tiệp sẽ đánh cả thế giới, cả bọn Anh và bọn Pháp.

Thằng nhỏ nói, Một nước bé tí tẹo mà làm được quái gì?

Bé tí tẹo à? Ông bố gầm lên, và trên gác bà mẹ nghe họ. Bà nghe ông hét, Tiệp Khắc là một nước lớn nhất thế giới.

Thằng con nói, Bố điên rồi.

Ông bố rống tướng lên, Điên, mày nghe tao nói này Joe.

Ông dẫn thằng tới thằng nhỏ, sừng sững trước nó, và với sức mạnh Slav cuộn cuộn của thời trai tráng sót lại. Cái sức mạnh đã đưa ông từ một làng hẻo lánh thẳng tới New York ba mươi ba năm trước đây.

Ông nói, Tao cho mày biết, nước của tao là nước vĩ đại nhất thế giới.

Thằng nhỏ đứng dậy, thủ thế, nó biết thế nào cũng gặp rắc rối, chưa đến nỗi như giữa nước Đức với nước của bố nó, nhưng giữa bố và con, thừa biết rằng ông sẽ chán ghét nó nếu nó không chấp nhận rắc rối, và rồi chính nó sẽ phải chán ngấy.

Thằng nhỏ giữ vững lập trường, nói, Tiệp Khắc là một nước nhỏ. Biết đâu, chả mấy chốc nó sẽ biến mất, chẳng còn là một đất nước nữa.

Nó chúa ghét phải biết điều đó, nhưng nó tin là thật vì tình hình thế giới. Nước vĩ đại nhất thế giới không phải là ở diện tích của nước đó mà là nhân dân nước đó vĩ đại. Nếu so sánh vào một lúc nào đó, có thể Tiệp Khắc là một nước vĩ đại nhất thế giới, hoặc ít ra là một trong những nước vĩ đại nhất, nhưng điều đó không được rồi khi mà nó dính dáng đến chiến tranh, chính trị các thứ, bởi trên phương diện đó, người ta không tư màng gì đến sự vĩ đại của những con dân, những cá nhân riêng biệt kiệt xuất, họ chỉ đếm số dân và hô hào chiến đấu, rồi thắng trận rồi yêu sách các đòi hỏi này nọ. Có vậy thôi. Tệ thật, nhưng đó là sự thật và bố nó cũng chả làm gì được hơn.

Những gì thằng nhỏ vừa nói làm cho ông bố giận kinh khủng. Ông biết nó nói gần với sự thật đấy, nhưng ông không ưa vậy.

Ông bắt đầu xắn tay áo lên, như ông đã xắn tay áo ba mươi năm trước, khi ông gây gổ với những tên bụi con, hoặc một tên nào khác.

Ông bố nói, Mày nói vậy à?

Thằng con nói, Đúng.

Ông bố nói, Joe, tao sẽ đánh mày trước.

Trên gác, người mẹ Mỹ lắng nghe cuộc cãi vã điên cuồng, vô lý, lạ lùng và chỉ một lát sau cô lắng nghe cuộc ẩu đả tức cười, hay hay. Thoạt đầu cô muốn đi vội xuống nhà và xin can hai bố con, nhưng sau cô quyết định đợi một lát thì hơn. Trận đánh bắt đầu chậm lại, nhưng chưa đầy một phút đã trở nên kịch liệt thật sự, he tiếng đồ đạc rơi loảng xoảng. Đợi cho đến khi chắc rằng hầu hết các thứ trong phòng ăn bị phá tan tành cả rồi, cô mới bước xuống nhà và đứng ngay cửa lớn, nhìn họ.

Ông bố khóa chặt đầu thằng con, thằng con bẻ ngoặt ngón chân ông bố, và hai bố con lăn lộn trên sàn nhà. Ghế ghiếc đổ cồng kềnh, còn tất cả những gì lúc nãy ở trên bàn thì đều nằm dưới đất, chén đĩa vỡ toang và súp thì rơi vãi khắp tấm thảm. Đó là cái cảnh bữa bãi đẹp mắt nhất mà cô được thấy trong hơn tám năm nay, kể từ khi thằng con kế út, Tom, đánh lộn với Nick.

Cô vẫn tin rằng Nick, người yêu của cô, khó mà bại trận cho được. Thật ra, cô thích thú lắm. Còn như thằng Joe con cô, nó cũng khá quá đi chứ. Nó dễ thương hết sức. Cô nhớ những lần đi chơi sở thú, những con sư tử gầm gừ nhau luôn khiến mẹ con cô khoái chí. Đây cũng chả khác gì những con sư tử uy dững quần thảo nhau. Hết ông bố rồi lại thằng con, đè cưỡi lên nhau, và kẻ bị đè đâm ra nổi quạu, như những con sư tử, và lại lật ngược tình thế. Joe gỡ được đầu ra, nhưng ngay lúc đó Nick cũng luôn luôn được ngón chân cái ra ngoài, rồi bỗng nhiên hai bố con đều đứng dậy, thở hít một hơi và hăng hái đánh nữa. Ông bố ôm ngang hông thằng con, nhấc bổng nó lên khỏi sàn, nhưng thằng con kịp xô ông bố lùi lại, té nhào. Nằm dưới sàn nhưng Nick lại nhanh nhẹn khóa đầu thằng con, lần này ông đuổi thằng con ra, không cho thằng con nắm được. Thằng Joe gần như, nhưng không hẳn là hoàn toàn, thất thế.

Ông bố nói, Nào, mày nói gì Joe?

Thằng con bật cười. Nó hét tướng lên, bố điên thật rồi.

Ông bố cúi tiết nhắc thằng con dậy và đẩy nó sát vào chân tường. Cô gái thấy tiếng ồn náo thật là tuyệt, và cô thích cái cảnh cả nhà đều rung chuyển. Thằng nhỏ húc đầu, vặn cổ, và lại thoát ra được.

Nhưng lần này thì trận đánh kết thúc. Chỉ vì thằng nhỏ không chịu đánh nữa, và chẳng còn hoài nghi gì nữa, dù ở nhà quê hay ở tận Âu châu cũng thế cả. Ông bố quay lại và thấy cô vợ vừa đang mỉm cười vừa thu dọn chén đĩa vỡ.

Tất cả rồi cũng đâu vào đấy. Bọn Đức khó khăn chán mới vào được.

Thằng con xếp mấy chiếc ghế vào chỗ cũ.

Ông bố nói, mày nhớ nhé Joe.

Thằng con nói, Bố điên mất.

Nick nói, Cũng được. Mày biết tao muốn nói gì mà.

Cô vợ cũng nhập bọn, thắm thắm mấy vệt súp vung vãi bằng cái khăn lau đĩa bát bé xíu.

Ba mươi năm trước, ai cũng nói cô điên mới đi yêu một gã bần nông to xác, nhưng giờ đây và hơn bao giờ hết, cô biết rằng thiên hạ lầm lẫn biết chừng nào, và mọi sự trên thế gian đã trở nên tốt đẹp hơn khi ông hôn cô lần đầu tiên.

Ông quay lại nói với vợ, Dọn bàn đi Bess. Bây giờ tất cả chúng ta ngồi xuống ăn tối thôi, nghe cái lỗi ông nói điên điên mà hay hay, Joe và vợ ông phá lên cười, và phải công nhận cái lỗi ông nói nó ngộ ngộ làm sao ấy.

Cơm nước xong, thằng con khế nói, Đây mới là nước vĩ đại nhất thế giới, bố ạ. Và ông bố cũng chẳng buồn phải chối cãi.

Chương 12

Ăn mày

Ai xin ai? Ai thực sự in?

Khi số tin đầu tiên kiếm được tương đối khấm khá bằng nghề viết, tôi thấy cần phải cho bất cứ người ăn xin nào khi bắt gặp hoặc họ chìa tay ra xin. Khi du lịch ở Nga năm 1935, tôi trao chút tiền nhỏ cho những ai cần đến, lúc đó tôi hết sức ngạc nhiên khi người ta bảo rằng làm như thế nhà nước không tán thành, vì chẳng những không giải quyết hay cải thiện được gì mà lại còn khuyến khích một lối sống nhục nhã, những kẻ lý ra được xã hội nâng lên, v.v. và v.v.. Nhưng kỳ thực thì chính phủ Nga có lý hơn chính phủ của chúng ta nhiều, luôn luôn quyên tiền cho đủ loại kế hoạch rất xứng đáng, mặc dù chế độ thuế má nghiêm ngặt đã giúp họ tận thu được những món tiền kèch xù, nhưng cũng có ý kiến cho rằng những món tiền lớn ấy đã bị phí phạm trong những tiêu pha cực kỳ phi lý. Có nhiều cơ quan từ thiện luôn đi quyên góp mỗi năm, công việc thường gặp thuận lợi, bởi vì cái công việc khoan thai bỏ ra một hai đồng vào đó khiến cho thiên hạ cảm thấy hạnh phúc, một niềm hạnh phúc mới dễ dàng mà lại cao cả thanh sạch làm sao.

Có lần tôi làm khách du lịch, và tôi đến ngay Âu Châu.

Tôi bước ra ngoài và nhìn ngắm thế giới. khắp nơi đều thấy có cùng một điều: Thế giới và ăn mày. Tôi thấy đủ loại ăn mày hữu hiện. Ăn mày giàu và ăn mày nghèo, ăn mày ngạo mạn và ăn mày kính cẩn, ăn mày béo và ăn mày gầy, ăn mày mạnh và ăn mày yếu, ăn mày còn toàn vẹn và ăn mày khuyết tật, ăn mày khôn lanh và ăn mày trì độn.

Lại thấy ăn mày tài tử và ăn mày chuyên nghiệp.

Nghĩ cho cùng, tất cả con người trên cõi đời này đều là ăn mày cả, thế này hay thế khác, không bỏ sót một ai, dù vĩ đại hay nhỏ

noi. Giáo sĩ xin Thượng Đế ân điển, vua chúa xin Bề Trên tha thứ lỗi lầm, xin con dân lòng trung thành. Mà thử hỏi, ai kẻ trên đời có thể khẳng khẳng đến mười năm mà không cầu xin Đấng Chí Tôn xóa bỏ hay tha thứ cho những sai quấy chứ?

Tôi thấy ăn mày vui và ăn mày buồn.

Một trong những đứa nhỏ ăn mày vui nhất mà tôi từng gặp là một thằng bé người Nga, trạc tuổi chín hay mười gì đó, đón tàu hoả từ nhà ga một làng nhỏ phía nam Kiev trên đường đi Kharkov. Nó đón tàu chạy từ tỉnh mơ cùng chuyến với tôi, nó hát giọng lớn và đánh thức một số hành khách đang mơ ngủ. Nó hát như một con gà trống sung sức giục giã mặt trời. Hát như thiên thần cất tiếng. Nó ăn mặc rách rưới, chân không giày, nhưng nó có một khuôn mặt sáng rõ của thiên thần. giọng nó vang vang, mạnh và vui nhất, vô úy mà mộc mạc nhất, và bài hát cũng vậy, dù tôi không hiểu lời nhưng nhạc điệu tuôn trào trong trẻo đầy khí vị, vui vẻ, hân hoan, hoa mỹ, mộc mạc, phong mạo, mạnh mẽ và vô úy. Một thằng bé ăn mày, chắc hẳn đã mồ côi, một cái bang nhí, vô gia cư không cha không mẹ, không anh em cậu dì các thứ, không bạn bè. Bạn bè ư? Trên đời có bao nhiêu người thì nó có bấy nhiêu bạn, tốt xấu lẫn lộn một đồng.

Tôi đang ngủ trên băng gỗ, toa hạng ba. Và giọng thằng bé như dòng nước mát đánh thức dậy với tỉnh mơ, thấy khoái hoạt với thế giới và

Cộng Hoà Xô Viết, hoặc bất cứ những gì người ta xướng gọi lên.

Một bác nông phu đen đũi xứ Caucase trên băng đối diện cũng choàng dậy. Ông chiêmđiều thuốc Nga, hít vào, ngáp, rồi bắt đầu mỉm cười. Ông phác một cử chỉ về phía tiếng hát và nói mấy câu tiếng Nga.

Bài ca mà thằng bé này hát không thể mô tả được, và cũng không làm sao quên cho được, nó bắt đầu mạnh mẽ, hầu như mãnh liệt, giọng vút lớn lên, tuy nhiên, như tiếng gáy một con gà, tiếng gáy mỗi lúc một trở nên cường tráng một cách khó tin vào lúc sắp kết thúc với nỗi hân hoan buổi sáng, thỉnh thoảng bài ca đạt đến chỗ hào sảng vui hoạt và hoan hỉ không sao ngờ được.

Tôi ngồi dậy, đuổi các bắp thịt và châm một điếu thuốc Nga. Đoạn tôi vội vã đi về phía cửa sổ toa hạng nhất, nhấc cửa lên và nhìn xuống thằng bé ca sĩ, nó cũng đang nhìn lên tàu, vừa hát vừa cười, rạng rỡ nhô người lên y hệt dáng điệu chú gà trống tơ. Sực nhìn lại, tôi chẳng thấy chẳng có ma nào đến để nhìn và nghe nó hát cả. Tôi nghĩ, này giờ nó chỉ hát cho chuyến tàu và cho bình minh.

Bài hát buồn, nhưng đó là cái buồn không quên mất niềm vui. Thằng bé chắc nịch, dẻo dai, khắc khổ, mềm mại, tóc hoe vàng, da sạm vì phong sương và lăn lóc với đời. Nó hát hết một lần, đoạn ngược lên mỉm cười với tôi, và tôi vừa nháy mắt vừa sục sạo tìm những đồng tiền Nga. Người nông phu đen đen xứ Caucase cũng đến một cửa sổ khác, nhấc cửa và nói gì đó với nó, ra chiều thân ái. Tôi không hiểu gì cả, nhưng đó chắc hẳn là một câu hỏi. Thằng bé trả lời qua loa, và khi tôi giơ tiền ra, ném xuống, thằng bé bắt gọn lỏn, nó nói cảm ơn bằng tiếng Nga và bắt đầu hát lại bài hát kia một lần nữa, quả đúng là việc mà tôi mong muốn.

Nó đánh thức khá nhiều người trước khi tàu chuyển bánh. Mọi người đều thích nó. Thật không thể nào quên được cái giai điệu đó, và tôi dám quyết rằng trong đời chúng ta không dễ gì có dịp nghe bài hát ấy một lần nào khác. Giai điệu phát xuất từ cả tấm lòng của một chủng tộc, cả sức mạnh và đau khổ của một thời đại. Trong năm mươi năm tới đây, tôi có thể trở lại nước Nga cả trăm lần, nhưng không chắc tí nào còn có dịp nghe được nhịp tâm ca đó lần nữa.

Đây là một trong những cái làm cho tôi hài lòng về nước Nga.

Tôi đi Edinburgh ở Tô Cách Lan, và tìm được một khách sạn khá đẹp trên sườn đồi, từ phòng có thể nhìn thấy một con đường hẹp. Edinburgh là một thành phố cổ kính, ảm đạm và quý phái. Ở Edinburgh cũng có ăn mày.

Một bọn ba người ăn mày đến chỗ khúc quanh con đường, dừng lại trước khách sạn và bắt đầu diễn tấu. Họ là những ăn mày trẻ. Một người vồ vồ cái trống lớn, người kia chơi măng cầm và người thứ ba, nhà nghệ sĩ vĩ đại nhất, hát qua một máy khuếch âm và nhảy claquet. Nhảy ngoài đường. Nhảy ngoài đời. Nhảy ngay trên sàn

sân khấu cuộc đời. Loại nhạc gì mà nghe tuyệt diệu và phù hợp với dã ngoại quá. Tôi không hiểu, nếu diễn trên sân khấu nó như thế nào, nhưng dám chắc là không bằng một nửa thế này. Loại nhạc đó cần cuộc đời làm sân khấu, khiến bao nhiêu du khách thích thú mê tơi. Đó là những gì rất người. Tôi không còn thích viếng thăm các thắng cảnh hay di tích nữa, tôi muốn biết về những con người. Và tiếng hát, cung cách của những người ăn mày này là những gì tôi sẽ sung sướng nhớ lại nhạc ăn mày này là một ban vĩ đại. Tay trống, tay măng cầm, và tay ca sĩ kiêm vũ công. Ở cái thành phố Edinburgh âm u ảm đạm đó, cái thành phố thâm trầm và cao quý đó, ba người ăn mày này đập tan cái tịch liêu rêu phủ của hàng hàng thế kỷ, bằng sự phấn nộ Tô Cách Lan thâm u và ưu uất. Những thanh niên này ăn mặc giản dị, quần áo bình thường, trừ tay ca sĩ kiêm vũ công. Anh ta mặc áo rách và đầu đội mũ tròn rộng vành.

Anh chỉ hát điệp khúc bài hát. Nhạc cứ trào dâng đều đều, đến điệp khúc anh lại cầm máy và hát xong điệp khúc anh lại nhảy theo. Anh nhảy như một người phấn chí, không đợi chân chấm đất sau khi nhấc lên, mà đập xuống rất nhanh, mạnh và đầy phấn nộ, anh không nhảy một chỗ, anh nhảy dọc xuống đường dốc, rồi quay ngược lên, ối da da, mê tuyệt. Tôi luôn cố hết sức nhớ lại bài ca anh hát, nhưng chỉ vồn vện mấy chữ Ha ya hika, waka ho, và những gì nữa cũng bằng cái thứ ngôn ngữ lóng lánh ấy.

Cảnh sát đến đuổi ba người ăn mày đi, và tôi vội lấy mũ cùng áo choàng chạy xuống thang theo họ. Tôi gửi chàng ca sĩ một đồng rưỡi shilling và hỏi chuyện anh, Cảnh sát có luôn đuổi không? Có, nhưng thỉnh thoảng mới bị nhốt, thì cũng tùy địa điểm. Không được đến quá gần khu thương mại.

Ban nhạc đi cách xa năm ngã tư, rồi dừng lại và tiếp tục diễn tấu. Họ chỉ có mỗi một bản ruột, cái bản Ha ya hika waka ho này thôi. Tôi chắc đây là bản nhạc do mấy chàng đặt ra, nên tôi dọ hỏi chàng ca sĩ. Anh nói, không, đây là một bài hát Mỹ. Anh nói tên bài hát rồi anh hát lần nữa, và tôi lắng nghe, nhưng nó không còn là một bài hát Mỹ đó nữa. Nguyên bản của nó không có lấy một phần mười cái phấn nộ mà bị trắng này.

Ở Luân Đôn, phòng trọ của tôi trên một tầng ba khách sạn dành cho du khách, cửa sổ nhìn xuống đường phố. Có nhiều dạng ăn mày đi lại trên con lộ này, phần nhiều là những tay chơi phong cầm, cùng những người bán hoa nữa. Có một bà người Luân Đôn, khổ to lớn, trạc tuổi năm mươi, luôn ôm một bó hoa hồng và bước chậm rãi dọc lề đường, mời gọi những người trong khách sạn. Tiếng mời gọi của bà đến làm nát cả tim tôi. Bà chỉ nói, làm ơn mua giúp một bông hồng đẹp, một bông hồng vườn quá dễ thương, cứ vậy thôi, nhưng chính giọng của bà, đó mới là cái không thể nào quên cho được.

Đó là cái giọng buồn bã nhất, dễ thương nhưng bi ai nhất mà tôi từng nghe, chất điệu và ngôn ngữ rất Luân Đôn. Những lời thốt ra nửa như nói nửa như hát. Thật là cảm động. Thật u sầu và đẹp kiểu cách, đó mới là điều đáng ghi nhớ.

Khi tôi xa nhà và lê bước tha hương, tôi ngộp vì trần gian quá nhiều loại thể ăn mày. Phần đông khiến tôi bất nhẫn lắm, nhất là những loại ăn mày giàu, ăn mày mập ú, hợm hĩnh, nhưng những ăn mày thực sự, đáng vẻ thanh tao, vui nhộn và biết phần nộ, khiến tôi vừa ngậm ngùi trầm thiết vừa vui hoạt mênh mang.

Âm hưởng những giọng ca, những tiếng nói của họ làm tôi không thể nào quên. Nó mãi mãi vang vọng trong tim tôi.

Chương 13

Khi mới được nghe ca khúc Finlandia thì bạn nên biết rằng mình đang nghe một bài tỏ đầy kiêu hãnh về thân phận con người trong một thế giới hỗn mang cũng như trong chính niềm tĩnh mịch của riêng bạn, và tôi đã bị tràn ngập như thế khi ghé qua Helsingfors, quê hơn của người đã soạn ra bài hát như Thánh ca đó. Tôi cũng hết sức ngạc nhiên và cảm kích bởi cô gái làm việc trong một tiệm nhạc đã chẳng hề lưỡng lự gọi điện thoại ngay cho tác giả Sibelius, để cho ông biết là có một nhà văn người Mỹ trẻ, vừa yêu cầu cho nghe bài Finlandia bằng máy hát, rồi theo đề nghị của t, cô vui vẻ chỉ cho tôi cách nào để có thể đến ngay được nhà ông ở tận một vùng quê, như chuyện tôi xin hầu bạn đây. Và tôi thực sự thấy ông là một vĩ nhân.

Đang tản bộ xuống đường Annankatu ở Helsingfors thì tôi chợt thấy hai chiếc kèn đồng, một chiếc cello, hai vĩ cầm, và một tấm hình Beethoven trong tủ kính một cửa hiệu, và tôi nhớ đến âm nhạc với hết lòng tha thiết. Bạn cũng thừa biết đấy, chúng ta bước vào lòng thế giới, với ngồn ngang những tiếng còi tàu hực hỡ, tiếng kèn xe hơi hải chói tai, chưa hết, bạn thấy thiên hạ tụ năm tụ bảy đồ đồ xanh xanh cố làm đủ thứ chuyện, này trong những tiệm ăn hay trên những đường phố người ta rì rầm nói chuyện to nhỏ đầy vẻ lo âu trầm uất tội nghiệp. Và nó phủ mờ âm nhạc trong lòng bạn, nhưng rồi âm nhạc bỗng đánh thức bạn dậy, dịu dàng mà kỳ ảo.

Bạn nói, lạ Chúa, chả có gì khác. Sau khi xe lửa dừng lại và bạn bước xuống, ở tàu thủy thì bạn xuống cầu tàu, ở phi cơ thì khi nó hạ cánh bạn hãy đặt chân xuống mặt đất, chả có gì khác. Bạn đã đi cùng khắp hoặc chẳng nơi nào cả. Các tên của thành phố trên bản đồ, trên hàng chữ lớn ở nhà ga, còn tên quốc gia thì được chạm khắc trên các đồng tiền mà ta thường dùng để mua bánh trái các thứ, nhưng thực ra bạn chỉ là kẻ vô sở trú, vì nếu càng đi đến được

nhiều nơi bao nhiêu thì bạn càng hiểu ra rằng, quả là không có một nơi chốn địa lý nào đích thực cho con người cả.

Kệ mẹ nó, bạn nói. Luân đôn, và không gì cả. Paris, và không gì cả. Viena, và không gì cả. Mạc Tư Khoa, cũng vậy. Duy vật biện chứng. Ý thức giai cấp v.v. và v.v.. Không gì cả. Mọi hướng đều không có chỗ nào để đến. Và bạn cảm thấy nát lòng quá thể. Bạn nói, lạy Chúa. Đây là thế gian, đây là nơi chốn của thế gian. Chuyện gì vậy? Tất cả đều để hỗn độn. Trên các đường phố nơi bạn vừa mới lưu lạc đến, luôn cho bạn cảm thấy cái phiền não câm nín của thế giới.

Ở Helsingfors thì không đến nỗi tệ như vậy, mặc dù ở Phần Lan cũng có sự tư hữu tài sản, người người có chút của cải, nhàn nhã kẻ mua người bán.

Khi tôi thấy cái tù và, cái trombone, cái cello, vĩ cầm và bức chân dung của Beethoven, tôi buồn nấu ruột. Nhìn sơ hình dáng chiếc tù và cũng đủ thấy đâu phải là một thành công nhỏ, cả chiếc vĩ cầm nhỏ bé cũng là một bài thơ nói lên nhiều ý nghĩa, một cái gì vừa tuyệt diệu vừa đa cảm làm sao.

Tôi vào tiệm và hỏi cô gái bằng tiếng Anh, rằng cô có thể cho tôi nghe vài đĩa nhạc Phần Lan được không. Con gái Phần Lan trầm tĩnh, mạnh khỏe và xinh đẹp đến ngạt thở. Tổ tiên họ theo giáo phái Luther và họ tin vào Chúa. Mỗi chúa nhật họ đi nhà thờ và họ hát, hát như để vơi bớt những nặng nề và nhọc nhằn trong tuần qua, và để thấy mặt trời mọc lên rực rỡ phía ngày mai.

Cô gái trong tiệm nhạc ở Helsingfors cổ kính. Nói năng lễ độ, và ngơ ngác trước những thủ pháp chính trị. Họ có lý lẽ để xinh đẹp một cách thơ đại như vậy. Họ khác các cô gái Nga khôn lanh, giỏi lý luận.

Jean Sibelius, tôi nói với cô gái trong tiệm, Finlandia.

Hai tháng trước đây, ở đâu vậy cà? Thế mà giờ đây tôi đang ở Helsingfors, đêm mùa hè vẫn sáng trong, thật xinh đẹp và nhộn nhịp, một thế giới năng động và cuồng nhiệt, những góc phố luôn lan toả một niềm thân ái đầy văn minh. Những âm nhạc như là thứ thuốc phiện công hiệu nhất của con người, trừ phi...Nhưng tôi chỉ

cần âm nhạc. không là gì khác. Chúng ta tận hưởng cơn cuồng nộ cổ điển mà dung dị của một con người, chiến đấu đến cùng trong cô quạnh, vật vã cùng Thượng Đế và kiên khổ với thời gian, ném mình vào cô tịch ngất ngưỡng, để rồi phải mòn người đi đến bảy tám cân, và rời căn phòng để bước ra ngoài thế giới cùng với một cái gì đó độc lập, sống động vô hạn, điên cuồng, tuyệt diệu, cuồng nhiệt, báng bổ, thịnh nộ, sùng ái, dịu dàng, không riêng một mà cũng không cho tất cả, nó lừng lững và chói ngời với chính nó, đầy đặn và viên mãn một cách khó tin, một giao hoà giữa thịnh lặng và trống không, rồi âm thanh hoà quyện với những sinh thể vô dung. Âm nhạc hiện ra. Một hoà khúc.

Finlandia, tôi nói. Cái chữ sao mà mạnh mẽ và hay ho một cách kỳ lạ. Tôi sức nhớ ra, mình đang ở Phần Lan, trong một tiệm đàn ở đường Annakatu, Helsingfors. Jean Sibelius cũng ở Phần Lan, chính nơi đây ông đã viết nên Finlandia, và từ năm năm trước khi còn ở Mỹ, tôi đã nghe nó đến bây giờ, nghe không ngừng nghỉ, nhưng nay được nghe Finlandia tại Helsingfors chẳng phải là việc tầm thường chút nào.

Cô gái tỏ ra rất chân thành và nghiêm mật, nhắc kim để lên đĩa hát, quay máy. Cô lùi lại vài bước và khiêm tốn đứng nghe. Sau cái im lặng, âm nhạc bắt đầu lung linh nhập vào thế gian. Phần Lan.

Ồi Jesus Christ, con người quả là không có một nơi nào để đến. Và âm nhạc đánh thẳng vào cái thế giới nhiều nhượng, đập tan địa ngục khỏi làm than, bất chấp hoang tàn, và xây dựng một xã hội bình đẳng. Này nhé, năm ngoái ở nước Anh nhà vua lắng nghe và biết hết sự thật, ngày mai nữa ở Nebraska một hài nhi lắng nghe và cũng chạm phải sự thật, rồi một trăm hay một ngàn năm nó cả vua chúa lẫn trẻ con cũng sẽ hạnh ngộ với sự thật.

Tôi hút đến bốn điếu thuốc, và rồi tác phẩm vĩ đại này của Jean Sibelius cũng vừa chấm dứt. Cái im lặng trước khi âm nhạc bắt đầu lại dồn lên, sống lại. Và bây giờ thì không còn là Finlandia nữa, mà là Phần Lan, là Helsingfors.

Cô gái không nói gì thêm, chỉ mỉm cười cảm động đến gần khóc, đoạn cô bỏ đi và trở lại với một album gồm những hoà tấu khúc của

Sibelius.

Tôi nói, Không, cô cho tôi nghe Finlandia ở ngay Helsingfors là thật đã quý hoá lắm rồi. Mai tôi sẽ đáp tàu đi Stockholm rồi về lại Mỹ moi trong túi ra vài đồng mark và hỏi, Tôi có thể trả tiền nghe Finlandia được không?

Việc này, sự xuất hiện của tiền, làm hỏng hết mọi chuyện. Cô gái không những không hiểu tôi đang nói gì, lại càng không thể lành hội ý nghĩa những gì tôi đang trình bày. Cô không hiểu được là tôi đang cảm thấy như thế nào. nhưng với âm nhạc thì cô thấu đạt hết cỡ dù chẳng cần hiểu lời rõ nghĩa gì ráo. Cô lặng lẽ bỏ đi và chỉ trở lại với một cô gái khác biết nói tiếng Anh.

Tôi giải thích các việc lẫn sự vụng về của mình, cô gái phiên dịch lại cho cô bán hàng biết, và chúng tôi cùng cười vang, thấu cảm.

Cô gái biết tiếng Anh nói, không sao, không sao, ông có muốn nghe lại Sibelius lần nữa không?

Tôi nói, Không, tôi chỉ muốn nhớ lại Finlandia ở Helsingfors. Cô có biết Jean Sibelius không?

Cô gái đáp, Vâng, dĩ nhiên.

Cô kia đứng bên cạnh và quan sát tôi.

Tôi hỏi, chứ ông ấy người như thế nào?

Cô gái đáp, Mập. ông ấy rất khoẻ và đến tiệm chúng tôi thường lắm.

Ông ấy ở Helsingfors chứ?

Vâng.

Tôi nói, Cô nghe cho đây. Hôm nay tôi ở Helsingfors và có lẽ không còn dịp để trở lại đây nữa. Mai tôi xuôi tàu về Stockholm. Tôi là một người Mỹ, và người ta gọi tôi là nhà văn. Cô có nghĩ Jean Sibelius sẽ cho tôi hội kiến không? Xin cô một phút, để tôi giải thích. Chẳng là, năm năm trước khi còn ở Hoa Kỳ, lần đầu tiên khi nghe được Finlandia, cô biết sao không, tôi tuôn dậy khỏi chỗ ngồi, bàn ghế đổ nhào, đám ầm ầm lên tường làm rơi vãi mấy mảnh hồ, và nói, lạy Chúa, chứ người này là ai vậy? Và bây giờ cũng gần như thế. Không phải ngày nào tôi cũng ở Helsingfors, và không phải thế

kỷ nào Jean Sibelius cũng ở Helsingfors cùng một thời điểm với mình.

Cô gái nói, Vâng, xin đợi cho một lát. Để tôi kiểm số điện thoại.

Cô ta từ trên lầu bước xuống và nói, Jean Sibelius đã Jarvenpaa.

Tôi hỏi, Cách đây bao xa?

Cô gái trả lời, Một giờ đồng hồ.

Tôi viết địa chỉ lên một phong bì và vội vã ra đi. Hai cô gái Phần Lan tiến tới tận cửa, và họ cũng bị kích thích gần như tôi vậy. Không ngờ ở tận bên Mỹ ông ấy cũng nghe và mê Finlandia, âm nhạc thật là quốc tế (và đúng quá đi chứ, ngay cả cái chữ music cũng vậy. Nếu nói "bánh" bằng tiếng Anh thì nhiều người sẽ không biết ta muốn gì, nhưng nếu nói "music" thì họ hầu như hiểu ngay).

Tôi nghĩ mình nên gửi một điện tín. Tôi cố viết nhưng sao nghe lủng củng quá, mà việc này đâu có cần thiết phải như vậy. Tôi bèn hỏi người quản lý khách sạn xem tôi có thể gọi điện thoại tới Jean Sibelius được không. Tôi thấy mình như một thằng điên. Tức cười chết đi được.

Anh ta đáp, Dĩ nhiên.

Và tôi đã bắt được liên lạc với ông.

Tôi nói, Tôi từ Mỹ qua. Ở Mỹ ai cũng thích nhạc của ông.

Ông ta nói bằng tiếng Anh, Tôi ở chỗ này, một vùng quê. Hãy đến lúc bảy giờ.

Lúc bảy giờ là bốn giờ rưỡi, và đến Jarvenpaa mất một tiếng đồng hồ, nên còn khoảng thời gian một tiếng nữa để cố hình dung xem cái gì đang xảy ra vậy. Tôi là ai mà lại đến gặp Jean Sibelius? Tôi sẽ nói được gì với cái con người vĩ đại đã soạn ra Finlandia, và ông đối xử với tôi sao đây? Ái chà chà, bảy mươi tuổi còn tôi mới hai mươi bảy. Tôi sinh ở Mỹ và là một nhà văn quen, còn ông thì là một nhà soạn nhạc lừng lẫy, lạy Chúa.

Nhưng thưa bạn, đó là âm nhạc. Đó là Phần Lan. Các cô gái thì đẹp trầm tĩnh và nhất mực lễ độ. Phải gắng để khám phá xem những điều gần như khác biệt này đã xảy ra và cấu thành như thế

nào, đó chính là công việc của nhà văn: thứ âm nhạc tuyệt diệu đó và những khuôn mặt hồn nhiên thuần khiết của các cô gái Phần Lan.

Tôi lên phòng mình trong khách sạn và cố nghĩ ra vài câu hỏi để nói chuyện với Jean Sibelius, nhưng trên đời này có lẽ không gì chán ngán bằng những câu hỏi, tôi thử viết ra những câu hỏi và phải công nhận rằng đó là những gì tệ hại nhất mà ai cũng có thể nghĩ ra. Đó là những câu hỏi dài dòng rối rắm, hỏi rằng, phải chăng có đúng là tất cả hình thái nghệ thuật đều tiềm ẩn trong thiên nhiên và tất cả những gì mà nhà nghệ sĩ có thể làm là khi khai mở những hình thể đó, cái thế giới ngôn ngữ của nhân thế, của phố phường rầm rập xe cộ tàu bè, những nhà chọc trời, những cơ xưởng, máy móc ầm ì có ảnh hưởng gì đối với nhà soạn nhạc có chút tài năng trở thành một nhạc sĩ vĩ đại, nàol à những di sản tinh thần, chủng tộc, những kinh nghiệm cùng kỷ niệm của chủng loại mình, của bản thân, hoặc như chỉ cần nhiều nghị lực, một chút phần nộ, ý chí hay động lực muốn bày tỏ cái tử tính cao vút của mình vào một lúc nào đó và trở nên bất tử?

Jesus Christ.

Và lạ Chúa tha tội, tôi đã phun ra những câu hỏi dăm dờ dờ hơi đó thực.

Đó là một chiếc Buick cũ, chạy rầm rì như một con dơi trườn ra khỏi địa ngục, vượt qua những phong cảnh thanh sạch của Phần Lan, dọc theo hai bên đường là những cậu trai cưỡi xe đạp, những cô gái tản bộ, những nông phu về nhà trên những xe bò. Không khí trong lành. Cây cỏ tươi tắn. Bầu trời sáng láng. Những ao hồ trong trẻo. Cây cỏ hồn tinh anh. Ấy là nơi chốn của Finlandia.

Mô tả cũng không phải là một chuyện dễ. không phải chỉ có những cái hiển hiện này, mà còn có một cái gì khác nữa. không phải chỉ bởi vì Phần Lan ở phía bắc. Mát mẻ. Yên tĩnh. Tóc vàng. Mắt xanh. Thực là không sao hiểu được hết.

Người tài xế dừng lại giữa cánh đồng và hỏi thăm ba cô gái đường đến nhà Jean Sibelius. Mấy cô bảo bác tài là bác đã chạy quá rồi đó. Ở trước đây độ hai dặm thước thôi. Ở Phần Lan ai cũng

biết Jean Sibelius, những người ở vùng Helsingfors thường hay trò chuyện với ông.

Đừng hiểu lầm ý tôi muốn nói một cái gì. Cũng đừng nghĩ là được nhiều người nói chuyện với ông là điều đáng chú ý hoặc được nhiều người quen biết là vinh hạnh gì lắm. Tôi chỉ muốn nói vậy vậy thôi. Họ đều là dân Phần Lan. Jean Sibelius là cái người cao lớn, sáng tác nhạc, vậy thôi. Tất cả họ đều cùng nhau hít thở bầu không khí tốt lành của Phần Lan.

Tôi bước vào căn nhà mà đầu óc rối tung. Chị giúp việc đang đợi tôi và chào bằng tiếng Phần Lan. Ông ta đang ngồi nói chuyện với một thanh niên, một người Mỹ gốc Phần Lan từ California sang, rồi thì ông ta đứng dậy và kìa, đó là những gì mà tôi đang tìm kiếm, Finlandia, Jean Sibelius, bảy mươi tuổi, vẫn cứ trẻ trung và bất tử, cười n vồn vã mà lễ độ, Vâng! Vâng! À vâng! Bàn tay nhiều sinh lực chìa ra giới thiệu với người bạn ông, bộ điệu linh hoạt, ngồi xuống tràn đầy nghị lực, và lạy Chúa, còn những câu hỏi điên khùng dăm dóc thì sao? Tôi ậm ừ trong cổ họng, nhưng dù sao thì cũng phải nói cho xong phần mình rồi chuồn cho lẹ, chẳng phải vậy sao, nên bắt đầu giải thích những câu hỏi, lừng khừng ngượng ngập. Đó là một người to lớn, tôi không có ý muốn nói đến cái kích quá khổ bề ngoài vạm vỡ của ông. Còn tôi là một nhà văn trẻ từ Hoa kỳ đến, có được mười một tiếng đồng hồ để hít thở và thơ thẩn với quê xứ của Finlandia, với Helsingfors, với Jean Sibelius.

Ông trả lời từ tốn những câu hỏi khốn khổ đó, và thật là tuyệt. Vâng, à vâng, và im lặng. im lặng là tất cả (ông chồm dậy, hai bàn tay to lớn của ông run run và cầm lấy hộp xì gà. Xì gà ư? Rồi ông hét gọi uýt ky, một lát sau chị giúp việc đem rượu vào.) Âm nhạc giống như cuộc đời, nó bắt đầu và chấm dứt trong thinh lặng. Ông phác một cử chỉ cuồng nhiệt, tất cả những gân cốt trong con người ông đều sống động. Ông nói, uống uýt ky nhé. Ông không biết phải làm gì nên rót cho người bạn trẻ của ông một ly khác, một ly cho tôi, và chúng tôi cùng uống.

Tôi nói, Thế giới lao nhao những thành phố, những tàu bè, nhà chọc trời, rầm rập những xe điện ngầm, phi cơ ngùn ngụt, xưởng thợ máy móc các thứ...có ảnh hưởng gì đến việc sáng tạo của ông?

Ồi chao, tôi chỉ muốn chui xuống đất vì thấy mình là một thằng cha lố bịch hết cỡ.

Ông tỏ vẻ xúc động và bắt đầu nói tiếng mẹ đẻ.

Người thanh niên nói, Ông không trả lời hết được. Âm nhạc sẽ nói hộ ông. Tất cả đều ở trong âm nhạc.

Tôi nói, Tôi rất áy náy về những câu hỏi. Tôi sẽ...

Ông nói bằng tiếng Phần Lan nhiều nhạc điệu, chàng thanh niên phiên dịch lại, rằng, cái Đẹp và Sự Thực và ông không thích phải rườm rà. không phải chỉ có ca từ, ở âm nhạc có một cái gì khác hơn thế nữa. ai cũng nói đến cái đẹp và sự thật. Còn ông đâu phải là nhà tiên tri, ông chỉ là một nhà soạn ra âm nhạc.

Và ông nở một nụ cười phần nộ dịu dàng, khuôn mặt cương nghị, đẹp dữ dội.

Ông nói bằng tiếng Anh, Ta uống ực kị đi.

Tôi kiên nhẫn lần dò đến câu hỏi rằng, Cái gì khiến cho nhà soạn nhạc thành vĩ đại.

Không, ông nói bằng tiếng Anh. Ta không thể chạm đến một chuyện như vậy được.

Tuyệt vời hết chỗ chê. Đó là cái gì rất thực. nói về nó thì thật là phí phạm, là chạm đến chỗ không cùng. Ông đâu có khờ khạo gì mà đi bông lơn với ngôn ngữ. Ông viết chúng thành âm nhạc, thế thôi.

Tôi thấy quá tuyệt vời vì những gì nơi tự thân ông gửi tới, trẻ trung và quá nhiều phẩm cách của một hài đồng, đầy kích động, hùng tráng, nghị lực, kiên trì, hồn nhiên tươi tắn đến làm ta phải kinh ngạc. Và trên đường trở lại Helsingfors, tôi bắt đầu thấy nơi phong cảnh của Phần Lan như rộ lên cái âm điệu tinh khiết, trong veo như nước thánh của Finlandia.

Chương 14

Jim Patros chiến đấu với tử thần

ào những năm ba mươi, tôi thường la cà ở một quán dưới tầng hầm tại San Francisco, trước thì gọi là cà phê Dan, sau này trở thành Armenian. Tôi hay đến đó ăn uống vì ở đó có thằng bạn thuở thiếu thời của tôi, thằng Buck Makasian, làm bồi bàn ở đó, ngoài ra còn có những thằng khác như thằng Bart Rustiean và một người bà con xa làm bồi rượu là Simon Sarouhan. Tôi thích giao du với những bồi bàn, vì thế nên cũng quen thêm một anh người Rumani tên là Pete Gagoush, một người Nga khác là Mike Tarestski lúc nào cũng nói năng nghiêm trọng, chẳng hạn "Đây là một quan điểm, cái quan niệm là đây", và nhất là anh bồi người Hy Lạp, người đã kể cho tôi chuyện này. Bồi bàn là một hạng người đặc biệt và tôi thích họ.

Jim Patros là bồi bàn tiệm Omar Khayyam, ở San Francisco. Anh là người Hy Lạp vui tính, bốn mươi bốn tuổi nhưng trông trẻ trung hơn nhiều. Trông anh hơi dưới tầm trung bình, nhưng chưa đến nỗi phải gọi là choắt cheo. Người anh nở nang, hầu bàn khéo léo và điệu nghệ hết cỡ. Anh biết cách trở nên hữu ích mà không nhàm, cách xử sự của anh hẳn nhiên là khỏi chê vào đâu được.

Giống như nhiều người có sinh kế bình thường, anh cũng là một tay cờ bạc, luôn cảm thấy một ngày nào đó sẽ cho đo ván hết các con bạc và đạt được một món tiền hằng mong ước. mỗi ngày anh đều theo dõi ngựa đua và thỉnh thoảng cũng chơi cá ngựa. cho đến nay, cái may mắn của anh cũng không phải là nhất thời, nhưng cứ mỗi sáu hay bảy ngày một lần, trong những vụ đánh lớn, anh lại được, nên vững tin lắm.

Và cũng như phần lớn những người luôn luôn quá bận rộn, không phát phơ được, Jim cũng có đầy những chuyện về chính anh.

Thích nhất trong đó có lẽ là câu chuyện về cái lần anh suýt chết vì bệnh cúm ở Chester, Pennsylvania.

Anh nói, Một buổi sáng thức dậy, thấy người yếu hèn, nhưng tôi vẫn mặc quần áo để đi làm. Khi mặc quần, tôi té nhủi xuống nhưng vẫn gượng dậy. Đến lúc ra cửa tôi lại té. Thật chẳng hiểu ra làm sao, và tôi không còn đứng lên được nữa. Tôi thấy yếu lả trong người, cố chút ít để bò đến giọng và ngã kèngh giữa nệm. Thường là nếu bạn làm việc cho nhà nước và bạn không đến sở làm, sở sẽ cho người đến xem việc gì đã xảy ra cho bạn.

Hôm sau cô y tá đến hỏi, Làm sao vậy?

Tôi nói, Không biết nữa, mai tôi phải đi làm.

Cô khám và bảo tôi nên đi nhà thương. Tôi đứng dậy khỏi giường, và nói, Tôi đi làm bây giờ đây. Nói xong tôi té nhào, cô y tá đỡ dậy và ra lệnh, Thôi cứ nằm nghỉ đi.

Buổi chiều thì bà chủ nhà đến hỏi, Này con, con làm sao vậy?

Tôi nói, Con không biết má ạ.

Có một y sĩ người Hy Lạp dân Smyrna ở gần đây, nên tôi nói, Má ơi, nhờ ông bác sĩ đến khám giùm con.

Khi ông bác sĩ người Smyrna đến, có cả ông bác sĩ công và cô y tá nữa, họ đồng thanh bảo với bà chủ là tôi nên đi nhà thương, tôi nghe được và nói, Hãy để người đồng hương của tôi khám cho tôi.

Và ông bác sĩ Hy Lạp khám cho tôi. Ông cũng bảo tôi phải đi nhà thương, nhưng tôi gắt lên, Mặc kệ tôi, không, tôi cứ ở đây.

Họ ra về, nhưng chỉ một giờ sau xe tuần cảnh hụ còi chạy đến cùng với ông bác sĩ công, hai người cảnh sát và cô y tá.

Họ ra lệnh, Đ.

Tôi nói, Để làm gì? Tôi làm việc cho nhà nước mà.

Họ nói, Chúng tôi biết chứ. Nhưng chúng tôi có lệnh phải đưa ông đi nhà thương.

Tôi nói, Không, tôi chỉ muốn đi làm.

Và tôi khẳng khái đứng dậy, nhưng lại đi không nổi, khỉ thật. Và vì ốm, tôi phải đi nhà thương.

Tôi nói, hãy đưa tôi bằng tàu đến nhà thương hay nhất ở Philadelphia.

Ông bác sĩ nói, Tất cả nhà thương ở Philadelphia đều đầy nghẹt bệnh nhân. Chúng tôi sẽ chăm sóc cho ông.

Rồi họ đưa tôi lên xe tuần cảnh đến nhà thương. Đến nơi, tôi hỏi ôi, nhà thương cái quỷ gì chứ? Chuồng ngựa thì đúng hơn. Một phòng lớn, một lối đi ở giữa, và giường ở cả hai bên. Họ đặt tôi lên giường và tôi bắt đầu đợi. Trong suốt ba ngày họ không cho tôi thức ăn thức uống gì cả. Chỉ toàn nước đá vụn. Một đêm, tôi thấy cô y tá đem đồ ăn đến, nhưng cái gì vậy cà? Đuôi cá. Cô y tá đặt đĩa xuống và tôi nhìn những đuôi cá.

Tôi hỏi, Cái gì vậy?

Cô y tá đáp, Đồ ăn.

Tôi gắt, Đồ ăn đấy ư? Làm ơn đem đi cho.

Tôi bắt đầu nhìn quanh và nghĩ về nơi chốn này. Tôi nói, Nơi này là nơi thế nào? Và đuôi cá để làm cái thá gì chứ?

Có một cô y tá da ngăm đen nhìn giống người Hy Lạp, tôi bắt chuyện với cô. Tôi nói, Chắc cô là người Hy Lạp, phải không?

Cô y tá đáp, tôi là người Serbia.

Tôi phân trần, Tôi không ưa chỗ này. Bộ họ muốn giết tôi à?

Cô bảo, Khi tôi ở đây đã khiến họ phải tống khứ người khác ra. Tất cả đều ốm, mà nhà thương thì quá tải, ai cũng như đang hấp hối. nhưng chỗ này thì tệ thật, có chết thì chết ở nhà chứ đừng chết trong lò sát sinh.

Tôi nói với cô y tá, Tôi là người Hy Lạp, tôi muốn về nhà. Tối nay cô đem quần áo cho tôi, tôi mặc và về nhà.

Cô y tá nói, Muốn mất việc mới làm theo lời ông. Mà ông có đi nổi không đã?

Tôi bảo cô, Tôi sẽ đi được, làm ơn giúp cho.

Vậy đó. Đêm đến cô đem quần áo vào và giúp tôi mặc. Khi định đứng dậy, tôi té liền, và cô đỡ tôi. Ai cũng ốm, nhưng phải biết mình làm gì.

Vài người hỏi tôi, Jim, anh đi đâu vậy?

Tôi nói, Tôi về nhà. Nếu phải chết, tôi sẽ chết ở nhà.

Tôi bấm môi cố đi nhưng lại lật nhào, và cô gái người Serbia bắt đầu khóc.

Cô nói, Làm ơn, cố lên chút coi.

Cô dìu tôi ra cửa. Trước mắt, tôi không thấy gì cả. Nhưng cô đứng cạnh tôi cho đến khi tôi hít thở được chút ít không khí trong lành. Rồi tôi bắt đầu thấy, nhưng là thấy những gì?

Toàn tuyết là tuyết.

Cô gái hỏi, Ông về nhà bằng cách nào?

Tôi lừng khừng đáp, tôi sẽ về nhà.

Cô đóng cửa và trở vào. Tôi ngồi nán lại trên bậc thang và mắt tôi bắt đầu díp lại. Tôi mơ về những ngày ở Hy Lạp, nơi tôi thường chạy băng qua những ngọn đồi để hái dâu ăn và uống từng ngụm nước sông. Rồi một người nào đó đặt tay lên vai tôi. Đó là một sĩ quan.

Ông hỏi, Có chuyện gì vậy?

Tôi nói, Tôi đang về nhà.

Ông hỏi, Anh có ở nhà thương này không?

Tôi nói, Đây không phải là nhà thương, đây là một lò sát sinh.

Ông nói, Đến sở tôi đi.

Trong sở, ông nói, Ngồi xuống.

Rồi ông gọi điện bảo thuộc cấp lúc nào có chuyến xe buýt về Chester thì phải đến đón tôi lúc sau bác tài xế đến nghe ông ra lệnh, Đưa người này về nhà, đưa tận cửa hẳn hoi đấy nhé.

Xe buýt đầy những công nhân các thứ đang vội vã về nhà. Trên xe, tôi mê thiếp đi và ngã vào lòng một người Ý. Anh người Ý nói, Không sao, không sao đâu bồ tèo.

Khi bác tài đánh thức tôi dậy, xe đã trống rỗng. Bác đưa tôi đến tận cửa. Ông bác sĩ người Hy Lạp bảo với các đồng hương chúng tôi là tôi sẽ chết, nên một anh Hy Lạp khác bảo với bà chủ nhà là tôi đi đoong rồi. Khi bà mở cửa, bà không biết đó là tôi hay vong linh tôi.

Anh là Lazar chứ? Tôi giống hệt Lazar-râu-xồm-mặt-quỷ. Mặt tôi chỉ có râu và xương. Anh chàng Hy Lạp ấy bảo với bà chủ nhà rằng tôi đã tịch thật rồi, chính anh ta nói. Chứ còn lạ gì thằng nhỏ đó, hôm qua chính tay con tẩm liệm cho nó mà, cái thằng Jim Patros con còn lạ gì, thôi, đừng đợi chờ gì nó nữa, má.

Vậy là bà ta sợ tím mặt, tôi trấn an bà ta ngay. Đừng sợ má à. Con đây, thằng Jim Patros của má đây mà. Con đâu có chết.

Bà ta rụt rè hỏi, Con thế nào rồi?

Con chỉ ốm chút xíu thôi má ơi.

Bà đưa tôi vào buồng và đặt tôi nằm trên giường. Mắt tôi nhắm nó tai tôi vẫn nghe ngóng.

Bà nói, Con à, tao giúp được gì mày?

Tôi nói, làm ơn cho con xin chút cháo gà.

Thế là bà xuống bếp lấy cho tôi tô cháo gà. Tôi húp cháo và nhắm mắt tĩnh tâm. Trong cái đêm đó, có cái gì bắt đầu dâng lên trong người tôi, lạnh buốt, và cả đêm tôi không tài nào ngủ được.

Có một cái gì đó bảo tôi phải chong mắt, phải canh thức, phải tự trông chừng. Sáng ra bà chủ nhà đến và nói, Này con, xem thử tao có giúp gì được mày không?

Tôi nói, Má ơi, xuống lấy cho con chút cháo gà.

Thế là bà đi lấy cháo gà. Và khoảng một giờ sau bà lại đến và nói, Này con ơi, nếu có bất cứ điều gì trên đời này mà con muốn, con làm ơn nói cho ta biết.

Bà khóc, khóc đầm đìa nước mắt vĩnh ly.

Tôi nói, Má ơi, xin đừng khóc con, nếu như con phải dứt gánh giữa đường. Chúng ta đến trên thế gian này để sống một đời, biết thế nào là ngắn ngủi hay dài lâu, hờ má. Làm ơn cho con chút cháo gà.

Cứ mỗi tiếng đồng hồ, cho đến tối, bà đem cháo gà cho tôi.

Đêm đến, cả hai vị bác sĩ cùng đến khám cho tôi. Mắt tôi nhắm, nên họ tưởng rằng tôi đã ngủ, không nghe. Họ nói tôi sẽ chết vào

khoảng chín giờ sáng mai. Tôi tự nhủ, Ờ rõ là mình không biết gì cả, bác sĩ họ biết tất.

Khi họ đi rồi, bà chủ đến bên tôi và khóc ngất ngứ.

Bà nói giọng đầy nước mắt, Con ơi là con ơi!

Tôi nói, Má ơi, không sao đâu. Đừng khóc con.

Bà bỏ đi và trở lại sau một giờ. Bà gọi, con à.

Tôi nói, Má ơi, đừng mất ngủ vì con. Má đi ngủ đi, con đã nghe bác sĩ nói gì rồi. Cũng được thôi má à.

Bà bỏ đi, nhưng một giờ sau lại trở lại. Tôi nghe bà đi loanh quanh nhà.

Bà nói, Con ơi, ta giúp gì được con nào?

Tôi nói, Không sao đâu má ơi. Má đi ngủ đi.

Lần này bà bỏ đi thật. Trong người tôi, cái rét dâng cao dần lên. Tôi cảm thấy sợ vì chưa từng biết một trạng thái nào như vậy. Chẳng thể biết nó là cái gì. Rồi tôi bị chảy máu cam. Đầu tiên tôi không biết là gì, nhưng khi đặt tay lên mặt, tôi thấy nóng và ướt, và tôi ngửi thấy mùi tanh của máu. Tôi g người lên giường, đầu chúi xuống chậu và máu chảy liên hồi. Trong thời gian ấy, tôi cảm thấy dễ chịu hơn. Mọi thứ tuôn chảy ra hết, ra khỏi mũi và theo dòng máu nóng. Căn phòng tối om nhưng tôi biết mình thấy tường tận hết mọi thứ. Cái lạnh cũng biến mất nhưng cơn đói lại giục giã, nhưng bảy giờ là nửa đêm, và tôi đành ngồi đợi sáng.

Sáng ra, bà chủ nhà đi ngang phòng tôi, qua lại nhiều lần, tần ngần mấy bận, thấy thế tôi đành lên tiếng. Má ơi, con không chết má à. Má vào đây đi.

Thế là bà ta thu hết can đảm để bước vào, bà sợ dựng cả tóc. Tôi chỉ cho bà vũng máu. Tôi xấu hổ nói, Má tha lỗi, con không biết làm sao hơn.

Bà nói, Con à, con à, con thấy trong người thế nào? Con có đỡ không?

Con đói lắm, má ơi.

Bà xuống nhà dưới đem lên cho tôi ít cháo gà. Nhưng tôi hầu như đói quá, nên bà phải lên lầu xuống lầu suốt cả buổi sáng.

Khi mấy ông bác sĩ đến, tôi đang ngồi trên giường. Họ cứ ngỡ là sẽ thấy một xác chết nằm xuôi xị và rệu rã ra đó.

Họ trở mắt, Cái gì thế này?

Rồi họ khám cho tôi lần nữa, nhưng tôi đã khỏi rồi.

Tôi không thích họ, và họ thì cũng chẳng ưa gì cái bản mặt tôi.

Ông bác sĩ công ghi ghi gì đó vào sổ của mình rồi bỏ đi. Còn vị bác sĩ đồng hương Smyrna thì đi lại trong phòng, ra chiều dăm chiêu dữ lắm. Đoạn ông nói, Tôi xin hỏi anh một câu, làm ơn nói thật nhé.

Tôi nói, Câu gì?

Anh rời quê nhà, lúc ấy anh bao nhiêu tuổi?

Tôi đáp, mười bảy.

Ông nói, Được rồi, và đây là câu hỏi, Anh bắt đầu đi giày từ năm mấy tuổi?

Tôi nói, Cha tôi mua giày cho tôi khi mới lên ba, nhưng tôi ném nó vào một xó, và chạy chân đất lên những ngọn đồi. Tóm lại, những ngày còn ở quê nhà Hy Lạp, tôi hầu như không hề mang giày, mang dép gì cả.

Bác sĩ nói, Đó chính là nguyên cớ.

Nói xong, ông bỏ đi.

Jim nói, Thấy chưa, cái sức mạnh của quê nhà truyền qua chân tôi từ đất. Nếu tôi đã mang giày từ chồn quê xưa thì giờ đây tôi đã toi mạng rồi, đâu còn linh hoạt với đất trời thế này nữa.

Chương 15

Ngựa và biển

Trong lúc việc làm khó kiếm ở San Francisco, sau một vòng qua các sở tìm việc, tôi thường lân la đến các sòng bạc ở Đường số Ba, chơi thử thời vận lai rai và hy vọng ăn được chút ít. Quả là một cuộc đấu tranh, vào thời buổi đó mà ăn được một vài đô cũng là khá lắm và cũng xoay sở được nhiều việc. Truyện này được ghi lại những gì xảy ra trong những ngày ấy. Và với nó, tôi ngờ rằng chưa phải là một truyện hay, vì rằng tôi viết theo những ghi chú rất tỉ mỉ, có thực, bằng nhiều kinh nghiệm, và bạn biết đấy, đây không phải là cách viết của tôi, khổ vậy đó. Truyện lẽ ra phải hay hơn, nhưng biết đâu bạn đọc lại cho rằng tôi nhảm to cũng nên. (Dù sao, không phải là không thể có).

Uống bia trong tiệm Kentucky ở đường Số Ba, tôi gặp anh chàng Drew, có bố là dân Ảng lê và mẹ Ý, anh là phụ tá thợ máy, vừa mới xuống tàu, thẳng từ Úc đến. Anh là dân lai, cao, da ngăm ngăm, cằm bạnh và như mặt ngựa. Giống đa số các thủy thủ mới lên bờ, anh có vẻ chưng hửng và bối ngỡ, dù tôi có nói gì thì anh cũng chưa hiểu ngay được. Anh phải mất đến ba mươi giây hoặc hơn nữa mới hiểu hết những gì đang nghe. Cứ như thể anh đang suy nghĩ một điều gì quan trọng, nhưng kỳ thực vì mới làm quen với đất liền, với phố xá, và những biến động của nó. Thật sự thì anh vẫn còn mang biển cả trong mình và rất cần thời gian để hồi tưởng lại đất liền. Anh không thích đất liền và đất liền cũng chẳng làm anh thú vị gì lắm. Anh đi biển từ năm mười bốn tuổi, và rong ruổi từ ấy đến nay. Anh gần bốn mươi nhưng trông như mới hai mươi, một sự thủy thủ như vậy đấy, họ sống cuộc đời khó nhọc, họ nhậu nhẹt, họ lên tàu đi biệt, họ ghé và lang thang trên những đường phố xa lạ, họ sống vội vàng, ấy thế mà họ vẫn trẻ măng. Drew là một trong số những người ấy, và chúng tôi với uống bia với nhau với tán chuyện.

Chúng tôi trở thành đôi bạn một cách tình cờ, theo cái kiểu thường xảy ra trong các quán rượu, và Drew bắt đầu nói về anh, từ buổi đầu như thế nào, cảm thấy bồn chồn, mơ mộng đến các thành phố, muốn lang thang đây đó, và đại loại những cái như vậy. Quả thật là nhân vật của Joseph Conrad, một gã trẻ tuổi ở nội địa khao khát biển cả. Tôi nói là tôi hiểu cảm biết ra sao. Vì năm mười lăm tuổi, chính tôi đã từng đi theo một đoàn hát xiếc, nhưng ở tôi thì lại bị một hấp dẫn khác, sự duyên dáng của một cô gái phi nước đại trên lưng ngựa. Một cái gì như vậy, hâm mộ kiểu trẻ con một điều gì khó xác định, một nửa đàn bà, một nửa ngựa. Nhưng cuối cùng tôi trở về nhà và quên bống chuyện đó. Một con ngựa là một con ngựa và một người đàn bà là..Ài chà chà, thằng con trai dễ dàng học hỏi trong một gánh xiếc. Thế là tôi trở về nhà và xin việc làm trong một hiệu tạp hoá. Bên trong lều của một gánh xiếc có vẻ là cả vũ trụ lúc đang diễn trò, nhưng khi buổi biểu diễn chấm dứt và lều chống phong màn này nọ được hạ xuống thì không có chi tuyệt vời cho lắm, mọi người tắt bật, các toa xe, các cột nghiêng ngả, những chú voi lưng thưng lằm lì, cứ cách một ngày lại tháo cả vũ trụ ra một lần, coi chẳng đẹp chút nào. Mọi sự trở nên vô thường quá, và sau một thời gian cái bồn chồn dữ tợn của loài thú rừng trở nên ghê sợ. Hoặc là vậy, hoặc là tôi không sinh ra để làm một người hát xiếc.

Tôi nói, dù sao tôi cũng hiểu Drew cảm biết ra sao. Chúng tôi uống thêm một ly bia nữa, và bỗng nhiên anh hỏi, Anh có biết gì về ngựa không? Tôi muốn cờ bạc đôi chút vì không có nhiều tiền, và lại mùa đông cũng sắp đến rồi.

Thật là bàng hoàng hết cỡ, như người ta vẫn nói vậy. Những chuyện chúng tôi vừa nói, rồi bỗng nhiên xoay một trăm tám mươi độ nói sang chuyện này.

Tôi nói, tôi chả biết quái gì về ngựa.

Nhưng Mac nháy Drew và nói, Anh ấy là tổ tổ đấy.

Đầu óc Drew không được lanh lợi cho lắm, anh muốn biết tôi có đánh cá ngựa bao giờ chưa. Hình như anh chưa hiểu ý Mac vừa nói là gì. Tôi bảo anh là tôi chơi cá ngựa đều đều hơn bảy năm nay, tính ra tôi còn lời chút đỉnh. Drew nói, Hôm nay tôi cảm thấy hên. Tôi

muốn đánh cá một chút cho máu huyết lưu thông lên...húng tôi đến sân Đệ Nhất Nhạc Kịch, xuyên qua quán The Kentucky. Hôm nay là Belmont, vườn Arlington ở Chicago, và Tia Juana bên kia biên giới. tôi bắt đầu xem những phiếu đua ngựa để thăm dò lộ trình, độ cá, cân, nài, và đường đua nào xem cũng có vẻ tệ cả. Chẳng có cuộc đua nào để bắt độ: tất cả đều đồng tài đồng sức, ba con có thể thắng trong mỗi cuộc đua, và đua kiểu này không mấy hay. Tôi muốn chỉ một con thắng thôi, ít ra là đến hai mình ngựa, thắng thua chênh lệch rõ ràng. Mục đích của tôi không phải là làm giàu cho bọn chủ trường đua, nhưng Drew lại nêu ra cái tên Chim Biển.

Anh nói, con ngựa này nghe hay đấy.

Tôi hỏi, anh nói hay nghĩa là sao?

Anh đáp, Cái tên, Chim Biển.

Tôi phải bụm miệng buồn cười không chịu được. Tôi thừa biết rằng Chim Biển chỉ là cái xác ngựa, vô giá trị. Nó chẳng thắng được một cuộc đua nào từ khi vào nghề đua, đã hai năm rồi. Chính tôi cũng thích cái tên đó, nhưng thường ngựa mang tên lạ tai chẳng mấy khi thắng cuộc, hẳn nhiên thỉnh thoảng cũng có người kiểu mèo mù vớ cá rán, trúng thưởng theo dự cảm. Tôi bảo Drew bỏ con ngựa ấy đi.

Tuy nhiên, vì thích cái tên nên anh đánh nửa đô chia đều cho ba hạng, cả thấy là một đô rủi, năm mươi xu về nhất, năm mươi xu về nhì và năm mươi xu về ba và Chim Biển về thứ tám trong chín con. Phải chi nó thắng thì Drew có khá tiền. Anh tự trách mình. Phải chi nó thắng, v.v...

Đoạn anh nói, Tôi thấy tên nó hay quá. Một con ngựa có tên kêu như thế mà lại chạy quá tệ.

Tôi nói, Nó có thể là một con ngựa đẹp nhưng không phải giống đua, cái loại chạy nhanh, hùng mạnh, cuồng loạn, cái loại biết vào cuộc đua như thế nào và quyết thắng.

Drew cầm một đô trong tay và trông bối rối ra mặt. Tất cả các tên đó. Lộn xộn thật. Anh hỏi tôi, Anh thích con nào trong đó?

Tôi nói, Tôi không thích con nào cả. Tôi không mấy thích và bảo anh là tôi không cá. Drew nói, thì cứ đề nghị thử coi.

Tôi hỏi anh có tiền không đã, và anh bảo là anh có mười hai đô. Anh nói anh đã ở thành phố bốn hôm rồi và đã mua một bộ quần áo, một đôi giày, và một ít thứ khác. Cũng nhậu nhẹt đôi chút và bây giờ chỉ còn mười hai đô. Tôi đề nghị anh nên giữ lấy và tạm quên mấy con ngựa đi, nhưng không, anh muốn cá một lần nữa, ít ra là một lần nữa.

Tôi đề ra con Bất-Khả-Chương-Ngay.

Thế là Drew làm tôi ngạc nhiên nhớ đời. Anh hỏi, Chữ đó nghĩa là gì vậy?

Tôi nói, Nó có nghĩa là, nghĩa là không có gì ngăn cản làm trở ngại nó được. Mà anh có biết trở ngại nghĩa là gì không?

Drew nói anh không biết.

Tôi hỏi anh, Này, chứ cái chữ đó nghĩa là gì thì ăn nhằm quái gì chứ?

Con này hay lắm. Nó phải thắng. Nó sẽ thắng nếu cuộc đua được tổ chức sòng phẳng, mạnh ai nấy chạy, không chơi trò ma nớp dãn cảnh.

Độ cá là sáu ăn một. Tôi bảo anh cá nó về nhất nửa đô rồi rút lui, dù thắng hay thua.

Drew cá con Bất-Khả-Chương-Ngay về nhất hai đô, anh thật là một tay có máu me cờ bạc. Anh nói, Tôi thích con này, tôi tin nó sẽ thắng.

Giờ đây tôi hối hận vì đã đề nghị con ngựa đó bởi vì nó đã thắng thật, và việc đó có phần biến Drew thành một gã du thủ. Chúng tôi rời trường đua vành có vẻ nhớ ơn lắm. Anh nói mãi, chà, giá chi mỗi ngày ta được một lần như vậy, tôi hẳn sẽ sống qua mùa đông một cách đế vương. Anh nói, Mỗi trưa anh đến gặp tôi ở Kentucky được không?

Tôi bảo anh, Được, nhưng nếu anh biết khôn thì đừng quá tin vào ngựa. Không phải bao giờ cũng tốt đẹp vậy đâu. Có khi ta trắng tay cả một hai tuần là chuyện thường.

Ngày hôm sau anh lại rất hên. Tôi đề nghị cho anh một con ngựa thắng, và Pete, gã thợ máy thất nghiệp của hãng Nam Thái Bình Dương chọn cho anh một con, cũng thắng, rồi tự Dew cá theo kiểu dự đoán của anh cũng chỉ trật hai lần, nên chiều đến anh còn được ba đô.

Có thể nói anh đã mê lú mất rồi. anh mua cuốn sách Cẩm Nang Đua Ngựa để nghiên cứu, và anh bảo là anh sẽ đương đầu với nó một cách khoa học.

Hôm sau gặp lại, anh nói, Tôi đã tính ra cái mảnh này rồi, bữa nay có đến tám con thắng.

Một ngày chọn được tám con thắng không phải là không được, nhưng tôi chưa bao giờ biết một ai cá được tám con thắng y chóc như vậy.

Tôi chẳng có ý kiến, và Dew cá tám con ngựa của anh, chỉ có hai con thắng, thành ra được quá ít. Chiều đến tổng kết thua mất bảy đô.

Sau đó anh từ tốn hơn, mỗi ngày chỉ cá một hay hai lần. khoảng hai tuần sau, anh thực sự cháy túi, tôi cho anh vay một đô.

Anh nói, Tôi đợi một chiếc tàu.

Tôi hỏi, Thế tàu anh làm sao?

Anh nói, Tàu về Úc cách đây năm ngày. Tôi mất việc, họ kiếm được một phụ máy khác rồi.

Một tháng trời tôi không gặp lại anh. Rồi anh vẫn tiếp tục nhào vào Sân Đệ Nhất Nhạc Kịch một cách đặc biệt, khiến tôi biết anh đang khấm khá.

Anh nói, Tôi nhận sơn nhà, mỗi ngày có được sáu bảy đô.

Anh mặc một bộ đồ mới toanh, và người anh nồng mùi sơn.

Tôi hỏi, Bộ bỏ biển rồi sao?

Anh nói, Dĩ nhiên, bảy đô một ngày là khờ quá đi chứ.

Anh đánh cá nhanh ba lần, kiểu những anh chàng hào hiệp lắm tiền với nhiều may mắn, và anh thua.

Tuy thế, anh lại cảm thấy khoái chí quá.

Anh nói, tôi nghĩ là tôi sẽ thua, tôi chỉ muốn tìm hiểu cho hết nhẽ mà thôi.

Tôi nói, Buồn cười nhỉ? Bao nhiêu vậy?

Anh nói, Mười bảy đô.

Rồi anh vội vã bỏ đi.

Khoảng sáu tuần sau, gặp lại, tôi biết anh không còn sơn nhà nữa và túi cũng vơi dần, lác đác năm sáu đô gì là cùng.

Anh không mặc đồ mới toanh và không ra vẻ nữa. Anh dè dặt về tất cả mọi sự. Anh nhìn những bảng chỉ hành trình một cách ngụ ý rằng anh không muốn đánh cá nữa, chỉ đến xem có đúng như anh tin là mình sẽ thua không, anh muốn đánh và được, mặc dù anh khá chắc chắn rằng cá ngựa nào đi nữa anh cũng thua thôi, với lại anh có tiền đâu để mà thua. Nhìn các bảng hành trình như vậy trông anh hoang mang, bối rối và lo âu. Quá nhiều chuyện có thể xảy ra. Anh có thể cá con Will Colinet hai ăn một mà hẳn phải thắng, và cũng có thể thua lắm chứ, và con Sao Sáng sáu ăn một, con phải về hạng bảy sẽ thắng, hoặc anh có thể thắng con Sao Sáng lẫn con Will Colinet đều thắng, bất chấp ngựa nào rồi anh cũng thua. Anh nhìn bảng hành trình và cố quyết định.

Rồi anh rời khỏi bảng hành trình và chúng tôi đâm sầm vào nhau.

Có gì hên không? Tôi hỏi nhưng không có ý nói về ngựa.

Anh nói, Chưa cá quyết định được.

Anh quanh quẩn cho đến khi mãn cuộc mà không cá một độ nào, và tôi biết rằng gia tài của anh còn rất hẻo.

Quá nhiều việc có thể xảy ra, anh bắt đầu lo sợ cho mình. Anh chỉ tin có mỗi một việc: ấy là anh sẽ thua sạch sành sanh.

Hôm sau anh bận rộn suốt ngày, nghiên cứu các bảng hành trình và dò dẫm các thành tích của ngựa, nhưng chiều đến anh cũng không đánh cá. Sau mỗi cuộc đua, anh sửng sò vì rằng thấy mình không đủ cảm quan để bắt những con thắng. Và chiều đến, cái việc mất khả năng chọn những con thắng cuộc để trở nên giàu có làm anh chán ngán, và anh đâm ra bối rối đến không đánh cá nổi, dù là nửa đòn.

Và hôm sau nữa cũng vậy. Tất cả những cuộc đua đều xong, những con ngựa thắng đã về đích, và anh vẫn không thu hay chi một xu nào, anh thần thờ vì anh không dám quyết định phải chấp nhận sự thách thức của cái có thể, được hay là cháy túi, một trong hai việc đó còn hơn là cố lê lét mỗi ngày với vài mươi xu, ăn uống xoàng xĩnh lấy lệ, và chui vào một căn phòng tồi tàn, ngủ vùi lấp.

Cứ thế mỗi ngày anh càng tệ hơn, sợ không dám quyết định, xài tiền kỹ càng chặt bóp, tội nghiệp. Và giờ đây chắc chẳng còn gì, nên tôi đưa anh đến một nhà hàng Ý, đãi anh một châu thịnh soạn ra trò.

Anh nói, Tàu tôi cách Frisco ba ngày đường.

Tôi biết anh cảm thấy thế nào. Anh cảm thấy thống khổ phải chui rúc trong một thành phố thối tha, nường nhờ những rác rến, không việc làm, mòn mỏi vì những khả dĩ vô cùng của một biến cố, một cuộc đổ đen, trong khi tàu anh chỉ cách Frisco ba ngày đường, những con người lênh đênh trên Thái Bình Dương, đang làm việc, những công việc giản dị để đưa tàu cập bến, đem lại những biến cố tốt lành, không như một cuộc đua ngựa, nhưng một chiếc tàu từ một thành phố, một lục địa khác, và việc đó không có hai cách, quanh tàu là biển cả xanh ngắt, trên bầu trời thanh sạch cùng cái dung dị vận hành của thời gian, đêm đến ngủ ngon với tiếng sóng dừ dật, những lời nỉ non của biển, và đầu óc thanh thoi biết chừng nào.

Hôm sau anh nói thật với tôi là anh đã nhẩn túi, tôi bảo anh là tôi sẵn sàng cho anh vay một ít để tiêu dùng hàng ngày, và tôi cho anh vay.

Một vài ngày sau đó, chiếc Texan cập bến, anh xuống tàu nói chuyện và được nhận lại việc làm. Họ bảo là anh đã để lỡ mất một chuyến du hành tuyệt vời nhất. Khi anh đến Sân Đệ Nhất để trả tiền mượn cho tôi, anh nói, Cuộc hành trình mà tôi bỏ lỡ này, vì cá ngựa và sơn nhà, là một trong những cuộc hành trình tuyệt nhất của Texan. Rời khỏi Sydney bốn ngày họ gặp một cơn bão lớn, tàu tròng tránh dữ dội, mọi người phải đứng mà ăn và cà phê có thể chao đổ khỏi tách khi mình đang hớp, không ai có thể yên trong giường mà ngủ, thế rồi biển lặng, lặng như tờ, ánh mặt trời và những cơn gió

ấm, và các bàn ăn được dọn ra tề chỉnh không thua gì nhà hàng, dễ chịu làm sao ấy.

Thế rồi tôi biết nó ra sao. Đó là cái loại thách thức mà anh không thích: Nó là thứ giả mạo. Một nguy tạo. Tước hết, nó không nhất thiết thế này hay thế kia, và chính vì thế mà anh không tài nào đoán ra cho được. Họ thách ta chọn một trong sáu hay bảy hay tám, chín hay mười, mười một hay mười hai con ngựa, và nếu ta chọn, ta đúng là thằng ngu, cho dù ta có chọn đúng đi nữa, còn nếu không chọn mà sinh lòng khoái hoạt thì đúng là một thằng ngu tối thượng, ôi tất cả đều ngốc nghếch thảm thương.

Dù sao, ai buồn bận tâm đến một cuộc đua ngựa? Và nếu ta thắng thì sao? Cũng vậy thôi, vì cái thách thức không đáng được nhận. Nhưng với biển cả, với hải hành, thì khác. Có nguy hiểm nhưng cũng vừa phải. Có bão tố, tàu có thể chìm, người có thể chết, nhưng việc đó có một ý nghĩa lớn. Khi biển dữ tợn cố chồm lên, ta thừa biết đang gặp hiểm nguy mà vẫn tiếp tục nhăm nháp cà phê trong tách đã cạn nửa, muốn thì tiếp tục ngủ và tàu cứ tiếp tục rẽ sóng.

Lướt tới, và ta thích nó ngay cả trong nguy khốn vì nó sạch, biển cả trong sạch và chỉ việc đó thôi cũng mang nhiều ý nghĩa dù cho tàu có chìm, và tất cả mọi người có chết đuối đi nữa cũng không sao, bởi vì việc đó sạch sẽ quá, và ý tưởng đó là một ý tưởng thanh cao tinh khiết tốt vời.

Chương 16

CHÀNG TRẺ TUỔI GAN DẠ TRÊN CHIẾC ĐU BAY

Có thể nói đây chính là truyện khiến tôi lấy làm kinh ngạc nhất: theo một nghĩa nào đó, đây là truyện đầu tiên của tôi, mặc dù vào lúc này, tháng hai năm 1934, truyện của tôi đã được viết và đã đăng hàng tá trên tờ Story Magazine, và cũng khá nhiều trên tờ Hairenik, ấy là chưa kể những tạp chí khác như tờ Overland Monthly ở San Francisco, hoặc tờ The San Franciscan, The Boulevardier... Tôi thử gửi đến tất cả các tòa soạn, và va phải nhiều việc đăng hòng: hoặc là bị lờ đi không trả lấy một cắc nhuận bút, cao lắm là mười đô một truyện, như tờ The Boulevardier chẳng hạn. Truyện này được viết một mạch vào một ngày đầu tháng mười một, năm 1933, sau khi tôi đã viết toàn thể một loạt truyện thử nghiệm từ ngày đầu đến ngày cuối, tháng mười năm đó. Chắc một điều là, việc thử nghiệm đó đã thúc đẩy tôi viết nên truyện ngắn này. Trong và sau khi viết xong tác phẩm, tôi chắc hẳn thế nào cũng được tờ Story Magazine đón nhận vì tôi cảm biết tràn trề rằng nó là một truyện hay, được viết theo một văn thể hoàn toàn riêng biệt. Và quả nhiên đúng vậy.

NGŨ

Tình giắc, nằm ngang giữa bao la nhân thế, tập cưỡi và đùa vui, chiêm biếm tận cùng của tất cả, của Rome, và, vâng, của cả Babylon nữa, nghiêng rặng, kỷ niệm, nóng hực như núi lửa, những đường phố Paris, những cánh đồng ở Jericho, lăm cái trườn đi như loài bò sát lẫn mình, một phòng triển lãm tranh màu nước, biển cả và cá có mắt, hoà khúc, một cái bàn trong góc tháp Eiffel, điệu Jazz ở ca kịch viện, đồng hồ báo thức và điệu nhảy Claquette đượm mùi tận thế, nói chuyện với một cái cây, với sông Nile, tiếng hổ gầm của Dostoyevsky, và mặt trời tối sầm.

Trái đất này khuôn mặt của kẻ sống, cái hình thể không sức nặng, khóc than trên tuyết, âm nhạc trắng, cái bông hoa phóng đại

to gấp đôi vũ trụ, mây đen, con báo trong chuồng trở mắt, không gian bất tử, ông Eliot xắn tay áo nướng bánh, Flaubert và Guy de Maupassant, một điệu hát không lời cổFinlandia, toán học được dùi đẽo triệt để và nhấn thín như đá mài, Jerusalem, con đường dẫn đến nghịch thuyết.

Bài hát âm trầm của người, tiếng thầm thì của một kẻ không nhìn thấy nhưng biết được một cách mơ hồ, giông tố ngoài cánh đồng lúa mì, một cuộc cờ, trấn tĩnh hoàng hậu, vua, Karl Franz, giống khổng lồ đen, ngài Charlot khóc, rồi Stalin rồi Hitler, và cả một đám dân Do Thái, ngày mai là thứ hai, cấm nhảy múa ngoài đường phố.

Ồi, cái phút giây chóng vánh và mong manh của một cuộc đời ấy. Nó đã chấm dứt, giờ đây lại trở về với đất.

THỨC

Hắn (kẻ sống) mặc quần áo và cạo râu, nhếch mép cười đều với mình trong gương. Rất chi là không bảnh trai chút nào, hắn nói: Cà vạt của mình đâu rồi cà? (hắn chỉ có một chiếc). Cà phê và một bầu trời ảm đạm, sương mù Thái Bình Dương, tiếng gầm gào một chiếc xe điện chạy qua, thiên hạ xuống phố, lại thời gian, ngày, văn xuôi và thơ ca. Hắn nhanh nhẹn xuống cầu thang ra đường và bắt đầu tản bộ, không dừng nghĩ ngợi. May ra, chỉ trong giấc ngủ, chúng ta mới biết chúng ta đang sống. Chỉ lúc đó trong cái chết sống động, chúng ta mới gặp gỡ mình và nhân thế xa xăm. Thượng Đế và cả những thiên thần, tên tuổi các tổ tiên chúng ta, cái thực thể của những giây phút xa xôi, chính nhờ giấc ngủ mà hàng thế kỷ hợp nhất trong khoảnh khắc, cái bao la vô bờ trở thành một nguyên tử bé tí, hữu hình của vĩnh hằng miên viễn.

Hắn đi vào ánh sáng ban ngày hết sức nhanh nhẹn, gót chân gây nên tiếng động rõ rệt, cảm nhận bằng đôi mắt về cái sự thô lậu của các đường phố và các công trình kiến trúc, cái sự tầm thường của những thực tại. Bất lực, hắn thầm hát, chàng bay qua không gian như đùa bỡn, chàng tuổi trẻ gan dạ trên chiếc đu bay, đoạn cười rũ rượi. thật là một buổi sáng tuyệt đẹp, ảm đạm, lạnh lẽo, và ử

rữ, một buổi sáng của sức mạnh nội cảm, chà chà, hấn nói, Edgar Guest, ta khát khao âm nhạc biết là chừng nào!

Trong một đường mương, hấn thấy một đồng tiền rơi rớt, đúng là một đồng xu cái thời 1923, và đặt nó trong lòng bàn tay, hấn quan sát đồng xu cận kề, nhớ lại năm đó và nghĩ đến Lincoln, hình mặt nghiêng của ông được chạm trổ tỉ mỉ. Hầu như người ta không thể làm gì với một xu. Hấn nghĩ, mình sẽ mua một chiếc xe hơi. Mình sẽ ăn mặc theo lối công tử bột, chơi điểm ở khách sạn, ăn và uống rồi trở về với yên lặng. Hoặc mình sẽ bỏ đồng tiền vào máy tự động và tự cân thử coi nó nặng bao nhiêu.

Nghèo thì cũng quý lắm, nhưng đói thì khủng khiếp quá. Họ mới thèm ăn biết mấy, thèm các thứ đến rở dãi! Ôi những cái bao tử rỗng! Hấn nhớ lại, hấn cần thức ăn biết bao. Bữa nào cũng bánh mì, cà phê và thuốc lá, và bây giờ thì cũng chẳng có gì ráo. Cà phê mà thiếu bánh mì thì thực sự không bao giờ có thể thành bữa cơm chiều được, và chẳng có loài cỏ dại nào trong công viên mà nấu lên có thể bằng rau dền luộc cho được.

Sự thật thì, hấn sắp chết đói, và trước khi chết hấn còn phải đọc biết mấy sách cho hết. hấn nhớ lại cái gã trẻ tuổi người Ý trong một bệnh viện ở Brooklyn, một thư ký nhỏ bé đau yếu tên là Mollica, đã nói một cách tuyệt vọng, tôi muốn thấy Caifornia một lần trước khi chết. Và hấn nghĩ một cách tha thiết, ít ra mình phải đọc Hamlet lại lần nữa, hoặc có lẽ Huckleberry Finn.

Chính lúc đó hấn mới tỉnh táo hoàn toàn, khi nghĩ đến cái chết. Giờ đây, thức là một trạng thái có tính chất kích động không dứt. hấn nghĩ, một người trẻ tuổi có thể chết thảm lặng, và hấn đã thực sự gần như chết đói. Nước lã và tản văn thì tuyệt lắm, chúng choán nhiều không gian vô cớ, nhưng chưa đủ. Phải chi có chút việc nào đó để hấn có thể làm kiếm tiền, một việc tay chân vụn vặt gì đó nhân danh thương mại. phải chi họ chỉ cần cho hấn ngồi trước một cái bàn, suốt ngày cặm cụi cộng những con số của thương hiệu, trừ và nhân chia, có lẽ hấn sẽ không đến nỗi chết đói. Hấn sẽ mua thức ăn đủ loại: các cao lương mỹ vị lạt lẽo từ Na Uy, Ý và cả Pháp nữa, tất cả các loại thịt bò, thịt cừu, cá, pho mát, nho, vả, lê, táo, dưa hấu, mà hấn sẽ phượng thờ sau khi thanh toán cơn đói. Hấn sẽ đặt một

chùm nho đỏ trên một cái đĩa cạnh hai trái vả đen, một trái lê vàng óng, và một trái táo xanh. Hắn sẽ như như trước mũi mình một miếng dưa hấu, hàng giờ. Hắn sẽ mua những ổ bánh Pháp nâu lớn, rau đủ loại, thịt và sự sống.

Từ ngọn đồi hắn thấy thành phố nằm uy nghi ở phương Đông, những mái lầu cao chót vót, đầy đặc chủng loại hắn, rồi bỗng nhiên hắn thấy hắn đứng ra bên ngoài tất cả, hầu như rõ rệt mười mười là hắn sẽ không bao giờ vào được, hầu như với cách nào đó hắn đã mạo hiểm vào làm trái đất, hoặc có lẽ vào làm thời đại, và giờ đây một chàng trai hai mươi tuổi phải vĩnh viễn bị trục xuất khỏi đây. Ý nghĩ này không làm hắn buồn chút nào. Hắn tự nhủ, rồi đây chả mấy lúc e mình cũng phải viết Đơn xin phép sống. Hắn chấp nhận cái ý nghĩ chết đi mà không thương hại chính mình hoặc cho loài người, cả tin rằng ít ra hắn cũng sẽ ngủ thêm một đêm nữa. Tiền phòng ngày mai hắn đã trả rồi, nhưng vẫn còn một ngày một nữa. Và sau đó hắn có thể đến các nơi mà những kẻ vô gia cư khác đến. Hắn cũng nên đến viếng thăm Đoàn Quân Cứu Rỗi cầu nguyện lên Chúa và Jesus (chả thương gì linh hồn con), được cứu rỗi, ăn và ngủ. Nhưng hắn biết hắn sẽ không làm vậy. Đời hắn là một đời riêng. Hắn không muốn huỷ hoại sự thật đó. Chọn bất cứ một cách nào khác còn hơn.

Bồng Bềnh Trên Chiếc Đu Bay...hắn hát thầm trong đầu. Thật ngộ nghĩnh, thật khôi hài hết biết. Một chiếc đu bay, bay đến Thượng Đế hoặc đến hư vô, một chiếc đu bay đến cõi vĩnh hằng, hắn cầu xin một cách vô tư có sức màu nhiệm để bay trong duyên dáng.

Hắn nói, mình có một xu. Đó là một đồng tiền Mỹ hắn hỏi, chiều nay mình sẽ mài cho đến khi nó sáng bóng lên tựa mặt trời và mình sẽ nghiên cứu các con chữ đắp nổi trên đó.

Bây giờ thì hắn đang đi bộ ngay trong thành phố, giữa những con người đang sống nhờn nhơ. Có một vài nơi để đến. Hắn thấy bóng mình phản ánh trên những ô cửa kính nhà hàng và tự chán ngán cho cái dáng mạo của chính mình. Hắn chẳng có vẻ mạnh khỏe tí nào như hắn thường cảm thấy, thật ra, mọi bộ phận trong cơ thể hắn đều hơi hư lệch sao ấy, này cổ này vai này tay và cả thân hình lẫn đầu g. Hắn nói, thế này thì coi sao cho đặng chớ. Và với một nỗ

lực, hấn ráp nối tất cả các bộ phận rời ấy lại và trở nên căng thẳng, tạo ra cái vẻ sững sờ mà vững chắc.

Hết sức nghiêm trang, hấn rảo qua nhiều tiệm ăn, chẳng thèm liếc nhìn vào, để cuối cùng hấn bước vào một cao ốc. Hấn đi thang máy lên tầng bảy, lạng qua một sảnh đường, và, mở cửa bước vào văn phòng sở tìm việc. Ở đó, đã có khoảng hơn hai mươi thanh niên đang ngồi chờ; hấn tìm một xó xinh và đứng đợi đến phiên mình được hạch hỏi các thứ. Mãi rồi hấn cũng được cái đặc ân vĩ đại này và một cô gái già gầy guộc, khoảng năm mươi gì đó, lơ đãng chất vấn này nọ.

Cô nói, Bây giờ cho tôi biết cậu làm được những gì nào?

Hấn lúng túng. Tôi biết viết, hấn xúc động nói.

Ý cậu muốn nói là cậu viết chữ đẹp? Phải vậy không? Cô gái sồn sồn hỏi.

Hấn đáp, Ờ, ờ vâng. Nhưng tôi muốn nói là tôi biết..viết...

Cô kia hỏi, gần như cáu kỉnh, Viết gì mới được chứ?

Hấn đáp giản dị, Văn.

Im lặng. Sau cùng cô kia nói, cậu biết đánh máy không?

Người trẻ tuổi nói, Dĩ nhiên.

Được rồi, cô kia nói tiếp, chúng tôi có địa chỉ của cậu, chúng tôi sẽ liên lạc sau. Sáng nay chả có gì ráo trọi.

Tại các sở khác cũng hết như vậy, trừ phi là hấn được chất vấn bởi những gã trẻ tuổi hóm mình giống như con heo. Rồi những sở làm, hấn lại lò dò đến các thương xá lớn, ôi chà! Cả đồng kiểu cách, phần hấn thì chịu nhọc đôi chút, và rồi cuối cùng thì người ta cho biết là không có việc làm. Hấn không cảm thấy phật lòng chút nao, và lạ thay hấn cũng chẳng hề cảm thấy là chính hấn có dính líu vào tất cả những chuyện phi lý đó. Hấn là một người trẻ, còn sống, đang cần tiền để có thể tiếp tục tồn tại, và chẳng có cách nào để có thể có tiền ngoại trừ phải làm việc để mà có, nhưng đâu có dễ gì, ôi chao! Đó hoàn toàn là một vấn đề khó hiểu mà hấn muốn thử giải quyết lần cuối cùng. Giờ thì hấn thoải mái, thậm chí vui sướng vì mọi sự đã đến hồi kết thúc.

Hắn bắt đầu nhận thấy cần phải vạch ra một nếp sống rõ rệt. Ngoại trừ một đôi phút, phần lớn đời hắn không màu mè gì lắm, nhưng giờ đây vào phút cuối hắn quyết định không còn được lơ mơ dấm dớ nữa.

Hắn đi qua vô số cửa hàng và tiệm ăn trên con đường đến Y.M.C.A. nơi hắn tự tiện dùng giấy và mực. Hắn bắt đầu viết Đơn. Hắn tiếp tục soạn văn thư này hàng giờ, rồi bỗng nhiên, vì cái không khí khó chịu ở nơi này và , vì đói, hắn ngất đi. Hắn cảm thấy như đang bơi ra khỏi chính thân xác mình bằng những sải lớn. Hắn vội vã rời toà nhà. Tại công viên Trung Ương, bên kia thư viện công cộng, hắn uống đến gần một lít nước và cảm thấy tỉnh táo. Một cụ già đứng giữa con đường lát gạch, bao quanh là chim hải âu, bồ câu và cả hoạ mi. Ông đang lấy từng nắm vụn bánh mì từ một bao giấy và ném cho chim với một bộ điệu hết sức hào hiệp.

Hắn lơ mơ cảm thấy muốn xin ông già một phần vụn bánh, nhưng vội gạt cái ý nghĩ đó ngay, hắn bước vào Thư Viện Công Cộng và đọc Proust suốt cả giờ, và rồi lại cảm thấy muốn ngất xỉu nữa, hắn bèn chuồn phóng ra ngoài. Hắn tọng náy ngoài công viên đầy bụng và bắt đầu cuộc đi bộ dài về phòng.

Hắn nói lấp đáp, mình sẽ đi ngủ thêm chút xíu nữa, chả có việc gì khác để làm. Bây giờ hắn biết rằng hắn đã quá mệt và yếu lả để tự dối mình là mạnh khoẻ, thế nhưng dù sao đầu óc hắn vẫn có vẻ mềm dẻo và lanh lợi. Như là một thực thể cách biệt, nó vẫn khẳng khái bốn cột một cách xác xược ngay trên chính cái đau thể chất của mình. Sớm chiều hắn về phòng và lập tức nấu cà phê trên cái bếp ga nhỏ. Trong hộp chẳng còn sữa, và nửa cân đường mới mua tuần trước cũng biến mất, hắn tộp một tách đen nóng, ngồi lên giường và cười.

Hắn lấy cặp ở YMCA một tá giấy viết thư, hắn định thảo một số văn thư trên đó, nhưng bây giờ thì ngay cái ý nghĩ viết cũng đủ làm cho hắn bải hoải khó chịu, chả có gì để nói. Hắn bắt đầu mài đồng xu lượm được hồi sáng, ấy thế mà cái hành động vô nghĩa này lại làm cho hắn thú vị quá trời. không có đồng tiền Mỹ nào có thể làm cho chói sáng như đồng một xu này. Hắn phải cần bao nhiêu xu để tiếp tục sống còn? Không còn gì để bán nữa sao? Hắn nhìn quanh

căn phòng trống. Không. Đồng hồ đã biến mất, sách vở cũng làm lui ra đi. Tất cả những cuốn sách xinh đẹp và ngạo nghễ đó. Hắn cảm thấy khốn khổ và hổ thẹn vì đã phải xa lìa sách vở thân yêu.

Bộ đồ vía cũng đã mại với giá bèo hai đô, nhưng như thế cũng tạm được. Hắn chẳng hề quan tâm đến quần áo. Nhưng mấy cuốn sách thì, việc đó khác. Nghĩ rằng đã không có sự kính trọng đối với những người viết lách khiến hắn bất bình phần nộ.

Hắn để đồng xu bóng loáng lên bàn, nhìn cận kề vào với sự khoan khoái của một tên cay cú. Hắn nói, Nó cười duyên đáng làm sao. Hắn nhìn vào những chữ mà không thèm đọc. E Pluribus Unum Một Xu Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ, và lật đồng xu qua, hắn thấy Lincoln và dòng chữ, Chúng Ta Tín Thác Tự Do Nơi Chúa, 1923. Ôi đẹp làm sao, hắn reo nhỏ trong cổ họng.

Hắn trở nên mơ mơ màng màng và cảm thấy một cơn bệnh khủng khiếp đang nhiễm tràn qua dòng máu, một cảm giác buồn mửa và rã rời. Hoang mang, hắn đứng cạnh giường, chả có gì để làm ngoài việc ngủ. Rồi hắn cảm thấy như bước sai qua một chất lỏng của trái đất, bơi về buổi sơ nguyên. Hắn vừa ngã úp mặt xuống giường vừa nói, Trước hết, ít ra mình cũng phải cho một đứa nhỏ nào đó đồng tiền này. Một đứa nhỏ có thể mua vô số đồ chơi các thứ với đồng một xu.

Rồi nhanh nhẹn và gọn gàng với cái duyên dáng của chàng tuổi trẻ trên một chiếc đu bay, hắn thoát khỏi xác phàm. Trong phút giây vĩnh cửu ấy, hắn là tất cả vạn vật cùng một lúc: chim, cá, loài gặm nhấm, loài bò sát, và cả người. Một đại dương hình ảnh còn sóng bất tận và tối đen ôm chầm lấy hắn. Trái đất vẫn quay, hắn nhào bộ mặt ngơ ngàng ra bầu trời trống vắng và không còn biết gì nữa cả, không sống động, viên mãn, và hắn biết vậy.

Chương 17

CHIẾN TRANH

Chính ở số 348 đường Carl, San Francisco vào tháng giêng năm 1934, nơi tôi viết mỗi ngày một truyện ngắn, viết ròng rã một tháng trời cho t báo chuyên về truyện ngắn Story, sau khi họ đã có thư cho tôi biết rằng họ rất thích cách viết của "Chàng Tuổi Trẻ Gan Dạ Trên Chiếc Đu Bay", và họ đã ứng trước cho tôi một ngân phiếu đáng kể vào thời bấy giờ. Và đây là một trong những truyện ngắn đó. Ở con đường này có khá nhiều trẻ con, và vì phòng làm việc của tôi nhìn ngay xuống đường, nên tôi thường xem bọn trẻ chơi đùa, và tôi thấy chuyện này xảy ra.

Karl năm tuổi, một người Đức hùng vĩ với lối đi theo kiểu nhà binh, bước trên lề đường trước cửa nhà nó, có một cách ăn nói đầy phép tắc tự nhiên, vừa đáng phục vừa tươi tắn, làm như thể thằng bé hiểu cái phẩm hạnh thiết yếu của sự khúc chiết quan trọng, và không thể chịu đựng được sự sử dụng làm lạc cái thiện năng đó, thỉnh thoảng lắm nó mới mở miệng và chỉ để thốt ra một câu không quá bốn chữ, ngay vấn đề và xác đáng một cách lạ thường. Nó ở căn nhà bên kia đường và là niềm hãnh diện của ông nó, một người luôn đứng thẳng với bộ ria Đức khá đẹp, đã có lần được đăng hình trên báo vài năm trước đây nhân một cuộc vận động chính trị. Ông này bắt đầu dạy Karl bước đi, ngay khi thằng bé vừa biết đứng, và người ta có thể thấy ông với thằng bé tóc vàng mặc áo blouse xanh nước biển, đi đi lại lại nửa khu phố trên lề đường, nắm tay thằng bé và dạy nó bước tới một cách thận trọng, hơi một chút cách điệu, theo cái kiểu vương giả Đức, đầu gối thẳng, mỗi bước đều đá ra một góc chính xác.

Trong nhiều tháng, mỗi buổi sáng ông già và thằng bé đều đặn tập đi, lập thành một thói quen hay hay. Karl tiến bộ nhanh nhưng không phải hấp tấp, và hình như nó hiểu được cái nghiêm nghị trầm

lặng của ông nó, nên nó cố học cho được cái cách đi thật quan trọng của người ông. Thật ra thì giữa thằng bé và ông già có nhiều điểm tương đồng, có khác nhau chẳng là ở tuổi tác và kinh nghiệm, và Karl chẳng tỏ dấu hiệu gì muốn chống đối lại cái khuôn phép mà người ông đặt ra cho nó.

Sau một thời gian, người ta thấy thằng bé đi lại trên quăng lè đường trước nhà nó một cách chững chạc, không cần đến sự giúp đỡ. Ông già ngồi trên những bậc thang, lặng lẽ quan sát, ông vừa hút píp vừa nhìn thằng bé với một vẻ nghiêm nghị mà lòng tràn hãnh diện, và thằng bé đá chân ra phía trước đặc chất nhà binh rất dễ thương. Dĩ nhiên cái lối đi ấy hơi cổ điển và phi dân chủ, nhưng tất cả mọi người trong khu này thích Karl và xem nó như một cậu nhỏ rất tể nhị. Một thằng bé con bước đi như thế có một cái gì đó dễ làm người ta mến chuộng. Những người Đức chính thống tán thưởng sự quan trọng các động tác tương đối tự động như đi, nói và thở. Đối với họ, rõ ràng là đi, thở và nói liên quan mật thiết với đời sống nói chung, và do đó những kiểu cách, những động tác này không có gì là lỗi bịch cả.

Những người thuộc khu phố này đã sinh đẻ một cách tốt đẹp sáu bảy năm qua, nên chúng tôi có một số trẻ con khá hùng hậu, tất cả bọn chúng đều khoẻ mạnh và dễ thương, đối với tôi, chúng còn dễ thương gấp bội. Karl chỉ là một đứa trong bọn nó được nhắc đến dít có lẽ vì nó là đứa độc nhất đã được dạy cho một kỹ thuật sống có ý thức chủng tộc. Những đứa kia thuộc nhiều chủng tộc khác, và trong khi nét cơ bản của chủng tộc biểu lộ rõ rệt nơi mỗi đứa, các nét này không được nhấn mạnh và tăng cường như đã được nhấn mạnh và tăng cường nơi Karl. Nói khác đi, mỗi đứa trẻ nếu có hiển lộ được cái đặc chất chủng tộc của nó cũng chỉ trên phương diện tự nhiên và bản năng di truyền, và có lẽ, nếu không có sự uốn nắn của người ông, chính Karl giờ đây hẳn đã giống những trẻ con khác, ít kiểu cách và phóng khoáng hơn. Nó hẳn không có lối đi kiểu nhà binh, điểm dị biệt giữa nó và những trẻ con khác, cái cung cách đôi khi làm cho thằng bé người Nam Tư, Josef, ở dãy nhà dưới, lấy làm khó chịu.

Josef lớn hơn Karl gần một tuổi, tư chất linh hoạt, và tất cả những hành động của nó đều khiến người ta cười thầm. Nó có khuôn mặt sáng sủa và tinh khôn của người bố hành nghề nướng bánh, nó thuộc loại trẻ con nói nhiều và thường hay để ý đến tất cả mọi việc và mọi người chung quanh, luôn luôn thắc mắc và cật vấn cho ra lẽ. câu mà nó quen miệng nhất là Ông mới đi đâu về vậy? Nó hỏi với hy vọng rằng người ta vừa mới ở một nơi tuyệt diệu và xa lạ nào về tới, một nơi chưa từng thấy và chưa có trên thế gian, và chính tôi thường bị nó gây cho lúng túng không ít vì thường trở về từ những thành phố không có gì tuyệt diệu và cũng tầm thường như nó hằng thấy đến nhàm mắt.

Karl hiếm khi chạy nhảy trong khi Josef hiếm khi đi đứng khoan thai, nó hầu như luôn chạy tung tăng hay nhảy nhót không ngừng, đối với nó đi từ nơi này đến nơi kia không có nghĩa như là rời nơi này đến nơi khác, đi như là một động tác khiến nó thích thú hơn là mục đích. Josef mãi mê chơi đùa trong khi Karl cắm cúi với các việc. đối với một thằng nhỏ dòng giống Slav thì nó là trước tiên, sau đó mới đến chủng tộc, trong khi một thằng người Đức thì ngược lại, chủng tộc là tiên khởi và cá nhân là sau cùng.

Tôi có dịp quan sát bọn nhỏ ở khu phố này nhiều năm rồi, và tôi hy vọng đừng có ai ngờ rằng tôi cố bịa ra những chuyện về chúng, ngộ hầu để có thể viết nên một truyện ngắn nho nhỏ, thật ra tôi không có năng khiếu bịa đặt. Cái chuyện nhỏ xảy ra chiều hôm qua hẳn sẽ tầm thường nhạt nhẽo vô cùng nếu tôi không có dịp quan sát cuộc sinh hoạt thường ngày của chúng, và tôi chỉ tiếc một điều là không biết được nhiều về Irving, cái thằng nhỏ người Do Thái khóc dữ dội trong khi Karl và Josef quần thảo nhau.

Irving theo bố mẹ, dọn đến khu phố này cách đây không đầy bốn tháng, đầu khoảng tháng mười một thì phải, nhưng mãi đến cả tháng sau tôi mới thấy nó xuất hiện cùng bọn nhỏ ngoài đường. Nó cỡ tuổi với Josef, nhưng trông bao giờ cũng nhuốm một vẻ buồn buồn, cái tạng loại mà người ta thường mô tả là hướng nội, chỉ cảm thấy an toàn với chính mình thôi. Chẳng hiểu vì sao tôi vẫn nghĩ rằng bố mẹ nó nên cho nó học nhạc, ở nó luôn toát ra nét phong vận tao nhã để có thể trở thành một vĩ cầm hay dương cầm thủ có hạng,

cái đầu lớn nghiêm nghị, thân hình mảnh khảnh, và một hệ thần kinh nhạy bén.

Một buổi chiều, trên đường đến tiệm tạp hoá, tôi trông thấy Irving ngồi trên bậc thềm nhà nó, rõ ràng là nó đang mơ một giấc mơ tuyệt đẹp, giấc mơ của một đứa trẻ còn đang hoang mang và bối ngỡ trước cuộc sống hết sức kỳ vĩ và đầy hương sắc. Tôi chỉ mong sao được nói chuyện với nó một cách thân ái và dịu dàng, và nếu có thể được, khám phá xem nó đang nghĩ ngợi cùng mơ mộng những gì, nhưng khi tôi đang tiến lại thì nó đã vội đứng dậy chạy lên những bậc thềm và vào nhà như bay biến, trông nó có vẻ sợ hãi và dễ vỡ làm sao ấy. Tôi sẵn sàng đánh đổi cái máy hát để được biết chiều hôm đó Irving đang mơ mộng những gì, vì tôi vẫn tin rằng chính điều đó sẽ giúp tôi hiểu cạn hết lý lẽ tại sao nó khóc một cách dữ dội và thống thiết tối hôm qua.

Karl thì vững chắc và rất tự tin trong thế đứng uy nghi, trong khuôn phép và cách nghĩ ngợi tập trung, nhưng Josef cũng không kém hào khí, tuy không vững chắc bằng bởi hiếu kỳ và sống động, lúc nào cũng lảng xảng và hành xử thiếu suy nghĩ. Sự hiện diện của Irving trên con phố này cũng vững vàng như ai, nhưng nó pha trộn một cái gì đó giữa vui lẫn buồn, một cái gì mà chính nó cũng không sao hình dung ra cho được, tựa như ở một nơi nào khác. Irving chẳng tự tin tí nào. Nó không gò bó khuôn mẫu mà cũng không buông tuồng khinh xuất, nó chỉ buồn buồn. Tôi thầm nghĩ rồi ra nó sẽ thấu hiểu trọn vẹn hết mọi việc, về bản thân nó cũng như những hệ lụy với cuộc đời, nhưng giờ thì nó hoang mang quá, không thể đặt để một quan điểm hay nhận định gì về ngoại giới cả.

Cách đây không lâu, có bạo động ở Paris, và ngay sau đó nội chiến bùng nổ ở Áo. Và ai cũng biết rằng Nga đang sửa soạn chống trả lại Nhật, và ai cũng biết cả Âu châu đang bồn chồn vì cái chương trình Quốc Gia Chủ Nghĩa của nhà độc tài Đức hiện tại.

Tôi nói đến những sự kiện này bởi vì có liên hệ đến câu chuyện mà tôi đang kể, như Joyce vẫn nói, thế giới đầy những trẻ con ở khắp mọi nơi, và cái câu chuyện nho nhỏ đêm qua cũng quan trọng đối với tôi như các câu chuyện chiến sự lớn ở Âu châu, câu chuyện

quan trọng đối với những người đã lớn và hết cơ hội để thành trẻ con được nữa.

Hôm qua, ngày bắt đầu với sương mù dày đặc, tiếp theo là một cơn mưa rào ngắn. Ba giờ trưa mặt trời trong suốt chiếu qua vài đám mây và bầu trời xanh thẳm, một khoảnh khắc tươi sáng, một không khí thanh sạch...rõ là thời tiết đang kỳ tốt đẹp. Ở San Francisco thời tiết thay đổi như vậy đó, tăng sáng đầy vẻ đông giá, nhưng đến trưa có thể là đang xuân hay bất cứ một mùa nào khác, không chừng.

Tôi rời phòng vào buổi sáng, không thấy một đứa trẻ con nào của dãy phố ra đường cả, nhưng khi về lại vào buổi chiều, tôi thấy Josef và Irving đứng nói chuyện với nhau phía lề tôi đi, trước cửa nhà Irving. Karl bên kia đường, trước nhà nó, đang bước oai vệ theo cái kiểu nhà binh, nhìn kiểu cách đến hay và có vẻ tự phục mình lắm. Xa hơn, ở phía dưới đường là năm đứa bé gái đang chơi nhảy lò cò, chị lớn của Josef, hai chị em bé gái Ái Nhĩ Lan, hai chị em bé gái Ý Đại Lợi.

Sau cơn mưa, không khí như sáng thơm hơn, và ra ngoài đường đi tha thẩn là một cái thú bọn trẻ nô giỡn dưới làn nắng ấm. Thật là những giây phút quá tươi đẹp để sống, để yêu thương tha nhân và những người cùng thời với ta, tôi nhấn mạnh đến điểm này để chứng tỏ rằng cái xấu thỉnh thoảng vương lại trong lòng con người không cứ phải là hậu quả hay sự rơi rớt của một thiên nhiên chưa được tươi đẹp. và chúng ta biết rằng, Âu châu có những miền quê xinh xắn nhất cũng chẳng ảnh hưởng gì đến sự tiến triển và lan rộng một cách tàn khốc của cuộc chiến vừa qua, và cái tiến độ giết chóc cũng ngày một cao y như vào lúc thời tiết xấu. Và việc độc nhất có thể xảy ra, có thể lưu dấu của một thời tiết đẹp là đôi ba bài thơ cảm động của những người lính trẻ đang thiếu vắng hình ảnh người vợ, hình ảnh gia đình, và họ không muốn bị giết chết, bị hy sinh một cách vô cớ.

Đi ngang Josef và Irving, tôi nghe Josef nói về Karl: Nhìn nó coi, cái lối đi gai mắt quá. Mà tại sao nó cứ phải đi như vậy kia chứ?

Tôi đã biết từ lâu rằng Josef rất khó chịu cái vẻ quả quyết kiêu cách và dáng đi của Karl, vì thế lời phê phán của nó không làm tôi ngạc nhiên. Ngoài ra, tính nó rất hiếu kỳ và hay tra gạn mọi chuyện cho tới nơi tới chốn. Tôi có cảm tưởng nó chú ý đến lối đi của thằng Karl phần lớn vì lý do thẩm mỹ, và cũng không có ác ý gì trong lời bình vừa rồi. Tôi không nghe Irving trả lời, và tôi đi thẳng về phòng mình để viết ngay một lá thư cần kíp. Khi viết xong, tôi ra đứng hóng gió ngoài cửa sổ và nhìn lung xuống con đường. Mấy đứa bé gái đã về cả, nhưng Karl vẫn còn bên kia đường, còn Josef và Irving vẫn đứng với nhau. Trời bắt đầu tối dần, và con đường trở lại yên tĩnh.

Không hiểu chuyện xảy ra thế nào nhưng khi Josef và Irving bắt đầu băng qua đường, tôi thấy như cả một quốc gia đang di chuyển phòng tuyến quân đội của mình đến biên giới một xứ sở lạ Chúa, nhưng những thằng bé thì hồn nhiên và dễ thương quá, và các quốc gia sao mà giống tội nhỏ này quá chừng, ý nghĩ này khiến tôi không thể không bật cười thầm cho được. Tôi kêu nhỏ nhỏ, ái chà, lại sắp bùng nổ chiến tranh mất thôi, và bọn trẻ con chắc sẽ làm om sòm cả thế giới cho coi. Tôi chắc rằng cả Josef lẫn Karl sẽ bày tỏ lòng căm ghét nhau, cái ân oán thâm thù ngu xuẩn và vô ích, là kết quả của sự non kém và tăm tối, dẫn đến chỗ phải choảng nhau trí mạng, như hết thảy các quốc gia các giống nòi trên mặt đất bị quỷ ám bởi lòng thù hận, ghen ghét và vô minh, nhân danh những điều tốt đẹp để tìm cách thống trị và tiêu diệt nhau, không thương xót.

Chuyện xảy ra bên kia đường, hai thằng nhỏ đánh nhau, một thằng thứ ba đứng khóc sụt sùi, khóc tức tưởi vì việc đó, khóc cho các ý thức dị biệt gây nên chiến tranh khốc liệt trên trần thế.

Tôi không nghe chúng đã nói gì với nhau, cả hai, Karl và Josef đang đằng sất khí tiến đến gần nhau, và tôi cũng không nhớ chắc cuộc chiến đó đã được tiến hành như thế nào, nhưng tôi cứ nghĩ là nó đã xảy ra lâu lắm rồi, cái mầm mống tiềm ẩn trước khi lâm chiến, một năm hai năm, hoặc nói khác đi, hằng bao thế kỷ trước.

Tôi thấy Josef chạm vào Karl, và rồi Karl hích đẩy Josef, hai thằng đứa nào cũng dễ thương quá, và nước thứ ba nhỏ bé là thằng Do Thái nem nép nhìn chúng sợ hãi như là kinh hoàng tột độ. Khi thằng bé người Đức và thằng bé Slav bắt đầu đánh nhau thực sự,

thằng bé Do Thái tấm tức khóc. Thật là dễ thương và bi tráng vô kể, không phải ở cuộc giao chiến dữ dội, mà ở nơi cái khóc hận của thằng bé Do Thái. Cả cuộc chiến chỉ kéo dài trong mấy phút nhưng cái ý nghĩa thì trọn vẹn, và cái phần bền vững cùng tươi mát nhất của nó còn lưu lại chính là tiếng khóc trầm thiết mãi vang lại bên tai. Tại sao nó khóc? Nó đâu có liên hệ gì, nó chỉ là một nhân chứng, một nhân chứng cũng như tôi. Nhưng sao nó lại khóc, khóc bi ai?

Tôi cứ ước được biết nhiều hơn về thằng bé Do Thái này. Tôi chỉ có thể nghĩ rằng nó khóc vì sự hiện hữu tai ác của thù hận và sự xấu xa trong lòng người lại là một sự thật, sự thật lộ liễu đến đau lòng. Và tôi cũng chỉ nghĩ đến như vậy là cùng.

Chương 18

Một ngày lạnh

Bất cứ ai đã từng sống ở San Francisco đều biết nơi này có thể lạnh tới mức nào, một cái lạnh thấu xương mà hàn thử biểu đôi khi cũng phải chịu thua. Dãy phố 348 đường Carl không có hệ thống sưởi. Và căn phòng nhỏ đằng trước đây là nơi làm việc của tôi, có lúc lạnh đến nỗi tôi thường phải cử động luôn tay để có thể đánh máy được, như truyện sau đây sẽ đề cập đến. Nhưng không phải chỉ có mỗi cái lạnh của cả thế gian mà chính là cái lạnh ngay trong mỗi con người, làm tê cóng tâm can hần và rất khó mà hoài nghi cái việc hần muốn làm.

M. Thân mến,

Tôi muốn cho anh biết rằng hôm nay ở San Francisco trời lạnh lắm, và tôi tê cóng thực sự. Trong phòng tôi lạnh đến nỗi mỗi lần bắt đầu viết một truyện ngắn thì cái lạnh ngăn cản tôi và tôi phải đứng dậy làm vài thao tác uốn người. Tôi nghĩ như thế là người ta nên chế tạo một cái gì đó để giúp cho những nhà văn viết truyện ngắn được ấm áp. Đôi khi trời lạnh quá tôi lại có thể viết được tác phẩm xuất sắc, nhưng cũng có khi không nên cơm nên cháo gì cả. gặp lúc thời tiết hết sức tốt đẹp cũng vậy. Tôi ghét nhất là để một ngày trôi qua mà không viết được một truyện ngắn, và vì thế mà tôi viết lá thư này, để anh biết rằng tôi rất bức mình cái thời tiết khỉ gió này. Đừng cười mà nghĩ rằng tôi đang ở trong một căn phòng ấm áp xinh xắn ở California đầy nắng, như người ta thường tả như vậy, và bịa chuyện về cái lạnh. Quả là tôi đang co ro trong một căn phòng lạnh giá, không một ánh mặt trời, và cái độc nhằng đang chiếm lĩnh tôi chính là cái rét cắt da. Tôi bị tê buốt và hai hàm răng đánh lập cập. Tôi muốn biết Đảng Dân Chủ đã làm được gì cho những nhà văn viết truyện ngắn bị chết rét, trong khi những người khác đều có lò sưởi. chúng

tôi phải dựa vào mặt trời, đến khi mùa đông lại thì không có mặt trời để mà...dựa. Đó là mỗi phiên nào tôi đang phải; muốn mà không sao viết được, vì tê dại.

Một ngày đông năm ngoái, mặt trời hiện ra và ánh nắng rọi vào, những vệt ấm rọiàn khiến cho chúng tôi, tôi, bàn ghế, tủ giường, căn phòng cảm thấy dễ chịu. Và tôi chỉ cần làm vài cử động uốn người mau lẹ là có thể ngồi xuống viết thẳng mạch một truyện ngắn. Nhưng đó là một ngày đông vì trước khi tôi viết xong đoạn đầu truyện Mặt Trời Đã Rơi Lại Sau Những Đám Mây, và tôi ngồi lặng lại trong buồng, ngồi trong lạnh lẽo, viết một truyện ngắn khác. Đó là một truyện ngắn hay đến nỗi, mặc dù vẫn biết sẽ chẳng bao giờ được in hay đăng báo, tôi vẫn phải tiếp tục viết, và vì thế khi viết xong truyện, tôi bị cứng đờ cả người. Mặt tôi tái bệch, chân tay không sao nhúc nhích nổi, tứ chi hầu như mệ̄t đờ và nhúc buột. Căn phòng thì đầy khói thuốc lá Chesterfield, nhưng mà ngay cả khói thuốc cũng bị đông giá lại. Có những đám mây khói trong phòng, nhưng giá lạnh vẫn hoàn giá lạnh. Một lần, trong khi tôi viết, tôi đã định lấy một cái chậu và đốt lửa trong đó. Điều tôi định làm là đốt cỡ nửa tá sách để sưởi ấm, may ra có thể viết thêm được vài truyện ngắn. Tôi tìm thấy một cái chậu cũ, tôi khênh nó vào phòng, nhưng khi nhìn quanh tìm sách để đốt, tôi chẳng lựa lấy được một cuốn. Tất cả những sách của tôi đều cũ và rẻ tiền. Tôi có khoảng năm trăm cuốn, giá mỗi cuốn trung bình năm xu, nhưng khi nhìn quanh kiếm tựa sách để đốt, tôi thừ mặt ra. Có một cuốn lớn, nặng, bằng tiếng Đức về giải phẫu học, đốt lên hẳn sẽ được một ngọn lửa ấm, nhưng khi mở ra và lướt mắt một hàng trên cái ngôn ngữ xinh đẹp đó, sie bestehen aus zwei der eine breitere, vân vân, tôi chùn lại không thể nào đốt được. Thế là đòi hỏi nhiều quá. Tôi không hiểu lấy một chữ của cuốn sách, nhưng dù sao đi nữa nó quá hùng hồn để mà giao gửi cho bà hoả. Cuốn sách tôi mua mất năm xu khoảng hai ba năm trước, và sách cân nặng trên dưới ba ký nên anh thấy đó, dù dùng làm củi đi nữa, nó vẫn rẻ chán và lẽ ra tôi đã có thể xé toang các trang ra và đốt thành ngọn.

Nhưng chịu, tôi không thể làm thế được. Sách dày đến hàng ngàn trang, và cứ đốt mỗi lúc một tờ để nhìn ngọn lửa bốc lên lung

linh âm áp, nhưng chỉ nghĩ tới việc các con chữ bị lửa xóa rụi và cái ngôn ngữ chính xác đó biến mất khỏi tủ sách của tôi, tôi không thể nào làm thế được, và tôi vẫn giữ lại cuốn sách. Khi tôi chán đọc những nhà văn vĩ đại, tôi thường quay sang cuốn sách này và đọc cái ngôn ngữ mà tôi không tài nào hiểu hết, während der Kindheit ist sie von birnformiger Gestalt und liegt vorzugsweise in der Bauchholhle. Nghĩ tới việc thiêu huỷ một ngàn trang thứ ngôn ngữ như vậy thì quá là phạm thượng. Và dĩ nhiên, đó là chưa kể những tranh ảnh tuyệt diệu trong đó.

Tôi lại quay sang tìm trong ngăn để các loại tiểu thuyết rẻ tiền.

Và anh biết đấy, thế giới đầy ứ những thứ như vậy. Trong mười thì hết chín cuốn đã là tiểu thuyết rẻ tiền, vô giá trị, rẻ rúng vô ích. Tôi nghĩ, chà chà, trong tủ sách của mình có khối những loại sách này, tha hồ mà đốt lên cho ấm và viết truyện thả giàn. Thế là tôi chọn ra ngay sáu cuốn, và coi bộ cũng cân nặng bằng cuốn giải phẫu học tiếng Đức kia. Cuốn thứ nhất là Tom Brow ở Oxford: hậu quả của những ngày đi học ở Rugby, một bộ gồm hai cuốn. Cuốn thứ nhất dày 378 trang, cuốn thứ hai 430, tất cả những trang này khi đốt lên hẳn sẽ có được một ngọn lửa cháy ngon lành. Nhưng khổ thay là tôi chưa đọc chúng và cảm thấy mình không có quyền đốt một cuốn sách khi chưa thưởng thức trọn vẹn. Nhìn qua thì như thể một loại tản văn rẻ tiền, một cuốn đáng để đốt, nhưng tôi không làm được. Tôi thử đọc, gác chuông rung chuyển, theo từng hồi rền vang, khi vui, khi khinh miệt, khi rền rĩ, từ những cửa sổ gác chuông tan loãng vào lòng cơn gió tây nam dịu dàng, vẫn vơ quanh cái tháp xám cũ của nhà thờ Englebourn. Rõ ràng đây không phải là loại tản văn phi thường gì, nhưng cũng không đến nỗi tệ lắm. Thế là tôi mời ngay hồi cư lại kệ sách.

Cuốn sau là Inez: Sự tích đồn Alamo, và chuyện được tặng cho những nhà ái quốc Texas. Cuốn này cũng cùng tác giả với một cuốn khác, có tên Beulah, cùng một cuốn khác nữa là St. Elmo. Điều độc nhất tôi biết về tác giả hoặc tác phẩm của bà là nhờ một hôm, một nữ sinh bị khiển trách nghiêm trọng vì đã đem vào lớp cuốn St. Elmo. Người ta bảo đó là một loại sách sẽ làm đồi bại phẩm hạnh một cô gái. Vâng, tôi cũng mở ra đọc chút chơi, Tôi đang hấp hối,

và, cảm thấy như mình chỉ còn vài giờ, tôi sẽ không ngần ngại mà nói một cách tự do và ngay thật. Có thể có người nghĩ rằng tôi đã đánh lệch mất cái dịu dàng của nữ tính, nhưng, trong cảnh ngộ này, tôi thấy mình không phải vậy. Em vẫn còn yêu anh lâu rồi, và biết rằng tình mình đã được hồi đáp, thật là một nguồn hạnh phúc vô bờ và làm sao em nói lên cho hết được... Đây là cái thứ văn dở tệ, tệ đến nỗi biến thành hay, và tôi quyết định hễ có dịp là đọc trọn cuốn sách liền. Một nhà văn trẻ có nhiều cái để học hỏi nơi những nhà văn xoàng xĩnh nhất. Đốt sách dở cũng thật là có hại, đôi khi còn có hại hơn cả đốt sách hay nữa.

Cuốn tiếp theo là Mười Đêm Trong Một Quán Rượu, và Tôi Thấy gì ở Đảng Kia, của T.S. Arthur. Ôi dà dà, ngay cả cuốn này cũng quá hay để mà đốt đi. Ba cuốn khác là của Hall Caine, Brander Matthews, và Upton Sinclair. Tôi chỉ mới đọc có cuốn của ông Sinclair, và khi tôi không thích coi nó như một văn phẩm tí nào, tôi cũng không đốt được vì sách in quá đẹp và đóng kỹ càng. Trên phương diện hoạt bản, nó là một trong những cuốn cừ nhất của tôi.

Dù sao, tôi cũng không hề đốt bỏ một trang sách nào, và tôi vẫn tiếp tục lạnh cóng và viết. Thỉnh thoảng đánh một que diêm chỉ để nhắc nhở mình về một ngọn lửa, nó như thế nào, và để theo sát với ý tưởng về sự ấm cúng. Khi tôi muốn châm một điếu thuốc khác và thay vì thổi tắt ngọn lửa ngay, tôi lại để nó cháy lan đến tận ngón tay.

Chỉ giản dị vậy đấy: rằng nếu anh có chút ý tưởng kính trọng sách vở, nó tiêu biểu cho những gì cao cả trong đời sống, nếu như anh tin nơi giấy trắng mực in, anh không tài nào đốt được dù một trang của bất cứ cuốn sách nào. Dù anh có lạnh đến chết cóng, dù anh đang viết những gì quan trọng, anh cũng không thể làm thế được. Thế là đòi hỏi quá nhiều...

Hôm nay, trong phòng tôi trời cũng lạnh như cái hôm tôi muốn đốt lửa bằng sách. Tôi đang ngồi trong giá rét, hút thuốc và cố diễn tả cái lạnh này lên giấy, để khi trời San Francisco ấm lại, tôi sẽ không quên những ngày giá lạnh buốt xương buốt tuỷ nó như thế nào.

Tôi có cái máy hát nhỏ trong phòng, và tôi mở máy khi muốn vận động để giữ ấm. Ái chà, khi trời trở lạnh quá độ, máy hát cũng nằm ì

ra. Có cái gì hóc hĩnh bên trong, dầu mỡ đông cứng lại và bánh xe mắc kẹt, tôi đành không có nhạc khi cúi xuống và vung tay. Cử động mà không có nhạc thì buồn chết được, với nhạc Jazz thì thích nhất, nhưng một khi cái lạnh len đến tận máy móc để phá hoại thì thật là khó nghĩ quá. Suốt từ tám giờ sáng đến giờ này là năm giờ kém mười lăm, tôi phải chôn thân trong cái phòng lạnh giá, thật muốn điên lên mất. Tôi ghét phải để một ngày trôi qua mà không làm được gì, không nói năng chuyện trò, lại phải ngồi suốt ngày với những cuốn sách chưa từng đọc, cố bắt đầu vẫn chưa tới đâu cả. Tôi đi lại trong phòng cho hết thời gian (hai bước và bất cứ phương hướng nào cũng chạm phải bức tường) vung vẩy tay. Tôi thực sự chỉ có làm vậy. Cố mở máy hát năm bảy lần để xem nhiệt độ có lên chút đỉnh không, nhưng nhiệt độ chẳng động tĩnh và máy hát thì vẫn trơ lì ra đó.

Tôi nghĩ, cần phải cho anh biết điều này. Cũng chẳng có gì hệ trọng lắm đâu, nói nhiều một chút về trời lạnh kể có hơi dớ dẩn, nhưng hôm nay quả nhiên cái lạnh là một sự kiện, và hiện giờ nó là mất việc quan trọng và tôi đang nói về nó. Điều làm tôi kinh ngạc và thú vị trước tiên chính là cái máy chữ, nó không hề bị thời tiết quấy rầy. Nhớ cái hồi Giáng Sinh đến với trời trở lạnh, máy luôn luôn kẹt tắc, và khi càng cho dầu vào máy càng hư bạo, tôi chẳng biết làm sao nữa. Lý do là vì tôi cho nhầm dầu. Nhưng suốt thời gian khi tôi viết về cái lạnh thì máy chữ lại làm việc đắc lực, hỏi anh chứ tôi không ngạc nhiên và thích thú sao được. Nghĩ rằng bất chấp trời lạnh, chiếc máy vẫn đánh được cái ngữ nghĩa của tôi thì quả là tuyệt thú. Nó khuyến khích tôi bám trụ, dù có gì xảy ra. Tôi tự nhủ, nếu máy còn tốt thì ta phải gò lưng làm việc cho xứng với nó. Rồi cũng, là như thế đó, nếu anh không viết được một truyện ngắn kha khá về cái lạnh, thì hãy viết một cái gì khác. Viết bất cứ gì. Viết một lá thư dài cho ai đó, nói cho họ biết anh đang bị lạnh đến cỡ nào. Lúc người ta nhận được thư, mặt trời sẽ hiện ra và anh lại được ấm áp, nhưng lá thư vẫn còn đó, nó nhắc nhở về một cái lạnh ghê người. Nếu trời lạnh đến nỗi khiến anh không viết được chút tản văn tầm thường, tại sao, về cái gì, nói những gì xảy đến, chỉ vì đó là sự thật. Nói về những ngón chân đang tê cứng khốn khổ, về cái lúc mình

thực sự muốn đốt sách để giữ hơi ấm nhưng không sao làm được, về máy hát chẳng hạn. Nói về những gì nhỏ nhặt trong một ngày lạnh, khi tâm trí mình tê dại và tay chân thì cứng đờ. Đề cập đến những gì mình muốn viết mà không viết được. đây là những cái mà tôi đang nhủ thầm.

Sau khi uống cà phê sáng nay, tôi đến đây để viết một truyện ngắn quan trọng. Cà phê giúp tôi ấm và tôi không nhận thức được sự thật trời lạnh đến thế nào. Tôi lấy giấy ra và bắt đầu sắp xếp ý tưởng, cấu trúc cho cái truyện quan trọng này – mà mãi mãi sẽ không bao giờ được viết ra, vì lạnh giá ngấm vào xương da não tuỷ, làm đông đặc và tê dại mọi thứ, và thế là hết, vì với tôi một khi đã mất một cái gì là sẽ mất nó vĩnh viễn, và tôi chỉ còn biết nhảy ra khỏi ghế để nhún nhảy cho ấm người. À, tôi có thể nói và cho anh một vài ý kiến về cái truyện đã vượt khỏi tôi nó như thế nào. Tôi chỉ biết có thế, nhưng tôi không viết và truyện thì đã mất đi. Chính nó sẽ gọi cho anh một vài nhận xét nào đó về văn cách của tôi.

Cũng xin bộc bạch với anh một đôi điều mà chính tôi đã tự nói với mình trong sáng nay khi sắp đặt cái truyện trong đầu.

Nghĩ về Hoa Kỳ, tôi tự nhủ thế. Tất cả các đô thị, các nhà cửa, tất cả những người người ngợm ngợm, sự đến lẫn sự đi, trẻ con sinh ra chưa kịp nhìn ngó gì cả đã phải nhắm mắt lìa đời, những chuyển động phi lý của đời sống cơ khí rộn rịp, sự hùng biện lẫn niềm đau khổ trên đất Mỹ, sự sợ hãi và nỗi khao khát thầm kín của muôn ngàn sinh linh trên chốn phồn hoa. Nhớ những máy móc vĩ đại, những bánh quay, những cột khói, nhớ những cảnh tượng hỗn độn của bao con người suốt ngày quần thảo trong những hầm mỏ. Nhớ đến báo chí và những rạp hát cùng tất cả những thứ nhốn nháo trong xứ cờ hoa này. Và đặt cái mục đích tối thượng lên hàng đầu: gọi ra cái kỳ vĩ của cuộc sống, dấu trong một cơ cảnh nào chẳng nữa.

Đoạn quay về với những riêng biệt. đến với một con người đơn độc nào đó và ở lại với hắn ta, trong hắn, một cách thương mến, tìm hiểu cái nhiệm màu và phát lộ ra cái chân lý rục rờ của đời sống hắn bằng một thứ tản văn vĩ đại, viết một cách dung dị lột tả rằng hắn là của thời gian, của máy móc nhiều khe, của khói của lửa, của vòng

vây báo chí và tiếng ồn động inh ỏi. Đi với hắn vào những bí ẩn riêng tư, với một văn thể dịu dàng, mức cạn cho hết những ẩn mật của kiếp người. Đừng lừa mị. Đừng bày chuyện chỉ vì muốn được vui lòng bất cứ trời ai. Không cần có cảnh một người bị giết ghê rợn trong truyện của anh. Chỉ kể lại những gì là biến cố lớn lao trong lịch sử, tất cả mọi thời, cái chân lý tầm thường và phi nghệ thuật của hiện hữu. chẳng có đề tài nào ghê gớm hơn, không ai cần phải hung bạo để giúp anh làm nghệ thuật của anh. Đã có thừa hung bạo. Dĩ nhiên chỉ đề cập đến chiến tranh, đến tất cả những cái xấu xa lẫn sự tàn tạ. Làm việc với một lòng thương yêu vô cầu, miễn sao có thể nhấn mạnh cho được cái chân lý rục rờ của cuộc sống. Đó là điểm chính của đề tài, không nhất thiết phải tạo ra một cực điểm để đắc thắng. Nhân vật mà anh viết đến không cần phải là một vị anh hùng hay dị thường nào cả để khả dĩ làm cho văn chương của mình to tát hay lẫm liệt hơn lên. Hãy để cho hắn làm những việc thường nhật, từ sáng đến tối, nối dài cuộc sống từng ngày. Hãy để hắn đi đứng, nói năng, nghĩ ngợi, ngủ ngáy và mơ mộng cũng như thức tỉnh và lặp đi lặp lại những động tác cũ mòn, và sống. Thế cũng đủ để viết cho cả một đời văn. Ít khi thấy một truyện ngắn rập khuôn ở trong đời, cũng như những biến cố trong đời cũng ít khi ăn khớp với truyện ngắn hay hình thức khác là của những bài thơ, hoặc những cách thái khác của nghệ thuật. Ý của anh là cái hình thức độc nhất anh cần. Sự hiểu biết của anh cũng vậy. Nói về nhân vật này và thừa nhận sự hiện hữu của hắn, tức là nói về nhân vật muôn thuở: con người.

Chà, đây chỉ là một ý tưởng xoàng về thể truyện ngắn phải như thế nào. Tôi được sưởi ấm chút ít nhờ cà phê khi đang tự nhủ phải viết gì và bằng cách nào, nhưng giờ thì tôi đang bị tê cóng, và đây là đề tài gần nhất về những gì đang nhảy múa trong tâm trí. Nó hẳn đã là một cái gì hay ho, nhưng câu chuyện giờ chỉ còn trong tôi như một ký ức mơ hồ. Tôi chỉ có thể ghi lại ký ức này. Ngày mai viết một truyện ngắn khác. Tôi sẽ ngoái nhìn lại với một quan điểm khác. Tôi nào biết chắc gì được, nhưng có thể tôi sẽ cảm thấy tự phụ và nổi cơn chế giễu cái xứ sở cùng con người và đời sống ở đây. Có thể lắm chứ. Trước đây tôi đã từng nổi sùng với các đảng chính trị cùng

với sự những lăm của họ. Tôi ngồi xuống và bày trò chế giễu cái xứ sở kênh cang này. Tôi đâm ra đê tiện, tôi biến con người thành một thứ vừa thối vừa nát, vô giá trị và bẩn thỉu. Con người, không hoàn toàn là như vậy, nhưng tôi dìm nó xuống thế đấy. Nó là một cái gì khác, một cái gì hiển nhiên hơn, N để mà giễu cợt thì con người được coi là ngon cơm hơn cả. Công việc của tôi là thấu đáo sự thật. Chẳng ai nói đến sự thật, tại sao tôi phải nói nhỉ? Ai cũng ba hoa xạo ke loè loẹt, viết những truyện và tiểu thuyết ly kỳ hấp dẫn, tại sao tôi phải bận tâm đến sự thật cơ chứ? Chẳng có sự thật. Chỉ có văn phạm chấm câu và tất cả những gì nhằm nhí khác. Nhưng tôi biết mình hơn, tôi có thể nổi cơn khùng và chế nhạo mọi chuyện. Chế nhạo hết cỡ, dẫn đến sự thể khá buồn rầu và cảm động.

Suốt ngày tôi ở trong cái phòng giá lạnh này, muốn nói một cái gì xác thực và sạch sẽ về tất cả những gì chúng ta đang sống. Nhưng trời lạnh quá, không sao nói được. Tôi chỉ biết vung tay, hút thuốc lá và cảm thấy ươn mình ra.

Sáng hôm nay khi tôi ấm lên nhờ cà phê, tôi nghĩ đến cái truyện vĩ đại này, sẵn sàng để cho in, nhưng nó vượt thoát như con thuồng luồng mất rồi.

Giờ đây tôi chỉ có thể kể nhiều nhất là ở San Francisco trời thì lạnh cắt da, và tôi đang bị tê cóng.

Chương 19

Hòa bình thật tuyệt

Một dì phước của cha Devine đã săn sóc hai đứa con tôi, một trai một gái, khi chúng còn bé, tôi vô cùng đội ơn dì và cũng rất kính trọng những công tác trong giáo phái tín ngưỡng của cha Devine. Đó là cô Love Ray, cô xem cha Devine như là Chúa và đầy lòng tín mộ. rồi chẳng thể nào mà một cuốn sách của tôi lọt vào tay cô, cô đọc truyện này, và nhận xét với tội nhỏ rằng tôi là người không tốt lắm. Thực lòng thì tôi cũng không bao giờ ngờ vực gì cha Devine, tôi rất kính ngưỡng những công việc từ tâm của cha, nó rất xứng đáng được như vậy, bởi vì, tất cả các hình thức tín ngưỡng phát triển được là nhờ có người cần đến chúng. Vậy thì khi nhu cầu của con người ta được thoả mãn, ai nỡ lòng nào chỉ trích nhau

Ông toà nói rằng ông rất tiếc, nhưng người thanh niên này can tội đi tù lâu.

Hai người đàn bà trung niên da trắng, ở khu lao động, nên họ biết rất rõ vùng này, đứng dậy từ hàng ghế thứ nhất và nói, Cám ơn Cha, Hoà bình thật tuyệt!

Ông toà chẳng rõ mô tê gì, ngھnh đầu ra, kêu gọi giữ trật tự, và nói, Mặc xác cái vụ Cha ấy đi, các bà đáng vai má tôi, mà...Bây giờ tôi tuyên án đây...

Bản án là năm năm ở nhà trừng giới Liên Bang.

Người thanh niên nói với các phóng viên rằng anh ta rất sung sướng và mong muốn được sống hoà thuận với thế giới. Anh cho biết anh vừa nhận được điện tín từ những người có thể lực ở New York. Anh tâm sự là anh đã mệt mỏi và chỉ mong được yên ổn mà tu kín trong năm năm tới đây. Anh cũng cho các phóng viên biết rằng trước nay anh vẫn ôm ấp và thai nghén viết một cuốn sách, thì, giờ đây anh đã có cơ hội để thực hiện việc đó.

Anh nói, Cám ơn Cha, Hoà bình thật tuyệt .

Một người nào đó, giữa đám đông nói, Thật là không phải chút nào, một thanh niên ngoan đạo và lương thiện, trong người chỉ có tình thương thôi, không đáng bị trừng phạt như thế.

Gã đánh cá chuyên nghiệp Manuel nói, Cái quái gì vậy, đi đến đâu cũng nghe thiên hạ nói Hoà bình, Hoà bình các thứ, đầy nghẹt cả lỗ tai.

Manuel kéo tôi ra góc phố, và đến tiệm Pete làm hai chai bia cùng hai bánh sừng ếch sườn. Đoạn chúng tôi qua đường đi đến chi nhánh Bờ Biển Nam của Giáo Hội. Bên trong cửa sổ có tấm hình của một người, và dưới hình có in dòng chữ Ý nói rằng đó là Thượng Đế.

Lúc đó là mười một giờ đêm. Hai cô gái Mỹ của trường dành cho những người học kém, ra khỏi chỗ và đứng dưới hàng hiên. Sau họ là mẹ đàn bà da đen to con vui tính, bộ dạng có lẽ đã từng là gái chơi bởi ở một nhà thổ nào đó trong vùng. Có một nải chuối trong phòng, phía sau là tủ kệ đồ hộp, phần nhiều là đậu.

Manuel nói, OK, thử coi. Thử cười xem sao. Thử làm ra vẻ dân chơi coi.

Mấy cô này hả? Tôi hỏi.

Dĩ nhiên, Manuel đáp.

Chào bà, tôi nói với mẹ nạ dòng da đen. Chuối bán bao nhiêu vậy?

Bà ta nói, Cám ơn Cha.

Hai cô gái nói, Hoà bình, thật tuyệt.

Manuel nói, Trời đất quỷ thần ơi!

Chuối, ba mươi xu một chục, mẹ da đen nói. Ôi Hoà bình.

Tôi nói, Lấy cho chục rưỡi.

Cám ơn.

Chúng tôi vào trong sảnh đường. Hai cô gái cũng rục rịch men theo. Manuel nói, Amen, và liếc mắt nhìn theo hai cô gái ra chiều ngoan đạo. Họ mỉm cười thành kính và rung động.

Tôi phụ giúp mẹ da đen đếm chục rưỡi chuối. Khi quay lại thì Manuel biến đâu mất. Một hồi sau tôi thấy hắn đứng ở góc đường, mỗi tay khoác một em.

Hắn quay lại hét, Mau lên Joe. Hoà bình, thật tuyệt.

Tôi quay trở lại quán Pete và cho tên bán báo người Tàu mấy quả chuối.

Khoảng gần hai giờ sáng thì Manuel mới trở về.

Tôi nói, Hoà bình, thật tuyệt!

Hắn nói, Khổ quá, cha nội. Cái quái quỷ gì vậy chứ?

Chương 20

Thế giới

Tôi biết gì về thế giới? Ta càng lưu cư ở đó bao lâu, thì mỗi lúc một trở nên nháo nhào hỗn độn, và bởi thế ta cũng cảm biết về nó ít hơn. Thế giới có là một nơi chốn vĩ đại không? Thừa vâng, rất vĩ đại. Quả là như vậy. Nó có thối tha lắm không? Ồi chà chà, thối lắm, cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng, và mỗi năm một tệ hại hơn. Thế giới có phải là một nơi đáng viếng thăm không? Ồ, đáng quá đi chứ. Nhưng, như lời tục thường nói, không có kẻ nào sáng suốt là lại muốn bầu vúi, muốn sống dai dẳng ở đó. Nhưng ta biết làm gì đây? Đó là thú chơi độc nhất ở tình lẻ. Biết đi đâu nữa bây giờ?

Nếu bạn đã từng bị nghèo kiệt ở Frisco, và thất nghiệp dài dài, thì bạn hẳn sẽ biết mình cảm giác ra sao khi mỗi buổi sáng thức dậy thấy nghễu nghện trước mắt một thành phố vĩ đại chìm đọng trong sương mù, và cảm thấy thế nào khi mình là một người phải đối chọi lại với thế giới, một tên thiếu ăn, áo quần lôi thôi lếch thếch, một kẻ ở chui nằm rúc, trăm điều khốn đốn trước những con đường nhựa bóng loáng, những vỉa hè tráng xi măng, cột đèn, cao ốc, cửa hiệu, cơ xưởng, máy móc, kế hoạch, nào luật nào lệ, và trăm thứ nhiều khê khác.

Nó là thế đấy và tôi cho là như vậy.

Nếu bạn đã từng nghèo xơ nghèo xác, đã từng cô đơn trơ trụi giữa thành phố này, thất nghiệp và hầu như cạn kiệt tiền nong, bạn hẳn đã biết cảm nhận thế nào, thế rồi hoặc bạn đã là một người khá hơn những người khá khác, hoặc sự nghèo khó của bạn đã trở nên phí phạm, như những lời nói ái quốc, cái cơ hàn của bạn chỉ là vô dụng, mất thời giờ, gần như uổng công mọi cái để có chút giá trị.

Sao vậy chứ?

Tôi xin thưa. Bởi vì chỉ với kẻ túng bần, chỉ với kẻ lâm vào cái hung hiểm nhân gian, thế giới mới là thế giới, thế giới mới hiển lộ đầy đủ cái chân diện mục của nó. Tôi muốn nói thực, bạn ạ. Tôi không có ý muốn nói về tấm hình con đường ta đi, chỗ ở ta bước vào, căn phòng ta trú ngụ. Ý tôi muốn nhấn mạnh thế giới chính là bạn, sự can trường của bạn, trái tim cùng xương da cốt nhục của bạn, những bước chân của bạn lê dài trên hè phố. Thế giới là bạn, bạn ạ. Đối với những kẻ chưa hề biết cơ nhỡ là gì, chưa chạm mặt với nguy khốn, tôi không muốn tượng ra thế giới của họ là như thế nào, nhưng chắc chắn nó không là nơi chốn mà kẻ túng nghèo chạm tới, độ mặt cùng. Thế giới quả là một nơi chốn. Nó thực là nó, thế giới, nơi chốn. Và nếu bạn lâm vào cảnh đường cùng, thì điều đó càng bày lộ một cách sâu sắc hơn. Đảm nhận vai trò một nhân vật, chỉ nghĩ đến cũng làm bạn thất đảm, cô ững khiến cho phát điên lên được. Hoặc ngược lại, một tên cuồng trí, một thi sĩ, một cư dân trên thế giới, một kẻ bất tử, một đứa trẻ con nhà bần nông cổ lê bước trên hè phố, lắt phất tìm một việc làm để sống còn với nhân thế, một chân bé mọn trong gánh xiếc, chui xó này rúc chỗ kia, để sáng ra đi uống một tách cà phê và biết được rằng sẽ vẫn được như thế trong những sớm mai còn lại của cuộc đời mở dần ra phía trước, biết rằng tách cà phê này không phải là tách cuối cùng, giây phút khinh khoái sẽ kéo dài hầu như bất tận, thế giới sẽ tồn tại, và đại những ý tưởng dầm dớ như thế.

Nếu bạn đã từng túng quẫn và cô đơn ở bất cứ thành phố nào trên thế giới, thì ắt hẳn bạn biết ngay cái vinh quang của nơi đó, cái thực tại đáng sợ, nhất là cái thực tại của những khuôn mặt người, những khuôn mặt đói meo, những chân dung phì nộn béo bở hay mê mệt hoặc tươi tỉnh cũng như tàn tạ và sống động. Bạn bắt gặp thế giới trên những khuôn mặt. Cái thế giới nhiều nhưng phức tạp và vô tận, cái nơi chốn đầy điên dại với đầm đìa tử vong.

Ở thành phố Cựu Kim Sơn này, sương mù đôi khi khiến nó khá lên hoặc tệ hại hơn. Ban đêm lẫn khuất khỏi những phố xá, trú thân trong phòng riêng với đồ đạc tẻ nhuyển của bạn như bốc lên cái mùi là lạ của chết chóc và tàn úa, tiếng còi tàu rền rĩ thay trái tim bạn. Và bạn ngủ, phóng giấc mơ ra ngoài thế giới, sáng ra bạn trườn mình

khỏi cơn mê, khỏi những mộng mị thế gian bởi tiếng kèn đồng ngoài ô cửa, và bạn biết thế giới đang đợi bạn ngoài kia, ngoài sảnh đường, trên những bậc thang, vỉa hè, và bạn hoát nhiên lãnh hội được nhiều việc. Vươn vai, rũ bỏ cơn mộng, mặc quần áo, và bạn biết toàn thể sự thật rằng nó dở ẹc, rằng nó hay ho, rằng nó nhập nhằng các thứ cùng một lúc. Nếu bạn đã từng nghèo túng tận mạng và cô quạnh trong một thành phố, bạn hẳn biết rõ ngọn ngành của nó. Một lúc nào đó, cảm nhận ra cái hiện sinh của mình, bạn sẽ thức tỉnh một cách đáng sợ, hít thở lạnh lẽo, áo quần cũ nát và bẩn thỉu, giày dép mòn vẹt, các thứ tả tơi. Ấy là lúc bạn nghe được các mùi vị, ngửi được các âm thanh, sờ chạm được cảm giác..và bạn chạy trên đường ray của ngày, giờ, phút, năm. Tôi nói là bạn sống đó, bạn ời. Sống một cách khủng khiếp và cật lực. Sống trong hung hiểm.

và nếu bạn chưa lãnh hội hết những điều này, thì sự nghèo khổ của bạn đã bị xúc phạm quá cùng, và thế giới vẫn khép kín im ỉm, chưa từng được khám phá. Và nếu bạn chưa từng đối mặt với nguy nan, cơ nhỡ bần hàn và cô đơn chót vót, thì bạn ời, đó là bạn chưa ra đời, chưa hít thở với nhân gian đói khổ, và dĩ nhiên, khi bạn chết thì đó chẳng phải là cái chết, đó chẳng qua là đất về với đất, bụi về với bụi, đại thể thế thôi. Không phải vậy sao, khi một cái gì chưa thực sự nảy mầm sống thì làm gì có cơ duyên được cái chết, cái chết của bạn chả là gì cả, ngoài sự hư hoại và tàn rữa vô nghĩa.

Chương 21

TRỞ VỀ VỚI NHỮNG CÂY LỰU

Tờ Atlantic Monthly đã nhận và cho đăng một truyện ngắn của tôi, tựa là Những Cây Lựu, truyện mà trước đó đã bị loại bởi 17 tờ báo khác, trong loạt viết về gia đình Garoghlanian ở Fresno, lấy tên chung: Tên Tôi là Aram, sau đó được nhà Harcourt, Brace in thành sách vào năm 1938, và lập tức được chọn là sách hay trong tháng, nhờ vậy mà tôi cũng kiếm thêm được kha khá. Nơi lần đầu tiên nhìn thấy những cây lựu mọc tràn trên mặt đất có một ý nghĩa rất lớn đối với tôi, nên vào một năm nọ, tôi đưa thằng Aram con tôi đến đó, lúc ấy nó còn bé xíu, và viết về thời kỳ ấy. Tôi không bao giờ quên được những cây lựu có hoa đỏ lập lòe, nên lúc nào có dịp về Fresno tôi đều phải ghé lại nơi đó, bởi tôi thực sự nhớ tiếc một loại cây xinh đẹp không còn mọc ở nơi cố quận ấy nữa.

Có những cuộc du hành mà chúng ta đi rồi lại đi nữa, giống như những sách chúng ta đọc, hoặc như âm nhạc chúng ta nghe, những khuôn mặt chúng ta gặp, những người chúng ta có dịp trao đổi, và mỗi lần như thế đều có một cái gì khác lạ và thay đổi, hoặc gần gần như vậy.

Có những nơi tôi nghe nói tới khi còn nhỏ nhưng chưa bao giờ được thấy, chẳng hạn như thành phố Goshen, gần Fresno. Từ đó tôi nuôi ý định đi Goshen, nhưng đến nay vẫn không sao thực hiện được, cho dù tôi đã đi đến hầu hết các thành phố lân cận của Fresno. Có thể Goshen không hề là một thành phố, hoặc nếu là thành phố chẳng nữa, thì cũng là một thành phố không ra thành phố, mờ nhạt và tầm tầm buồn nản, này một ngã tư, một cửa hàng với con chó săn nằm lim dim dưới mái hiên và một chú gà trống đom đống đầy hãnh tiến, ích kỷ kè kè hai em gà mái bên cạnh, đại loại như thế.

Oleander cũng là một nơi giống như Goshen, nhưng dù đã từng đến đó tôi cũng chẳng còn hình dung lại nó như thế nào.

Fresno là trung tâm một thung lũng lớn, tên San Joaquin lại đọc là "Wahkeen", còn anh Leo thì hát cho bọn học trò ở trường trung học Long Fellow nghe bài ca như sau:

San Joaquin, ngời thung lũng xanh,
Em đẹp nhất trần đời, không đâu sánh.
Hoa cam nở, hương lừng khắp chốn,
Mặt trời lên, toả ánh dương tràn...

Đi từ Fresno đến trung tâm và miền duyên hải Bắc California, ta có nhiều hướng để tới, mỗi lối có một phong thổ khác nhau rất nhiều, có nơi ngoằn ngoèo khúc khuỷu như khi qua Coast Rangers, có nơi đường bằn thỉu giữa những ngọn đồi, trên thì điều hâu bay liệng, dưới thì bầy cừu và một mục tử cùng con chó chạy lăng xăng, cũng có nơi gây cho ta cảm giác như đang lạc vào một xứ sở xa lạ nào. Nhưng một khi đã đến đó rồi, thì ý nghĩ duy nhất trong đầu bạn sẽ là "Nếu ở đây có được nhiều người khá giả đến và biến nó thành những vườn rau, vườn nho, thành một thành phố thì hay biết mấy nhỉ?"

Chà, thế mà họ không làm gì mới ác chứ, nhưng dù sao đi nữa thì đó cũng không là một chuyện dễ dàng chi mấy, vì dù cần thiết chẳng nữa, người ta vẫn thích ở New York hơn chứ.

Những con đường, những xa lộ chạy quanh Fresno thì luôn luôn thú vị, nhưng con đường và đất đai mà tôi nhớ mãi, là chốn này:

Câu chuyện về 640 mẫu đất khô cằn mà người chồng dì Út tôi, chú Dikran, mua và muốn biến thành một khu vườn.

Dikran chọn khoảng hai mươi mẫu để trồng lựu. Tôi cũng làm việc trên khu đất này với một người tê nê là Nazaret Torossian. Kế hoạch bị hỏng, những cây lựu bị bỏ rơi, chú Dikran xoay qua những chương trình khác.

Năm tháng trôi qua, chúng tôi không có dịp để trở về thăm những cây lựu tuyệt diệu mang đầy quả nững nịu ấy nữa. Nhưng một năm nọ, tôi có dịp cùng thằng Aram, con trai của tôi, lúc đó nó mới lên

năm, lái xe về thăm chốn cũ một cách ngẫu nhiên. Chẳng là, khi chạy đến đại lộ Ventura, nơi sắp đến vườn nho của ông chú Levon, chỉ cần rẽ phải là đến ngay nhưng tôi lại quẹo trái, và như có một sức hút vô hình, chúng tôi hướng về phía xa xưa ấy.

Aram hỏi, Minh đi đâu đây bố?

Tôi giải thích, Đâu khoảng hai mươi lăm năm trước, bố có trồng vài cây lựu dưới vùng gần đây.

Đến đúng vào chỗ cũ, tôi dừng xe lại, rồi hai bố con xuống xe và bắt đầu đi bộ qua khu đất khô cằn, như tôi đã từng qua đó một phần tư thế kỷ trước đây.

Cây ở đâu, bố?

Thì tại bố trồng chúng ở nơi đây, nhưng giờ chúng không còn nữa.

Thế chúng ở đâu?

Không ở đâu cả. Chúng chết hết cả rồi.

Tất cả khu đất đều bị những con thú hoang như cóc sừng và thỏ rừng chiếm cứ, và hình như cũng chẳng có gì hại cho lắm. Tôi tin là mình còn có thể tìm thấy một vài cây cổ sống lay lắt, nhưng cũng không sao có được.

Hai bố con trở lại xe và lái đi.

Thằng con tôi hỏi, Loại gì vậy, bố?

Những con thú nhỏ ấy hả?

Không, những gì mà bố đã trồng cơ.

À, lựu.

Con muốn trông thấy một cây.

Tôi đưa thằng con đến nhà chú tôi ở Sanger, chỉ cho nó một cây lựu già của vườn kế bên, nặng trĩu những quả. Tuy chưa chín hẳn, nhưng tôi cũng hái cho nó một quả.

Khi chúng tôi trở lại khách sạn ở Fresno, và khi về phòng riêng, tôi thấy thằng con lấy trái lựu trong túi ra. Nó ngấm quả lựu một lát rồi nhẹ nhàng để lên bàn giấy.

Sáng hôm sau chúng tôi quay về San Francisco bằng lối Pacheco Pass.

Khi tới nhà, thằng con tôi cất những đồ đạc các thứ, đoạn đặt riêng quả lựu lên bàn học.

Quả lựu nằm ở đó một thời gian khá lâu. Khoảng hơn một tháng sau trông nó thắm lắm, mẹ thằng nhỏ hỏi nó xem có nên vất đi không.

Thằng nhỏ nói, Không, con thích nó.

Vài ngày sau, cả gia đình lái xe đi Fresno, và thằng nhỏ nói, Mình lái ra chỗ đó nữa đi, bố.

Chỗ nào?

Nơi mà bố trồng cây lựu đó.

Vậy là một lần nữa, hai lần trong vòng bốn mươi ngày, tôi đi lại một chỗ mà suốt hai mươi lăm năm chưa hề lai vãng.

Khi hai bố con đi bộ vào khu đất khoảng một trăm thước, tôi dừng lại để châm điếu thuốc, và tôi thấy thằng con tôi lấy quả lựu trong túi ra. Nó nhìn quả lựu lần chót, rồi nhìn quanh toàn thể một vòng, đoạn rất cẩn thận chôn đặt quả lựu xuống đất.

Tôi đợi xem nó sẽ nói gì, nhưng vì nó vẫn im bật nên tôi cũng không tiện cất tiếng, một lát sau chúng tôi trở lại xe và lái về Fresno.

Thằng nhỏ không bao giờ nói về quả lựu nữa.

Tôi cũng không cố tìm hiểu, vì người ta vẫn luôn luôn hành xử theo một lời kêu gọi thiêng liêng nào đó, và không nhất thiết phải tìm hiểu hay tra hỏi tại sao.

Chương 22

TUYÊN CHIẾN

Cái ý chính ở đây là thử thăm dò trong một truyện cười ra nước mắt, sự tương hệ giữa tuyên truyền và những biến cố thực. Ngày nay, với vương tiện và môi trường giao thông hiện đại, chúng ta được sinh hoạt mau lẹ, cái gì đến trước, biến cố hay lịch sử của nó? Khi nào tư tưởng và ý định trở thành hành động, những phóng viên nhậm lệ và hăng hái của báo chí, truyền thanh, và truyền hình tại chỗ, trong chỗ, ngoài chỗ, qua chỗ, thì sao? chiến tranh. Nếu ta nói chiến tranh, có chiến tranh và tất cả những phương tiện thông tin hoạt động trở lại. Bác phó cạo trong truyện này là bạn tôi, bác không ưa sự cuồng nhiệt. Còn người ngồi ghế cắt tóc, hay đưa trẻ bán báo là ai, tôi xin nhường lại cho bạn đọc.

Vào ngày mùng ba tháng chín năm 1939, một thằng bé tên John chạy xộc vào tiệm hớt tóc ở đại lộ Moraga, nơi tôi đang cắt tóc.

Nó nói, Tuyên chiến ở Âu châu rồi.

Ông Tagalavia tay buông lược, tay buông kéo.

Ông nói, Thằng ranh kia, ra khỏi tiệm ngay. Tao đã bảo mày rồi cơ mà.

Tôi hỏi thằng bé, Tên cậu là gì?

Nó nói, John.

Tôi hỏi, Cậu bao nhiêu tuổi?

Mười một.

Ông Tagalavia nói, Cút khỏi tiệm ngay.

Tôi có cảm tưởng là ông Tagalavia đang nói với thằng John, nhưng rõ ràng là không phải thế. Ông đang nói với tôi, cũng không tự nói với mình.

John đã đi ra khỏi tiệm rồi.

Bác thợ cạo cởi áo choàng ra, và ném qua một bên.

Tôi hỏi, Ai ạ?

Ông Tagalavia nói, Ông đấy.

Sao vậy?

Tôi đang gắng tạo ra một tiệm hớt tóc đẳng hoàng.

Tôi cũng là người đẳng hoàng đấy chứ?

Bác thợ cạo nói, Ông nói chuyện với thằng nhỏ ngu đó. Tôi không muốn những người như ông vào tiệm tôi.

Tôi nói, Nó đâu có vẻ gì là ngu cho lắm.

Bác thợ cạo nói, Nó là một thằng ranh con, ngu như bò. Tôi không muốn những người ngu vào đây.

Tôi nói, Tôi cũng cho quả là hơi ngu khi đi hỏi tên thằng bé. Tôi xin lỗi vậy. Bác biết cho chứ, vì là một nhà văn nên tôi luôn luôn hỏi han thiên hạ. Tôi xin lỗi, làm ơn cắt tiếp cho tôi đi.

Bác thợ cạo nói, Không, chỉ có thể thôi.

Tôi xuống khỏi ghế và nhìn đầu mình trong gương.

Cắt chưa xong một nửa, hình thù chẳng giống cái gì cả, nhưng thấy kệ, lúc nào mà chẳng tìm ra được một thợ cạo bình thường nhờ cắt cho. Tôi thất lại cả vạt và mặc áo ngoài vào.

Tôi hỏi, Xin lỗi, bao nhiêu tiền vậy?

Bác thợ cạo nói, Không có gì. Tôi không muốn nhận tiền của những người như ông. Dẫu cho cả gia đình tôi có chết đói chẳng nữa, không sao, tôi vẫn không lấy tiền của bọn ngu.

Tôi nói, Tôi rất tiếc, nhưng chắc tôi cũng phải trả chút đỉnh chứ. Ba mươi lăm xu nhé?

Bác thợ cạo nói, Một xu cũng không. Làm ơn ra khỏi cho. Tôi sẵn sàng cắt tóc không công cho ông. Tôi cho thiên hạ, tôi không nhận. Tôi là một con người, chứ không là một thằng ngu.

Lẽ ra tôi phải rời tiệm ngay lúc ấy, nhưng tôi lại cảm thấy một cách chắc chắn rằng thật ra là bác muốn trò chuyện.

Tôi có biệt tài về sức thông cảm trên mức bình thường, đôi khi kỳ quặc nữa là khác. Tôi cảm được những sự việc nào đó mà người

khác, vì một lý do gì đó, chưa nhận ra ngay. (Đôi khi, cảm giác sai cũng gây rắc rối cho mình không ít, nhưng tôi thường phải tự xoay sở để ra khỏi. Một lời dịu dàng, một ý tình nhã nhặn, một thái độ thân thiện. Anh em cả mà, ai rồi cũng chết, lấy chín bỏ làm mười, thương nhau và đừng nổi đoá tàn sát nhau).

Giờ thì tôi có cảm tưởng bác thợ cạo đang lên cơn bực và tức khí, bác muốn xỏ toẹt và cũng muốn nghe, rằng, thật ra bác muốn nhả nhủ ra toàn thế giới. Có đi cả nghìn dặm bác cũng chẳng tìm được ai sẵn sàng nghe thông điệp của bác hoặc tiếp vận lại cho thế giới tường tận.

Tôi hỏi, hút thuốc nhé?

Bác thợ cạo nói, Tôi không muốn gì hết.

Tôi gấp giúp bác khăn lau nhé?

Ông ra khỏi tiệm tôi ngay.

Đây rõ ràng là một người ngang tàng mà tôi từng gặp. Đôi khi tôi cũng bị chê trách bởi một số đàn bà chịu khó theo dõi những diễn biến của văn chương hiện đại như thể là đầy bí hiểm và khó tiên liệu, nhưng có gì đi nữa, tôi cũng là một nhà văn. Người ta trông đợi một nhà văn phải cảm kích với những dòng văn bí hiểm, vân vân và vân vân, nhưng với anh thợ cạo, người ta chỉ đòi hỏi hoặc là cắt tóc hoặc là cạo râu hoặc cả hai, với một ít lời đàm thoại lễ phép, vậy thôi. Những người đàn bà có thì giờ thường hay tin rằng nhà văn bẩm sinh luôn có những đặc chât nho nhỏ gì đó, nhưng có lẽ người độc nhất trên đời này có thể dành cho thợ cạo những ưu thế tương tự là một nhà văn.

Nhà văn ít tự ái lắm. Họ biết họ là một sinh vật gọi là người, một ngày nào đó họ sẽ bị tiêu tán và bị lãng quên. Thế gian này, chúng ta đến, chúng ta đi, và chúng ta bị quên lãng. Biết vậy, nên nhà văn thì tao nhã dịu dàng, trong khi những người khác thì hà khắc và ác hiểm.

Tôi quyết định trả bác thợ cạo trọn vẹn tiền hớt tóc. Sáu mươi lăm thay vì ba mươi lăm xu. Lúc nào muốn cắt tóc chả được. Có nhiều cái quan trọng hơn là cứ chắc chắn rằng mình bị bịp.

Tôi nói, Tôi xin lỗi. Tôi nghĩ rằng nếu không trả tiền thì chẳng điều nghệ chút nào. Quả thật là bác chưa cắt xong cho tôi nhưng không chừng sẽ tiếp tục vào một bữa khác cũng nên. Tôi ở gần đây mà, còn gặp nhau dài dài.

Bác thợ cạo nói, Mời ông ra khỏi tiệm tôi ngay. Tôi không muốn những người như ông đến đây. Đừng bao giờ trở lại nữa, tôi không có thì giờ.

Những người như tôi ư? Bác nói thế, nghĩa là làm sao? Tôi là nhà văn.

Ông Tagalavia nói, Tôi không cần biết ông là gì. Ông lại nói chuyện với thằng nhỏ ngu đó.

Tôi nói, Chỉ vài câu thôi mà. Tôi đâu có dè điều đó làm phật ý bác. Thằng nhỏ có vẻ khích động và tha thiết muốn ai đó chú ý đến nó.

Bác thợ cạo nói, Nó là một thằng ngu, ngu như bò.

Tôi nói, Sao bác lại nói vậy? Nó có vẻ thành thực lắm mà.

Bác thợ cạo nói, Có sao tôi nói vậy ư? Vì là nó ngu. Đã sáu bữa nay, ngày nào nó cũng chạy xổ vào tiệm tôi và gào diếc con ráy: Chiến tranh! Chiến tranh! Chiến tranh! Hừ! Chiến tranh con mả mẹ nó.

Tôi nói, Tôi không hiểu.

Bác thợ cạo nói, Không hiểu! Chiến tranh! Tôi không biết ông là ai, nhưng để tôi nói cho ông nghe cái này.

Tôi nói, Tôi tên là Donald Kennebec, chắc bác cũng có nghe đến tên tôi.

Bác nói, Tôi tên là Nick Tagalavia, chưa từng nghe đến tên ông bao giờ.

Im lặng một lúc, rồi bác nhìn vào mắt tôi, nói:

Chiến tranh?

Tôi nói, Vâng.

Bác thợ cạo nói, Ông là một tên ngu. Nghe tôi nói cái này. Không có chiến tranh chiến triếc gì ráooì là thợ cạo. Tôi chán những thằng

ngu. Toàn là bịp bợm. Họ muốn thử xem thiên hạ có thật ngu không. Thiên hạ vẫn ngu mới ác chứ. Ngày nay con người ngu hơn bao giờ hết. Thằng nhỏ chạy xộc vào đây và nói "Tuyên chiến ở Âu Châu", và ông khoái chí với nó. Ông lại khuyến khích nó, riết rồi nó đâm tin tất cả, như ông vậy.

Bác thợ cạo ngưng nói và nhìn tôi thật gần. Tôi bỏ mũ ra để bác ta thấy bác đã cắt tóc tôi tới đâu rồi, nham nhở ra sao, và còn lại bao nhiêu.

Bác hỏi, Chứ ông viết gì vậy?

Tôi đáp, Bút ký.

Bác thợ cạo nói, Ông là một tên đàn. Tại sao ông lại khuyến khích thằng nhỏ? rồi nó sẽ rắc rối chán vì chiến tranh. Sao ông lại hỏi "Cậu mấy tuổi rồi?" chi vậy?

Tôi nói, Tôi thấy nó có vẻ sáng sủa. Tôi chỉ muốn cho nó biết rằng tôi biết vậy.

Bác thợ cạo nói, Tôi không muốn những người như ông đến tiệm tôi.

Tôi nói, Những người như tôi ư? Tôi ghét chiến tranh.

Bác thợ cạo nói, Im đi. Thế giới đầy những thằng ngu như ông. Ông ghét chiến tranh, nhưng ở Châu Âu không có chiến tranh sao?

Cái ngụ ý ở đây hơi kỳ lạ quá.

Tôi nói, xin lỗi, tôi đâu có gây ra chiến tranh.

Bác thợ cạo lại nói, Ông ghét chiến tranh. Nhưng nếu họ bảo ông là có chiến tranh ở Âu Châu, thì ông lại tin chắc mẫm là thế.

Tôi nói, Tôi chả có lý do gì để tin rằng Âu Châu hoà bình cả.

Bác thợ cạo nói, Ông ghét chiến tranh. Báo chí ra với cái tựa đề "Chiến tranh". Thằng nhỏ chạy xộc vào tiệm. Chiến tranh. Ông đến để cắt tóc. Chiến tranh. Thế giới đầy những kẻ ngu. À, mà làm sao ông bị rụng tóc vậy?

Tôi nói, Sốt.

Bác thợ cạo nói, Sốt! Ông rụng tóc vì ông là một tên ngu. Tông đơ điện. Lược. Kéo. Ông chẳng có tóc để mà cắt. Toàn bịp bợm. Tôi

không muốn một tên ngu nào đến đây làm tôi nổi nóng nữa. Chẳng có chiến tranh gì hết.

Tôi nói, Bác quả là một nhân vật đặc biệt.

Bác thợ cạo hét, Đừng nói nữa! Tôi không phải là thằng nhỏ mười một tuổi ngu xuẩn. Tôi năm mươi chín tuổi. Tôi là một người đặc biệt! Báo chí. Bản đồ. Đầu không có tóc, phải cắt cái gì đây? Thằng nhỏ chạy xộc vào, ông không ngồi yên được. Nó nói "Chiến tranh ở Âu Châu rồi" thì ông nhảy cẫng lên hỏi "Cậu tên gì? bao nhiêu tuổi?" Chuyện gì cơ chứ? Bộ ông điên rồi hả?

Tôi nói, Tôi đâu có ý muốn làm bác khó chịu. Để tôi trả tiền bác vậy.

Bác thợ cạo nói, Không bao giờ. Tôi không muốn gì cả. Đó đâu phải là cắt tóc. Không một xu. Nếu một người đầu có tóc, vào đây và ngồi xuống, tôi sẽ lấy tông đơ điện và cắt tóc cho họ. Tóc rơi rụng, không rắc rối, không kích động, không điên khùng, và người đó đứng dậy khỏi ghế. Đầu tóc gọn ghẽ. Tai tiếc dễ chịu. Sáu mươi lăm xu. Nói, cảm ơn, chào bác, thế là đủ. Thằng nhỏ chạy vào, tôi nói, Cút khỏi tiệm tao ngay. Thằng nhỏ biến ngay. Chẳng có gì rắc rối.

Tôi nói, Thợ khác sẽ cắt tóc cho tôi.

Bác thợ cạo nói, Được rồi. Cứ đến thợ khác đi. Làm ơn đến thợ khác giùm. Nhưng nên nhớ lấy một điều không có chiến tranh gì ráo trọi. Đừng có chạy rong mà tuyên truyền lấp dáp.

Giờ thì tôi đắc chí vì đã xâm nhập tận cùng cơn giận của bác thợ cạo, lại được thêm tư liệu nóng hổi và kỳ quặc để viết bút ký, nên chẳng nói thêm một lời, tôi ra khỏi tiệm và lững thững xuống phố.

Tôi cảm thấy mình đã sử dụng tài liệu một cách có kiến hiệu, đã kết cấu nó thành một tác phẩm hản hoi, phần nào đó sẽ làm tăng tiến thêm cái danh phận đáng kể của tôi.

Chương 23

NGƯỜI TRUNG GIAN BẢO HIỂM

NGƯỜI NÔNG DÂN

NGƯỜI BUÔN THẮM VÀ CHẬU CÂY

Anh bạn Ralph Moradian, ở cách tôi một lối đi, bên kia đại lộ San Benito ở Fresno, kể cho tôi chuyện này, tôi thích quá và, viết ngay thành truyện. xưa nay, những người trung gian bảo hiểm đối với tôi bao giờ cũng đáng chú ý, tôi khoái nghe nhất là những trần thuật của họ về những kỳ vọng trong đời sống.

Arshag Gorobakian là một người nhỏ con, làm trung gian cho một công ty bảo hiểm nhân thọ ở New York để sinh sống. ông được đặc phái làm việc với những người đồng hương thuộc cộng đồng Armenia. Trong hai mươi năm, ông thường nói với những thân chủ mới rằng, Tôi đã bán khoảng ba trăm chứng khoán bảo hiểm, và cho đến nay chỉ có hai trăm thân chủ của tôi đã qua đời. ông không nói lời đó một cách buồn bã và câu đó không nhắm làm một lời luận bàn về nỗi nghiệt ngã của cuộc đời. Trái lại nụ cười của Gorobakian chứng tỏ rằng khi nói hai trăm thân chủ chết, nó ngụ ý rằng đó là những người đánh lừa lấy mất của sự chết cái chiến thắng đáng sợ và đồng thời biến cty Bảo hiểm Nhân thọ New York thành một con khỉ. Họ đều là những người khôn ngoan, ông thường nói thế với những thân chủ mới, loại người như ông, thực tế và thông minh trong mọi vấn đề. Họ tự nhủ, phải, chúng ta sẽ chết, không sao thoát khỏi, và hãy nhìn thẳng vào sự thật đó.

Đến đó, người trung gian bảo hiểm thường móc trong túi ra những đồ thị và thống kê in sẵn, và nói, Đây, những sự thật đây. Ông bốn mươi bảy tuổi, và nhờ ơn trời, vẫn mạnh khỏe. Theo dự liệu thì năm năm nữa ông sẽ chết.

Ông lại cười dịu dàng, chia sẻ với thân chủ mới niềm khích động về cái hữu hạn, cái chóng vánh của đời người và nhờ đó có được một số tiền kèch xù. Ông lại nói, Trong năm năm ông chỉ trả cho công ty tôi ba trăm mười bảy đô, và khi chết, ông sẽ thu được hai mươi bảy ngàn, hoặc một lợi tức ròng mười chín ngàn sáu trăm mười ba đô.

Ông lại nói, đầu tư gì đi nữa thì đó cũng là một lợi tức khá.

Tuy nhiên, có một lần, ông nói chuyện với một bác nông dân ở Kingsburg, người không tin rằng mình sẽ chết trong vòng năm năm nữa.

Bác nông dân nói, Mười bảy mười tám năm nữa tôi sẽ trở lại.

Người trung gian nói, Nhưng giờ đây bác đã sáu mươi bảy tuổi rồi.

Bác nông dân nói, Biết chứ, nhưng tôi không dễ bị bịp trong những chuyện như vậy. Hai mươi năm nữa tôi vẫn còn sống. Tôi đã trồng ba cây ô liu mới và tôi biết tôi sẽ không chết cho đến khi nó lớn hoàn toàn. Đó là chưa nói tới những cây dâu, cây lựu, những cây bồ đào, cây hạnh. Không, chưa đến lúc để thương lượng một việc như vậy. Tôi chắc chắn là hai mươi năm nữa tôi vẫn còn sống, như đinh đóng cột vậy. Tôi nói cái này được không?

Người trung gian bảo hiểm nói, Vâng.

Tôi sẽ sống ba mươi chứ không phải hai mươi năm đâu. Ông bạn thấy rõ là tôi sẽ bị bịp theo kiểu thương thảo này mà.

Người trung gian bảo hiểm nhỏ thó, nhã nhặn, ăn nói dịu dàng và không bao giờ nổi sùng bất tử.

Ông nói, Tôi thấy chứ, bác là một người có sức mạnh dị thường.

Bác nông dân gầm lên, Sức mạnh dị thường! Tôi nói cái này được chứ?

Người trung gian bảo hiểm gật đầu.

Bác nông dân nói, Điều ông bạn nói là sự thật. Tôi là một người có sức mạnh dị thường. Chết gì mới được chứ? Tại sao

tôi phải chết? Vì lý do gì, hỡi ông bạn đồng hương? Tôi không vội vã gì cả. Tiền? Vâng, quý lắm nhưng tôi chưa nghèo đâu mà vội.

Người trung gian bảo hiểm im lặng rít một hơi xì gà, mặc dù trong lòng dao động lắm, như một sĩ quan Kỵ Binh lúc bị đánh tan hàng ngũ, đang cố gắng một cách tuyệt vọng để tụ tập quân lính của mình lại, sắp xếp một cuộc phản công khác.

Ông sống với bác nông dân, Mong cho bác chết ư? Lạy Chúa, không bao giờ. Cả đời tôi chưa bao giờ mong cho một người nào khác chết cả. Đời sống là cái mà chúng ta hưởng thụ. Cái vị dưa hấu vào một ngày hè oi bức là cái mà chúng ta ấp ủ.

Bác nông dân ngắt lời, Cho phép tôi nói cái này nhé?

Người trung gian bảo hiểm lại gật đầu.

Bác nông dân nói, Ông bạn nói quá đúng. Cái mà chúng ta ấp ủ là hương vị dưa hấu vào mùa hè. Và bánh mì pho mát, cả nho tươi nhâm nhi dưới bóng râm buổi chiều. Ồ, xin ông bạn cứ nói tiếp.

Người trung gian bảo hiểm nói, Tôi không muốn ai ra đi khỏi cái khung cảnh âm cúng của cuộc đời. Tuy nhiên, chúng ta phải nhìn thẳng vào sự thực chứ.

Ông gõ gõ lên xấp tài liệu đang cầm trên tay.

Ông nói, Thế giới chúng ta là một nơi điên cuồng. Bác đang là một người khỏe mạnh, đang lim dim thưởng thức cái vị dưa hấu ngọt lịm, đang thần thơ trong một thành phố, rồi bỗng đâu một chiếc xe va phải bác, và bác đâu rồi kìa? Bác chết mất toi.

Bác nông dân nhú mày.

Bác nói, Ờ nhỉ, đồ xe hơi.

Người trung gian bảo hiểm nói, Trong trường hợp bác chết vì tai nạn, lạy Chúa, bác sẽ được bồi thường gấp đôi.

Bác nông dân nói, Máy chiếc xe hơi lộn xộn quá. Tôi phải cẩn thận hơn khi ra ngoài đường phố.

Người trung gian bảo hiểm nói, Tất cả chúng ta ai cũng đều cẩn thận, nhưng có ích gì cơ chứ? Mỗi năm số người chết vì tai nạn xe hơi còn nhiều hơn một năm đại chiến.

Bác nông dân nói, Tôi nói cái này nhé?

Bác cứ tự nhiên.

Bác nông dân nói, Tôi nửa muốn được bảo vệ, nửa muốn lấy một chứng khoán bảo hiểm.

Người trung gian bảo hiểm nói, Thật là một tính toán khôn ngoan.

Bác nông dân mua một chứng khoán và bắt đầu đóng tiền. Hai năm sau bác mời người trung gian bảo hiểm đến nhà thờ và quở trách một cách nghiêm ngặt, quở trách trong lễ độ. Bác than phiền rằng mặc dù bác đã tiêu mất vài trăm đô, bác vẫn chưa hề có cái chết gì cả, điều mà bác cho là kỳ lạ.

Bác nói, Tôi không muốn giữ chứng khoán nữa.

Người trung gian bảo hiểm kể một câu chuyện biếm về một người nọ cũng bỏ chứng khoán sau hai năm, thì một tuần sau ông ta bị một con bò điên húc chết ngay đơ. Câu chuyện không làm cho bác nông dân nao núng và xúc động.

Bác nói, Cho phép tôi nói cái này nhé?

Xin bác cứ tự nhiên.

Người nông dân nói, Trên thế gian này không có con bò điên nào đủ sức để húc cho tôi ngã cả. Tôi sẽ bẻ cổ nó, không, cảm ơn, tôi không muốn bảo hiểm nữa. Tôi đã quyết định rồi, tôi sẽ không chết dù là chết để có lời. Tôi có cả trăm cơ hội để chìa mặt ra trước mũi xe, nhưng luôn luôn lùi lại kịp để nhường cho nó lướt qua.

Câu chuyện trên đã mười bốn năm rồi và bác nông dân Hakimian vẫn còn sống khỏe.

Tuy nhiên người trung gian bảo hiểm chọn thêm những người sáng suốt hơn bác nông dân. Vì chính ông cũng là một người đã tốt nghiệp đại học. Ông ưa thích những người mà ông có thể hàn huyên cả tiếng đồng hồ về các đề tài khác nhau,

để rồi dần dà kéo vào chuyện bảo hiểm. Ông đã từng lái một mạch hai trăm dặm đến San Francisco để nói chuyện với một nha sĩ, khá hiểu biết.

Có một lần ông quyết định lái chiếc Buick qua một vùng quê ở Boston. Đó là cuộc hành trình dài mười ngày. Dọc đường hẳn là có nhiều cái để ngắm nghía, và ở Boston ông sẽ ghé thăm người chị và chồng con của chị.

Ông đến Boston và ghé thăm gia đình người chị, ở đó ông gặp một người buôn thảm, cũng là một người đã tốt nghiệp đại học. Ba lần trong vòng mười ngày, ông ghé thăm người kia tại nhà riêng và trò chuyện rôm rả. Người kia tên là Haroutunian, và cũng có cái thú tán gẫu. Người trung gian bảo hiểm nhận thấy người kia thật là thông thái trong mọi vấn đề, nhưng khi đưa ra chuyện bảo hiểm nhân mạng, ông khám phá ra rằng ông bạn kia chả thích tí nào. Nói thẳng ra là không, ít ra là trong lúc này.

Đã đến lúc người trung gian bảo hiểm phải trở về California. Trước khi lên d , người buôn thảm Haroutunia đem đến một chậu cây nhỏ.

Người buôn thảm nói, Đây bạn, tôi có một người em đang sống ở Bakersfield gần chỗ bạn đó. Đến hai mươi năm rồi chúng tôi chưa gặp lại nhau. Ông bạn cho tôi một đặc ân, được không?

Dĩ nhiên, người trung gian bảo hiểm nói.

Người buôn thảm nói, Đem hộ cái này đến cho cậu em tôi với lời chào mừng của chúng tôi.

Rất sẵn lòng, người trung gian bảo hiểm nói, nhưng cây này là cây gì vậy?

Người buôn thảm nói, Tôi cũng không biết, nhưng nó có một mùi thơm rất tuyệt. Người xem.

Người trung gian bảo hiểm ngửi cái cây và rất thất vọng về cái mùi của nó.

Ông nói, Thật là một mùi tuyệt diệu.

Người buôn thảm ghi cho ông trung gian bảo hiểm tên và địa chỉ của người em, đoạn ông nói, Một điều nếu là Nha Canh Nông ở mỗi tiểu bang đòi hỏi rằng một cây mang đi phải được khám nghiệm coi có sâu bọ gì không. Cây này không có đâu, nhưng luật pháp là luật pháp. Ông chịu khó dừng lại một phút ở Nha Canh Nông của mỗi tiểu bang. Thủ tục ấy mà.

Ồ, người trung gian bảo hiểm nói.

Tuy nhiên, vì đã hứa rồi, nên ông vát cây lên xe và rời khỏi Boston.

Ông là một người rất tôn trọng luật pháp, và cái cây đã gây cho ông khá nhiều phiền hà. Rất thường, là sau khi kiểm tra được Nha Canh Nông của mỗi tiểu bang thì cái ông thanh tra lại đi khỏi tỉnh và đến mấy bữa mới về...

Kết quả là người trung gian bảo hiểm phải mất đến hai mươi mốt ngày thay vì mười ngày mới về tới nhà. Ông lái thêm một trăm dặm để đến Bakersfield và tìm được nhà của ông em người buôn thảm.

Cái cây vẫn an toàn và đang nở những cụm hoa đỏ, toả ra cái mùi mà đối với người trung gian bảo hiểm thì...không sao chịu nổi.

Người trung gian bảo hiểm nói, Tôi đã mang cái cây tuyệt diệu này suốt ba ngàn bảy trăm sáu mươi tám dặm, từ nhà anh của ông ở Boston đến nhà ông ở Bakersfield. Anh của ông gửi lời chào nồng nhiệt.

Em người buôn thảm còn ít ưa cái cây này hơn cả người trung gian bảo hiểm.

Ông ta nói, Tôi không thích cái cây này tí nào.

Người trung gian bảo hiểm là một loại người khó có ai và cái gì có thể khiến cho ông ta phải kinh ngạc. Ông chấp nhận sự lãnh đạm của người em người buôn thảm, và ông vác cái cây kia về nhà.

Ông trồng nó ở chỗ tốt nhất sau vườn, bón phân cho nó, tưới nước và chăm sóc rất cẩn thận.

Ông tâm sự với người hàng xóm, Đây không phải là cái cây. Nó làm tôi lộn mửa. Nhưng không chừng, một ngày nào đó tôi sẽ trở lại Boston thăm bà chị, và khi gặp lại người buôn thảm, ông ta sẽ hỏi về cái cây ấy và tôi sẽ rất sung sướng cho ông ta biết rằng nó vẫn đang nảy nở tốt tươi. Tôi cảm thấy mình sẽ có một dịp may rất tốt, như bất cứ ai, để bán cho ông ta một chứng khoán bảo hiểm nhân thọ.

Chương 24

GRETA GARBO THÂN MẾN

Tôi hay đi xem xi nê lắm Tôi bắt đầu xem nhiều khi còn ở Fresno, cái thuở bé xiu chạy ton ton bán dạo tờ The Evening Herald, và được các chú soát vé cho xem chùa, khỏi mất tiền, đến khi về San Francisco lại tiếp tục xem nhiều hơn. Phim ảnh đã giáo dục tôi một phần, chẳng phải chúng luôn hay ho gì lắm, nhưng vì chúng là những gì đang xảy ra, hàng triệu con người đang sống trong đó giữa những đấu trường đầy thực tại và cả phi thực tại. Một hôm, tôi xem thấy một cảnh hỗn loạn trong phim thời sự, nó khiến tôi phải viết truyện này. Cái gã trong cảnh hỗn loạn đó rõ ràng là một tài tử xi nê, chứ không phải là một người thợ đình công. Có điều là tài năng của gã không được khám phá ra thôi, không bao giờ, nhưng hẳn vẫn là một tài tử dưới mắt tôi và, trong truyện này.

Cô Garbo thân mến,

Rất hy vọng là cô sẽ để ý thấy tôi trong cuốn phim thời sự về bạo động ở Detroit mới đây, trong đó tôi bị đánh vỡ đầu. Tôi chẳng bao giờ làm cho hãng Ford, nhưng một tên bạn nói với tôi về cuộc đình công, và cũng vì hôm đó chẳng có việc gì để làm nên tôi đi với hắn đến nơi xảy ra bạo động. chúng tôi tụ thành những nhóm nhỏ, nói năng tầm phào các thứ, nhiều

chuyện cũng quá khích dữ lắm, nhưng tôi cũng chẳng hơi đâu mà để ý đến.

Cứ nghĩ là chắc chẳng có gì xảy ra, nhưng khi thấy các xe quay phim thời sự chạy đến, thì trong đầu tôi loé lên một ý nghĩ, chà, đây là dịp cho mình xuất hiện trên màn ảnh như ấn tượng mong muốn, nên tôi đeo dính quanh đó để đợi dịp. Tôi vẫn cho rằng mình có bộ vó đóng phim tạm được, và lên màn ảnh coi không đến nỗi nào, và tôi rất hài lòng với lối diễn xuất của mình, cho dù cái tai nạn nhỏ đó đã khiến tôi nằm nhà thương hết một tuần.

Tuy thế, khi ra khỏi nhà thương tôi phóng ngay đến một rạp chiếu bóng nhỏ gần nhà, để coi xem mình hiện lên trên màn ảnh như thế nào. Tôi thấy họ đang cho chiếu đoạn phim thời sự có tôi tham dự. Trông cũng hùng vĩ quá đi chứ, và nếu cô để ý một chút, cô không thể nào không thấy tôi, tôi là người thanh niên mặc bộ đồ len sọc xanh, mũ rơi ngay khi bắt đầu hỗn loạn. Cô nhớ chứ? Tôi cố ý quay lại đến ba bốn lần để người ta quay ngay mặt tôi, và tôi chắc cô thấy tôi cười. Tôi muốn nhìn xem nụ cười của mình trên phim ra sao, nói là nói thế thôi, chứ tôi cho là tôi cười hấp dẫn lắm.

Tôi tên là Felix Otria, người Ý, tốt nghiệp trung học và nói tiếng Mỹ không thua gì người bản xứ, trôi chảy như tiếng mẹ đẻ. Tôi hơi giống Rudolph Valentino và cả Ronald Colman, quả là tôi muốn ghe rằng chính Cecil B. De Mille hay một ông bự nào đó chú ý đến tôi, và thấy rằng tôi đóng phim cũng đáng để lắm chứ.

Các khúc đoạn bạo động mà tôi bị lỡ mất, ấy bởi họ đánh hăng quá và tôi vắng ra ngoài, thôi thì âu đó cũng là những việc thường. Nhưng tôi xem phim thời sự này đến mười một lần trong vòng ba ngày, và tôi dám đoán chắc rằng không một người nào khác, cả thường dân lẫn cảnh sát, có thể nổi bật giữa đám đông như tôi, tôi chẳng hiểu cô có sẵn lòng đem vấn đề này tiến cử tôi với hãng cô làm không, và biết đâu họ chẳng cho mời tôi đến đóng thử. Tôi biết tôi sẽ đóng ngon lành lắm, và cô Grabo ạ, tôi xin đội ơn cô cho đến chết mới thôi. Tôi có

giọng nói mạnh, có thể đóng vai một người tình khả ái, nên tôi hy vọng cô ban cho một ân huệ nhỏ. Biết đâu, một ngày nào đó rất gần, tôi sẽ đóng vai người hùng trong một phim cùng với cô.

Nay kính,

Felix Otria

Chương 25

DƯƠNG CẦM

Tôi vẫn luôn luôn coi Dương cầm là một trong những kiến trúc vật vĩ đại nhất do con người tạo ra, cho dù không cần phải biết đến những công năng và tác dụng của nó ra làm sao. Ở đời, ai mà chả có những khát vọng không bao giờ được thoả, một trong những ham muốn cháy bỏng huyết quản tôi là, có thể ngồi chững chạc trước dương cầm và chơi thứ âm nhạc lừng lẫy – do chính mình sáng tạo ra. Và thế nên, tôi đành ôm giấc mộng không thành ấy cho hết cuộc lữ này. Nhưng chỉ nhắc thấy hình bóng một chiếc dương cầm thôi, cũng đủ làm tim tôi thắt lại vì cảm khái và sung sướng vô ngần.

Tôi có biết một tay dương cầm đại hoà tấu tí hon tên là de Pachma, trông cậu ta ngô nghĩnh và sáng láng lạ thường, cậu thường nói chuyện với thánh chúng về âm nhạc mà cậu đang diễn tấu. Ôi sao mà hùng tâm kiệt liệt quá thể. Trước nay, tôi vẫn hằng ngưỡng phục một cách đặc biệt cái tầm ảnh hưởng của d đối với nhân loại.

Bất cứ nơi nào tôi đến ở, dù trong thời gian ngắn, tôi cũng cố xoay sở, tậu cho được một chiếc dương cầm dù chỉ để mà ngắm nghía cho mãn nguyện.

Và tôi cũng nuôi ý định viết một vở nhạc kịch có tên là Dương Cầm, vì chỉ có cách đó, tôi mới có dịp tỏ bày tấm lòng ái mộ và ngưỡng vọng của mình đối với một phẩm vật tuyệt vời do con người tạo ra này.

Mỗi lần trông thấy một chiếc dương cầm là anh xúc động lắm, Ben nói.

Thế à? Emma nói, Tại sao vậy?

Ben nói, Anh cũng không biết nữa. Ta vào tiệm này và thử cái đàn nhỏ trong góc kia nhé?

Emma nói, Anh có biết đàn không?

Ben nói, Nếu làm như anh mà được gọi là đàn.

Anh làm gì chứ?

Rồi em sẽ thấy, Ben nói.

Họ đi vào tiệm, bước dần đến chiếc dương cầm nhỏ để trong góc. Emma thấy chàng mỉm cười, rạng lên một thứ ánh sáng. Nàng đâm ra phân vân, chẳng biết mình có hiểu gì về chàng không. Có những lúc nàng thấy mình hiểu hết, rồi bỗng chốc lại thấy rằng không, không hiểu một chút nào.

Chàng đứng im sững trước dương cầm, nhìn thiết tha và kính cẩn như trước một linh vật. Điều nàng tưởng tượng là có thể chàng đã từng nghe diễn tấu dương cầm tuyệt luân đâu đó, và chàng mê đắm loại âm nhạc này, sau đó mỗi lần trông thấy một phím đàn hay hình dáng một chiếc dương cầm thì chàng hồi nhớ lại âm nhạc, và tưởng mình có những hệ lụy gì với nó./

Anh biết đàn chứ? nàng hỏi.

Ben nhìn quanh. Những người bán hàng có vẻ bận rộn lắm.

Anh không biết đàn, Ben nói.

Nàng thấy đôi tay anh lướt nhẹ trên những phím đen trắng như một dương cầm thủ thực sự, và nhuốm đầy vẻ lạ thường đến khiến phải hoang mang. Nàng cảm thấy rằng, phải lâu lắm chàng mới tìm ra chính con người của mình, tận những đáy tầng sâu thẳm của tâm hồn. Lẽ ra chàng phải là một người biết chơi đàn dương cầm.

Ben đàn sẽ một vài hợp âm.

Không ai đến để cố bán cho chàng cái gì, nên vẫn trong tư thế đứng, chàng bắt đầu làm cái việc mà chàng đã bảo không phải là đàn.

Nàng lắng nghe và biết là tuyệt lắm.

Chàng đàn trong nửa phút, đoạn nhìn nàng nói, Nghe cũng được đấy nhỉ?

Em cho là tuyệt vời, Emma nói.

Anh không muốn là chính anh đàn, Ben nói. Anh muốn nói về chiếc dương cầm, chính là dương cầm. Âm thanh của nó thật hay, nhất là một chiếc nhỏ nhắn như thế này.

Một người bán hàng, tuổi trung niên, đến và nói, Xin chào ông bà.

Chào ông, Ben nói, Chiếc đàn này lịch sự quá.

Người bán hàng nói, Đây là loại nhạc khí rất được ưa chuộng. Chưng nó trong phòng trông xinh tề. Chúng tôi bán loại này được lắm.

Ben hỏi, Giá bao nhiêu vậy?

Người bán hàng nói, hai trăm bốn mươi chín đô rưỡi, dĩ nhiên ông có thể trả góp được mà.

Ben hỏi, Chứ họ làm đàn này ở đâu vậy?

Người bán hàng đáp, Tôi cũng không chắc lắm. Đâu ở Philadelphia thì phải. Tôi có thể...

Ồ, xin đừng bận tâm, Ben nói, Ông đàn được chứ?

Người bán hàng đáp, Không, tôi chả biết.

Nhận thấy Ben muốn thử đàn thêm lần nữa, nên ông ta nói, Cứ tự nhiên thử đàn nữa đi.

Ben nói, Tôi đâu có đàn.

Người bán hàng mở lớn mắt nói, Chính tôi nghe ông đ mà.

Ben nói, vậy mà đàn điếc gì. Tôi không biết đọc lấy một nốt.

Thế mà tôi nghe hay quá, người bán hàng nói.

Tôi cũng vậy, Emma nói. Nếu mua, phải trả lần đầu bao nhiêu ạ?

Người bán hàng nói,Ồ, bốn hay năm mươi đô gì đó. Ông ta nói tiếp, Đàn nữa đi, tôi thích nghe ông bạn đàn quá.

Ben nói, Nếu đây là đúng chỗ, tôi có thể ngồi hàng giờ với dương cầm.

Người bán hàng nói, Cứ đàn thoải mái, có ai nói gì đâu.

Người bán hàng đẩy chiếc ghế đến, Ben ngồi xuống và bắt đầu làm công việc mà chàng bảo không phải là đàn. Chàng ấn nhẹ lên

phím để làm quen, khoảng mười lăm hai mươi giây, rồi như chợt thấy một cái gì tựa một khúc điệu và dừng lại với nó trong hai phút. Trước khi chấm dứt, âm nhạc bỗng trở nên tịch nhiên và buồn bã, và Ben càng đắm ra ưa thích chiếc dương cầm hơn. Trong khi để khúc nhạc này nở, chàng nói chuyện với người bán hàng về dương cầm. Đoạn chàng ngưng đàn và đứng dậy.

Cám ơn, chàng nói, ước gì tôi mua được nó.

Người bán hàng nói, Có gì đâu.

Ben và Emma ra khỏi tiệm.

Khi thả bộ ngoài đường, Emma nói, Em không hiểu gì cả Ben ạ.

Ben hỏi, Hiểu cái gì chứ?

Hiểu anh.

Cái gì về anh?

Emma nói, Sao anh lại nói vậy?

Ben nói, Bây giờ là giờ anh ăn trưa. Buổi chiều chính là lúc anh thích nghĩ có một chiếc dương cầm.

Họ vào một quán ăn nhỏ, ngồi nơi quầy, gọi sáng ụch và cà phê.

Emma vẫn đeo đuôi ý nghĩ của mình, nói, Anh học đàn ở đâu vậy?

Ben nói, Anh chưa từng theo học gì cả. Nhưng bất cứ đâu, hễ thấy một chiếc dương cầm là anh đến thử ngay. Anh có thói quen như vậy từ nhỏ. Nghèo, không tiền nên đành phải thế.

Chàng nhìn nàng và mỉm cười. Cười rạng như lúc đứng trước dương cầm và nhìn xuống các phím trắng đen. Emma cảm thấy một niềm vui thích tràn lên.

Ben nói, Tiền bạc không thể ngăn cách một người với những cái mà hắn cho là hắn đương nhiên nên có.

Emma nói, Em cũng cho là vậy.

Ben nói, như thế cũng là một điều hay, nhưng rồi...

Chàng lại nhìn nàng lần nữa, cũng cái nhìn đó, và nàng mỉm cười đáp lại cái rạng ngời từ chàng rọi tới.

Nàng hiểu lắm, như dương cầm, chàng có thể ở cạnh nàng hàng giờ. Một niềm phấn khích lại trào dâng.

Họ rời tiệm ăn, đi bộ qua hai dãy phố, đến The Emporium, nơi làm việc của chàng.

Chàng nói, Thôi chào, em cưng.

Emma đáp, Chào Ben.

Chàng tiếp tục đi dọc xuống đường, còn nàng thì vào tiệm. Nàng biết lắm, dù gì chẳng nữa, một ngày nào đó chàng cũng sẽ có một chiếc dương cầm, và những gì khác hằng ấp ủ.

Chương 26

NGÀY THỨ BA SAU GIÁNG SINH

Về những thổ dân da đỏ, tôi quả là ít có dịp để biết rõ về họ, chắc hẳn một lẽ là vì không ở trong thế giới của họ nhiều, mà dù khi còn ở Paris hay ở trong Quân Y viện, tôi có biết một người trong bọn họ và không sao quên được, một nét riêng chẳng mấy ai để ý đến lại in đậm trong lòng tôi, chính là cái cười âm thầm nhưng không sao ngăn được của anh – đúng ra là nước mắt, nước mắt cho cả một dòng giống, không phải riêng cho người da đỏ, mà cho cả những thân bằng chết thảm thương trong chiến tranh. Phần anh chỉ bị thương và cũng sắp được xuất viện để về lại với quê nhà.

Những năm 1947 và 1948, tôi ưa la cà lui tới tiệm mậu dịch Da Đỏ ở đại lộ số 3, New York, nơi họ thường đem các món thủ công đến gửi bán, và có lẽ nhờ những cuộc nán lại lần khần như thế mà tôi có được cái ý để viết truyện ngắn này, truyện viết vào ngày thứ ba sau Giáng Sinh 1948.

Donald Efau, sáu tuổi ba tháng, đang đứng ở góc đại lộ số 3 và đường 37, nơi mà ông bố Harry cúi kính của nó, khoảng một tiếng đồng hồ trước đây, đã bảo nó đứng đợi dăm ba phút để ông vào tiệm mua chút ít gì đó cho bé Alice đang ốm liệt giường vừa ho vừa khóc ở nhà. Alice lên ba và nó làm cho cả nhà phải canh thức suốt đêm. Ông bố Harry cúi kính của Donald chẳng ưa gì cái tiếng lè nhè nhão nhợt đó chút nào, và ông đổ lỗi cho má chúng nó. Má chúng nó tên là Mabelle. "Mabelle, Louisa Fernandez trước khi tôi lấy Harry Efau", có lần thằng bé nghe mẹ nó nói với người thợ đến sửa cái cửa sổ bị gãy dưới nhà bếp. "Nhà tôi lai Da Đỏ phía bên mẹ, tôi thì lai phía bên cha, Fernandez có vẻ Tây Ban Nha hoặc Mễ Tây Cơ gì đó hơn là Da Đỏ, nhưng dù sao thì bố tôi cũng lai Da Đỏ. Dù vậy, chúng tôi cũng ít sống chung với họ, như một số người Da Đỏ khác, chúng tôi hầu như chỉ sống ở thành phố".

Thằng bé mặc chiếc áo phong phanh và một áo khoác ca rô mà bố nó đã thải ra và có thể trở thành áo choàng cho nó nếu như không quá rộng thùng thình thế kia. Tay áo đã được cắt bớt để ngắn vừa với thằng bé, nhưng cũng chỉ vậy thôi. Túi áo thì quá tầm với, nên thằng bé phải xoa tay cho ấm. Lúc ấy đã mười một giờ trưa.

Bố Donald đã vào tiệm, rồi chẳng mấy chốc ông sẽ trở ra và hai bố con thả bộ về nhà. Má sẽ cho Alice uống chút đỉnh, sữa và thuốc, rồi em bé sẽ thôi khóc và ho, má và bố cũng thôi chì chiết chửi bới nhau.

Đó là tiệm Haggerty. Tiệm có một lối vào ở góc đường và một lối đi tắt bên hông. Harry Efau đã đi ra lối phía đường 37 sau năm phút vào tiệm. Ông nào có quên thằng con ở ngoài đường, ông chỉ muốn thoát khỏi nó một lát, và thoát khỏi tất cả. Ông uống một ly uryt ky nhỏ với giá cắt cổ hết cỡ. Ông nốc ực một hơi rồi bước vội ra khỏi tiệm và biến mất, định vài phút sẽ trở lại đón thằng bé rồi mua thức ăn và uống, xong về nhà xem có giúp được gì cho con bé bớt ốm không, nhưng chẳng hiểu sao ông cứ đi, đi mãi.

Cuối cùng rồi Donald cũng bước liêu vào tiệm và thấy ở đây chả giống bất cứ một cửa tiệm nào cả. Cái ông mặc áo choàng trắng nhìn nó đăm đăm và nói "Mày đâu có được vào đây, nhỏ. Cút mau".

"Bố cháu đâu?"

ông kia ngoái cổ vào trong, hét tướng lên "Ai bố thằng nhỏ này, có đây không?" và tất cả mọi người trong tiệm, cả thầy bầy người, đồng loạt nhìn ra Donald. Họ chỉ nhìn thoáng rồi lại tiếp tục uống và chuyện vãn các thứ.

Ông kia nói "Bố mày là ai thì cũng không có ở đây".

Donald nói "Harry, Harry Efau".

"Tao chẳng biết ai tên là Harry Efau cả. Thôi, về đi con".

"Bố cháu bảo đợi ở ngoài một lát".

"Có, tao biết mà. Hừ, cả đồng người vào đây uống một ly rồi đông tuốt. Tao chắc bố mày cũng cá mè một lứa như vậy. Nếu bố mày bảo đợi ở ngoài, mày nên ra đợi thì hơn. Mày đâu có quyền ở trong này, nhóc".

"Ở ngoài lạnh khiếp quá".

Người bồi rượu nói "Tao biết ở ngoài lạnh thật, nhưng mày cũng đâu ở trong này được. Cứ đợi ở ngoài kia như bố mày dặn, không thì cút về nhà đi".

Thằng bé nói "Cháu không biết đường mà!".

"Thế mày có biết địa chỉ không?"

Rõ ràng là thằng bé không hiểu nghĩa câu hỏi, nên người bồi rượu đổi cách nói khác.

"Chứ mày có biết số nhà và tên đường không?"

"Không. Bố con tôi đi bộ, bố con tôi đi mua thuốc cho Alice mà".

Người bồi rượu kiên nhẫn hơn "Biết rồi! Và tao cũng biết ngoài kia trời lạnh lắm, nhưng dù gì đi nữa mày cũng cứ phải ra khỏi đây con ạ. Tao không được phép cho trẻ con vào tiệm rượu, xin ông oắt hiểu cho."

Một ông vào khoảng sáu mươi, xanh mướt, dờ say dờ chết đứng dậy khỏi bàn, đi về phía người bồi rượu.

"Tôi bằng lòng đưa thằng bé này về nhà nếu nó chỉ đường cho tôi".

Người bồi rượu nói "Ngồi xuống giúp con đi bố, thằng nhỏ có biết đường biết xá gì đâu".

Ông kia nói "Không chừng nó biết. Tôi cũng có thằng con như vậy, và đường phố đâu phải chỗ cho trẻ con kia chứ. Tôi sẵn sàng đưa nó về với má".

Người bồi hơi đồ quạu "Biết rồi, khổ quá, nhưng mà ngồi xuống giúp con đi bố".

Ông già vẫn nhây "Này con, ta sẽ đưa con về".

"Ngồi xuống!" Người bồi rượu gần như hét lên.

Ông già quay lại, quá đỗi ngạc nhiên.

Ông xuống giọng "Này, bác coi tôi là cái thá gì vậy? Thằng nhỏ lạnh, sợ hãi và cần má nó".

Người bồi rượu nài nỉ "Ông làm ơn ngồi xuống. Tôi biết tất cả về thằng nhỏ rồi, và ông cũng là người đưa được nó về nhà với má".

nó đâu".

"Phải có người đưa nó về với má" ông già nhỏ nhẹ, rồi ợ lên từng búng hơi. Ông già ăn mặc quần áo cũ nhàu, nhăn nhúm, và người bồi rượu thừa biết là do một hội từ thiện nào đó phát chẩn cho. Ông ta còn ba hay bốn mươi xu để uống bia thôi.

Ông già nói tiếp "Hôm nay là ngày thứ ba sau Giáng sinh. Không đến nỗi xa Giáng sinh gì mấy để bất cứ ai trong chúng ta có quyền lãng quên không giúp đỡ thằng bé về với má".

"Á à, cái gì vậy?" Một ông khách khác gạn hỏi.

Người bồi rượu phân trần "Có gì đâu. Bố thằng nhỏ này bảo nó đợi ngoài kia, vậy thôi". Đoạn ông quay về phía Donald Efa "Nếu mày không biết lối về nhà, thì cứ đợi ngoài kia như bố mày dặn, chả mấy lúc bố mày trở lại và đưa mày về nhà. Thôi đi, ra khỏi đây lẹ lên".

Thằng bé lủi thủi bước ra và đứng lại chỗ cũ hơn một tiếng đồng hồ. Ông già leo đẹo đi theo thằng nhỏ. Người bồi rượu nhòai qua quày, nắm lấy vai ông già cạnh cánh cửa xoay, quay người ông lại và ấn ông xuống ghế, nói nhỏ nhẹ "Ngồi xuống coi. Việc của ông không phải là lo cho thằng nhỏ, hãy lo cho cái thân già đi đã. tôi canh chừng thằng nhỏ cho, không sao đâu".

Ông già bực dọc "Này, ông coi tôi là cái thá gì chứ?"

Đứng cạnh cánh cửa xoay, nhìn suốt con đường, người bồi rượu gốc Ái Nhĩ Lan, thấp, nặng nề, khoảng ngoài năm mươi, quay lại nói "Này, hỏi thực nhé, chứ gần đây ông có hay soi gương không? Ông sẽ không được đến góc đường kia để cầm tay thằng bé đâu".

"Sao lại không?"

"Vì trông tướng tá của ông chả giống một ông bố hay bạn bè gì của bố hay là cái thứ gì của bất cứ một thằng bé nào cả".

Ông già đáp yếu ớt "Tôi cũng có con vậy mà".

Người bồi rượu nói "Biết chứ. Nhưng cứ ngồi im cho con nhờ. Có người được phép tử tế với trẻ con và có người không. Vậy đó".

Ông lấy một chai bia đến bàn ông già và đặt xuống cạnh cái ly không của ông già.

Ông nói "Đây là chai bia của tôi. Thỉnh thoảng tôi cũng được phép tử tế với người già như ông, và thỉnh thoảng ông cũng được phép tử tế với những người bồi rượu như tôi, nhưng chắc chắn là ông không được phép tử tế với một thằng nhỏ mà bố nó đang lãng vãng đâu đây. Cứ ngồi im mà uống đi".

Ông già phát cáu "Tôi không thèm uống cái thứ bia bẩn này. Và ông không có quyền cầm tù tôi trong cái quán dơ dáy này đâu".

"Ngồi yên giùm cho đến khi bố thằng nhỏ đến đón nó về nhà, rồi thì ông có thể ra khỏi đây mau chóng như ông muốn".

Ông già nóng nảy "Tôi muốn ra khỏi đây ngay bây giờ. Tôi không bước gì phải nghe bất cứ ai trên đời này sỉ vả tôi cả. Nếu tôi chỉ nói sơ sơ cho ông biết tôi là ai, chắc chắn ông sẽ không ăn nói với tôi cái kiểu cha nội trời đánh đó đâu".

Người bồi rượu nói "Được rồi". Ông muốn phủi tay cho xong, không muốn cãi vã om xòm, và ông thấy nên lấy lòng ông già để ông ta quên đi cái ý định giúp đỡ thằng nhỏ "Ừ", nói cho tôi biết qua loa ông là ai đi và tôi sẽ không cư xử với ông thế nữa".

Ông già nói "Tôi chắc là ông sẽ không chịu tin đâu".

Người bồi rượu rất mừng khi nhận thấy ông già bắt đầu rót bia vào ly. Ông nhìn ông già đẩy một hơi hết một phần ba ly, rồi ông già nói "Tôi tên là Algayler, chỉ có thế".

Ông già uống thêm bia nữa và người bồi rượu đợi ông nói tiếp. Bây giờ thì ông đứng ở cuối quầy, để có thể trông chừng thằng nhỏ ở ngoài đường. Thằng nhỏ vẫn đang xoa tay vào nhau, nhưng cũng ổn cả. Nó là một thằng nhỏ già dặn và đầy lao khổ, và cái việc đứng ngoài đường đợi bố thế này cũng chẳng đến nỗi nào quá lắm.

"Algayler", ông già lặp lại, và ông lí nhí trong cổ họng. Giờ thì người bồi rượu chẳng còn nghe được ông già muốn nói gì, nhưng điều đó cũng chẳng sao, vì ông biết rằng từ giờ trở đi thì ông già đã đâu vào đấy cả rồi.

một bà, cả tuần nay ngày nào cũng đến quán vào giữa trưa, dắt theo một con chó phốc, bà nói "Có thằng nhỏ đứng phía trước cửa lạnh lẽo quá. Này, chứ con cái nhà ai vậy?"

bà ta vừa nghiêng chặt hàm răng giả vừa nhìn mấy người khách, còn con chó nhỏ thì nhảy tâng tâng dưới chân bà và bắt đầu làm quen với hơi ấm dễ chịu trong quán.

Người "Nó không sao đâu, bố nó đi chút việc. ông ta trở lại ngay ấy mà".

Bà kia nói "Hừ, ông ta nên trở lại ngay thì hơn. Nếu như có một điều tôi không sao chịu nổi đó là làm bố mà lại bỏ con đứng thất thủ ngoài đường."

"Algayer" ông già quay lại và nói bằng một giọng khó nghe.

Bà kia nói "Ông nói gì vậy đồ say chết bầm?" con chó bắt thần nhào bổ về phía ông già, sợi giây thắt chặt lại, rồi sủa inh lên vài tiếng.

Người bồi rượu lễ phép nói "Có gì đâu, ông ta chỉ sống tên mình thôi mà".

"Hừ, hần ta không nói năng nhăng nhít gì khác thì thật là hay đấy" bà vừa nói vừa nghiêng hàm răng giả.

Con chó cũng hoà hưởn đôi chút, nhưng vẫn phải nhảy tâng tâng vì cái ấm áp dễ chịu. Nó mặc cái áo mà bà ta luôn đắp lên nó vào mùa lạnh, nhưng chẳng ăn thua gì tới chân với cẳng cẳng, và chính nơi đó là nó cảm thấy lạnh nhất.

Người bồi rót rượu vào ly cho bà kia và đứng lại nơi quầy, bà ta bắt đầu nhăm nháp, sau rồi bà cũng leo lên một chiếc ghế cho dễ xoay sở, và con chó cũng thôi nhảy nhót, nó nhìn dáo dác đó đây.

Người bồi rượu lại đem cho Algayer một chai bia nữa và chẳng nói lấy nửa lời, cũng chẳng buồn nhìn, họ đồng ý rằng có thể thoả thuận trên nền tảng này.

Một người vào khoảng ba mươi lăm mà khuôn mặt và bộ ria tĩa gọn ghẽ, trông quen quen, vào tiệm từ phía đường 37, gọi một ly Bourbon, và sau khi rót xong rượu, người bồi rượu nói thật khẽ để khỏi ai nghe "Chắc không phải là con ông đang đứng ngoài kia chứ, phải không?"

Ông kia vừa nâng cái ly nhỏ lên môi, nhìn vào ly rượu, nhưng khi nghe câu hỏi, ông quay mắt khỏi ly rượu, nhìn sững người bồi, hớp

thật nhanh, rồi chẳng nói gì cả, đi về phía cửa trước để nhìn thẳng nhỏ. Cuối cùng ông này quay về và lắc đầu. Ông gọi một ly nữa và uống, rồi bước ra và đi qua trước mắt thẳng nhỏ, chẳng buồn để ý đến nó.

Sau khi uống xong chai bia miễn phí thứ nhì, Algayler ngủ khì trên ghế và cái bà đi với con chó phốc bắt đầu nói với người bồi về con chó của mình.

Bà nói "Tôi nuôi Tippy suốt đời, lúc nào chúng tôi cũng có bên nhau. Từng giây từng phút".

Một chàng dưới ba mươi, ăn mặc bảnh choẹ bước vào tiệm lúc mười hai giờ mười lăm, gọi một ly Johny Walker nhãn đen thật lạnh, với ly nước giã rượu, nhưng lại đổi lấy nhãn đỏ ngay, và sau khi uống, liền hỏi "Ti vi ở đâu?"

"Chúng tôi không có ti vi".

"Không có ti vi?" chàng ta nói một cách vui vẻ. "Này, thế quán này là quán kiểu gì vậy? Tôi chưa thấy một quán nào ở New York mà lại không có ti vi bao giờ. Thế thì ở đây thiên hạ coi cái gì?"

"Chúng tôi chỉ có máy hát thôi".

Chàng kia nói "Ờ, thì cũng được. Nếu ông chỉ có thế. Ông muốn nghe cái gì nào?"

"Xin cứ tự nhiên".

Chàng kia chăm chú xem tên các đĩa hát, rồi nói, "Nghe Benny Goodman chơi Jingle Bells nhé?"

Người bồi rượu nói "Tuỳ ông".

"Được" chàng kia vừa nói vừa bỏ một đồng xu vào máy. "Jingle Bells đây".

máy bắt đầu hát trong khi chàng kia lại nới quây và người bồi rót thêm một ly nhãn đỏ lạnh nữa. Nhạc dạo đầu vnghe một lát, chàng kia nói "Đây là cái gì đấy chứ đâu phải Jingle Bells?"

"Ông ấn sai số rồi".

Chàng kia nói một cách thích thú "Ờ, không sao. Không sao cả. Vả lại cũng không phải là bài dở".

Thằng nhỏ lại vào nữa nhưng máy hát ồn quá, người bồi không thể bảo nó đi ra mà không phải la lên, nên ông lò dò lại phía thằng nhỏ và dẫn nó ra chỗ đợi ngoài đường.

Donald Efau nói "Bố cháu đâu?"

"Bố mày trở lại ngay mà. Cứ đứng ngoài này đi".

thằng nhỏ đứng cho đến hai giờ rưỡi, đến khi tuyết bắt đầu rơi. Người bồi chọn đúng lúc thích hợp để ra đem thằng nhỏ vào. Ông bắt đầu đi đi lại lại xuống bếp kiểm cho thằng nhỏ cái gì để ăn. Thằng nhỏ ngồi chồm hồm trên một cái hộp, sau quầy, không ai thấy và ăn đồ ăn trên một cái hộp khác.

Ăn xong, thằng nhỏ thiu thiu ngủ, nên người bồi rượu dọn cho nó một chỗ để nằm dài trên vài thùng bia không, dùng áo khoác của ông để làm nệm và ba cái yếm cũ trong xác đựng đồ giặt ủi và cái áo đi phố để đắp.

Ông và thằng nhỏ chẳng nói lấy một lời từ lúc ông đem nó vào, và bây giờ nằm dài ra, sắp sửa ngủ thiếp đi, thằng nhỏ hầu như vừa cười vừa mếu.

Những khách uống buổi sáng đều về hết, kể cả Algayler và cái bà rằng giả dất theo con chó phốc, và cuộc buôn bán lại một lần thay đổi phiên trực trong khi thằng nhỏ đang đuổi theo những giấc mơ.

Khi thằng nhỏ thức dậy thì đã năm giờ kém mười lăm. Lát sau nó sực nhớ ra người bồi, nhưng lại cũng không nói gì. Nó nhồm dậy, như thể đang ở trên giường nhà nó vậy, và rồi sau khi tan mộng với đôi mắt mở lớn trong mười phút, nó bước xuống.

Bấy giờ bên ngoài trời tối đen và tuyết rơi như một cơn bão. Thằng bé ngấm tuyết đã đời rồi quay lại nhìn lên người bồi.

Nó nói "Bố cháu có trở lại không?"

Người bồi rượu nói "Chưa".

Ông quỳ xuống để nói với thằng nhỏ.

"Năm phút nữa là tao xong việc nếu mày có thể chỉ được nhà mày tkhi mày thấy, tao sẽ cố đưa mày về nhà".

"Bố cháu không trở lại thật sao?"

"Không. Có lẽ bố mày quên bég là để mày ở đâu rồi".

"Bố cháu để cháu ở đây" thằng nhỏ nói như thể đây là điều không thể nào quên được. "Ngay đằng trước".

"Tao biết".

Người bồi rượu phiên tối mặc áo choàng trắng vào, từ trong bếp đi ra và để ý thấy thằng nhỏ ngay.

"Đứa nhỏ nào đây John? Con của anh đấy hả?"

"Ừ" Người bồi rượu ừ hử cho qua chuyện vì ông không muốn người kia biết chuyện gì đã xảy ra.

"Nó lấy cái áo đâu ra vậy?"

Thằng nhỏ nhăn mặt nhìn xuống sàn.

Người bồi rượu nói "Một trong mấy cái áo cũ của tôi ấy mà. Dĩ nhiên nó có áo của nó, nhưng đây là cái nó thích mặc nhất".

Thằng nhỏ bỗng nhiên ngược nhìn người bồi rượu, kinh ngạc.

Người bồi rượu phiên tối nói "Ừ, con nít nó vậy đấy, John. Ưa làm người lớn như bố".

Người kia phụ họa "Đúng vậy".

Ông cởi áo trắng ra rồi mặc áo đi phố, áo choàng vào và nắm lấy tay thằng nhỏ.

Ông nói "Về nhé". Người bồi rượu phiên tối ời ông và nhìn theo hai chiếc bóng bước lần ra đường phố.

Họ đi với nhau trong im lặng qua ba ngã tư rồi bước vào tiệm kem, ngồi ở quầy.

"Sô cô la hay va ni?"

"Cháu không biết".

"Một sô cô la, một kem sô đa va ni".

Người bồi rượu nói với người bán, và khi thức uống được đặt trên quầy, người bồi rượu ăn cái va ni. Thằng nhỏ ăn sô cô la, rồi cả hai lại bước ra ngoài mưa tuyết.

"Nào, bây giờ thử nhớ xem mày ở lối nào. Nhớ được không?"

"Cháu không biết lối nào cả".

Người bồi rượu đứng dưới tuyết, cố nghĩ xem phải làm gì nhưng rồi cũng chẳng đi đến đâu cả.

Cuối cùng ông nói "Này, cháu nghĩ cháu có thể ngủ đêm nay ở nhà bác với mấy đứa nhỏ được không? Bác có hai thằng và một con gái nhỏ. Bác sẽ sắp chỗ cho cháu ngủ, mai bố cháu sẽ đến đón cháu".

"Bố cháu có chắc sẽ đến không?"

"Chắc chắn đến chứ?"

họ đi dưới tuyết, lặng lẽ, rồi ông nghe thằng nhỏ khóc rầm rức. Ông không cố an ủi vì ông biết chẳng thể nào giúp nó hơn. Tuy nhiên thằng nhỏ không đến nỗi mất bình tĩnh, nó chỉ khóc nho nhỏ và đi bên người bạn già. Nó có nghe nói về những kẻ lạ, về kẻ thù hung dữ và nó tin rằng họ là một thứ với nhau, nhưng đây là một người nó chưa từng gặp và cũng không thể nghi ngại là kẻ thù. Dù sao đi nữa, thiếu vắng ông bố cái kính của nó thì quả là cô đơn dễ sợ.

họ bắt đầu bước lên một vài bậc thềm phủ đầy tuyết và ông bạn thằng nhỏ nói "Bác ở đây này. Chúng mình sẽ ăn một chút gì nóng rồi cháu có thể đi ngủ đến sáng mai, cho đến khi bố cháu đến đón cháu".

Thằng nhỏ hỏi "Khi nào bố cháu đến?"

Ông bạn già đáp "Sáng mai".

Khi họ bước vào, ánh đèn của căn nhà phủ chụp xuống, người bồi rượu thấy thằng nhỏ hết khóc, và có lẽ sẽ thôi khóc cho đến hết quãng đời còn lại của nó.

Chương 27

NGƯỜI KHÁCH TRONG KHO CHỨA DƯƠNG CẦM

Đây là một truyện mà tôi có thể nói ngay là, trong đó có một cái gì hàm chứa đến nỗi không tài nào thuật lại được. Đó là truyện về những con người cô đơn, "Những kẻ ngoại cuộc" như ta thường gọi họ vậy, nhưng "những kẻ trong cũi" cũng có thể mô tả họ không kém. Cái gì xảy ra và xảy ra như thế nào thì thật là bí ẩn, nhưng tôi không chắc là truyện không bị làm méo mó bởi cái nhiệt thành của một người Armenia thường có, thấy và cảm biết về những sinh thể cô đơn, nên hẳn phải tránh không để cái nồng nhiệt đó vào văn cách của mình vì, hình như nó bị các nhà phê bình nghiêm nghị cho là tình cảm quá đáng.

Tôi làm việc trong một nhà kho của hãng Sligo, Baylie ở đường Bryant, ngay dưới khúc quanh đường Freemont phía dốc cầu Bay Bridge ở san Francisco. Kho là một dãy nhà dài, bề rộng bằng một nửa. Kho chứa đầy những dương cầm.

Sligo, Baylie là một tiệm nhạc xưa ở San Francisco, nằm ở góc đại lộ Grant và đường Geary, cách nhà kho khoảng hai dặm. ệm đã hoạt động được một trăm mười một năm rồi. Công ty đặt tại toà nhà sáu tầng, buôn bán những gì thuộc về âm nhạc, cũng như những đồ gia dụng chẳng hạn các tủ hoặc hộp đông lạnh, các bếp lò hay cả dụng cụ thể thao cùng các thứ khác. Tôi chưa từng gặp Lucander Sligo II, sở hữu chủ và quản trị việc kinh doanh.

Lucander Sligo I sáng lập công ty này cùng với Elton Baylie. Công việc chỉ chuyên về buôn bán dương cầm trong nhiều năm. Baylie không có con trai, nhưng con gái ông là cô Eltonia gia nhập công ty. Baylie muốn cô lấy con trai của Lucander nhưng Eltonia lại phải lòng một người tên là Spezzafly thuở cô bốn mươi tuổi, và anh

này trẻ hơn cô đến mười hay mười một tuổi gì đó. Chồng của Eltonia không quan tâm đến dương cầm, anh chỉ quan tâm đến Eltonia. Và cũng chẳng quan tâm gì đến thằng con. Anh bỏ Eltonia trước khi đứa bé chào đời.

Nhân viên ở nhà kho Sligo, Baylie gồm có con trai của Eltonia, Oliver Morgan Spezzafly, giờ đã sáu mươi chín tuổi, và tôi, Ashland Clewpor hai mươi bốn.

Tôi đã làm việc ở nhà kho một năm rưỡi rồi.

Khởi đầu là xin việc ở phòng nhân viên công ty Sligo, Baylie trên tầng sáu. Cô gái làm việc ở đó rất cảm kích hoàn cảnh của tôi, nhưng nàng lầy làm tiếc là không có chỗ thuận lợi.

Nàng nói, Trừ phi anh chịu làm việc ở nhà kho.

Việc gì vậy?

Nàng bèn nói cho tôi biết về ông Spezzafly. Rằng đã hơn hai mươi năm nay chưa ai từng làm việc cho ông ta được hơn một tháng.

Tại sao vậy?

Nàng cố hết sức dụ dằng cho tôi biết rằng O.M. Nàng gọi ông ta như vậy, dĩ nhiên đáng được một chức vụ quan trọng trong hãng, với một chỉ số lương năm ưu đãi, nhưng hai mươi lăm năm trước đây cũng tuyệt đối cần thiết phải bổ nhiệm ông làm giám đốc nhà kho – hoặc, nói một cách trắng trợn là, tổng khứ ông đi.

Nàng nói, làm giám đốc nhà kho, O. M. đòi hỏi một ban nhân viên điều hành, và Lucander Sligo II đã quyết định cho O.M. có một thư ký, một kế toán viên, một người gác đàn và một người chuyên lo về dương cầm biết lên dây và sửa chữa dương cầm. Tuy nhiên, chỉ một tuần sau người thư ký xin thôi việc, và những nhân viên khác cũng cáo lui trong vòng một tháng. Dần dà O.M. đâm ra có cái ý nghĩ là chỉ có ban-nhân-viên-một-người mà thôi.

Tôi hỏi, Việc đó lương lậu ra sao?

Mới đầu thì sáu mươi lăm đô một tuần. Tuy nhiên mỗi tháng được lên lương năm đô.

Trong bao lâu?

Bao lâu anh còn làm việc.

Giả sử như tôi làm ba năm?

Mỗi tháng anh vẫn cứ được lên lương năm đô.

Phận sự tôi phải làm những gì?

O.M. sẽ nói cho anh biết.

Cô có thể gợi ý cho tôi là việc ấy nó sự thể ra làm sao, được không?

Cô gái nói, Tôi e rằng không. Tôi chỉ biết anh phải có mặt ở nhà kho tám tiếng một ngày, từ thứ hai đến thứ sáu. E rằng tôi chẳng thể khuyến khích anh nhận việc đó chút nào.

Nửa giờ sau tôi đã có mặt ở nhà kho, gõ cánh cửa trước. Tôi gõ vì cửa khoá. Và rồi tôi nghe những bước chân nhẹ và nhanh, cửa bật mở. Tôi thấy một người cao lớn, mặc bộ đồ chỉnh tề màu sẫm. Tôi tự giới thiệu và ông ta mời tôi vào văn phòng.

Văn phòng ông Spezzafly rộng và trang trí rất đẹp. Bàn giấy lớn và đắt tiền. ghế bọc da màu đen. Sau lưng là một bức chân dung lớn của ông ngoại Elton Baylie bằng sơn dầu và cạnh đó là chân dung mẹ ông, bà Eltonia.

Cuộc hội kiến ngắn ngủi, mặc dù ông Spezzafly có xem qua cái mẫu đơn tôi điền tại phòng nhân viên.

Ashland Clewpor?

Dạ vâng.

Để tôi chỉ văn phòng của cậu, cậu Clewpor.

Chúng tôi đi qua đủ loại dương cầm, đến tận cùng hàng kia của nhà kho nơi có hàng rào xây quanh một khu vực nhỏ. Rào cách mặt đất khoảng bảy tấc và cao một thước rưỡi. chúng tôi vượt qua hai cánh cửa xoay, trước mắt hiện ra một khoảng trống, chả có gì ngoài một bàn giấy đơn giản phẳng mặt và một cái ghế sơ sài không đánh véc ni. Trên bàn gọn lỏn một máy điện thoại, chả có gì khác.

Ngồi xuống đi, cậu Clewpor.

Tôi ậm ừ ngồi xuống.

Tốt lắm, ông Spezzafly nói, rồi bỏ đi.

Tôi ngồi một mình bất động khoảng mười phút, đoạn lồi tất cả các ngăn kéo ra và thấy tất thảy sáu cái đều trống rỗng. Cả văn phòng chỉ vồn vẹn một cái bàn, một cái ghế và được bao quanh bởi một hàng rào.

Vào lúc năm giờ thiếu mười lăm, tôi quyết định dùng điện thoại, để làm một cái gì hơn là chỉ để nói chuyện với một người. Tôi nghĩ, chắc phải gọi Newbegin và hỏi xem họ có thể giới thiệu cho một cuốn sách hay về dương cầm được không. Tôi bắt đầu quay số gọi trạm liên lạc để xin số, nhưng trong khi đang quay số thì tôi nghe có tiếng ai đó nói.

Gì cơ? Đó là giọng ông Spezzafly.

Tôi nói, Tôi nghĩ là tôi nên điện thoại đến hiệu Newbegin hỏi thử xem họ có cuốn sách hay nói về dương cầm không.

O.M. Spezzafly đây.

Vâng ạ.

Ai gọi đây?

Tôi nói, Chắc điện thoại hấn lại làm sao ấy rồi, ông Spezzafly ạ. Tôi Ashland Clewpor đây mà.

Cái gì vậy cậu Clewpor.

Tôi đang thắc mắc là không biết có nên gọi điện thoại cho Newbegin không.

Newbegin là cái gì vậy?

Dạ đó là một tiệm sách ạ.

Ông Spezzafly nói, Tôi sẽ gọi lại cho cậu sau.

Và tôi nghĩ là ý ông muốn nói chỉ trong vài phút nữa thôi, nhưng phải đến hôm thứ sáu, lúc năm giờ kém năm. Ông nói, cậu Clewpor, lát nữa trước khi ra về hãy ghé lại bàn giấy tôi lấy ngân phiếu của cậu.

Vâng ạ.

Tám ngân phiếu nằm trong chiếc đĩa xanh, chắc hẳn để thay thế chiếc gạt tàn. Ông Spezzafly nói, Cậu sẽ thấy tám ngân phiếu ở đó mỗi thứ sáu.

Dạ vâng. Cảm ơn ông.

Tôi lấy ngân phiếu và gấp lại, dành một chút thời gian để xem ông ta còn muốn chỉ bảo gì thêm, nhưng ông chỉ nói, Hay lắm, gấp lại như vậy thật ngộ.

Tôi cố đợi một chốc, hy vọng ông sẽ nói đôi chút về những gì tôi có ý mong mỗi trong tuần tới, nhưng ông vẫn im như thóc. Tôi lẳng lặng thoát êm.

Sáng thứ bảy tôi ghé phòng nhân viên của hãng Sligo, Baylie, và cô gái ở đó giương mắt hỏi, Sao?

Tôi nói, Tôi đang thắc mắc ghê lắm và chẳng hay cô có thể vui lòng bật mí đôi chút về ngài Spezzafly được không?

Anh không đến để xin thôi việc đấy chứ?

Không, tôi nghĩ là chả cần phải thôi việc.

Cả tuần anh làm những gì nào?

Chả làm gì ráo.

Ông ấy làm gì?

Tôi đâu biết.

Anh có thấy ông ấy kỳ cục không?

Trông thì cũng d quá có gì là kỳ.

Vậy ra anh định ở lại thiệt hả?

Ở đây có chỗ nào đỡ hơn không?

C nói, Ái chà, nếu thành thật hết cỡ thì cũng có, nhưng lại ở khu bếp lò, và chả có vụ lên lương lên hưởng gì ráo, ít nhất cũng một hai năm. Anh có thích diện kiến ông sếp hoả đầu quân ấy không?

Tôi nói, Chậc chậc! Tính ra nếu như tôi cứ làm việc với ông Spezzfly trong một năm, tôi sẽ có số lương một trăm hai mươi lăm đô một tuần, phải không nào?

Cô gái đáp, Đúng vậy thôi.

Thế cũng khá đấy chứ?

Vâng, khá quá đi chứ.

Tôi lại chưa có vợ.

Vâng, hôm đọc đơn xin việc của anh, tôi biết anh chưa lập gia đình.

Thế thì sau một năm làm việc với ông Spezzafly nếu tôi xin hỏi cô làm vợ, cô tính sao đây?

Cô gái nói, Tôi có chồng rồi. Cô hỏi lại, Anh có muốn gặp ông sếp hoá đầu quân không?

Tôi nói, Thôi khỏi. Cô có vui lòng cho tôi biết chút ít về ông Spezzafly không nào? Tôi muốn nói, phận sự của tôi là phải làm những gì?

Cô gái nói, Á à, nếu như anh nhất quyết ở lại với ông Spezzafly một tuần nữa, sao không để đến sáng thứ hai rồi hẵng hỏi ông ấy?

Ông Spezzafly đang đứng trước cửa văn phòng của ông lúc tám giờ sáng thứ hai. Ông nói, Tôi thích đúng giờ đúng giấc. Bây giờ là tám giờ kém một phút. Lẽ ra tôi phải có mặt ở đây lúc tám giờ thiếu mười, nhưng cậu có mặt ở đây lúc tám giờ thiếu một thì cũng chưa đến nỗi nào.

Vâng ạ.

Tôi cũng ư cái vẻ bề ngoài đàng hoàng. Một người đi làm vào sáng thứ hai trông khỏe khoắn là một người sẽ có vẻ khỏe khoắn cả tuần.

Thưa ông Spezzafly, phận sự của tôi là phải làm gì?

Ông Spezzafly nói, Ngày cậu, công việc của cậu đang đợi cậu trong văn phòng của cậu đấy.

Ông gật đầu chào lễ độ rồi quay vào văn phòng của mình. Tôi đi qua những chiếc dương cầm vào văn phòng của tôi, như đi qua những sinh linh huyền ảo và sang cả kỳ diệu nhất thế gian. Tôi mong được trông thấy một mớ giấy tờ các thứ trên bàn nhưng chả có lấy một mảnh nhỏ. Tôi ngồi bệt xuống và cố đoán xem nàng đã lấy ai, nhưng đành chịu. Một cô gái có chồng là đã có chồng rồi, chỉ vậy thôi.

Tuần thứ nhì trôi qua cũng y như tuần thứ nhất, chiều thứ sáu lúc năm giờ, tôi lấy tám ngân phiếu rồi về nhà. Sáng thứ bảy tôi trở lại văn phòng nhân viên, tôi muốn gặp nàng lần nữa.

Nàng nói, Có một chỗ ở khu tử lạnh. Anh có muốn gặp ông giám đốc khu tử lạnh không?

Ông là ai vậy?

Ông Stavros.

Lương hưởng khá không?

Sáu mươi lăm đô, nhưng không hứa hẹn gì cả. anh làm việc ở nhà kho không sướng sao?

Tôi không biết mình đang làm gì đây.

Ừ, thì cứ tà tà như thế.

Tôi dọn một con đường băng qua những chiếc dương cầm.

Ông Spezzaflly có tỏ vẻ hoan hỉ không?

Chả nói năng gì cả.

Ông có đi con đường đó không?

Không, nhưng cái hôm tôi dọn con đường, ông có gọi vào lúc năm giờ kém mười lăm và bảo sau này bất cứ lúc nào trả lời điện thoại tôi phải nói "Ashland đây" xưa nay tôi vẫn nói "Alô".

Tôi tin là ông ta thích con đường anh dọn.

Ý cô muốn nói là tôi nên tiếp tục những việc đại loại như vậy?

Vâng, chắc vậy.

Tôi có phải cố bán cho được một chiếc dương cầm không?

Mà có ai hỏi mua không chứ?

Không, thế nhưng ông ta khóa cửa trước.

Hẳn rồi. Vì đó là nhà kho mà, chứ đâu phải là cửa hàng bán.

Những chiếc dương cầm đó để làm gì vậy?

Thiên hạ đổi đàn cũ lấy thứ tân kỳ hơn, và họ để những dương cầm cũ vào nhà kho, có vậy thôi.

Thế có bao giờ họ đem chúng ra không?

Dương cầm cũ bán không được chạy cho lắm.

Chúng ta có đến một trăm hai mươi ba chiếc. Tôi đếm thử.

Anh có thích sum vầy giữa những dương cầm không?

Ồ vâng, tôi thích. Thích nhất là nhìn chúng vào mỗi buổi sáng, hẳn nhiên là tôi phải thấy chúng cả ngày, nhưng tôi muốn nói là mỗi buổi sáng vào đó ta chiêm ngưỡng nó một cách đặc biệt. Tất thấy các chủng loại. À, mà cô lấy anh chàng nào vậy?

Chồng tôi là một kế toán viên ở Weels, Fargo. Khu tử lạnh đó suốt ngày cười đùa vì ông Stavros là một người có óc hài hước. Anh có muốn gặp ông ta không?

Không, nhưng nếu cô có em gái, tôi thích gặp nàng hơn.

Tôi không có em gái. Tuy nhiên, ở khu tử lạnh có ba cô khá xinh đấy. Có lẽ anh nên bỏ nhà kho quách cho xong.

Tôi chả bao giờ mong làm việc trong một nhà kho. Tham vọng của tôi vẫn luôn luôn là được nổi tiếng.

Nhiều người nghĩ rằng ông Stavros hẳn sẽ rất nổi tiếng nếu như ông ấy làm ca sĩ. Nàng nói, rồi loay hoay nguệch ngoạc vài chữ trên một mảnh giấy. Nàng gấp lại và chìa ra cho tôi.

Cái gì vậy?

Thư giới thiệu cho ông Stavros.

Cho đến bây giờ tôi vẫn chưa muốn bỏ nhà kho.

Sáng thứ hai vào lúc tám giờ kém một phút, ông Spezzafly đứng ngoài cửa văn phòng của ông.

Ông nói, Ash, nếu cậu đi ngay vào văn phòng của cậu và ngồi xuống bàn, tôi sẽ thử một việc này.

Tôi vào văn phòng và ngồi xuống bàn, chỉ mấy phút sau thì chuông điện thoại reo vo vo, và tôi nhấc ống nghe lên.

Tôi nói, Ashland đây.

Ông Spezzafly nói, Ash, tôi định để cửa trước mở chốt, người ở phía ngoài có thể mở được mà không cần đến khoá. Tôi nghĩ, mình nên thử ngay sáng nay, và có thể cả buổi chiều nữa.

Vâng ạ.

Nếu có ai vào, tôi sẽ điện cho cậu biết.

Dạ vâng.

Tuy nhiên, trong trường hợp lỡ mà tôi không để ý, thì cậu...

Ông Spezzafly ngừng lời. Tôi đợi chốc lát, đoạn nói, Gì cơ ạ?

Này Ash, ý tôi muốn nói là, khám phá xem thử họ là ai.

Vâng ạ. Nhưng tôi có phải cho ông biết không?

Tôi thấy chả cần, Ash ạ. Đây chỉ là một thử nghiệm mà.

Vâng ạ.

Suốt ngày thứ hai chẳng thấy ma nào. Sáng thứ ba lúc mười giờ rưỡi điện thoại tôi ré lên và ông Spezzafly nói, Tôi muốn cho cậu biết, Ash ạ, là tôi để cửa mở chốt nửa đó.

Vâng ạ.

Tôi đã nghĩ kỹ lại rồi. Nếu có ai vào, cậu gọi cho tôi và chỉ cần nói "Có khách trong nhà kho" là tôi hiểu ngay.

Vâng ạ "có khách trong nhà kho".

Rõ rồi nhá.

Chả có ai vào, nhưng vào lúc năm giờ kém mười lăm, tôi nghĩ mình nên gọi nói xem ông có muốn tôi bán một chiếc dương cầm không.

Khi nhắc ông nói lên, ông liền hỏi, Có khách trong nhà kho hả Ash?

Dạ không.

Mẹ kiếp!

Tôi gọi để hỏi xem ông có muốn tôi thử bán một chiếc dương cầm không.

Ông Spezzafly nói, Này Ash, ta chỉ gọi khi có khách trong nhà kho thôi.

Vâng ạ.

Cả tuần vẫn lặng như tờ. Chiều thứ sáu tôi lấy ngân phiếu và về nhà, và sáng thứ bảy tôi lại tạt qua phòng nhân viên như thường lệ, và cô gái ở đó nói, Tôi có một chỗ khá hấp dẫn để giới thiệu cho anh trong khu bán đồ thể thao. Ông Plattock cần một thanh niên trông mạnh khỏe để thao diễn máy chèo và xe đạp, làm sao cho dẻo dai là được. Anh có thích gặp ông Plattock không?

Tôi không biết.

Anh sẽ được phép ăn mặc quần áo thể thao do Sligo, Baylie cung cấp, và tôi nghĩ là anh sẽ gây được cảm tưởng tốt đẹp.

Nàng lại bắt đầu nguệch ngoạc trên miếng giấy nhỏ, nhưng tôi không nghĩ đến việc trưng bày một mái chèo hay dẻ dai trên một chiếc xe đạp, tôi đang mãi nghĩ đến việc có một người khách trong nhà kho.

Thứ hai tới, vào giờ ăn trưa, cô đến nhà kho được không?

Cô gái nói, Dĩ nhiên là được. Thế nhưng, có một lý do đặc biệt nào và tại sao tôi phải tới đó không?

Tôi nói, Thì ông Spezzafly đang thử nghiệm một cái gì. ông mở hờ cửa trước, và bất cứ ai muốn vào nhà kho từ đường Bryant cũng được, nhưng cả tuần rồi vẫn vắng teo. Tôi nghĩ, nếu có cô vào, tôi có thể điện cho ông Spezzafly hay.

Tôi hiểu.

Sau đó chúng ta có thể đi ăn ở cái tiệm gần kho hàng S.P.

Aí dạ tôi lại thường ăn trưa với chồng tôi ở một tiệm nhỏ cạnh Well, Fargo.

Cô có thể bỏ ăn trưa với ông xã một bữa thứ hai này được không?

Thế anh không muốn gặp ông Plattcock à?

Không phải vậy. Cô xem, khi tôi khởi sự một việc gì, tôi thích cô nhìn thấy nó xong xuôi trót lọt.

Ồ, bộ anh cảm thấy mình đang khởi sự một cái gì đó thiệt sao?

Vâng, đúng vậy.

Thế anh cảm thấy anh đang khởi sự cái gì vậy cà?

Tôi đã bắt đầu hiểu ông Spezzafly.

Thật sao?

Vâng, và một vài điều khác nữa.

Thế anh đã bắt đầu hiểu cái gì khác nữa chưa?

Thì sự nổi tiếng chẳng hạn. Nổi tiếng như những người khoa chiêm múa trống thì chưa phải thực sự nổi tiếng, nhưng nổi tiếng

theo kiểu ông Spezzafly mới thực sự là nổi tiếng. Và một ít người khác mà tôi biết được.

Ở Sligo, Baylie ai mà chả biết tiếng tăm ông Spezzafly đã bao năm nay. Thế còn những người khác là ai nào?

Ờ, cái cách mà cô muốn nói đó còn ác liệt hơn cả sự nổi tiếng đình đám của các nữ ca sĩ hay tài tử điện ảnh.

Chà, anh tử tế quá, nhưng cả thế giới này hiếm có ai biết đến tôi.

Đó là cái phần mà tôi bắt đầu hiểu. Cô nổi tiếng mà không cần đến lắm người tung hứng, nhưng những ai đã biết đến cô, họ...

Sao anh biết là họ biết?

Riêng tôi thì chưa, nhưng tôi biết là cô nổi tiếng, cứ thử tưởng tượng xem với những người thực sự biết cô thì sao, chẳng hạn như chồng hoặc con cô.

Tôi chưa có con.

Nhưng nếu như cô có con, hẳn chúng lại không biết cô nổi tiếng hay sao?

Vâng, tôi cho là chúng biết chứ.

Thế cô có đến nhà kho không?

Ờ, có lẽ thứ hai chưa được đâu, chắc là phải đến thứ ba hay thứ tư gì đó.

Cô sẽ thấy cửa đóng hờ, mở chốt. Văn phòng tôi ở đằng sau, phía tay phải.

Ngày thứ hai tôi lấy cơm trưa và ngồi ăn ở đường Freemont, bên dốc cầu Bay Bridge, trong khi ông Spezzafly ăn ở bàn giấy. Tôi không hiểu tại sao ông ăn sáng ւ́ch ở văn phòng. Tôi ăn ở ngoài đường vì tôi thích vừa tản bộ vừa ăn.

đường Thứ Nhất đến Bến 38, hoặc đường Bryant đến Bến 28, nhìn những chiếc tàu lênh đênh dưới đó, và suy nghĩ các thứ. Tôi nghĩ về dĩ vãng, về hiện tại và tương lai, mặc dù tôi không sao quên được dĩ vãng, những ngày sống bấp bênh và mông muội, những ngày lính tráng ở Cao Ly, rồi bị thương và nằm viện cả năm trời, và được giải ngũ năm hai mươi hai tuổi.

Tuy nhiên, phần nhiều những lúc đi bộ trong giờ ăn tôi nghĩ hoài về tương lai.

Vào lúc mười hai giờ trưa ngày thứ ba tôi không rời văn phòng, mặc dù tôi không có cơm ăn. Tôi chỉ ngồi nơi bàn, lắng nghe. Chẳng có gì để lắng nghe cả, nhưng biết đâu chẳng mấy chốc lại có thể có, và tôi sẵn sàng để nghe. Mười hai giờ mười lăm, tôi nghe cái tiếng mà mình trông đợi.

Đó là một người khách trong nhà kho tôi.

Những bước chân đến gần hơn, rồi thì hai cánh cửa tự động của văn phòng tôi bật mở. Tôi chớp lấy điện thoại.

Thưa ông Spenzzaflly, có khách trong nhà kho.

Ai vậy, Ash?

Một cô gái mặc áo xanh.

Cám ơn, Ash.

Ông Spezzaflly gác máy, tôi cũng gác máy. Và cô gái mặc áo xanh bước đến bàn tôi, chia cho tôi tờ giấy gấp. Đó là một mẫu thư giới thiệu của phòng nhân viên hãng Sligo, Baylie, trong đó viết: giới thiệu cô Stella Mayhew cho ông Ashland Clewpor. T.B.: Chúc may mắn.

Tôi đi vòng qua bàn và đưa tay ra, Stella Mayhew và tôi bắt tay.

Stella có vẻ hốt hoảng ra mặt, nhưng chính tôi cũng hốt hoảng hết sức, vì trước hết là tôi quá mong đợi người khách đầu tiên trong nhà kho, thứ nữa quả là tôi chưa từng thấy một cô gái nào khiến tôi mê thích đến như vậy.

Stella nhanh nhẹn mở xác tay và lấy thêm một lá đơn gấp. Tôi mở ra và đọc những câu trả lời mà nàng điền vào những câu hỏi in sẵn.

Tôi gắng tỏ ra một vẻ đứng đắn, nên sau khi đọc vài câu trả lời, tôi nói "Tôi hiểu". Đọc thêm vài câu nữa và tôi lại nói "Tôi hiểu".

Và rồi...rằng thì tôi ôm nàng trong tay, tôi hôn nàng. Biết lắm chứ, đây là lúc tôi nên cố tỏ ra đứng đắn hơn bao giờ hết, nhưng...tôi cứ nghĩ về dĩ vãng và tương lai như tôi vẫn hàng ngày mong ngóng nó như vậy – một căn nhà nhỏ riêng tư, cả hai đều nổi tiếng, một

thằng con trai lừng lẫy, và không lâu sau, một đứa con gái cũng không thua kém gì anh nó.

Tôi đang hôn Stella thì điện thoại reo.

Ashland đây.

Khách muốn gì vậy, Ash?

Tôi cũng không biết nữa.

Tất cả đều đâu vào đấy cả chứ?

Vâng ạ.

Ông Spezzaflly gác máy và tôi cũng gác máy.

Tôi xách ghế đến bên bàn và mời Stella Mayhew ngồi, tôi muốn nói chuyện với nàng. Nàng ngồi xuống, và tôi kể tự sự về đời mình cho nàng nghe, dĩ vãng, hiện tại và tương lai, tôi nói, Thực ra, tôi chẳng phải là một người điều khiển buôn bán hay bất cứ một việc nào đại loại như vậy, tôi chả lo cho ai được việc gì, phần mình thì có tí việc xoàng xĩnh và định giữ lấy nó, nhất là nếu có cái gì hay hay đáng kể có thể làm với số tiền kiếm được. Tôi muốn mua trả tiền mặt một căn nhà đâu đó, nhưng cũng chẳng quan tâm gì mấy, trừ phi khi tôi có được một ai đó để cùng dọn về, chung hưởng cuộc sống lứa đôi. Đó là việc duy nhất tôi có thể đề nghị và giao cho cô – nếu như mọi sự tốt đẹp. Tôi đã đ cái đơn xin việc và tôi thích tất cả các điều khoản trong đó. Và dĩ nhiên tôi có thể đến vấn an cô. Thực tình mà nói, tôi rất mừng khi cô chỉ mới đến San Francisco một tuần nay và cũng không giấu được niềm vui là cô không có ai thân thích cả - khi đã có nhau, tôi chắc việc đó cũng có một ý nghĩa gì chứ. Như thế, cô thấy có được không?

Stella Mayhew nói, Dạ vâng.

Khi tôi đang hôn nàng thì ông Spezzaflly bước vào theo lối đi mà tôi đã dọn, giữa những quần thể đàn dương cầm, ông đi như một đáng cứu rỗi, nhưng tôi không thể dừng lại được. Ông Spezzaflly đẩy hai cánh cửa tự động mở ra, và tôi nói, Thưa ông Spezzaflly, xin được giới thiệu cô Stella Mayhew.

Chào cô Mayhew.

Tôi nói, Cô Mayhew sẽ là bà Ash Clewpor trong tương lai.

Ông Spezzafly nói, Này Ash, tôi thấy tuyệt vời quá. Dẫu cậu có lòng sục khắp thế gian đi nữa cũng không sao có được một cô gái dễ thương hơn như vậy. Ông ngừng một chút để mỉm cười với Stella, và nói tiếp, Còn cô, cũng đừng hòng tìm cho ra một cậu bé nào dễ mến hơn.

Stella lễ phép, Xin cảm ơn ông.

Ông Spezzafly nói, Không có chi. Ông rời văn phòng, Stella và tôi lắng nghe bước chân của ông xa dần, về phía lối đi đến văn phòng ông.

Rồi Stella kể cho tôi nghe những gì về đời nàng, dĩ vãng, hiện tại, tương lai. Đôi khi nàng cố nén để đừng bật khóc, lúc được lúc không. và tôi cũng không sao cảm lòng cho được.

Một năm rưỡi làm việc ở hãng Sligo, Baylie – kể từ cái ngày thứ ba định mệnh với sự xuất hiện bất ngờ của người khách áo xanh trong kho chứa dương cầm – có thể nói đó là cái thời hạnh phúc nhất đời tôi, những hợp âm vui rộn luôn phát triển một cách bất ngờ và ngoạn mục, mơ hồ và vang dội. Tôi không bao giờ mong thôi việc, mặc dù tôi có bảo cô gái ở phòng nhân viên hãy ngưng việc tăng lương năm đô mỗi tháng cho tôi.

Nàng nói, Bây giờ thì chưa, có thiếu gì lúc để ngưng tăng lương. À, mà này, chứ ông Spezzafly thế nào rồi?

Nổi tiếng, vẫn luôn luôn như vậy.

Thế còn vợ anh, cô Stella thì sao?

Cũng nổi tiếng không kém, cảm ơn cô rất nhiều.

Thằng nhóc con anh?

Ài dà dà, thằng con tôi nó nổi tiếng khắp thế giới, cô ạ.

Tôi có thể giới thiệu cho anh một chỗ làm khá hấp dẫn ở khu truyền hình. Cô gái phòng nhân viên nói, nhưng cô chỉ nói cho vui thôi, vì nàng thừa biết tôi nào muốn bỏ nhà kho chứa dương cầm. Nàng còn lạ gì tính cách con người tôi, khi khởi sự một việc gì, tôi hết lòng theo đuổi và thích thấy nó xong xuôi đâu vào đấy. Bạn còn nhớ không?

Chương 28

THIÊN TÀI

Có một nơi khá nổi tiếng, đó là tiệm Izzy, thuộc đường Pacific trên đại lộ Grant ở San Francisco, nơi tôi vẫn thường đến uống bia và nhăm nháp vài thứ, vào những năm 1930, với các bạn nhà văn, các thi sĩ, họa s, điêu khắc..thỉnh thoảng có gã chủ quán Izzy to kênh, dân lai, từ thời đội mũ, ghé vào tán phét tầm phào dăm ba câu nhạt thếch, lầy lệ. Khi Robert Mc Almon, một trong những nhân vật trong "Thế Hệ Lạc Lối" của GerTrude stein ở Paris giữa những năm hai mươi, a đến số 348 đường Carl bằng tắc xi, khoảng năm 1935, để kể cho tôi nghe những chuyện về chính anh, về các tác phẩm và tạp chí của các anh xuất bản bên đó, về những hoang đường và danh tiếng của nhiều bằng hữu...Tôi đưa anh đến tiệm Izzy, vì tôi cảm biết anh hẳn sẽ tìm thấy một cái gì tựa tựa như bầu khí náo nhiệt của các hội quán ở Paris. Hát hò, ngâm nga, bịa đặt bêu riếu, háo danh, hiềm oán, tiêu diệt và chen chúc nhau từng khe hở ngọt ngọt trên văn đàn, rống tướng lên những chính kiến hẹp hòi thô lậu. Đêm nào ở Izzy cũng nhộn nhịp, nhưng đêm đó là vui hơn cả, thỉnh thoảng tôi thấy Mc Almon có vẻ ngơ ngáo và cô đơn, mãi đến gần hai giờ sáng thì anh chuồn đầu mất. Chẳng bao giờ được gặp lại, nhưng tôi nhớ hầu hết những gì anh kể cho nghe về đời sống giữa những kiều dân Mỹ, nhất là những nghệ sĩ tha hương ở Paris, nhiều chuyện thú vị lạ lùng.

Truyện nhỏ này là một trong vài truyện về tiệm Izzy, tôi chẳng bao giờ quên tiệm đó. Izzy đã chết, và tiệm cũng không còn, nhưng mọi người đều nhớ tới anh và nhất là cái không khí ở tiệm vì nó có một cái gì liên hệ với tuổi trẻ của họ. Mà có ai trong những thiên tài thường đến tiệm Izzy thực sự hiểu? Theo tôi, thì chẳng mấy ai, trừ những người sau đây là thực sự hiểu: Benjamino Bufano, một trong những điêu khắc gia vĩ đại thật sự của thế giới, Mathew Barnes, họa sĩ, và Herb Cane, thi sĩ.

Một đêm nọ ở Izzy, một thiên tài trẻ tuổi mặc quần nhung tiến lại gần tôi, và nói, Nghe nói ông là một nhà văn? Tôi có một chuyện có thể quay thành phim vĩ đại, có điều là tôi cần một người có kinh nghiệm văn chương viết hộ cho. Tôi muốn tự viết lắm, nhưng trước mắt phải đi làm để sinh nhai chứ, vả lại khi xong việc thì tôi mệt bỏ hơi tai rồi, không tài nào viết cho được.

Tôi đã ngà ngà say, nhưng không bao giờ quá chén và bận bịu đến nỗi không thể nghe một ông bạn đang sục sôi máu nghệ sĩ, nên tôi sốt sắng nói, Được rồi, kể tôi nghe xem nào. Nếu truyện hay tôi sẽ viết liền, và tụi mình sẽ cho Metro – Goldwyn – Mayer quay thành phim. Nào, chuyện nó ra làm sao?

Nếu bạn đã từng đăng truyện trên một tạp chí phổ biến toàn quốc, và có đi quanh quần la cà đây đó, hẳn bạn vẫn thường gặp nhiều hạng người với những chuyện có thể quay thành phim tầm cỡ. Thế giới đầy những con người với những truyện xi nê kỳ tình, tất cả hầu như không được viết ra, nhưng khổ hơn nữa là những nhà sản xuất phim ảnh lại không bao giờ được gặp những nhân vật này, thắng hoặc có gặp đi nữa thì cũng chẳng bao giờ chịu nghe họ kể, vì thế cho nên chỉ sản xuất được những loại phim cỡ trung bình hoặc hạng bét, dù có bôi trét tô màu "technicolor", hoặc giao cho những danh tài như Clark Gable, John Barrymore, Norma Shearer hay bất cứ ai tài giỏi thủ diễn đi nữa cũng không ra gì. Có phải là vì những nhà sản xuất không mấy bận tâm đến việc sáng tạo những tuyệt phẩm?

Ở Izzy, trong một đêm, người ta có thể nghe kể đến tám mươi truyện phim hay, nhưng chẳng bao giờ có một truyện nào được quay thành tác phẩm điện ảnh cả.

Tôi bảo người trẻ tuổi hãy cứ kể cho tôi nghe câu chuyện đi.

Cậu ta nói, Tôi phải nhập đề ngay từ đầu không?

ôi nói, Chẳng cần. Bắt đầu từ chỗ nào cũng được. Bắt đầu từ cuối rồi kể ngược lại cũng không sao. Nào, à nếu cậu muốn thì cậu ngồi xuống để kể cũng được.

Cậu ta nói, Cảm ơn, tôi thích đứng hơn.

Tôi nói, Cứ chậm rãi mà kể.

Cậu ta nói, Chả có nhiều nhận gì lắm. Ý chính là vậy đây. Hẳn tiếp, Tôi sẽ phải làm một cái gì. Tôi nhất định không bó thân làm một tên thư ký suốt đời. A lê hấp, xuống tàu đi Thượng Hải ngay.

Tôi hỏi, Ai vậy?

Người trẻ tuổi nói, Gã đó chứ còn ai, Clark Gable.

Tôi nói, Ồ, Clark Gable, tôi hiểu rồi. Hẳn nói hẳn sẽ làm một cái gì. Nhưng là cái gì cơ chứ?

Lên boong, y đâm sầm vào một cô gái.

Tôi trợn mắt ngạc nhiên, Một cô gái ư? Khiếp quá nhỉ?

Chính là Joan Crawford.

Tôi lấy lại bình tĩnh, À, Joan. Thế rồi sao nữa?

Họ phải lòng nhau.

Vì thế mà gã kia phải làm một cái gì?

Không vội làm ngay đâu. Từ từ, đó sẽ là hồi kết cuộc.

Tỏ ra thông suốt, tôi nói, Biết mà. Nhưng có gì đặc biệt không?

Gã kia cưới cô gái.

Tôi dậm thêm chút bận tâm, nói, Còn vấn đề tiền nong thì sao? Ai chi?

Nàng chứ ai. Rắc rối là chỗ đấy đấy.

Tôi đồng tình nói, Điên đầu. Điên cái đầu, thiệt là rắc rối hết cỡ.

Đúng, gã trai không phải là tên ma cô ma cạo gì, nên gã không chịu lấy cô gái khi khám phá ra cô nàng giàu sụ.

Tôi hỏi, Sao các cứ vậy cà?

Gã cho là gã không thể lấy một cô gái giàu có, cho dù gã yêu mê nàng ghê lắm, và họ cãi nhau chí chóe.

Tôi hoà hướn nói, Dĩ nhiên chỉ để cười vui thôi, chả có gì quan trọng.

Quan trọng lắm chứ. Cô gái giàu cần phải lấy một người trước khi tàu cập bến Thượng Hải, nếu không, nàng sẽ không được thừa hưởng mười tám triệu Mỹ kim.

Tôi hỏi, Bao nhiêu triệu?

Mười tám.

Tôi thắc mắc, Cậu cho con số đó có đủ nhiều hay không? Cho những mục đích thực tế chứ?

Thế cũng là một món tiền khảm khờ đấy.

Tôi nói, Cũng khờ. Thế rồi ngã ngũ ra sao?

Vì thực ra, cái người mà hứa hôn với cô gái là một chủ ngân hàng đứng tuổi. Lão không đẹp trai gì mấy. Nàng không muốn lấy lão, đó chính là dịp để nàng đóng trò.

Tôi thích chí kêu lên, Ủi chu choa!

Sau khi gã con trai và cô gái ì xèo cãi nhau, cô gái tuyên bố sẽ lấy lão chủ ngân hàng cốt là để điểm ngay cái yếu huyết ghen tuông của chàng si, khiến điên tiết lên mới hả.

Tôi gục gặc nói, Lại thêm một cảnh diễn có thắt gút cụp lạt dữ ta.

Đúng, vì thế ông thuyền trưởng phải cho sửa soạn một tiệc cưới trên tàu. Đây chính là chỗ giật gân, náo nhiệt. Nhiều chuyện dồn dập tiếp diễn đột ngột. Một nhóm hải tặc người Tàu bất thần xuất hiện, rồi tấn công, chiếm thuyền, và một gã Tàu đòi lấy nàng ngang xương, dĩ nhiên chả có nghi thức cưới hỏi gì ráo. Lão chủ ngân hàng cóc cần, vì lão vốn chết khiếp, nhưng chàng trai thì căm hận tên Tàu phỉ. Tên Tàu này là một thanh niên có học thức hẳn hoi, và nói thứ tiếng Anh hay hơn bất cứ ai trên tàu.

Tôi tỏ vẻ sốt ruột, Rồi sao nữa?

Tên Tàu phỉ bắt cô gái vào phòng riêng, hai người đuổi chộp nhau vòng vòng.

Tôi nói, Tệ thật.

Tên Tàu đang hung hăng rượt đuổi cô gái chạy quanh thì gã trai phá cửa xông vào. Hai trường phái võ thuật được dịp phô diễn và nện nhau ra trò. Tên Tàu đè gã trai trẻ xuống, rút dao găm ra và sắp sửa đâm đối thủ.

Tôi hỏi, Vào đâu?

Ngay tim.

Ồi chào!

Nhưng cô gái khện ngay một cái ghế lên đầu tên Tàu tặc.

Tôi thở phào, Cậu cho thể là tình yêu đấy à?

Cùng lúc ấy, thuyền trưởng nhận được điện tín, yêu cầu còng tay ngay lão chủ ngân hàng lại vì tội trộm lớn và lấy hai vợ.

Tôi thắc mắc, Chỉ hai tội vật ấy thôi à?

Và nghi ngờ sát nhân nữa. Phim kết thúc bằng cảnh chàng trai ôm hôn cô gái.

Tôi thở phào, nói, Ồ, một kết thúc mới tuyệt làm sao!

Cậu ta hỏi, Ông thấy truyện thể nào?

Tôi đáp, Hay.

Có giựt gân lắm không?

Tôi nói, Nghệt thờ. Nhất là chỗ tên Tàu rượt đuổi cô gái.

Cậu ta nói, Biết ngay là ông sẽ thích mà. Tôi thấy trước tiên ông nên viết thành sách, sau đó bán cho hãng phim.

Tôi nói, Trời, cái việc mọn đó thì có gì đâu, có điều kệt là tôi mới...bỏ viết từ hôm kia rồi.

Cậu ta hỏi, Để làm gì cơ chứ?

Tôi nói, Tôi chán ngấy. Lúc nào cũng có bấy nhiêu thôi, chán tận óc rồi.

Cậu ta nói, Chuyện này khác. Hãy nghĩ đến tên Tàu. Đông Tây chống nhau mới hấp dẫn chứ.

Tôi nói, Dẫu vậy đi nữa, tôi cũng đã bỏ viết từ hôm kia rồi. Cậu cứ viết đi.

Cậu ta nói, Ông nghĩ liệu người ta có chịu in thành sách không?

Tôi nói, Hoạ có ngu mới không in.

Cậu ấy hỏi, Tôi phải dùng thể văn nào đây?

Tôi nói, Ồi dào, đừng bận tâm về văn thể. Sau khi nghĩ kỹ rồi thì hứng thể nào cứ viết thể ấy, và đó sẽ là văn thể.

Cậu ta nói, Văn của tôi không bốc lửa cho lắm.

Tôi nói, Thì của tôi cũng vậy. Cậu chẳng nên bận tâm về việc đó. Cái đó một phần ở văn thể, một phần ở cái đặc sắc riêng biệt của cậu. Trừ phi tôi làm lẫn chứ cậu là một thiên tài đấy.

Cậu ta hơi bẽn lẽn, nói, Dạ đâu có, tôi chỉ có những ý tưởng để viết thành sách và quay thành phim, vậy thôi. Tôi quên tuốt tuốt bao nhiêu là ý tưởng để viết mấy chục cuốn sách và quay thành hàng tá phim.

Tôi nói, Viết ngay đi, đừng để chúng bay mất. Cậu đang đánh mất tiền bạc từng giây từng phút đấy.

Cậu ta hỏi, Ông có bút chì không?

Tôi nói, Chắc là không, tôi bỏ viết từ hôm kia rồi.

Cậu ta nói, Để làm gì cơ chứ?

Tôi nói, Truyện của tôi không quay thành phim được. Thỉnh thoảng tôi bán một truyện giá rẻ rề. Tôi chẳng có những ý tưởng có thể quay thành phim. Tôi nghĩ, biết đâu sau một thời gian may ra có được, nhưng đành chịu, nên tôi bỏ viết luôn.

Cậu ta nói, Tàn nhẫn quá. Tôi có khối ý tưởng để quay vô số phim.

Tôi nói, Biết chứ. Cậu chỉ có mỗi một việc là phải viết nó ra, rồi chẳng bao lâu nữa cậu sẽ nổi tiếng và giàu có.

Cậu ta hứng chí nói, Tôi kể thêm cho ông một ý nữa để quay thành phim.

Tôi gọi, Joe.

Và bồi Joe đến bàn tôi.

Tôi nói, Này Joe, một xu đây. Đi mua ngay cho tôi cây bút chì.

Joe đi tới chỗ Izzy, và Izzy nhìn quanh rồi tìm được bút chì. Một cây bút chì bé tí xíu. Joe đem đến và tôi chuyển lại cho cậu trai.

Tôi nói, Nghe đây George, cậu không được để mất thời giờ. Đây là bút chì, gọt ghiếc cẩn thận rồi đấy nhé. Cậu cầm lấy và về nhà, ghi lại ngay những ý tưởng kia ra giấy. Bất cứ giấy gì cũng được, đừng nề hà. Cậu còn nhớ không, Lincoln viết những bài diễn văn nổi tiếng của ông chỉ trên bìa một phong bì.

Cậu ta cầm bút chì, nhưng chẳng chịu đi.

Cậu nói, Có lẽ đêm nay tôi nên từ từ mà tính, rồi mai sẽ bắt đầu viết.

Tôi la hoảng lên, Không, như thế không được chút nào. cậu hãy về ngay nhà và lập tức viết khi những ý tưởng còn nóng hổi trong tâm trí cậu.

Cậu ta nói, Cũng được. Đoạn bỏ bút chì vào túi áo trong, kéo mũ sập xuống tận mắt, lằm lằm lì lì trầm trọng bước xuống cầu thang.

Tôi gọi, Ê Joe, cho ba ly bia.

Chương 29

NGƯỜI PHI LUẬT TÂN VÀ GÃ SAY

Em tôi, Henry kể cho nghe chuyện này, chính em đã chứng kiến ngay trên đường về sau khi tan sở. Tôi thích lắm, viết một mạch và sau đó thấy đăng trên tờ Story. Tôi vô cùng ngạc nhiên khi nghe ông chủ nhiệm Whit Bennett bảo rằng, bằng với truyện ngắn nỳ, tôi đã viết một bài trả lời thật tuyệt diệu thẳng vào Ernest Hemingway, nhà văn đã công kích tôi trên tờ Esquire, chẳng qua vì tình cờ tôi viết chạm đến ông trong một truyện có tựa là Bảy mươi ngàn người Assyria. Tôi bảo viết Whit Bennett là tôi không quan tâm, cũng như từ chối đề nghị của chủ nhiệm của tờ Esquire, là độ bút với Hemingway ngay trên trang báo của ông. Và đây chỉ là một truyện ngắn thuần túy, giản dị như vậy thôi, chứ không phải là một bài trả lời về một điều gì và cho bất cứ với một ai cả.

Vào những năm hai mươi, khi quản trị một chi nhánh của Ty Bưu Điện, gọi là sở U, ở đường Branman, San Francisco, tôi tuyển mộ một số tùy phái người Phi, chẳng qua chỉ vì họ mới làm được công việc khó nhọc ấy thôi, nhờ vậy tôi lại càng hiểu và mến phục họ. Và khi cậu em tôi vừa kể chuyện này ra, tôi cảm biết được giá trị của nó và không sao cưỡng lại được việc chuyển tải thành một truyện ngắn.

Gã to mồm mặc áo lông lạc đà nâu này, thật ra thì không đến nỗi tệ lắm đâu, gã say. Không dung gã cứ thấy thậm ghét cái cậu bé người Phi ăn mặc bảnh choẹ kia, gã gầm rú đuổi cậu bé chạy vòng quanh phòng đợi, bảo cậu ta trở ra, không được chen chúc giữa những người da trắng. Tất cả đang đợi để lên tàu qua vịnh đến Oakland. Nếu như gã không say thì chẳng ai hơi đâu mà để ý tới, nhưng mà thế đấy, gã làm náo động cả phòng đợi, trong khi mọi người đều có vẻ thuận tình với cậu bé người Phi, nhưng cũng không

ai muốn dấy vào gã say mà ra tay cứu nguy cho cậu bé. Cậu sợ chết khiếp.

Cậu đứng chờ vợ giữa mọi người, gã say được thể xông đến như con bò điên và nói, Tao đã chiến đấu hai mươi bốn tháng ở Pháp. Tao là dân Mỹ chính cống. Tao muốn mày xéo ngay, đi khuất mắt những người da trắng ở đây.

Cậu bé vẫn rụt rè cam chịu và lễ phép nép mình tránh gã say, luôn vội qua đám đông, không nói năng một lời nào và luôn cố tỏ ra hết sức lễ độ. Cậu vẫn tránh né và gã say vẫn lao đảo theo sau, thời gian thì trôi qua cùng cơn ghét bỏ của gã say mỗi lúc tăng lên theo và gã bắt đầu chửi thề nham nhở. i bay là những thằng ăn mặc đom đàng gồ ghề nhất San Francisco, tui bay suốt ngày sắp mặt rửa chén lau bát kiếm tiền, tui bay không có quyền chửi điện phách lỗi như vậy.

Gã chửi luôn miệng, tục tĩu đến nỗi nhiều phụ nữ phải giả như điếc để khỏi bị lọt vào tai những gì gã phun ra.

Khi cánh cửa lớn mở, cậu bé người Phi lướt nhanh trong đám đông, tránh khỏi gã say và lên tàu trước hơn ai hết. Cậu chạy trốn vào một góc, ngồi xuống giầy lát, đoạn lại đứng lên xem có còn chỗ nào khuất kín hơn không. Phía đằng cuối tàu là gã say. Cậu vẫn còn nghe gã chửi thề ong ồng. Cậu lăm lét ngó quanh để tìm một chỗ an toàn, cậu quyết định tạm lánh vào một phòng rửa mặt còn trống. Cậu đóng chặt cửa lại.

Gã say đi xiêu vẹo vào một phòng rửa mặt khác và hỏi mọi người có thấy thằng nhỏ đâu không. Mọi người im lặng. Gã tự khoe mình là một người Mỹ chính hiệu con nai vàng, đã từng chiến đấu và bị thương hai lần trong chiến tranh Âu châu hay nơi gì gì đó.

Trong phòng rửa mặt gã chửi đồng tàn canh gió lạnh, những lời lẽ hôi hám như bùn, như...rồi gã cúi xuống nheo mắt nhìn qua các khe cửa hở những phòng khác. Xin lỗi, gã nói với những người mà gã không muốn tìm, rồi gã đến phòng có cậu bé tội nghiệp đứng chết lặng trong đó, gã chửi toáng lên và đòi cậu kia phải bước ra ngoài.

Gã nói, Mày đừng hòng thoát khỏi tay tao. Mày không có quyền chiếm dụng một chỗ của người da trắng. Ra ngay không ông phá cửa.

Cậu kia nói, Đi đi.

Gã say bắt đầu nện cửa.

Rồi cũng có lúc mày phải ra con ạ. Tao đợi xem mày...

Cậu bé khốn khổ nói, Tôi có làm gì ông đâu.

Cậu thật không hiểu, tại sao chẳng có một ai trong phòng rửa mặt có chút lòng tử tế làm dịu gã say và đem gã đi chỗ khác, và rồi cậu nhận ra mọi người phút chốc đã lánh biến khỏi phòng rửa mặt. Tệ thật.

Cậu nói, Đi đi.

Gã say chửi lại và nện ầm ầm.

Sau cánh cửa, cậu bé từ bi thương đã biến thành giận dữ. Cậu bắt đầu run lên bần bật, không phải vì sợ gã cuồng kia mà là sợ chính cái giận đang sôi lên trong lòng mình. Cậu rút dao trong túi ra, và bật lưỡi sắc loang loáng. Cậu nắm con dao chặt đến nỗi các móng đâm lún sâu vào lòng bàn tay.

Cậu nói chắc nịch, Đi đi, tôi có dao đấy. Tôi hết chịu nổi và không muốn lời thôi gì nữa.

Gã say nói, Tao là một người Mỹ, hai mươi bốn tháng ngang dọc chinh chiến trên sa trường châu Âu, bị thương hai lần, một ở chân một ở đùi. Tao không việc gì phải đi đâu cả, tao sá gì phải sợ bất cứ một thằng nhãi ranh da vàng nào có dao. Thằng Phi kia, ra đi, tao là...

Cậu kia nói một cách khẩn khoản, Xin ông đừng gây sự.

Cậu còn nghe cả tiếng máy tàu rầm rập, khác nào cơn giận của cậu đang dồn lên. Cái cảm giác bị hạ nhục, bị săn đuổi vòng quanh, ngột ngạt trốn chui trốn nhủi, và giờ đây nó ứ đầy lên cái ước muốn được thông thoáng tự do, cho dù phải giết người đi nữa.

Cậu cửa, cố chạy vượt qua gã say, tay lăm lăm con dao, nhưng gã say chộp được cổ tay và hất cậu té ngược lại. Tay áo cậu rách toạc, cậu liền quay người và ấn dao vào hông gã say, cảm thấy như

lưỡi dao đang lạo xạo trúng xương sườn. Gã say kêu thét lên đoạn tóm lấy cổ họng, và cậu bé bắt đầu thọc dao lia lịa vào hông gã, như một võ sĩ quyền anh đâm móc vào bị cát vậy.

Khi gã say không còn sức để nắm cổ nữa, đổ sụp xuống sàn, cậu bé ùa chạy khỏi căn phòng, tay vẫn cầm dao, máu rỏ từng vệt, mũ cậu đầu mất, tóc tai bù xù, tay áo rách bươm.

Mọi người đều biết cậu đã làm gì, nhưng chẳng ai động đây.

Cậu bé chạy về phía trước tàu, kiếm một lối đi, rồi chạy trở lại một góc, chẳng ai dám nói với cậu, nhưng hết thầy đều biết tổng tội ác của cậu.

Không một nơi lẩn trốn, và trước khi nhân viên tàu kịp đến, cậu bỗng dừng lại và hét tướng vào đám đông.

Cậu nói, Tôi đâu có muốn đả thương ông. Tại sao các cô bác không ngăn ông lại giùm? Rượt đuổi một con người như đuổi chuột không bằng, như thế coi sao được chứ? Cô bác biết là ông say quá đi mà. Tôi không muốn đả thương ông ấy chút nào, nhưng ông không để tôi yên, ông xé áo và định bóp cổ tôi. Tôi đã nói rồi, nếu ông không tránh ra tôi sẽ giết ngay. Khổ quá, đâu phải lỗi tại tôi. Tôi phải gấp đi Oakland để thăm anh tôi đang bệnh nặng. Đòi thuở nào lại đi gây sự khi mà anh mình đang đau chứ? Tại sao các cô bác không ngăn ông ấy lại giùm cho?

Và một niềm im lặng dâng lên, đặng cả lòng.

Chương 30

CON GÁI NGƯỜI CHĂN CỪU

Bà ngoại tôi, Lucy Garoghlanian, kết hôn với Bitlis Saroyan hơn một trăm năm trước, dù bà không được học hành gì cả, nhưng là một người kể chuyện hết sức duyên dáng và hấp dẫn. Đây là một trong những truyện nhỏ có lần bà kể cho nghe. Tôi gắng viết một phần nào những truyện do bà và những huynh trưởng, những cô chú bác trong họ tộc kể cho nghe, dù vậy cho đến nay cũng không sao viết hết được, tôi cứ tiếc mãi vì sự thất tán miên viễn đó

Đó là chính kiến của bà tôi, lạy trời phù hộ cho bà, rằng tất cả mọi người đều phải lao động. Vừa rồi, tại bàn ăn, bà nói với tôi, Cháu ạ, cháu cần phải học một việc gì, làm một đồ vật gì có ích cho con người, bằng đất sét hay bằng gỗ, bằng kim loại hoặc vải vóc các thứ. Một người trẻ chẳng nên không biết đến một nghề thủ công đáng quý. Cháu làm được gì không? Một cái bàn sơ sài, một cái ghế, một cái đĩa dung dị, một tấm thảm hay một bình nước, cháu có làm được không?

Bà nói, Bà biết và nghe đâu cháu là một nhà văn, bà cũng tin và nghĩ rằng cháu hẳn là nhà văn gì đó. Chắc chắn là cháu hút đủ thứ thuốc để nặn óc sinh thành ra một cái gì, và cả nhà thôi thì mù mịt khói, nhưng dù gì đi nữa thì cháu cũng phải học tập làm một vật dụng gì xác thực, có thể dùng được, thấy và sờ chạm được.

Bà tôi kể, Có một ông vua Ba Tư, ông có một con trai, gọi là hoàng tử, và chàng trai phải lòng con gái người chăn cừu. Chàng đến trước vua cha để tâu trình, Thừa phụ vương, con yêu con gái người chăn cừu, và con xin cưới nàng làm vợ. Đức vua nói, Ta là vua và con là hoàng tử, đến khi ta băng hà thì con sẽ nối ngôi lên làm vua, vậy thử hỏi làm sao con có thể đi lấy con gái của cả chăn cừu cho được? Người con nói, Thừa phụ vương, điều đó con chưa

nghĩ đến nhưng con biết rõ là con yêu cô gái này và con ước ao đón nàng về làm hoàng hậu sau này.

Ông vua cảm thấy rằng mối tình của con trai ông với cô gái là do trời định, và ông nói, Được rồi, ta sẽ trao tin đến cho nàng, rồi ông truyền sứ giả đến và hạ chỉ, Hãy đến với con gái người chăn cừu và nói rằng, con trai ta yêu nàng và sẽ cưới nàng về làm vợ. Vị sứ giả đến gặp cô gái và nói, Hoàng tử, con trai đức vua, yêu cô và tỏ lòng muốn lấy cô làm vợ. Và cô gái hỏi, Chứ chàng lao động việc gì? Vị sứ giả đáp, Ngài là hoàng tử, con vua, đâu cần phải lao động. Và cô gái nói, Chàng phải học một việc tay chân nào đó mới được.

Vị sứ giả trở về gặp nhà vua và đạo đạt lại ý nguyện của con gái người chăn cừu.

Nhà vua bảo con trai, Con gái người chăn cừu muốn con học một nghề thủ công nào đó. Con vẫn còn muốn cưới nàng làm vợ đấy chứ? Và chàng trai nói, vâng, con sẽ học dệt thảm rơm. Và chàng được dạy học dệt thảm rơm, theo mẫu và màu vẽ trang trí có sẵn. Ba ngày sau chàng dệt được một tấm thảm rơm tuyệt đẹp, và vị sứ giả trở lại nhà cô con gái người chăn cừu, và nói, Những thảm rơm này là công trình lao động của hoàng tử đấy.

Và cô gái theo sứ giả về cung vua, nàng trở thành vợ của hoàng tử.

Bà tôi kể tiếp, Một hôm, hoàng tử tản bộ qua các đường phố Baghdad, tình cờ thấy một tiệm ăn sạch sẽ và tươi tắn xinh đẹp, nên chàng vào tiệm và ngồi xuống bàn.

Chỗ này, bà tôi nói, là sào huyệt của bọn cướp cửa giết người, và chúng liền ra tay bắt cóc hoàng tử, nhốt vào ngục tối cùng với nhiều danh gia vọng tộc trong thành phố, bọn chúng giết những người béo mập, lấy thịt nuôi những người gầy yếu, và coi đây như một trò giải trí ưa thích nhất. Hoàng tử thuộc tạng người gầy, và vì không biết chàng là con vua Ba Tư, nên chúng chỉ nhốt mà không hành hạ gì chàng. Chàng nói với bọn sát nhân, Tôi là thợ dệt thảm rơm, thảm tôi làm được giá lắm. Vậy là chúng đem rơm cùng các thứ đến và bảo chàng làm việc. Chỉ trong ba ngày, cho chàng dệt được ba tấm, và chàng nói, Hãy đem những tấm thảm này đến cung vua Ba Tư,

nhà vua sẽ trả cho các ông mỗi tấm một trăm đồng tiền vàng. Thế là chúng đem thắm đến cung vua, và khi nhà vua nhìn thấy tấm thắm, ông nhận ra ngay đó là tác phẩm của con trai mình, ông bèn đem đến cho con gái người chẵn cừu, và nói, Chúng đem những tấm thắm này đến cung điện của ta, ta nhận ra ngay đó là do con trai ta làm ra, mà nó thì đang mất tích. Con gái người chẵn cừu lấy từng tấm ra xem thật kỹ, nàng thấy nơi hình vẽ, cạnh những chữ Ba Tư có một mặt hiệu riêng của chồng nàng, và nàng thuật lại cho vua cha nghe.

Bà tôi nói, Nhà vua bèn điều động binh lính đến sào huyết bọn cướp, giải thoát cho tất cả mọi người, tận diệt kẻ hung tàn, và hoàng tử được đưa an toàn về cung điện, về với vua cha, và vợ, cô con gái nhỏ của người chẵn cừu.

Khi hoàng tử bước vào cung điện gặp lại vợ hiền, chàng tự hạ mình trước nàng, và nói, Yêu dấu ơi, nhờ nàng mà ta được sống sót, vua cha rất hài lòng với con gái người chẵn cừu.

Bà tôi nói, Giờ thì cháu đã tại sao mọi người phải học lấy một nghề cao quý chưa?

Tôi nói, Cháu thấy rõ lắm bà ạ, và ngay khi kiếm được đủ tiền để mua một cái cưa, một cái búa, và một tấm ván, cháu sẽ cố hết sức để đóng một cái ghế sơ sài, một cái kệ sách hay bất cứ một cái gì khác, được vui mắt bà hơn.

Chương 31

TUYÊN NGÔN CỦA MỘT NHÀ VĂN

Đây không phải là một truyện ngắn, mà là lời bạt cho một tuyển tập truyện ngắn. Tôi để nó ở phần cuối sách vì tôi tin rằng, đó mới thực sự đúng chỗ của nó. Nó sẽ tự nói cho chính nó.

Vào ngày mười lăm tháng mười, năm 1934, cuốn sách đầu tay của tôi được ra mắt: *Chàng Tuổi Trẻ Gan D Trên Chiếc Đu Bay, Và Những Truyện Ngắn Khác*. Năm 1934, nghe có vẻ gần lắm, nhưng thực sự thì đã hai mươi năm qua rồi, giữa thời điểm tôi đang viết những dòng này. Quá nhiều những biến cố và sự kiện xảy ra trong thế cuộc và cho đời riêng tôi.

Tôi chẳng thể kiếm được một đồng nào với các công việc gì khác hơn là viết lách. Tôi viết đủ các thể loại, nào truyện ngắn, kịch, tiểu luận, điểm sách, phê bình linh tinh, thư từ riêng chung các loại, và cả viết ca khúc nữa.

Những gì tôi viết ra hoàn toàn không theo một mệnh lệnh hay ước hội nào cả, cũng không phải vì hơi hám đồng tiền nó làm cho mê muội, cho dù phần lớn những gì tôi viết ra đều kiếm được khá tiền. Nếu một ông chủ bút tỏ ra ưa thích một thể truyện ngắn nào đó mà tôi đã viết, ông có thể mua nó, nhưng nếu ông chỉ gợi ý hay đề nghị tôi viết lại một vài phần trong đó, tôi từ chối ngay. Chả ai lại đi làm như vậy bao giờ. Một vị chủ bút nọ có lần đã tự tiện xào nấu lại một bài tôi viết về Giáng Sinh, và tác giả một cuốn sách về ẩm thực mà tôi đã viết cho *Lời Tựa* miễn phí, không lấy tiền, lại còn vẽ vờ thêm thắt mấy hàng để biến tôi thành một chiến sĩ ái quốc. Tôi phản đối kịch liệt vị chủ bút lẫn tác giả sách ẩm thực kia, nhưng dĩ nhiên thì sự cũng...đã rồi!

Suốt cả thời kỳ Thế Chiến thứ hai, tôi không hề viết một loại văn tuyên giảng nào cả, mặc dù nhiều lần họ mời tôi cộng tác. Đó cũng

là điểm chính yếu khiến tôi vẫn là một nhà văn Mỹ hoàn toàn độc lập và tự do, suốt hai mươi năm nay.

Hai mươi năm, tôi coi đó như là một nửa trước của đời viết văn và xuất bản của tôi, và hai mươi năm tới đây sẽ là một nửa sau. Lúc đó vị chi tôi sáu mươi sáu tuổi, có thể là già lắm, cũng có thể là không. Hy vọng trong hai mươi năm tới, tôi sẽ sáng tạo được nhiều hơn hai mươi năm trước, cho dù tôi khởi sự với quá nhiều trắc trở. Trước tiên là tôi nợ thuế lút đầu, đến nỗi không thể san bằng con số bằng nghề viết được, trong khi còn có những trách nhiệm tinh thần, cá nhân và tài chính khác nữa.

Tôi chưa từng được trợ cấp, chưa nhận các món tiền có dính dáng đến một giải thưởng văn chương nào cả, tôi chưa từng được cấp dưỡng, và cũng không bao giờ nhận phụ cấp hoặc quyền lợi gì ráo. Một hai năm, cuốn sách đầu tay của tôi được xuất bản, bạn bè thúc giục tôi nộp đơn xin học bổng Gugenheim. Vạn bất đắc dĩ tôi phải nộp, không phải là cố tình cầu may mà là vì hoàn cảnh. Chả hạn, làm sao tôi biết tôi muốn viết gì? Có lẽ tôi không sao diễn tả ra cho được. Đơn xin bị bác, và tôi thở phào nhẹ nhõm.

Nợ nần lút đầu, và tôi hy vọng sẽ trang trải bằng nghề viết, hoặc không gì cả. Tôi không có trương mục tiết kiệm, không cổ phần, không trái phiếu, chẳng bất động sản cũng không bảo hiểm hay tiền mặt và tài sản để có thể chấp được một số tiền ích dụng chẳng hạn. Tôi chỉ có thân trần, chen vai thích cánh để sống. Tôi kể những việc đó một cách bình thường, như những sự kiện tự nhiên chứ không để gây thiện cảm. Tôi chẳng muốn thiện cảm gì cả.

Phải như bản tính của tôi thực tế một chút, thì giờ đây hẳn đã biết cái mà người ta gọi là bảo đảm tài chánh. Tôi thiết nghĩ, sự bảo đảm đó cũng chả có gì là xấu, nhưng tôi thích một sự bảo đảm khác hơn. Tôi thích nhìn nhận cái sự thật rằng tôi phải viết, và rằng tôi viết được.

Tôi phung phí phần lớn tiền tôi kiếm được bằng nghiệp văn chương, lại còn thua bạc một số vốn đáng kể. Hình như bản tính tôi là phung phí và cờ bạc. Tôi cũng cho đi một ít, có lẽ là một con số

lớn. Chẳng phải tôi không biết cái ý nghĩa của nó, hiềm ngặt một điều là mỗi khi trong túi rủng rỉnh ít tiền là tôi cảm thấy ngứa ngáy khó chịu và có một động lực bắt tôi bằng cách này hoặc cách khác phải tổng khur nó ra. Tôi nghĩ rằng tôi đã cảm nhận ra cái cần thiết của đời mình, cần thiết chỉ là một nhà văn thôi, một nhà văn viết, chứ không phải một thành công theo kiểu cách nào khác.

Cái khả năng hay động lực vơ vét tiền nong, đối với tôi hình như luôn luôn là điều rối rắm, nếu không nói là đáng tởm. Thế nhưng tôi rất nể mặt những kẻ thành thạo vơ vét, bằng những phương tiện hợp pháp, biết lao vào đúng lúc các khu vực làm tiền mới và sinh lợi, chẳng hạn như đầu tư, bất động sản, phát minh, dầu hỏa, các quặng mỏ, các kế ước chính phủ, ủng hộ kịch trường, chế tạo, và tìm kiếm thị trường... Sự khôn lanh đáng chú ý của những kẻ đó luôn luôn làm tôi thú vị, ngay cả khi kẻ bị lường gạt lại chính là....tôi. Chẳng hạn, như khi còn ở trong quân đội, giữa mùa đông tuyết giá Ohio, một ông rất giàu, còn trẻ, có nhiều khả năng làm tiền, và không ở trong quân ngũ, bay từ New York ám áp đến Ohio bằng giá để bàn cãi với tôi về các thứ loại văn chương thơ phú, về một vài chi tiết mà ông ta thấy cần sửa đổi trong một vở kịch của tôi mà ông đã lỡ ứng trước một ngàn đô. Tôi gặp ông trong giờ nghỉ, ông ta làm mất nhiều thời gian quý hiếm của tôi bằng cách thuyết giảng huyền thoại từ đầu đến cuối. Ông nói vòng vo tam quốc khiến tôi lúng túng lổ tai, rồi bỗng nhiên tôi chợt nhận ra điều ông muốn nói mà dù cho có nói mãi cũng không sao nói ra được là, ông cảm thấy vở kịch chắc sẽ không được ăn khách cho lắm, và nếu mất toi một ngàn đô thì cũng...kỳ lắm. Điều này không làm tôi ngạc nhiên. Tôi cầm tờ ngân phiếu một ngàn, đến khách sạn ông đang ở, để trên bàn và viết lại vài chữ muốn thử xem điều mình nghĩ cảm có đúng vậy không. Và quả vậy thật. Chúng tôi lại hẹn gặp nhau vào tối hôm sau. Gặp để dứt điểm và không còn trông thấy nhau nữa. Ông ta nhẹ nhõm bay về New York với tờ ngân phiếu, và chúng tôi bắt tin nhau như một thỏa thuận ngầm. Chẳng có lý do pháp lý hay đức lý gì buộc tôi phải hoàn trả lại tờ ngân phiếu. Lý do duy nhất chỉ bởi tôi không sao chịu nổi khi thấy ông quá đau khổ vì số tiền nhỏ đó, đau

khổ đến buộc ông ta phải đóng giả, đóng dở vai trò một người chỉ vì quá yêu và hết sức quan tâm đến nghệ thuật.

Tại một trong những hãng phim lớn nhất Hollywood, khi tôi khám phá ra rằng tôi bị thiệt thòi, bị lừa bịp trong một chuyện làm ăn. Tôi tìm gặp nhóm người đã dàn cảnh ra vụ lừa mị khôn ranh đó, tôi nhận ra chân tướng họ và tôi bỏ đi, lái xe một mạch về San Francisco. Vài năm sau, tôi còn được biết thêm rằng mình đã bỏ lại số lương còn thiếu theo điều khoản của bản khế ước bịp bợm đó gần mười ngàn đô la. Biết vậy, nhưng tôi chẳng bao giờ bận tâm tra xét. Hãng phim và những ông chủ hưởng lợi, vợ vét hàng triệu bạc, làm việc cần mẫn và có lợi cho chính phủ về những loại phim tầm phào rẻ rúng, thế mà sáu bảy ông điều khiển lại thấy tuyệt đối cần thiết phải hành động nhất trí với nhau để đánh lừa tác giả một truyện mà họ mong muốn ghê lắm, để nhờ đó họ tóm thâu thêm ba hay bốn triệu nữa. Tôi không hiểu họ đã dùng tiền ấy để làm gì, nhưng tôi chắc họ đã tiêu xài một cách cần mẫn và vô ích.

Trước khi có sách được xuất bản, tôi không phải là một tay uống rượu, nhưng chả mấy lúc sau, tôi khám phá ra cái minh triết của ảm chác, và tôi cho đó là một cái gì cũng đáng cứu xét lắm chứ.

Năm 1935, khi đi Âu châu lần đầu, tôi uống cũng vừa phải thôi, nhưng chín năm sau đó, cho đến khi nhập ngũ, tôi uống thả cửa, uống đều đều mỗi lần chín mươi tiếng đồng hồ.

Tuy vậy, tôi ít khi say bí tỉ. Tôi khoái cái thú uống và nói chuyện ồn ào với các bạn bè, những văn sĩ, họa sĩ, điêu khắc gia, nhà báo và đàn bà con gái mà chúng tôi quen ở San Francisco.

Chè chén với bạn tốt có thể là điều hay cho một nhà văn, nhưng xin nhà văn lưu ý cho lời cảnh báo khiêm nhượng và có lẽ thừa thãi này: đừng nốc thêm nữa khi uống đã có xu hướng chính nó trở thành mục đích, vì đó là một mục đích vô ích. Tôi tin tôi học hỏi được nhiều trong khi uống với bạn bè, cũng như hầu hết chúng ta thường nói rằng, chúng ta học hỏi được nhiều trong khi ngủ. Tuy nhiên, một giới hạn có thể nhận ra của những cái mà ta học hỏi được bằng cách uống. Uống vừa đủ cho niềm khinh khoái và cảm hứng giữa lòng nhân thế.

Trong những gì tôi đã viết ra suốt hai mươi năm qua, tôi có hối tiếc gì không?

Không gì cả. không một chữ.

Tôi viết có đủ không?

Không. Không một nhà văn nào đã viết đủ cả.

Lẽ ra, phải chăng tôi nên viết khác đi? Một cách thông minh hơn, chẳng hạn?

Không.

Trước hết, tôi luôn luôn cố gắng hết sức, theo như tôi hiểu chữ cố gắng. Thứ đến, tôi tin rằng lúc nào mình cũng thông minh.

Thế còn cái lý lẽ của một số nhà phê bình và cả độc giả cho rằng, tôi viết không thực tế và tình cảm quá, thì sao?

Chà chà, tôi cho là họ lầm. Vì với tôi, viết ra những gì có hiệu quả tôi thấy chẳng có gì là phi thực cả. Còn như việc viết lách của tôi, tôi cho là luôn luôn thực tế. Tôi cũng chẳng tin là văn cách của mình lại tình cảm quá đáng, cho dù con người là một sinh vật nhiều cảm tính.

Khi viết những dòng này, tôi đang trở về San Francisco, nơi tôi từng sống khi cuốn sách đầu tiên được xuất bản, nơi tôi rời bỏ đã sáu bảy năm trời. Tôi lái xe tận vùng Malibu để về thăm lại căn nhà trên bãi biển đang được sơn phết chỉnh trang. Tôi sẽ đến nhưng chưa vội về ngay San Francisco nhân kỷ niệm năm thứ hai mươi, ngày xuất bản cuốn sách đầu tay. Tôi tản bộ khắp các miền lân cận, nhìn lại lần nữa những nơi chốn, thôn ỏ mình đã gửi thân, 384 đường Karl, 1707 Divisadero, 2378 Sutter, 123 Natoma và các nơi tôi làm việc trước khi có truyện được đăng trên một tạp chí phổ biến khắp nước, các chỉ sở bưu điện, các hàng chợ, các khách sạn, nhà hát...tôi sung sướng lắm, cảm động và hãnh diện vì đã lui tới hay làm việc ở những nơi trên, thuở còn trai tráng.

Hôm qua tôi đi bộ qua Crystal Palace Market và thăm lại chỗ có lần tôi đẩy khoai và cà chua, gian hàng Fiore d Italia.

Tôi vào cao ốc ở Market và Six, nơi đặt văn phòng của hãng mai táng Cypress Lawn Cemetery Company. Tôi cũng có làm việc ở đó ít lâu.

Có lần, ông phó chủ tịch nói, Anh có định làm cho Cypress Lawn suốt đời không.

Tôi nói, Dạ có.

Và tôi làm việc.

Một tháng sau tôi xin thôi, nhưng làm việc ở đó cũng là một kinh nghiệm đáng giá. Tôi nhớ, tuần lễ Giáng Sinh đến và ông Phó than phiền một cách chua chát rằng, Vì không có dịch cúm nên năng suất của hãng trong tháng chạp đã giảm thấp hai mươi phần trăm so với năm ngoái.

Tôi nói, nhưng rồi mọi người sẽ bắt kịp thôi chứ?

Ông Phó nâng cặp mực kính lên trán để nhìn tôi lần nữa.

Tôi nói, Tôi là nhà văn, nhà văn chưa in sách.

Ông bảo tôi đọc vài khẩu hiệu do ông sáng tác cho công ty, chẳng hạn: Chôn cất tại đây, ngăn ngày ít tổn.

Tôi nói ông ta có năng khiếu.

Tôi đi dọc theo đường Embarcadero đến nhà kho Dodd, bên kia bến 17, nơi tôi đã từng làm việc khoảng một tháng. Lương hưởng đem được về nhà cũng chẳng bao nhiêu, công việc ở đó có phần rắc rối vì những cuộc chơi đồ xúc xắc của các phu phen bến tàu. Tôi quen với một người da đen to lớn, ông thường đứng tụ nhà cái, tên là Doughbelly. Ông dễ lòng ưu ái chăm sóc tôi. Hôm qua tôi thả bộ qua đó, và hầu như còn nghe tiếng ông già to khỏe gọi điểm cho trò chơi, và tôi nhớ như in là mỗi khi ông không thấy tôi chen vai chơi trò đen đỏ, ông đoán trúng phóc là tôi bị cháy túi, ông liền ném cho tôi mấy đồng để có thể nhập cuộc cho đỡ tủi thân. Trên một phố cận biển, dưới ánh mặt trời ấm áp mà có chút tiền ngồi đồ xúc xắc suốt thì thật là không gì tuyệt thú cho bằng.

Có lần, tôi tránh không chơi trong ba ngày, hy vọng có dư được vài đô trong hầu bao để tiêu pha những đêm cuối tuần. Doughbelly cứ dọ hỏi mọi người mãi, xem tôi có hề hấn gì không. Mấy cha có thấy thằng bé người Abyssinian đâu không?

Tôi trốn vào trong kho hàng, vừa ăn sáng uých vừa đọc Jack London.

Chính là ở số 348, đường Karl này, hai mươi năm trước cũng vào ngày 13 tháng mười này, tôi hồi hộp mở gói bưu phẩm nhà xuất bản Random gửi đến, và thấy một bản đặc biệt cuốn sách đầu tya của tôi. Thật là một giây phút kỳ diệu. Tôi xúc động đến nỗi không sao vẫn được một điều thuốc Bull Durham. Vẫn đi vẫn lại phải ba lần mới xong, và ngồi ghéch chân lên bàn, phì phà một cách hơi điên điên trong khi tôi quan sát cái phẩm vật nghệ thuật (và cũng là cái hoá phẩm phi lý) gần như không thể nào tin được. Một cuốn sách mới lạ làm sao, cái bìa sặc sỡ duyên dáng làm sao, những con chữ thơm tâm hồn kỳ ảo làm sao, cả tấm ảnh chân dung cũng mới lạ làm sao. Bây giờ ta thử ngắm và nghĩa những người đàn bà xung quanh ra sao. Vì thực ra, một nhà văn trẻ quả có viết để mong những người đàn bà đẹp vây quanh.

Nhưng than ôi, những người đàn bà vây quanh lại thường không được đẹp cho lắm. Đó là một bí mật vẫn tiếp tục làm cho tôi điên đầu. Đàn bà đẹp vây quanh những tên béo phệ, làm áp phe vật. Họ sấn tới những gã sửa sắc đẹp chỉ thích khoe mẽ về mình. Họ xum xoe quanh những tên ăn mặc bóng loáng, sống lông bông vô công rồi nghề, bỏ phí hàng giờ để tán dóc những chuyện tầm phào, nhạt nhẽo.

Đàn bà đẹp bu quanh hết thấy mọi người, trừ nhà văn.

Đàn bà mộc mạc, thông minh cũng có bu quanh nhà văn.

Nhưng không phải chỉ vì muốn có đàn bà đẹp bu quanh mà tôi vội in cuốn sách đầu tiên. Tuyệt nhiên không phải chỉ vì vậy.

Tôi cũng có ý muốn làm cách mạng văn chương Mỹ.

Vào đầu những năm ba mươi, chữ "cách mạng" được phổ cập lắm và hoàn toàn đáng kính trọng. Một cuộc thăm dò dư luận để đo lường sự thành công của tôi trong văn chương cận đại Mỹ và nếu cho rằng tác phẩm của tôi chẳng có tí ảnh hưởng gì tới nền học thuật này thì thật là bất công và sai lầm. Phiền một nỗi, phần lớn tác phẩm của tôi ảnh hưởng tới các nhà văn chưa và vẫn chưa xuất bản, và để đo lường thứ ảnh hưởng đó đòi hỏi nhiều tưởng tượng và táo bạo. Một số đã có sách xuất bản, cũng biểu hiện một xu hướng chịu ảnh hưởng trên chữ nghĩa của tôi, bằng sự bắt đầu cải

thiện hầu như lập tức và không phải chỉ nhận thấy trong thể truyện ngắn, mà ngay cả trong tiểu thuyết, kịch và trên điện ảnh nữa.

Việc viết lách của tôi có cái gì khả dĩ có lợi ích cho văn chương, nói chung?

Tự do.

Tôi nghĩ là tôi đã chứng tỏ nếu ta có một nhà văn, có tác phẩm, và chính nhà văn quan trọng hơn tác phẩm của hắn nhiều – trừ phi khi hắn ta tự bỏ ngang, hoặc là nửa đường đứt gánh, chết.

Vì vậy, nếu bạn đã là nhà văn, bạn không cần phải tự tử mỗi khi bạn viết xong một truyện ngắn, một vở kịch hay một cuốn tiểu thuyết.

Nhưng tại sao tôi lại muốn làm cách mạng văn chương Mỹ chứ?

Tôi phải cách mạng, vì tôi không thích việc đó, thế nhưng lại muốn cải thiện lộ trình trước mặt.

Và tại sao là một nhà văn tôi lại không sẵn lòng tỏ vẻ trịnh trọng? Chẳng lẽ tôi không thừa biết rằng nếu tôi không ra vẻ nghiêm nghị một chút thì các nhà phê bình lớn sẽ ngại viết về tác phẩm của mình sao? Biết quá đi chứ. Nhưng tôi không thể, chỉ vì cảm thấy chẳng trịnh trọng cả. Tôi không nên như thế chút nào, vì ra vẻ nghiêm trang chỉ là chiếc bóng biến tướng của hợm hĩnh. Một số nhà văn có bản tính trịnh trọng, nghiêm trang hay hợm hĩnh, nhưng như thế không có nghĩa là hẳn nhiên họ cũng vĩ đại, hoặc có thực tài.

Chẳng hề có chút liên hệ huyền bí nào giữa trịnh trọng và văn chương vĩ đại. Một vài nhà văn vĩ đại trịnh trọng lắm, nhưng phần đông hầu như họ chả có trịnh trọng tí nào. Họ có một cái gì khác.

Đời sống điều khiển thế gian, đời sống tự do bình thường. Những người sống vô danh kể chuyện đời họ mỗi ngày, với sự trợ giúp của những nhà văn chuyên nghiệp hay tài tử, nhưng người kể chuyện vĩ đại nhất của tất cả chúng ta là thời gian và sự biến dịch, hoặc là sự chết. Nhưng chết chưa phải là tận vong cũng không phải là kẻ thù của chúng ta. Nó là quà tặng quý báu cho chúng ta sau khi chào đời, và là bạn tốt nhất của chúng ta, sau chân lý.

Tôi trở lại San Francisco vào dịp kỷ niệm lần sinh nhật thứ hai mươi, ngày xuất bản cuốn sách đầu tiên của mình – bắt đầu đời sống nhà văn, là một sức mạnh trong sinh hoạt, như một đại diện được bầu lên từ cái ngã- vô-danh của tôi, cũng như của tất cả những người khác mà nguyện vọng của họ tương tự với nguyện vọng của tôi – sống một cách sáng tạo, sống một cách vẻ vang, tận lòng tận sức mà không phải mưu hại ai, hân thưởng thân phận con người, không sợ chết cũng chẳng sợ bất tử, yêu mến những kẻ điên dại và thất bại hơn cả những người khôn ngoan và bậc thánh nhân, chẳng qua những hạng người trên có nhiều hơn, tin tưởng, hy vọng, làm lụng, và sinh hoạt như thế một cách trào lộng.

Chấp nhận, chứ không nói lời phủ nhận.

Tôi có lời khuyên gì đối với các nhà văn mầm non?

Chả có gì cả, vì thực ra chẳng có ai là mầm non hay mầm già, nhà văn là nhà văn, không cần khuyên răn và cũng chẳng phải kiếm lời khuyên răn làm gì.

Thế còn những giờ dạy viết văn ở trung và đại học thì sao?

Vô bổ, hoàn toàn vô bổ.

Nhà văn là một kẻ vô chính phủ trên phương diện tâm linh cũng như tận sâu thẳm linh hồn của hấn. Hấn bất mãn với mọi sự và mọi người. Nhà văn là bạn thiết, cũng là kẻ thù thực sự và duy nhất – kẻ thù lương thiện và vĩ đại – của con người. Hấn không đi với quần chúng và cũng không a dua hô hoán với họ. Một nhà văn đúng nghĩa một nhà văn là, một kẻ nổi loạn không ngừng. Hấn không hơi đâu tuân theo một phép tắc nào. Ngay cả nghỉ ngơi và ngủ ngáy cũng vậy, chẳng giống ai. Khi chết, có lẽ hấn cũng sẽ chết như những người khác, nhưng khi còn sống hấn sống khác với mọi người, cũng không giống bất cứ một nhà văn nào. Nhà văn đúng như một nhà văn, cũng là một tên ngu nữa. Hấn là kẻ dễ bị xem thường, dễ bị chế giễu, bị bỏ rơi, và dễ bị khinh thị nhất. Điều đó cũng dễ hiểu và cũng phải vậy thôi. Nhà văn cũng hơi điên một chút, nhưng lại sáng suốt hơn ai hết, một sự sáng suốt bậc nhất, sự sáng suốt sống động, sáng tạo, can đảm, vô úy, và ngạo mạn của một con người tự do. Tự do bát ngát.

Tôi là một nhà văn đúng nghĩa một nhà văn, như tôi đã là hai mươi năm nay, và hy vọng sẽ là như vậy, hai mươi năm tới. Tôi đến đây, quyết định ở lại đây như bao người trong thiên hạ. Tôi không cần phải làm oai làm phách với ai hết. Biết và tin vậy, nhà văn chân chính phải liều liều giữ sức khỏe cho mình được thư thái, và viết tác phẩm càng lúc càng tinh vi, có khí sắc và đầy tình thương hơn.

Tôi hãnh diện về hai mươi năm qua của tôi, dù không màu mè gì lắm. Tôi hãnh diện là một nhà văn, nhà văn như đã, và tôi chẳng cần phải biết người khác hãnh diện về cái gì nữa.

HẾT.